LỜI TỰA

Cây, gạch, ngói, ciment, sắt ..... được con người dùng để xây dựng nhà cửa. Nhờ các vật liệu kiến trúc đó mà con người có nơi che mưa tránh nắng. Tự những vật dụng vô tri đó không tốt, không xấu, không lợi, không hại.

Vậy tại sao tục ngữ Việt Nam lại có câu : "Sống : cái nhà, thác : cái mồ " ? Nếu chết là hết, là không còn gì đáng nói nữa, thì cái mồ còn có công dụng và nghĩa lý quan trọng gì cho bất cứ ai, dù là kẻ sống hay người chết ? Đối với người sống, nếu cái nhà chỉ đơn thuần với công dụng che mưa nắng, chẳng có tác dụng tự phát nào đến họa –phúc, thịnh – suy, thành bại của những con người được nó che chở, đùm bọc thì chắc lời tục cũng chẳng cần đặt cái nhà vào địa vị quan yếu khi người ta còn tại tiền.

Tác dụng của cái nhà ở đây chẳng những là công năng đem lại tiện nghi, và hãnh diện cho chủ nhân của nó, những điều người ta cảm thấy được. Tác dụng ấy còn ẩn tàng nơi sâu thẳm mà dù tất cả những tiện nghi hiện có của khoa học cũng không sao thăm dò và chứng minh được. Tác dụng ấy là sự vận hành của nguyên lý âm dương, là sự sinh khắc của ngũ hành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ .Lý âm dương, là sự sinh khắc của ngũ hành :kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Lý âm dương và khí ngũ hành là những điều con người không thể nhìn thấy hay sờ mó được. Vậy quan niệm này thiên về tâm linh – DUY TÂM – chăng ?
Một số người khác đả kích quan niệm trên, cho rằng vật chất chỉ là thứ vô tri, chẳng có mảy may tác dụng tự sinh đến sự thinh suy, thành bại của con người. Đối với những người này, thế giới phi vật chất không hiện thực, chẳng đáng quan tâm, vì nó mù mờ, vô sở cứ. Quan niệm của họ thiên về vật chất – DUY VẬT- là thực tiễn, là chân xác chăng ?
Sự thật, ranh giới giữa TÂM và VẬT, nếu có cũng là do sự chia chẻ trên ngôn từ. Tự thân một vật sẽ không là gì cả nếu không có tri thức, không có TÂM, khởi dựng và đặt bày. TÂM sẽ như hư không nếu dựa vào VẬT để dấy khởi, bởi không thể lấy TÂM để dựng TÂM, vì như vậy thành ra có đến hai TÂM. Sở dĩ có TÂM là do VẬT, có VẬT là do TÂM. Trong TÂM có VẬT và ngược lại. Không thể tách rời TÂM và VẬT riêng lẻ: TÂM và VẬT không hai, không khác.
Ngày nay, khoa học cũng hiểu được rằng vạn sự , vạn vật, không có cái gì đứng đơn thuần, riêng lẻ mà tồn tại : bởi vạn hữu tương giao, tương tác và tương nhập theo cái lý "Nhất đa tương dung " (Một và nhiều dung chứa nhau, trong cái Một có cái Nhiều và trong cái Nhiều có cái Một)
Hiểu như vậy mới biết được " cả ba họ chỉ nằm trong cọng lông chân " vì cọng lông chân đó chính là sự chung đúc của cả ba họ. Cái thức giấc ấy do sự kết tụ những mẫn nhuệ và tinh anh của cả một quá trình dài lâu nay hay do sự nhận thức trong nhẫn nhục của " Lò Cừ " cuộc sống trui rèn (1). Phi hai trường hợp này, khó mà cảm nhận được cái nhất thể của vạn hữu và dễ rơi vào sự nghiêng lệch –thiên kiến, tà kiến.

(1) Lò cừ nung nấu sự đời
"Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương "
(Cung Oán Ngâm Khúc – Nguyễn Gia Thiều)

Vạn hữu phơi bày trong khoảng trời đất, nhưng vì vô tình hay vì trình độ hiểu biết mà người ta không thể nhận thức được tính chất tín hiệu và dự báo của chúng nó. Sản phẩm của nền văn minh kỹ nghệ là hàng hóa. Trong nền văn minh điện tử, tin tức là sản phẩm. Hiện nay và sắp tới, ai sở hữu trữ lượng tin tức càng lớn và có khả năng truyền đạt càng nhanh được coi như càng có nhiều quyền lực .

Khoa học hiện đại chế tác kỹ thuật truyền thông những tín hiệu, còn khoa học cổ đại của nền văn minh triết Trung Hoa từ nhiều ngàn năm về trước đã sản sinh những dụng cụ xác định tính chất dự báo của sự vật. Đó là lý Âm Dương, sự chuyển vận của Ngũ Hành, Bát Quái và Can, Chi. Nay vận dụng những nguyên lý hàm chứa trong những yếu tố đó để tìm hiểu sự an nguy, họa phúc, thịnh suy của ngôi nhà đem đến cho người trú ngụ.

Nhà của người sống gọi là DươngCơ hay Dương Trạch, vì xét theo Tám Cung của Bát Quái nên được gọi là Bát Trạch. Sách này danh đề DƯƠNG CƠ hay Dương Trạch, vì xét theo Tám cung của Bát Quái nên được gọi là Bát Trạch. Sách này danh đề Dương Cơ, không gọi là Bát Trạch, vì muốn giải trừ định kiến của những người xưa nay quen trói buộc sự khảo sát của một ngôi nhà vào mỗi cái cửa cái mở theo hướng của tám cung Bát Quái. Gọi là Chứng Giải , vì đã qua một quá trình khảo sát về nhà cửa trong thực tế để kiểm chứng những luận cứ, những định lý của các bậc tiền bối trong các sách Bát Trạch Minh Cảnh, Bát Chánh Tông, Dương Cơ, Dương Trạch, vì muốn giải trừ định kiến của những người xưa nay quen trói buộc sự khảo sát của một ngôi nhà vào mỗi cái cửa cái mở theo hướng của tám cung Bát Quái. Gọi là CHỨNG GIẢI, vì đã qua một quá trình khảo sát về nhà cửa trong thực tế kiểm chứng những luận cứ, những định lý của các bậc tiền bối trong các sách Bát Trạch Minh Cảnh, Bát Trạch Chánh Tông, Dương Cơ, Dương Trạch.....

Sách khảo sát về nhà cửa có rất nhiều, hoặc bằng Hán văn hoặc Việt Ngữ, một đời chưa đủ cơ may để đọc cho hết, huống hồ là NGHIỆM GIẢI . Luận cứ của mỗi nhà có chỗ tương đồng, có chỗ trái ngược hẳn. Những sách viết bằng Việt ngữ, trích dịch từ Hán văn, nhưng có nơi soạn giả chỉ dịch âm mà không có nguyên bổn để tra cứu, chưa kể phần dịch âm này in không rõ ràng hoặc sai sót. Mặc dầu tựu trung chỉ có tám loại nhà xếp đặt theo hướng của Bát Quái, nhưng thực tế có rất nhiều kiểu cách nhà cửa, vì hễ có vô lượng tâm thì có vô lượng pháp.

Những điều không thuận lợi nói trên cộng với những chướng ngại nơi bản thân người soạn tập sách này : trí hóa thấp thỏm lại chậm lụt, cuộc sống nhọc nhằn của một nông dân nơi biên đia đủ thứ khó khăn ,khiến mực độ khảo sát không thể sâu, phạm vi kiểm nghiệm không thể rộng, như bổn tâm mong cầu. Sự bổ cứu những điều thiếu sót, chỉ giáo những điều sai lầm không những cần thiết đối với người soạn mà còn đem lại lợi lạc cho những ai muốn có một ngôi nhà hợp với sự vận hành của thiên lý.

Sách này chú trọng vào thực hành, mục đích là giúp cho người đọc có thể tự tạo dựng cho mình một ngôi nhà đúng nguyên tắc, thuận lý của âm dương, ngũ hành, chứ chẳng phải một ngôi nhà nguy nga, đồ sộ là hữu ích. Người soạn cố viết giản dị, cố soi rọi cho được minh bạch các mấu chốt hiểm hóc. Nhưng chắc hẳn khoa này tự nó không có tính chất phổ thông trong quần chúng. Người đọc cũng cần cố công, nhất là những thế hệ cách xa chữ Hán và chữ Hán Việt.

Sách được trình bày qua năm chương :

Chương I : Chương căn bản và tổng quát về âm dương, bát quái, ngũ hành Can Chi.

Chương II : Trạch Chủ, những yếu tố liên quan đến chủ nhà.

Chương III : Các loại nhà.

Chương IV : Bếp

Chương V : Cách coi nhà.

Khác với quyển BÁT TỰ LỮ TÀI KHẢO CHỨNG, dương trạch phức tạp hơn, nên sách này đã khá dầy; do đó không có phần đề cập đến ngày, giờ, xây cất. Có dịp thuận tiện, sẽ kê chung vào quyển "COI NGÀY"

Nếu người được hạnh phúc nhờ đời sống vợ chồng được xứng ý, toại lòng, nếu nhà nhà được yên vui, phất phát nhờ ngôi gia cư thuận hợp với luật lý của vũ trụ, thì đó chẳng phải là sự thống khoái của những bực ưu thời mẫn thế nào ?

Tiết Lập Thu , năm ẤT HỢI 1995.

LỘC DÃ PHU.

CHƯƠNG I :
ÂM DƯƠNG – BÁT QUÁI NGŨ HÀNH VÀ CAN- CHI

Theo quan niệm của nền triết học Trung Hoa, vũ trụ thuở ban đầu chỉ là một bầu hổn độn : sau đó, khí dương thanh, nhẹ bay lên trên thành trời, khí âm dục, nặng lóng xuống thành đất.

Thuở ban đầu, thời kỳ hồng mông sơ khai đó, vũ trụ chỉ là một khoảng không, được biểu tượng bằng một vòng tròn trống không, chưa có vật gì, gọi là THÁI CỰC. Mặc dầu có nhiều triết gia cho rằng trên thái cực còn có VÔ CỰC, nhưng tựu trung cũng chỉ là nói lên vũ trụ còn ở giai đoạn hư không.

Sau đó, vũ trụ biến đổi, trong thái cực sinh ra hai khí :

Âm và Dương gọi là LƯỠNG NHI, gồm hai vạch : vạch liền (-) là nghi dương và vạch đứt (--) là nghi âm. Rồi lưỡng nghi sinh ra TỨ TƯỢNG.

Tứ tượng cũng chỉ là do nghi dương và nghi âm giao nhau, chồng lên nhau mà thành : tức là HÀO (nghi, vạch) dương chồng lên hào dương thành THÁI DƯƠNG (=), hào dương chồng lên hào âm thanh thành THIẾU ÂM (=), hào âm chồng lên hào âm thành THÁI ÂM ,(==) , hào âm chồng lên hào dương thành THIẾU DƯƠNG (=). Theo thuyết của Ngu Phiên và Cao Hanh thì tứ tượng là tứ thời, bốn mùa : xuân, hạ , thu, đông. Sau cùng, tứ tượng sinh ra BÁT QUÁI , tức là tám quẻ : Càn , Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly , Khôn và Đoài (còn đọc là Đoái) biểu tượng mọi sự vật trên đời.

Những ý nghĩ trên được nói trong Hệ Từ thượng của KINH DICH : "Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái " (Dịch có thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lương nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái).

Hình trang 10.

Hình trang 11.

Kinh Dịch là một kỳ thư trong thiên hạ, từ cổ chí kim, từ đông sang tây, khắp thế giới chưa có một quyển thứ hai nào như Kinh Dịch. Các sử gia , triết gia, các nhà khoa học.... khắp cùng thế giới, mỗi ngày tìm hiểu, nghiên cứu ,giảng giải một nhiều hơn mà mấy ngàn năm nay chưa ai rõ tác giả nó là ai, xuất hiện chính xác vào thời kỳ nào, vì có đến hàng chục thuyết khác nhau mà thuyết nào cũng chỉ có giá trị tương đối.

Khoa nghiên cứu về nhà cửa (Dương Cơ) nói trong sách này chỉ áp dụng một phần rất nhỏ của DỊCH LÝ . Muốn thâm cứu thấu đáo hơn, cần đọc các sách dịch, giảng về KINH DỊCH của nhà cách mạng tiền bối Phan Bội Châu, của Ngô Tất Tố, của học giả Nguyễn Hiến Lê..... hay các sách thuộc môn triết học Đông Phương của Phùng Hữu Lan, của giáo sư Nguyễn Duy Cần, hay của học giả Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê....

Bên Âu Tây, người nghiên cứu Kinh Dịch sớm nhất có lẽ là triết gia đồng thời cũng là nhà toán học lừng danh của Đức, Ông Leibniz (1646-1716). Từ năm 1834 đến nay, nhiều tác phẩm viết về Kinh Dịch đã xuất bản của J. Legge, của Wilhelm, của Z.D .Sung, của Alfred Douglas, của J.Laiver, của Jung, của Becker....

Tác phẩm mới nhất lưu hành ở Việt Nam về Chu Dịch có lẽ là của Ông Thiệu Vĩ Hoa, hiện sống tại Trung Hoa lục địa, có chân trong hội nghiên cứu Dịch Lý của Thế Giới. Ông Thiệu Vĩ Hoa áp dụng Dịch Lý vào "Khoa Dự Đoán Học" tức là khoa bói toán , theo danh từ thông dụng trong dân gian. (Nhà Xuất Bản Văn Hóa, 43 Lò Đúc – Hà Nội, 1995).

Cứ theo quan điểm được đa số chấp nhận xưa nay. Kinh Dịch ban đầu do vua Phục Hy (4477-4363 BC) [(1)] sáng tạo nhân được con Long Mã hiện lên trên sông Hoàng Hà, lưng mang một đồ hình với những đường nét đặc biệt, nhà vua hội ý được, mới vạch ra bát quái. Thời Phục Hy, Kinh Dịch ban đầu chỉ có tám quẻ, mỗi quẻ chỉ có ba vạch, gọi là quẻ đơn, không có ghi chép lời nào cả. Vì thời đó chưa có văn tự. Sau đó, thành ra tám quẻ

kép . Việc làm này gọi là trùng quái. Ai làm công việc trùng quái ấy ? – Người thì nói chính là vua Phục Hy trùng quái , kẻ nói việc đó do Châu Văn Vương làm khi bị vua Trụ giam trong ngục Dữu Lý. Cuộc biện giải đến nay vẫn chưa dứt.

Nhưng các nhà khảo cứu từ lâu đều đồng ý cho rằng Châu Văn Vương đã viết lời giải 64 quẻ, gọi là THOÁN TỬ, sau đó con trai thứ của Văn Vương là Cơ Đán, tức là Châu Công, viết thêm lời giải cho từng hào, gọi là HÀO TỪ . Có tất cả 384 hào.

Bát quái từ thời Phục Hy, hợp chung với Thoán Từ và Hào Từ vào một phần gọi là KINH. Còn những phần tháp thêm vào KINH sau này gọi là TRUYỆN, gồm 10 thiên, gọi là THẬP DỰC. Vậy câu "Dịch hữu thái cực .....tứ tượng sinh bát quái " nói trên nằm trong phần TRUYỆN, gồm 10 thiên, gọi là THẬP DỰC. Vậy câu " Dịch hữu thái cực .....tứ tượng sinh bát quái " nói trên nằm trong phần TRUYỆN, phần Thập Dực, chớ không phải thuộc phần Kinh. Dù thuộc phần nào, Dịch cũng chỉ nói đến ÂM DƯƠNG.

<u>Tiết 1 : Đặc Tính của Âm Dương.</u>

Âm dương có rất nhiều đặc tính. Nhưng ba đặc tính quan trọng nhất là tính chất tương phản, lại tương giao, tương hòa và tính chất bao quát khắp vạn vật.

1. Tính chất tương phản của âm dương :

Tính chất tương phản này của âm dương có thể tìm thấy ở khắp cùng trong sinh hoạt hằng ngày: lạnh nóng, ướt khô, đêm ngày,tối sáng, nặng nhẹ, chết sống, thấp cao, ác thiện, nữ nam, tiểu nhơn quân tử....(chữ đầu thuộc âm, chữ sau thuộc dương).

Chính nhờ sự tương phản ấy, vạn sự, vạn vật mới được vận hành. Tuy trái ngược nhau, nhưng sự trái ngược của âm dương không hòan toàn, vì trong âm có dương và trong dương có âm, trong thái âm có thiếu dương và trong thái dương có thiếu âm. (xem hình tứ tượng).

2. Tính chất tương giao, tương hòa của âm dương:

Âm dương tuy tương phản, nhưng cũng tương giao, tương hòa; dù trái ngược nhau những vẫn tìm nhau (tương cầu), hòa nhau, giao nhau, xô đẩy nhau (tương thôi), để thay thế cho nhau chớ không ngăn chặn nhau hay tiêu diệt nhau. Hiện tượng này thấy rõ ràng : ánh sáng ban ngày thay cho bóng tối ban đêm, bốn mùa tuần tự thay đổi nhau.

Hệ Từ Hạ của Kinh Dịch nói : " Nhật vãng tắc nguyệt lai, nguyệt vãng tắc nhật lai, nhật nguyệt tương thôi nhi sinh MINH yên. Hàn vãng tắc thử lai, thử vãng tắc hàn lai, hàn thử tương thôi nhi THẾ thành yên. Vãng giả khất dã, lai giả thân dã, khất thân tương cảm nhi LỢI sinh yên. (Mặt trời qua thì mặt trăng lại, mặt trăng qua thì mặt trời với mặt trăng cảm ứng nhau mà sinh ÁNH SÁNG. Lạnh qua thì nóng tới, nóng qua thì lạnh tới, nóng lạnh xô đẩy nhau mà sinh NGÀY THÁNG . Cái đã qua co lại, cái sắp tới duỗi ra, co duỗi như vậy mà sinh LỢI ÍCH).

Dương tác động gây mầm, âm nuôi dưỡng cho thành tựu (Dương sinh âm trưởng). Chỉ có dương đơn độc thì không có thể sanh, chỉ thuần có âm thì không thể trưởng

dưởng cho thành tựu được (cô dương bất sanh, thuần âm bất trưởng). Đây là một đặc tính rất quan trọng, ngoài đặc tính mâu thuẫn nói trên của âm dương, trong việc kiến tạo một ngôi nhà hợp cách.

3. Tính chất bao quát của âm dương.

Mọi sự mọi vật đều có mầm mâu thuẫn nội tại. Sở dĩ có mầm mâu thuẫn đó vì mọi vật chứa cả âm dương. Tuy trái nghịch nhau, nhưng tác dụng của âm dương không nhằm diệt nhau, mà cùng bổ túc cái bất toàn cho nhau để cùng tồn tại. Địch Lý khác với chủ thuyết của Hegel ở chỗ đó. Triết thuyết Đông Phương quan niệm : " Vạn vật phụ âm nhi bảo dương , xung khí dĩ di HÒA " (Trong vạn vật, vật nào cũng bồng âm bế dương, có đủ cả âm dương, chính nhờ cái khí xung khắc ấy mà được hòa hợp – Lão Tử , Đạo Đức Kinh, bản chú giải của Thu Giang Nguyễn Duy Cần). Ngày nay, Toán Học, Khoa Học thực nghiệm ....cũng đều đã biết rõ như vậy, khỏi cần biện giải ra đây. Trong vũ trụ, vạn vật chẳng có vật gì không tự mang trong bản thể của nó cả hai tính chất âm dương.

Sự vật phân chia ra thì có hai nguyên tố mâu thuẫn, nhưng hợp lại thì vẫn đồng nhất ; vì trở về với lý thái cực là hư không, hư không thì dung chứa được mọi sự, mọi vật. "Nhân nhân các hữu nhất thái cực, vật vật các hữu nhất thái cực"(Người hay vật gì cũng đều có một thái cực- Chu Hy).

Lý âm dương là cột trụ của Kinh Dịch, cũng tức là của Bát Quái.

Tiết 2 : BÁT QUÁI

Nội dung của sách này chưa cần biết đến việc trùng quái, tức tạo ra các quẻ kép. (Quái tức là quẻ), vì chỉ áp dụng cho các đơn quái mà thôi. Cần nắm vững, học thuộc lòng, hình tượng tám đơn quái (bát quái) để sử dụng cho nhuần nhuyễn, không những thông suốt khoa nghiên cứu về nhà cửa (Dương Trạch) mà còn lợi ích trên nhiều lĩnh vực khác, vì Dịch Lý trùm khắp từ việc trên trời, dưới đất, tới việc con người.

1. Hình tượng bát quái :

- Càn tam liên, Tây Bắc, Tuất Hợi
- Khảm trung mãn, chánh Bắc đương Tí.
- Cấn phúc uyển Đông Bắc Sửu Dần.
- Chấn ngưỡng bồn chánh Đông Dương Mẹo.
- Tốn hạ đoạn Đông Nam Thìn Tỵ .
- Ly trung hư chánh Nam đương Ngọ.
- Khôn lục đoạn Tây Nam Mùi Thân.
- Đoài Thượng khuyết chánh Tây dương Dậu.

Nghĩa là :

Càn (Kiền), ba vạch liền, ở hướng Tây Bắc, thuộc cung Tuất Hợi trên địa bàn.

Khảm, đầy ở trong, hướng Bắc, thuộc cung Tí.

Cấn, như chén úp, hướng Đông Bắc, thuộc cung Sửu, Dần.
Chấn như chậu ngửa, hướng Đông Nam, cung Thìn Tỵ.
Ly, rỗng ở trong, hướng Nam, cung Ngọ.
Khôn, sáu vạch đứt, hướng Tây Nam, cung Mùi, Thân.
Đoài, hở ở trên, hương Tây, cung Dậu.

2.Ý nghĩa của Bát Quái:

a.Đối với thiên nhiên :

Càn : trời - Càn vi thiên
Khảm : nước - Khảm vi thủy
Cấn : núi - Cấn vi sơn.
Tốn : gió - Tốn vi phong
Ly : lửa Ly vi hỏa
Chấn : sấm Chấn vi lôi
Khôn : đất Khôn vi địa
Đoài : đầm, ao Đoài vi trạch

b. Đối với những người trong gia đình :

Càn : cha Khôn : mẹ
Chấn : trưởng nam Tốn : trưởng nữ
Khảm : trung nam, thứ nam Ly: trung nữ, thứ nữ
Cấn : thiếu nam, quý nam Đoài: thiếu nữ, con gái út.

c. Đối với cơ thể con người :

Càn : đại trường (Ruột già) Tốn : gan
Khảm : thận + bàng quang Ly : tim + tiểu đường
Cấn : bao tử Khôn : tỳ, lá lách
Chấn : mật Đoài : Phế (phổi)

Ý nghĩa của bát quái nhiều đến vô cùng, không vật gì , việc gì mà không bao hàm trong bát quái. Xem mục Tượng Loại vạn vật, trang 40, sách Chu Dịch và Dự Đoán Học của Thiệu Vĩ Hoa tất rõ. Nhưng ý nghĩa của bát quái nói ở mục (a) thì gần gũi với Tiên Thiên Bát Quái, còn ở mục (b) thì mật thiết với Hậu Thiên Bát Quái hơn.

3.Tiên Thiên Bát Quái :

Từ triều đại nhà Đường, nhà Hán trở về trước, không thể chỉ danh người đề ra thuyết Tiên Thiên Bát Quái. Đến đời nhà Tống, có vị "tiên nhân" là Trần Đoàn Lão Tổ, Người khai sáng ra khoa Tử Vi Đẩu Số, truyền đạo giáo cho Mục Bá Trưởng, Bá Trưởng dạy cho Lý Đỉnh Chi, Đỉnh Chi dạy cho Thiệu Ung (1011-1077), tức Thiệu Khang Tiết, tổ

tiên 29 đời của Thiệu Vĩ Hoa ngày nay. Thiệu Tử đưa ra hình Tiên Thiên Bát Quái như hình dưới đây (hình 2) :

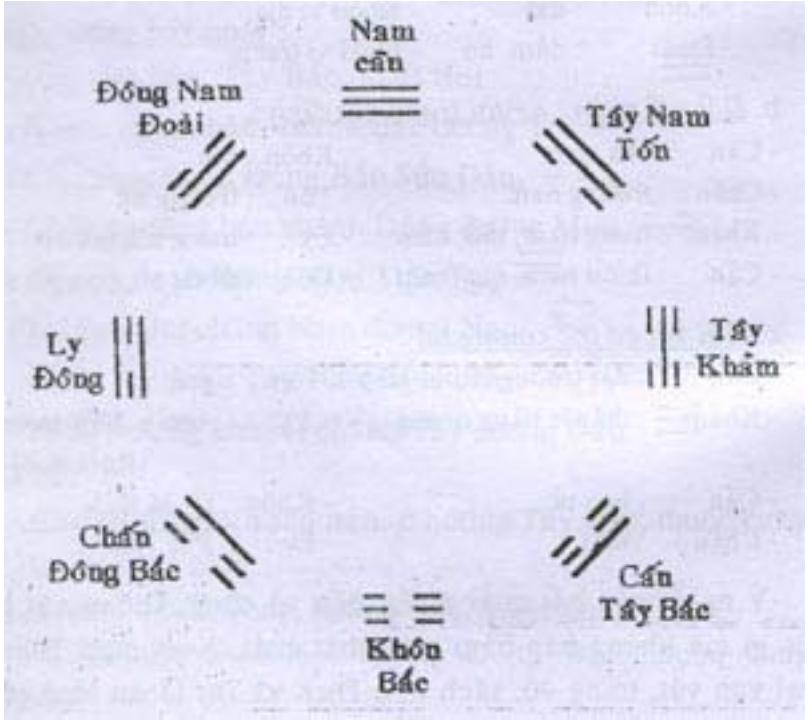

Không có gì chắc chắn hình bát quái nói trên xuất hiện vào thời vua Phục Hy vì phần Kinh của Kinh Dịch không đề cập tới. Hình trên diễn đạt ý nghĩa câu sau đây trong Thuyết Quái Truyện, mà Truyện, tức Thập Dực, được viết vào thời Chiến Quốc :

" Thiên địa định vị, Sơn Trạch thông khí, Lôi Phong tương bạc, Thủy Hỏa bất tương xạ, bát quái tương thác (Trời Đất định vị trí rồi, khí của Núi và Chằm thông với nhau, Sấm Gió nổi lên nhau, Nước và Lửa chẳng diệt nhau, tám quẻ cùng giao nhau).

Nhìn vào vị trí các quẻ, theo sự giải thích (không mấy hợp lý) thì :

_ Càn : trời , ở phương Nam, vì ở phương này nóng, thuộc hỏa.

_ Khôn : đất ở phương Bắc, vì ở đây lạnh, thuộc thủy.

_ Ly : hỏa , lửa, ở phương Đông, vì mặt trời mọc ở phương này.

_ Khảm : nước, ở phương Tây Nam, vì khí nóng ở phương Nam (Càn) gặp khí lạnh ở phương Tây (Khảm) mà sinh ra gió tại Tây Nam.

_ Tốn : gió, ở phương Tây Nam, vì khí nóng ở phương Nam(Càn) gặp khí lạnh ở phương Tây (Khảm) mà sinh ra gió tại Tây Nam.

_ Chấn : sấm sét ở Đông Bắc vì gió ở Tây Nam (Tốn) thổi qua Đông Bắc gây nên sấm sét.

_ Cấn : núi, ở Tây Bắc vì ở Tây Bắc nước Tàu có nhiều núi.

_ Đoài : ao, đầm, chằm ở Đông Nam, vì ở Đông Nam của Tàu có nhiều đầm, lầy, ao, hồ.

Phương hướng, theo quan niệm cổ Trung Hoa, khác hẳn bây giờ : Bắc ở dưới, Nam ở trên, Đông bên trái, Tây bên phải (theo hướng của người nhìn).

Ý nghĩa của từng cặp đối nhau, theo phương vị đối nhau:

Trời –Đất: : Càn –Khôn, Nam-Bắc

Nước-Lửa: Khảm –Ly, Tây –Đông

Núi –Đầm : Cấn Đoài, Tây Bắc- Đông Nam

Gió – Sấm : Tốn –Chấn , Tây Nam- Đông Bắc.

Hình tượng ở tiên thiên bát quái cũng đối nhau :

Càn ba vạch liền đối với Khôn ba vạch đứt (dương đối với âm)

Khảm vạch giữa tương đối với Ly vạch giữa âm

Chấn hai vạch ngoài âm đối với Tốn hai vạch ngoài dương.

Đoài vạch ngoài âm đối Cấn vạch ngoài dương.

Tiên thiên bát quái tuần hoàn theo hai chiều:

-Thuận (theo chiều kiem đồng hồ, từ trái sang phải):

Tốn ⟶ Khảm ⟶ Cấn ⟶ Khôn

Nghịch (ngược chiều kim đồng hồ, từ phải sang trái) : Càn → Đoài → Ly → Chấn.

(Từ đây, cần nhớ chiều thuận và chiều nghịch như trên để khỏi phải nhắc lại).

Việc đánh số thứ tự của mỗi quẻ thiên nhiên quy định như sau:

1. Càn (đọc : nhất Càn)
2. Đoài : (đọc: nhì, nhị đoài)
3. Ly (dọc : tam Ly)
4. Chấn (đọc : tứ chấn)
5. Tốn (đọc : ngũ Tốn)
6. Khảm (đọc : lục khảm)
7. Cấn (đọc : thất cấn)
8. Khôn (đọc : bát khôn)

Số thứ tự của quẻ tiên thiên khác với số thứ tự của quẻ hâu thiên.

5. Hậu thiên bát quái :

Trong Kinh Dịch không có hai tiếng Tiên Thiên và Hậu Thiên Bát Quái. Trong phần Kinh cũng không có chỗ nào nói đến việc Chu Văn Vương định lại phương vị của Bát Quái theo như hình dưới đây :

Hình 3:

(Nhìn từ trong ra ngoài)

Phương vị của Hậu Thiên Bát Quái phù hợp với Thuyết Quái truyện : "Đế xuất hồ Chấn, tề hồ Tốn , tương kiến hồ Ly, chí dịch hồ Khôn, duyệt ngôn hồ Đoài , chiến hồ Càn, lao hồ Khảm, thành ngôn hồ Cấn " (Đấng chủ tể xuất hiện ở phương

Chấn, gọn gàng ở Tốn, cùng trông thấy nhau ở Ly, làm việc ở Khôn , vui mừng nói năng ở Đoài, chiến đấu ở Càn, lao nhọc ở Khảm, hoàn thành nói ở Cấn).

Tuần tự theo như câu trong thuyết Quái truyện nói trên (Thuyết Quái truyện là phần Truyện, do người đời sau thêm vào phần Kinh), người ta thấy bắt đầu từ Chấn trước và cuối cùng là Cấn : Chấn Tốn Ly Khôn Đoài Càn Khảm Cấn, theo một chiều duy nhất là chiều thuận.

Việc đánh số trong quẻ tiên thiên theo tám cung của bát quái, còn ở hậu thiên thì đánh số từ một đến chín, gọi là **CỬU CUNG BÁT QUÁI .** Cần học thuộc lòng thứ tự cửu cung bát quái như sau:

1. Khảm (đọc : nhất khảm)
2. Khôn (đọc : nhì khôn)
3. Chấn (đọc : tam chấn)
4. Tốn (đọc : tứ tốn)
5. Trung (đọc : ngũ trung)
6. Càn (đọc : lục càn)
7. Đoài (đọc : thất đoài)
8. Cấn (đọc : bát cấn)
9. Ly (đọc : cựu

Trong cách coi nhà cửa này và trong nhiều lĩnh vực khác, chẳng hạn như coi tuổi tác vợ chồng , chỉ ứng dụng số của Cửu cung bát quái theo hậu thiên, mà không dùng số theo bát quái tiên thiên. Thiệu Ung trong khoa Dịch Số của ông. Dùng cả Tiên Thiên và Hậu Thiên Bát Quái . " Hình tiên thiên mà ngày nay ta nhìn thấy là từ hình tiên thiên của Thiệu Ung đời Tống mà ra. Còn hình hậu thiên bát quái là từ " Thuyết Quái "- người đời Tống cho là do Văn Vương tạo ra "(Thiệu Vĩ Hoa – sách đã dẫn , trang 17)

Trái lại, trong quyển "Kinh Dịch" , do Ngô Tất Tố dịch và chú giải, nơi trang 38 , viết : " Hình vẽ tiên thiên vốn của Phục Hy, không phải Khang Tiết (Thiệu Ung) chế ra " (nhà xuất bản Tp/HCM tái bản.) Việc tranh biện về Kinh Dịch đã có hàng ngàn năm nay và chắc sẽ còn kéo dài không biết đến bao giờ. Sách này chỉ chú trọng vào phần thực dụng . Vậy nên chỉ biết thêm hình thứ tự bát quái (được coi là) của Văn Vương sau đây :

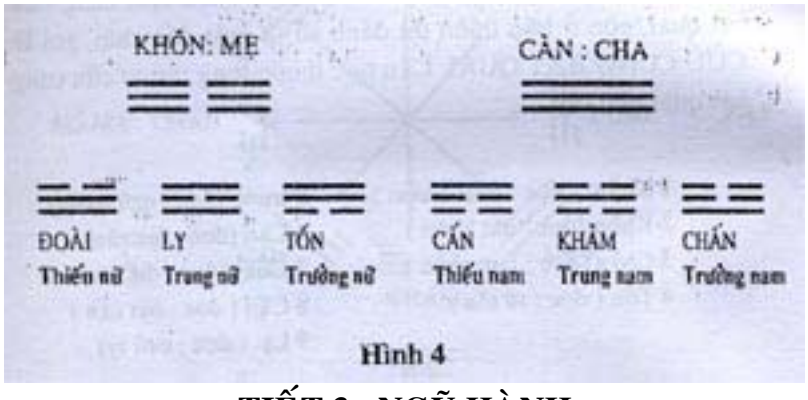

Hình 4

TIẾT 3 : NGŨ HÀNH

Không biết ai là người đầu tiên chế tác bát quái, hình thành Kinh Dịch, thì cũng chẳng ai biết đích xác tên người xướng xuất huyết ngũ hành.

Chỉ biết ngũ hành là một trong sáu pháp của thuật số cổ nhân (Đai Cương Triết Học Sử Trung Quốc , quyển thượng , trang 182 , của Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê , NXB Cảo Thơm), sáu phép ấy là :

Thiên Văn

Lịch Phổ

Ngũ Hành

Thi, qui (bói bằng cỏ thi và bằng mai rùa)

Tạp chiêm (các cách chiêm nghiệm khác)

Hình pháp (phép coi hình sắc và âm thanh, tức coi tướng)

Sách " Nghệ Văn Chí " chỉ kể sáu pháp thuật trên của cổ nhân, nhưng không nói cổ nhân vào thời nào. Chỉ thấy sách "Tả Truyện" của Tả Khâu Minh có nói lướt qua hai yếu tố của ngũ hành là thủy và hỏa : " Hạ , tứ nguyệt , Trần, tai .Trình Bì Táo viết : ngũ niên, Trần tương phục.... Trần Thủy thuộc dã : hỏa , thủy phi dã" (Vào tháng tư , mùa hạ, nước Trần bị tai họa. Trình Bì Táo nói : năm năm nữa thì nước Trần sẽ được phong lại .....Nước Trần thuộc thủy, mà hỏa thì đi cặp đôi với thủy)

1.Các yếu tố của ngũ hành :

Quan Bác Sĩ nhà Tần xưa là Phục Thắng có truyền lại quyển Kim Văn Thượng Thư Bác Sĩ là một chức quan có tư cách chính thức giảng dạy về sử sách, kinh điển, vì đời nhà Tần, ai muốn học hỏi điều gì thì phải học nơi quan lại. Ai không có tư cách chính thức mà bàn về sử kinh thì chỉ " rước họa vào thân " . Tương Thư là một quyển sách nói về các việc đời thượng cổ, gồm có :

-Ngu Thư : Sử đời Đường Ngu, thời vua Nghiêu.

-Hạ thư : sử nhà Hạ, thời vua Vũ

-Thương Thư : Sử đời nhà Thương và nhà Ân (nhà Thương từ vua Thành Thang trở đi, vào năm 1401 BC Cải quốc hiệu là Ân).

-Chu Thư : sử đời nhà Châu, trong đó có Thiên Hồng Phạm, gọi là Cửu Trù Hồng Phạm ,tức chín phạm trù lớn trong việc trị quốc.....

Tương truyền vua Vũ Nhân được Lạc Thơ do con rùa thần nổi lên trên sông Lạc, chi nhánh của sông Hoàng Hà, trên lưng nó có những vết đặc biệt, hội ý được những nét đặt biệt này, nhà vua làm ra cửu trù hồng phạm. Cửu trù hồng phạm được truyền đến Cơ Tử là chú của vua Trụ. Khi Ân Trụ bị diệt. Cơ Tử hiến cửu trù hồng phạm này cho Văn Vương của nhà Châu. Trong cửu trù hồng phạm trù thứ nhất nói về ngũ hành, theo thứ tự gồm có:

1-Thủy	2-Hỏa	3-Mộc7	4- Kim	5.Thổ
nước	lửa	gỗ	vàng	đất

Đến đời nhà Hán, thầy học của Tư Mã Thiên là Đổng Trọng Thư (190-105 BC) sắp xếp lại thứ tự của ngũ hành như sau:

MỘC HỎA THỔ KIM THỦY

Trong sách "Xuân Thu phồn lộ ", Đổng Tử cho rằng Thổ phải ở giữa vì đó là thứ tự nhiên : "Thiên hữu ngũ, hành, nhất viết Mộc, nhị viết Hỏa, Tam viết Thổ, tứ viết Kim, ngũ viết Thủy. Mộc, ngũ hành chi thủy dã : thủy ngũ hành chi mạt dã : thổ ngũ hành chi trung dã. Thủy ngũ hành chi mạt dã : thổ ngũ hành chi trung dã. Thử kỳ thiên thứ chi tự dã "Trời có ngũ hành, một là Mộc, hai là Hỏa, ba là Thổ, bốn là Kim, năm là Thủy. Mộc là hành đầu của ngũ hành, thủy là hành cuối của ngũ hành; Thổ là hành giữa của ngũ hành. Đó là thứ tự tự nhiên.

Ngày nay, thứ tự người ta thường dùng trong ngũ hành là : Kim, mộc, thủy, hỏa, và thổ. Đó là thứ tự theo như sách "Bạch Hổ Thông Nhgiã " của Ban Cố (32-92 AC) đời nhà Hán.

Năm hành kim, mộc, thủy, hỏa và thổ của vật chất trong trời đất mà con người có thể nhìn thấy và sờ mó được là : kim loại như vàng, sắt, đồng nhôm....., cây gỗ, củi đuốc, nước sông suối, móc sương, lửa, sức nóng của mặt trời và đất cát, bùn lầy. Đó là ngũ hành cụ thể, tạo thành vật chất hiển hiện, được nhiều người gọi là Ngũ Hành Hậu Thiên. Trái lại vật chất trong giai đoạn Ngũ Hành Tiên Thiên, chỉ là thứ khí vô hình. Vì đó là thứ khí vô hình nên mọi người không quan tâm : chỉ vì không được quan tâm chứ chẳng phải năm thứ khí vô hình ấy không ảnh hưởng đến con người. Nhưng ngũ hành còn có đặc tính quan trọng khác nữa : Tính sinh hóa và khắc chế.

2. Sự sinh, khắc của ngũ hành:

A- NGŨ HÀNH TƯƠNG SANH :

Gọi là tương sanh nhưng sự thật không phải sanh cho nhau. Một hành sanh hành khác, khi nó phù trợ, làm cho thành tựu, làm cho lợi ích hành kia. Thí dụ Thủy sanh Mộc : nước làm cho cây tươi tốt. Cần tâm niệm rằng mọi sự, mọi vật trên thế gian này đều chịu quy luật tương đối chi phối. Chẳng hạn nước làm cho cây cối tốt tươi thì nước cũng có thể làm cho cây cối chết trong trường hợp úng thủy, nước quá đa.

Năm hành Sanh là :

-Kim sanh thủy : kim loại sanh ra nước (nấu chảy)

-Thủy sanh mộc (đã nói trên)

- Mộc sanh Hỏa : cọ cây ra lửa, cây đốt lên sanh lửa.

-Hỏa sanh thổ : được lửa đốt qua đất tốt hơn.

- Thổ sanh kim; đất sinh ra kim loại

Lấy kim làm chuẩn, như Ban Cố, sự Sanh của năm hành được biểu thị theo hình vẽ dưới đây .

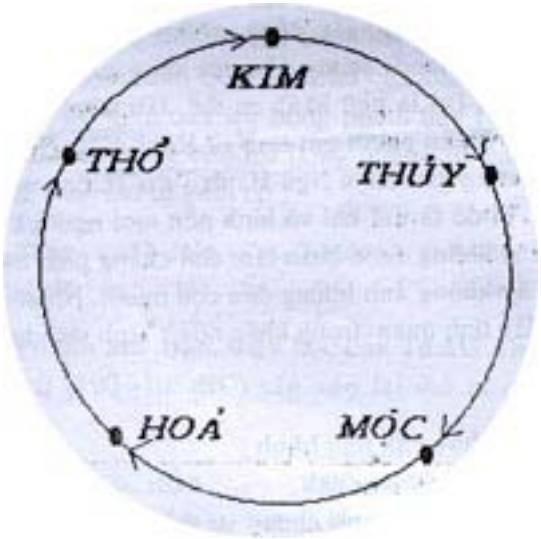

Sự sinh hóa của năm hành có hai trường hợp : sanh xuất và sanh nhập.

a) Sanh xuất :

Một hành sanh xuất khi hành đó làm lợi cho hành khác, như kim sanh thủy thì thủy được lợi mà kim bị hao tổn bốn hành kia cũng theo đó mà luận.

b) B-Ngũ Hành tương khác :

Gọi là tương khắc, nhưng chẳng phải hai hành khắc nhau, mà hành khắc hành kia. Tiếng tương sanh hay tương khắc chỉ một chu luân sanh hai khắc của cả năm hành.

Một hành khắc hnàh khác khi nó làm hư hại, hao mòn hay khống chế hành đó. Tí như kim khắc mộc : búa, rựa, đục, chàng, cưa, rìu (kim) làm cây bị xẻ, bào, đẽo, gọt....Hoặc như thủy khắc hỏa : nước làm lửa tắt. Các hành còn lại cũng theo đó mà suy luận.

Cứ lấy kim làm chuẩn như thông lệ, sự khắc chế của ngũ hành được biểu thị theo hình vẽ sau dưới đây :

-Kim khắc Mộc : (đã nói ở trên)

-Mộc khắc Thổ : cây làm cho đất xấu, cằn cỗi vì hút hết chất tốt trong đất.

-Thổ khắc Thủy : đất ngăn làm nước không lưu thông được.

-Thủy khắc hỏa : (đã nói ở trên)

-Hỏa khắc kim : lửa đốt chảy kim loại.

Lấy kim làm chuẩn, như Ban Cố , sự Sanh của năm hành được biểu thị theo hình vẽ dưới đây.

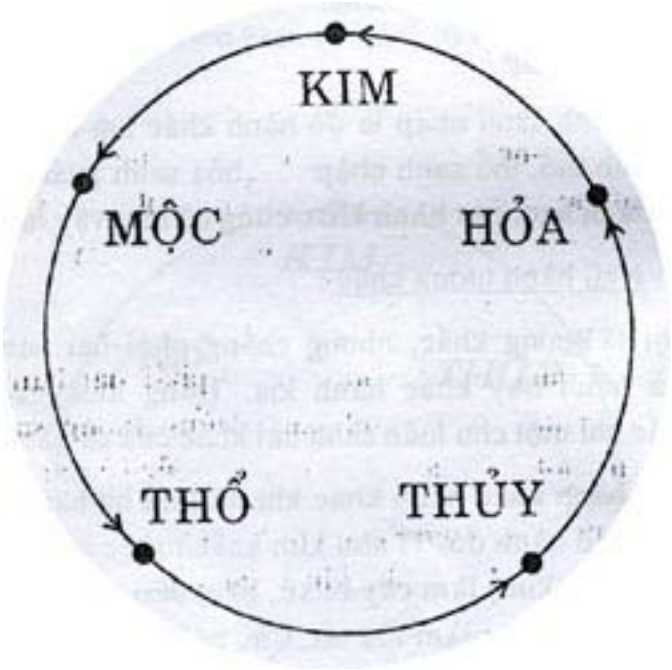

Sự khắc chế cũng có hai trường hợp :khắc xuất và khắc nhập.

a/ Khắc xuất :

Một hành khắc xuất khi nó gây tổn hại hay chế phục hành khác. Tỉ như thổ khắc thủy : thổ khắc xuất. Bốn hành kia theo đó mà suy.

b/ Khắc nhập :

Một hành khác nhập khi nó bị hành khác gây tổn hại hay chế phục. Tỉ như thổ khắc thủy ở trên, thì thổ khắc xuất mà thủy khắc nhập. Kim khắc mộc : kim khắc xuất mà mộc (bị) khắc nhập. Khắc nhập thì chủ động, còn bị khắc nhập thì phải thúc thủ hứng chịu thôi.

Cần nắm vững nguyên tắc sanh và khắc của ngũ hành, lý luận bén nhạy và trôi chảy, không những tinh thông khoa xem nhà cửa này mà còn lợi ích trong việc giao du làm ăn, tìm biết được sự thuận lợi hay trở ngại trong sinh hoạt của chính mình hay của người khác. Ngoài ra, còn lợi ích ở nhiều lãnh vực khác, bởi ngũ hành cũng như âm dương, tác dụng của nó có tính chất bao quát, trùm khắp vạn sự, vạn vật.

Khác với việc áp dụng ngũ hành vào giá thú nói trong quyển "Bát Tự Lữ Tài Khảo Chứng" ở đây không đề cập đến sự chế hóa trong tính chất sinh khắc của ngũ hành. Vì sự sinh hay khắc của ngũ hành trong khoa nghiên cứu về dương trạch không có sự "miễn trừ ".

Tuy nhiên, cần biết số của ngũ hành để có thể tiên đoán được thời kỳ có hiệu lực, có tác dụng của ngôi nhà đối với những người sinh sống trong đó. Như vậy, cần biết sơ lược về Hà Đồ và Lạc Thư.

3. Hà đồ và lạc thư :

Bỏ qua các chuyện truyền kỳ về việc vua Phục Hy được Hà Đồ trên lưng con long mã ở trên sông Hoàng Hà, việc vua Đại Vũ được Lạc Thư trên lưng con rùa thần nổi ở trên sông Lạc. Vì mặc dầu trong Luận Ngữ có đề cập đến Hà Đồ, nhưng Đồ và Thư là cái gì thì trước đời Tống chưa ai nhìn thấy. Hà Đồ và Lạc Thư được nói đến nhiều vào thời gian của Tống Thái Tôn. Hình Hà Đồ và Lạc Thư chỉ được in thành sách trong triều Tống Huy Tôn (1101-1125). Không An Quốc vẽ không ? (Khổng An Quốc là cháu 12 đời của Đức Khổng Phu Tứ, là một đại thần dưới triều Hán Vũ Đế).

Các nhà khảo cổ đời nay cho rằng Hà Đồ có thể bắt nguồn từ Hệ Từ Truyện trong Kinh Dich : "Thiên nhất, địa, nhị, thiên tam, địa tứ, thiên, ngũ , địa lục, thiên thất, địa bát, thiển cửu , địa thập. "(Số của trời là 1, của đất là 2, của trời là 3, của đất là 4, của trời là 5, của đất là 6, của trời là 7, của đất là 8, của trời là 9, của đất là 10)

"Thiên số ngũ, địa số ngũ. Ngũ vị tương đắc nhi các hữu hợp. Thiên số nhị thập hữu ngũ, địa số tam thập. Phàm thiên địa chi số ngũ thập hữu ngũ. Thử sở dĩ thành biến hóa nhi hành quỷ thần dã " (Trời có 5 số, đất có 5 số. Khi 5 số của trời và 5 số của đất được phân phối vào năm chỗ thì mỗi số có một số bổ túc cho nó thành một cặp. Do đó mà thành ra biến hóa và hành động như quỷ thần.- Dịch châm chước theo cách hiểu của Chu Hy của Richard Wilhelm.)

Cứ nhìn hình Hà Đồ dưới đây :

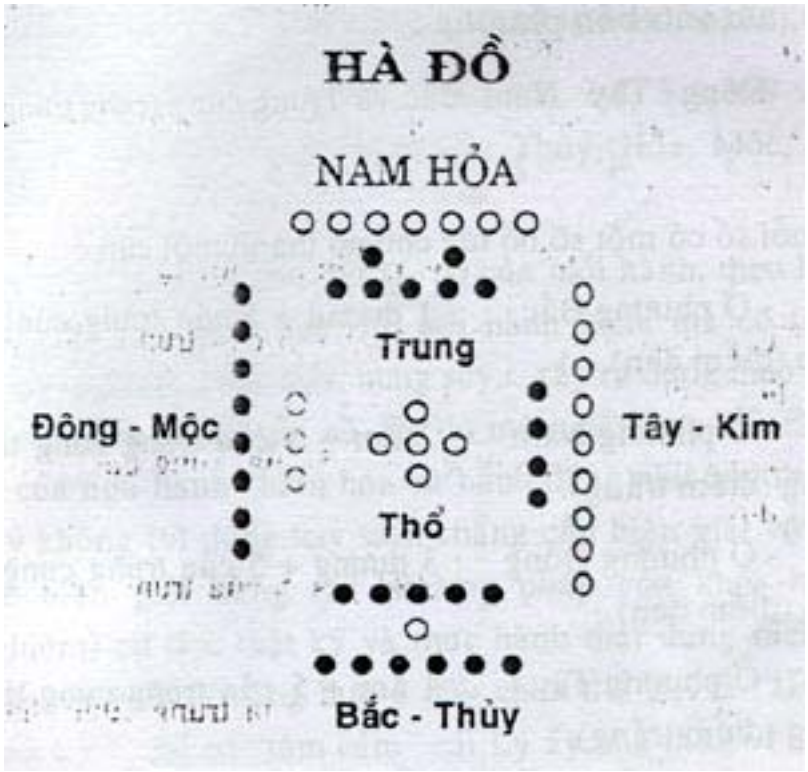

Đừng quan tâm đến chữ thiên (số) và địa (số)với định kiến Thiên là Trời. Địa là Đất có tính cách thiêng liêng và mầu nhiệm. Vì ở đây thiên chỉ dương mà địa thuộc âm. Thiên số

tức là số dương, đánh dấu bằng vòng tròn trắng trên hình vẽ Hà Đồ. Địa số tức là số âm, biểu hiện bằng vòng tròn đen.

-Trời có 5 số : 1 3 5 7 và 9, cộng lại là 25

- Đất có 5 số : 2 4 6 8 và 10, cộng lại là 30

-Tổng cộng số dương và số âm của Hà Đồ là 55.

Khi 5 số dương và 5 số âm được phối trí vào 5 chỗ, tức vào bốn phương :

-Đông Tây Nam Bắc và Trung cung (cung trung ương)

3 4 2 1 5

thì mỗi số có một số bổ túc cho nó thành một cặp :

-Ở phương Bắc : 1 dương + 5 của trung cung thành 6 âm (điểm đen).

-Ở phương Nam : 2 âm + 5 của trung cung thành 7 dương (điểm trắng).

-Ở phương Đông: 3 dương + 5 của trung cung thành 8 âm (điểm đen).

-Ở phương Tây : 4 âm + 5 của trung cung thành 9 dương (điểm trắng).

-Ở trung ương : 5 dương + 5 của trung cung thành 10 âm (điểm đen).

Đó là số sinh và số thành của Hà Đồ.

1 2 3 4 và 5 là số sinh.

6 7 8 9 và 10 là số thành

"Thiên chất sinh thủy, địa lục thành chi; địa nhị sinh hỏa, thiên thất thành chi; thiên tam sinh mộc; địa bát thành chi; địa tứ sinh kim , thiên cửu thành chi; thiên ngũ sinh thổ, địa thập thành chi "(Số trời 1 sinh ra nước, số đất 6 làm cho thành; số đất2 sinh hỏa, số trời 7 làm cho thành ; số trời 3 sinh mộc, số đất 8 làm cho thành; số đất 4 sinh kim, số trời 9 làm cho thành ; số trời 5 sinh thổ, số đất 10 làm cho thành).

Cần nhập tâm với các cặp 1-6,2-7,3-8,4-9,5-10, biểu thị số sinh và số thành của Thủy, Hỏa, Mộc, Kim và Thổ.

Từ khi sinh đến khi thành của mỗi hành, theo luật sinh và khắc của hành nầy đối với hành khác mà có tác dụng thuận, nghịch, phúc họa, hưng suy... xảy ra đúng theo thời hạn từ sinh đến thành của nó. Do đó mà người xưa cho rằng năm số của ngũ hành " biến hóa và hành động như quỷ thần ". Tin hay không (vì đúng hay sai), chẳng cần biện giải vội (không thể biện giải bằng các phương pháp của khoa học thực nghiệm) cứ đọc thật kỹ và thực hành thật đúng sách này tự khắc sẽ biết. Trường hợp ở đây chưa thể gọi là "lấy Sự để hiển Lý ", chỉ có "tâm cảm " cái Lý ấy mà thôi; vì Lý ở đây không thể hiển bày bằng ngôn ngữ hay hành động con người khác thấy biết trên hiện thực.

Ở đây, các con số là bản thể của vũ trụ , vạn vật, theo vũ trụ luận của các triết gia Tây Phương như nhà toán học kiêm triết gia Pythagore chăng ?

Các nhà khảo cứu về Kinh Dịch, ngày nay khó chấp nhận thuyết của "chưt tiên nho" (các nho gia đời xưa), theo đó, nhờ tìm thấy được hình đồ trên lưng con long mã ở sông Hoàng Hà mà vua Phục Hy làm ra bát quái. Nếu thử biểu diễn hình của Hà Đồ bằng số, rồi đem chồng nó lên hình tiên thiên bát quái của vua Phục Hy như dưới đây :
Thì phải nói rằng thật khó mà tìm ra được mối tương quan hữu lý giữa Hà Đồ vàtiên thiên bát quái.

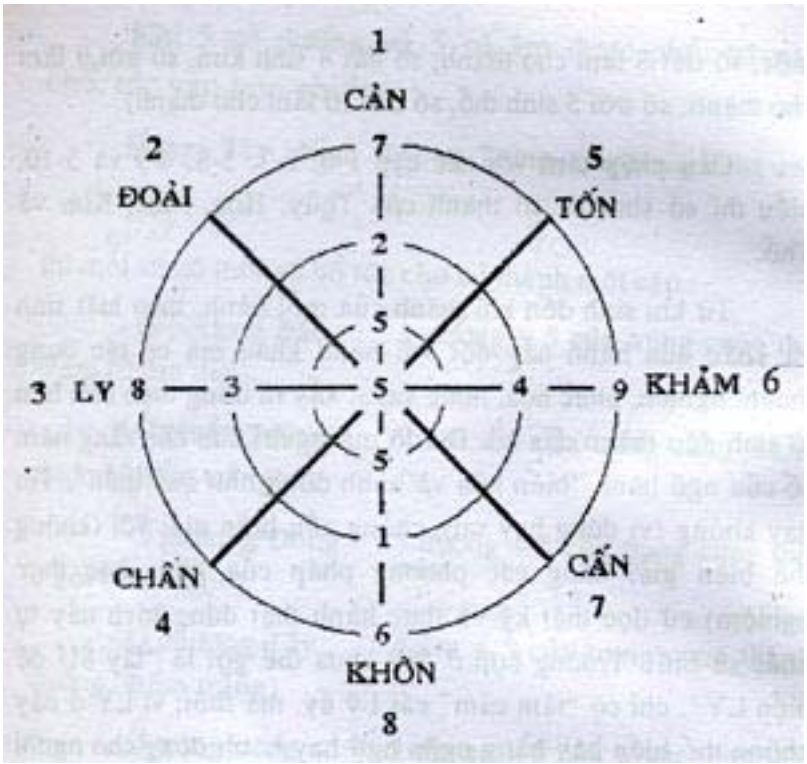

Phương Hướng	Hà Đồ	Tiên Thiên Bát Quái
Bắc	Thủy –số 1-6	Khôn –số 8 –Thủy
Nam	Hỏa –số 2-7	Càn –số 1-Hỏa
Đông	Mộc –số 3-8	Ly-số 3 – Hỏa
Tây	Kim –số 4-9	Khảm –số 6-Thủy

Số của Hà Đồ là số sinh; thành .Số của tiên thiên bát quái là số của phương vị. Những yếu tố trên còn chẳng có mấy liên hệ, huống hồ các yếu tố khác.

Nếu dựa vào câu "Đế xuất hồ Chấn...." của Dịch Truyện mà có hậu thiên bát quái , vậy hãy so sánh hâu thiên bát quái với Lạc Thư.

Ở Lạc Thư , vòng trắng là số dương, vòng đen là số âm (cũng như số của Hà Đồ). Số của 5 cũng ở trung cung, còn những số khác bố trí như sau : "Đái cửu, Lý Nhất, tả Tam

Hữu thất, nhị tứ vi kiên, lục bát ví túc "(Đội 9 , đạp 1 bên trái 3, bên phải 7, số 2 và số 4 ở vai, số 6 và số 8 ở chân. – Bên phải , bên trái, chân, vai..... ở đây là chân vai của con rùa thần trên sông Lạc.

*Số của Lạc Thư :

-Số dương : 1 3 5 7 và 9 –cộng lại là 25(như Hà Đồ)

-Số âm : 2 4 6 và 8 –cộng lại là 20 (kém Hà Đồ 10)

Lạc Thư

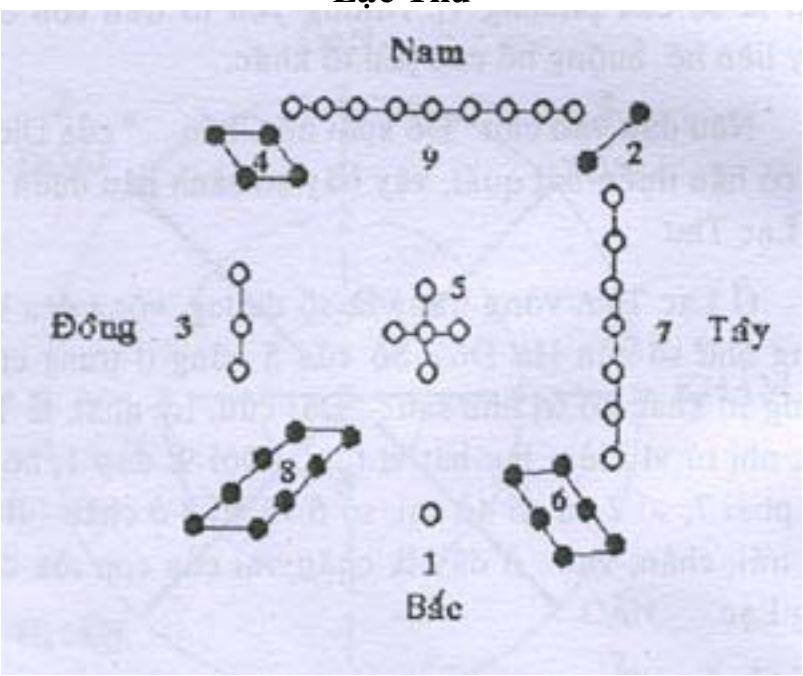

Nếu biểu diễn hình Lạc Thư bằng số, rồi đem chồng hình này lên cửu cung bát quái , ai cũng thấy mối tương quan chặt chẽ giữa Lạc Thư và Bát Quái hậu thiên:

- -Đái 9, Lý 1 : cửu ly, nhất khảm
- Tả 3, hữu 7 : tam chấn, thất đoài
- Lục bát vi túc : -lục càn, bát cấn.

-Số 5 ở trung cung (ngũ trung) đối với cả hai.

Vậy nếu Lạc Thư và Hậu Thiên Bát Quái có tính cách đồng nhất, mà hậu thiên bát quái xuất phát từ Dịch Truyện thì có lý gì Lạc Thư do vua Đại Vũ nhà Hạ tìm thấy trên sông Lạc cách thời đại của Dịch Truyện đến khoảng hai ngàn năm ?

Ngược lại, nếu Hà Đồ xuất phát cũng từ Dịch Truyện thì Hà Đồ nào được đức Khổng Phu Tử thường cầu mong tái hiện như là điềm báo Thánh nhân ra đời(Luận Ngữ) ? –vì Hà Đồ được đức Thánh Khổng nói đến ít ra cũng cách thời đại của Dịch Truyện trên dưới 1.000 năm. Đằng khác , nếu Hà Đồ khởi từ Dịch Truyện khơi ra, do đâu Dịch Truyện có được những con số này ? Thiệu Vĩ Hoa, sách đã dẫn, trang 23, cho rằng các số ấy rất có thể được lấy từ thiên can.

TIẾT 4 : THIÊN CAN – ĐỊA CHI

1.Nguồn gốc :

Theo Quang Hoa Báo, số tháng 9/1994, Phân Khoa Khảo Cổ của Trường Đại Học Sơn Đông mới đào được ở thôn Đinh Công, xã Uyển Thành, huyện Châu Bình, tỉnh Sơn Đông một mảnh sành trên đó có năm hàng gồm 11 chữ. Phòng Nghiên Cứu và Thí Nghiệm Khảo Cổ Học Bắc Kinh công bố kết quả xét nghiệm : Người Trung Hoa đã biết sử dụng văn tự cách đây 5.200 năm . (kiến thức ngày nay, số 161, ngày 01.01.1995).

Thời gian này thuộc thời đại "Đồ Đá Mới", trước vua nghiêu (2356-2255) Khoảng 1.000 năm, có thể vào thời vua Thần Nông hay Huỳnh Đế, nhưng sau đời vua Phục Hy.

Ba đời Hạ (2205-1766 BC) Thương (1766-1122 BC), Chu (1111-221 BC) đã có lịch phổ. Lịch nhà Hạ lấy tháng Dần làm tháng đầu năm tức tháng giêng). Lịch nhà Hạ lấy tháng Dần làm tháng đầu năm. Đức Khổng Tử cũng theo lịch nhà Hạ. Khi trả lời câu hỏi về phép trị quốc của Nhan Uyên, môn đệ của Ngài.(Khổng Tử –Nguyễn Hiến Lê, Văn Hóa xuất bản năm 1991).

Khoa Khảo Cổ cũng đã đào được nhiều vô số mảnh xương, mai rùa, yếm rùa..... trên đó có khắc nhiều quẻ bóim, chẳng hạn như quẻ: "Tân Mão Trinh : kim nhật Tân, diệc vũ, bất vũ ?"(Ngày Tân Mão thì Trời cũng mưa hay là không mưa) . Những giáp cốt này được tìm thấy ở An Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Hoa ngày nay. (Kinh Dịch, Đạo của Người Quân Tử – Nguyễn Hiến Lê, Văn Học Xuất Bản năm 1922) . Khoa Khảo Cổ cho biết những giáp cốt đó có từ đời Thương.

Vậy Can, Chi đã được đặt ra ít nhiều từ đời Thương và có thể ngay từ đời nhà Hạ , hoặc trước đó cũng không chừng, vì văn tự đã có trước đó hằng ngàn năm.

Việc vua Thành Thang (1766-1753) có tên là Thiên ẤT, các con của ông có tên là Đại Đinh, Trung Bính, Trung Nhâm, các cháu là Đại Giáp..... và việc lịch nhà Hạ lấy tháng Dần làm tháng giêng, có thể giúp kết luận rằng : Can-Chi có từ đời nhà Thương, hay từ đời Hạ trở đi.

Nhưng ý nghĩa của Can-Chi là gì ?

2. Ý nghĩa của Can :

Can, gọi đầy đủ là THIÊN CAN, là yếu tố bắt nguồn từ Trời , từ dương khí , từ khí thiên nhiên. Can gồm có 10, gọi là thập thiên can :

Giáp, ẤT ,Bính , Đinh, Mậu , Kỷ , Canh, Tân, Nhâm, Quý.

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10.

a/ Can và âm dương :

Can chia ra làm hai : Can dương và Can âm . Can có số lẻ ở trên là Can Dương, can có số chẵn là Can âm. Lý gì đặt Can dương và Can âm ? Theo nguyên tắc , trước là dương , sau

là âm. Can giáp được gọi là đầu ở trước, nên thuộc dương. Can Ất đứng sau nên thuộc âm. Những Can kế tiếp có lẻ nên hiểu theo lý âm dương tuần tự thay đổi nhau.

b/ Can phối hợp với ngũ hành:

Hai Can liền nhau đồng một hành, nhưng Can trước thuộc dương. Can sau thuộc âm.
Giáp (+) , Ất, (-) thuộc mộc, ở phương Đông.
Bính (+), Đinh (-) thuộc hỏa, ở phương Nam (đọc :dương hỏa, âm hỏa).
Mậu(+), Kỷ (-) thuộc thổ, ở trung ương.
Canh (+) , Tân (-) thuộc kim ở phương Tây.
Nhâm (+) , Quý (-) thuộc thủy , ở phương Bắc.

c/ Can tương quan đến thân thể :

Giáp : đầu Bính : trán
Canh : gân Nhâm : cổ.
Mậu + Kỷ : mặt mũi
Ất : vai Đinh : răng, lưỡi
Tân : ngực Quý : chân

d/ Can và tạng phủ :

TANG : số 2 Ất, số 4 Đinh, số 6 Kỷ , số 8 Tân, số 10 Quý
Gan tim Lá lách Phổi Thận
PHỦ : số 1 Giáp, số 3 Bính, số 5 Mậu , số 7 Canh, số 9 Nhâm
Mật ruột non dạ dày ruột già bàng quang

(Để dễ hiểu, gọi là gan, tim..... Theo khoa Đông Y, phải gọi là Tạng can, tạng tâm....)

3.Ý Nghĩa của Chi :

Chi, gọi đầy đủ là Địa Chi, là yếu tố bắt nguồn từ đất, từ âm khí, từ hậu thiên. Ranh giới của tiên thiên và hậu thiên rất linh hoạt và tế vi, chẳng hạn khi chưa sinh là tiên thiên, sau khi sinh là hậu thiên, ở trạng thái khí vô hình là tiên thiên, lúc ở trạng thái có hình tượng là hậu thiên... Địa chi gồm 12, nên gọi là thập nhị địa chi. :

Tí	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Số lẻ là Chi Dương, số chẵn là Chi Âm.

a/ Chi với ngũ hành, bát quái , phương vị :

CHI				**BÁT QUÁI**			
Dương	Âm	Ngũ Hành	Phương Vị	Chi	Bát Quái	Phương Vị	Âm Dương
Tí		Thủy	Bắc	Tí	Khâm	Bắc	+
	Sửu	Thổ	Trung Ương	Sửu và Dần	Cấn	Đông Bắc	+

	Mão	Mộc	Đông Bắc	Mão	Chấn	Đông	+
Thìn		Thổ	Trung Ương	Thìn + Tỵ	Tốn	Đông Nam	-
	Tỵ	Hỏa	Đông Nam				-
Ngọ		Hỏa	Nam	Ngọ	Lý	Nam	-
	Mùi	Thổ	Trung Ương	Mùi + Thân	Khôn	Tây Nam	-
Thân		Kim	Tây Nam				-
	Dậu	Kim	Tây	Dậu	Đoài	Tây	-
Tuất		Thổ	Trung Ương	Tuất +Hợi	Càn	Tây Bắc	+
	Hợi	Thủy	Tây Bắc				

b/ Chi và Tạng, Phủ :

Phủ: Tí : bàng quang Ngọ : ruột non, Thìn Tuất : Bao Tử.

Dần : mật Thân : ruột già.

Tạng : Mão : gan Dậu : phổi Sửu Mùi : lá lách

Tỵ : tim Hợi : thận.

c/ Chi và thời gian :

T.giêng 2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tí	Sửu.

Lấy tháng Dần làm tháng đầu năm, tháng giêng , theo như lịch nhà Hạ. (Thiên khai ư Tí, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần : trời khai ở hội Tí, Đất yên tỉnh ở hội Sửu, người sinh ra ở hội Dần – Thiệu Khang Tiết chia một HỘI có 10.800 năm).

d/ Chi và bốn mùa :

-Dần Mão (và Thìn) :mùa xuân, thuộc mộc.

-Tỵ Ngọ (và Mùi) :ùa hạ, thuộc hỏa.

-Thân Dậu (và Tuất) :mùa thu, thuộc kim

- Hợi Tí (và Sửu) : mùa đông, thuộc thủy.

Mặc dầu một mùa có ba tháng theo hành sở thuộc nói trên. Nhưng với bốn tháng Thìn Tuất Sửu Mùi(tháng 3,9,12 và 6) thuộc hành thổ.

e/ Chi và tam hợp cục :

Mười hai chi phối hợp với nhau thành bốn tam hợp cực :

-Thân Tí Thìn : Thủy Cục

-Dần Ngọ Tuất : Hỏa Cục

-Tỵ Dậu Sửu : Kim Cục

-Hợi Mão Mùi : Mộc Cục

Không có thổ cục, nhưng trong bốn cục đều có thổ của Thìn, Tuất, Sửu và Mùi.

f. Chi và ứng kỳ hiệu nghiệm của nhà :

-Tam hợp Thân Tí Thìn hay những năm Nhâm, Quý đem tai họa đến cho nhà loại Thủy như nhà Lục Sát, hay nhà có ngăn chánh với sao chúa là Văn Khúc. Nhưng những năm nói trên đem lại thịnh cát cho nhà loại mộc là nhà Sinh Khí, hay nhà có ngăn chính với sao chúa là Tham Lăng.

-Tam hợp Dần, Ngọ, Tuất hay những năm Bính, Đinh đem tai họa đến cho nhà hỏa là loại nhà Ngũ Quỷ, hay nhà có ngăn chính với sao chúa là Liêm Trịnh.

-Tam hợp những năm Tỵ, Dậu, Sửu hay những năm Canh, Tân đem phúc lợi nhà loại kim là nhà Diên Niên hay nhà có ngăn chính với sao chúa là Vũ Khúc.

Nhưng những năm đó lại đem tai ương đến cho nhà loại kim là nhà Tuyệt Mạng hay nhà có ngăn chính với sao chúa là Phá Quân.

-Tam hợp những năm Dần Ngọ, Tuất, những năm Thìn Tuất, Sửu, Mùi, những năm Mậu, Kỷ đem hưng thịnh đến cho nhà loại thổ như nhà Thiên Y hay nhà có ngăn chính với sao chúa là Cự Môn. Nhưng những năm ấy lại đem tai ách đến cho nhà loại thổ khác là nhà Họa Hại, hay nhà có ngăn chính với sao chúa là Lộc Tồn.

(Tên nhà, ngăn, chính, sao, sao chúa..... sẽ được các CHƯƠNG sau giải rõ).

Tính chất âm dương của Can, Chi bao giờ cũng trùng hợp nhau. Can dương đi cặp với Chi dương, Can âm đi cặp với Chi Âm, không bao giờ có Bính (+) Dậu(-) hay Quý (-), Tuất (+).

Can và Chi biểu thị nhiều phương diện, từ bộ phận bên ngoài của cơ thể tới lục phủ, ngũ tạng bên trong, từ phương hướng tới thời gian, và còn biểu thị nhiều phương diện khác nữa. Trong phạm vi sách này, ý nghĩa về thời gian của Can và Chi rất quan trọng, khi nó xác định ngày, giờ, năm ,tháng cũng xác định luôn tuổi của trạch chủ.

CHƯƠNG III : TRẠCH CHỦ

Trạch chủ , tức chủ nhà. Nhưng trong một ngôi nhà, ai là người làm chủ ?

Trên phương diện pháp lý, ai đứng tên sở hữu ngôi nhà, người ấy là chủ. Nhưng trong khoa nghiên cứu Dương Cơ, sở hữu chủ ngôi nhà và trạch chủ, người chủ chốt trong ngôi nhà, có khác nhau.

Nhiều khi sở hữu chủ ngôi nhà cho người khác thuê. Bấy giờ, người thuê và những ai ở chung trong ngôi nhà mới chịu tác dụng của ngôi nhà, chứ không người cho thuê.

Lại nữa, sở hữu chủ của ngôi nhà ở chung với bậc tôn túc như ông bà, cha mẹ, thì ông hay cha, hoặc sở hữu chủ là con trai, mới là trạch chủ . Tại sao ?- Vì quan niệm của Đông Phương và của Khoa Dương Trạch này, đàn bà có chồng thuộc quyển của chồng, con gái chưa xuất giá thuộc qyền của cha. Theo quan niệm này, người đàn bà góa dù là sở hữu chủ, nhưng người con trai, người con trai thứ nếu như người con trai cả ở riêng, mới là trạch chủ. Khi khảo sát ngôi nhà ấy, phải xét tuổi của người con trai đó chớ không cần biết đến tuổi của người mẹ góa.

Thực trạng xã hội ngày nay, có nhiều người “mẹ độc thân “, Khoa Dương Cơ xét ai là Trạch Chủ ? Rõ ràng người mẹ độc thân với vài ba đứa con nhỏ thì chính người đàn bà này là trạch chủ. Người đàn bà góa với các con nhỏ cũng được xếp tương tự trường hợp này. Những người đàn bà sống với đàn ông ngoài cơ sở hôn nhân, cũng là trạch chủ, vì là những người đàn ông này không cùng sống chung trong nhà.

Những người trắc thất có chồng ở chung nhà với vợ chính thức, coi như một loại “Lữ Khách “ thì người trắc thất này là trạch chủ. Nếu người vợ thứ dành quyền trạch chủ cho ông chồng, dù ông này thỉnh thoảng mới về sống chung, khoa Dương Cơ cũng tôn trọng sự sắp xếp đó.

Phải xác định tuổi, nhiên hậu mới có thể biết được hành bản mệnh và cung bát quái của chủ trạch.

Tiết 1 : XÁC ĐỊNH TUỔI.

Không phải ai cũng biết tuổi chính xác của mình, huống hồ là họ biết tuổi của Can lẫn Chi. Việc ấy không có gì đáng ngạc nhiên, vì việc biết rõ tuổi tác tùy thuộc vào hoàn cảnh sống, truyền thống văn hóa và trình độ học vấn.

Tuổi của mỗi người phải được gọi bằng cả hai tiếng can và chi, chớ không phải chỉ biết số tuổi là đủ. Khi phối hợp bằng cả hai tiếng Can và Chi thì dù người có tuổi bao nhiêu cũng nằm trong sáu"con giáp ", mỗi con giáp có 10 tuổi , tổng cộng có 60 tuổi , gọi là Lục Thập Hoa Giáp.

1. Lục Thập hoa Giáp:

Giáp Tý và 9 tuổi thuộc"con nhà Giáp Tý " : Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân va Quý Dậu.

-Giáp Tuất và 9 tuổi thuộc con nhà Giáp Tuất : Ất Hợi, Bính Tí , Đinh Sửu, Mậu Dần, Kỷ Mão, Canh Thìn, Tân Tỵ, Nhâm Ngọ và Quý Mùi.

-Giáp Thân và 9 tuổi thuộc con nhà Giáp Thân : Ất Dậu,Bính Tuất, Đinh Hợi, Mậu Tí, Kỷ Sửu, Canh Dần, Tân Mão, Nhâm Thìn và Quý Tỵ,.

-Giáp Ngọ và 9 tuổi thuộc con nhà Giáp Ngọ : Ất Mùi, Bính Thân, Đinh Dậu, Mậu Tuất, Kỷ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, và Quý Mão.

-Giáp Thìn và 9 tuổi thuộc con nhà Giáp Thìn : Ất Tỵ, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi, Nhâm Tí và Quý Sửu.

-Giáp Dần và 9 tuổi thuộc con nhà Giáp Dần : Ất Mão, Bính Thìn, Đinh Tỵ, Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân, Tân Dậu, Nhâm Tuất và Quý Hợi.

"Tiếng con nhà giáp....." là danh từ chuyên môn của khoa bói toán. Từ Giáp Tí đến Giáp Dần tính theo chiều nghịch trên địa bàn, mỗi Giáp cách nhau một cung, Tỵ đi với can âm, Tí đi với can dương (viết I để khỏi lầm lộn) Có tất cả 60 tuổi, nhưng tựu trung cũng chỉ thuộc 12 chi :

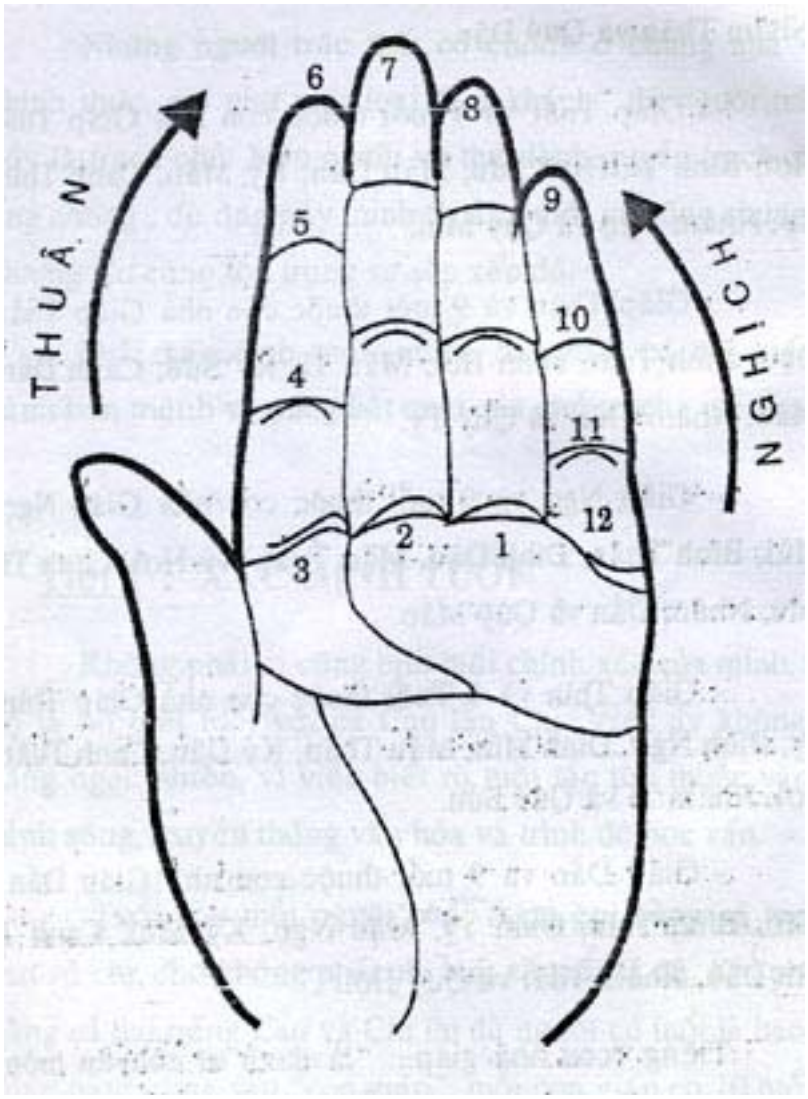

1-Tí ,còn gọi là thử, chỉ con chuột

2-Sửu (Ngưu), con trâu.

3-Dần (Hổ , Hùm),con cọp

4-Mão (Mẹo, Thố), con mèo.

5-Thìn (Long), con rồng.

6-Tỵ(Xà), con rắn

7-Ngọ (Mã), con ngựa

8-Mùi (Dương), con dê

9-Thân (Hầu), con khỉ

10-Dậu (Kê), con gà

11-Tuất (Khuyển), còn gọi là cẩu.

12-Hợi (Trư), con heo.

Theo âm lịch, người ta sinh ra đã kể một tuổi, hướng gọi là "tuổi ta" . Tuổi theo dương lịch (tuổi Tây) chuyển sang tuổi âm lịch phải cộng thêm 1. Thí dụ :người sinh 1929, đến năm 1995 là mấy tuổi theo âm lich ?

(1995-1929) +1 : 67 tuổi .

Dù theo tuổi âm lịch cũng không thể chỉ nói bằng con số, mà phải gọi bằng cả hai tiếng can và chi.

2. Cách tìm Can – Chi của tuổi :

Múôn tìm Can chi của tuổi, phải biết can chi của năm đương niên, tức là năm muốn biết tuổi. Chẳng hạn năm muốn tính tuổi là 1968 thì năm này là năm Mậu Thân, năm 1975 là năm Ất Mão, năm 1995 là năm Ất Hợi, kế đến phải thuộc thứ tự của can, chi :

-Can :

Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý

-Chi :

Tí	**Sửu**	**Dần**	**Mẹo**	**Thìn**	**Tỵ**	**Ngọ**	**Mùi**	**Thân**	**Dậu**	**Tuất**	**Hợi**
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**

Phải an 12 chi trên bàn tay trái như hình trên (10). Vị trí 12 số trên bàn tay là 12 cung, ứng với 12 địa chi, gọi là địa bàn.

Có nhiều cách tìm (can chỉ của) tuổi, ở đây áp dụng cách giản dị nhất. Cách tìm tuổi, không phân biệt nam mạng hay nữ mạng.

a/ Trường hợp chỉ biết số tuổi:

- Thí dụ 1: Vào năm Ất Hợi 1995, người 67 tuổi là tuổi gì? Con nhà Giáp nào ?

Cách tính : Lấy ngón tay cái của bàn tay trái bấm lên cung số 12 tức cung hợi, vì năm đương niên là năm Hợi 1995. Đếm 1 (vì mới sanh trong năm Ất Hợi này đã phải kể 1 tuổi). Đếm tiếp tục, mỗi lần đếm tăng lên 12, thành 13 (tức năm Quý Hợi là 12 năm trước), 25 (Tân Hợi), 37,49,61 ngưng lại vì gần tới tuổi muốn tìm là 67 (đếm quá, tới 73 cũng được; nhưng phải lùi lại mất công).

Đã có 61 tại cung Hợi, đếm nghịch chiều (để tăng số tuổi lên, đến xuôi chiều là giảm số tuổi xuống) tại cung số 11 (Tuất) : 62, cung Dậu : 63, cung Thân : 64, cung Mùi : 65, cung Ngọ : 66, cung Tỵ : 67. Tại đây có thể nói chính xác : người 67 tuổi vào năm Ất Hợi là tuổi Tỵ . Tỵ là chi, còn can ? Muốn biết "cái gì " Tỵ phải tính tuổi này thuộc con nhà giáp nao

Tiếp tục đếm ngược chiều đến bao giờ tuổi của người này có số lẻ 2 thì dừng, vì năm đương niên là Ất Hợi, Ất số 2 trong thập can.

Đã có 67 tại cung Tỵ (cung số6) thì 68 tại cung Thìn, 69 tại cung Mão, 70 tại Dần, 71 tại Sửu, 72 tại Tí : Người tuổi Tỵ này thuộc con nhà Giáp Tí.

Muốn biết can của tuổi Tỵ, phải tính vòng trở lại từ giáp (số 1 trong thập can) tại cung Tí đến cung Tỵ, cung số 6, mà 6 ứng với chữ Kỷ. Vậy người 67 tuổi này vào năm ẤT Hợi là tuổi Kỷ Tỵ

- Thí dụ 2: Năm Mậu Thân, bà 32 tuổi (Ta) là tuổi gì ?

Bấm ngón tay cái của bàn tay trái lên cung Thân, cung số 9, đếm 1, chồng lên nhiều lần 12 và đếm 13,25, dừng lại ở số 25, đã gần tới 32. Đếm nghịch chiều, mỗi cung 1 tuổi: 26 tại Mùi, 27 tại Ngọ.... 32 tại Sửu. Tạm trả lời : năm Mậu Thân 1968, Bà 32 tuổi là tuổi Sửu. Nhưng "cái gì "Sửu ? –Phải tính bà tuổi Sửu này thuộc con nhà giáp nào, sau đó mơi trả lời câu hỏi trên.

Nhớ rằng năm dương niên là năm Mậu Thân, Mậu số 5 trong thập can. Vậy tại cung Sửu. 32 tuổi, đếm nghịch chiều để tăng tuổi lên, mỗi cung một tuổi. Tới 35 thì dừng lại, thấy 35 tại cung số 11, cung Tuất: Bà tuổi Sửu 35 thuộc con nhà giáp Tuất.

Tại cung số 11 Tuất (giáp), Giáp là số 1 trong thập can, đếm lần tới cung Sửu, từ cung Tuất đến cung Sửu là 4 cung, mà số 4 với chữ Đinh trong can: bà 32 tuổi năm Mậu Thân là tuổi Đinh Sửu.

b/ Trường hợp biết số tuổi và chi :

- Thí dụ 3 : Năm Kỷ Sửu 1949, Bà tuổi Thìn 34 tuổi.

Kỷ số 6 trong 10 can.

Biết tuổi Thìn thì bấm ngón tay cái của bàn tay trái lên cung Thìn (số 5). Tính xem tuổi Thìn 34 này thuộc con nhà giáp nào ? –Đếm 34 tại cung Thìn, 35 tại cung Mão, 36 tại cung Dần (số 6 trùng với số 6 của năm đương niên), dừng lại, trả lời , tuổi 34 vào năm Kỷ Sửu 1949 thuộc con nhà Giáp Dần. Từ cung Dần là Giáp, đếm 1 đến cung Thìn là 3, số 3 là Bính trong 10 can.

Vậy tuổi Bà Thìn 34 này là tuổi Bính Thìn.

- Thí dụ 4 : Năm Ất Mão 1975, ông tuổi Dậu 55.

Tại cung Dậu (số 10) đếm 55, nghịch chiều đến 56 tại Thân, 57 tại Mùi....., 62 tại Dần, dừng lại vì con số 2 (của 62) trùng với số 2 can Ất đương niên : ông này thuộc con nhà Giáp Dần. Tại cung Dần đếm 1, cung Mão : 2, cung Thìn : 3.... cung Dậu : 8. Số 8 ứng với chữ Tân của 10 can : ông tuổi Dậu 55 là tuổi Tân Dậu.

Biết tuổi thuộc con nhà giáp nào rất tiện lợi cho việc tìm ngũ hành của tuổi.

TIẾT 2: TUỔI VÀ NGŨ HÀN

Trong 60 tuổi, tuổi nào cũng có 1 trong 5 hành : Kim, Mộc, Thủy , Hỏa, Thổ. Hành của tuổi tức là hành bản mệnh của con người.

Muốn dễ nhớ hành bản mệnh, cần thuộc khẩu quyết sau đây :

-Tí-Ngọ : Ngân Đăng Giá Bích Câu

-Tuất –Thìn : Yên Mãn Tự Chung Lâu.

-Dần –Thân : Hán Địa Thiều Sài Thấp.

Lục Giáp chi trung bất ngoại cầu.

Nghĩa : Giáp Tí và Giáp Ngọ : Kim Hỏa Mộc Thổ Kim, vì Ngân là bạc (Kim), Đăng là đèn (Hỏa), Giá là vật để mắc vật khác, thường làm bằng gỗ (mộc), Bích là vách tường (thổ). Câu là một loại binh khí (kim).

-Giáp Tuất và Giáp Thìn : Hỏa Thủy Thổ Kim Mộc, vì Yên là khói, có khói tất có lửa (hỏa), Mãn là đầy, như nước đầy (thủy), Tự là chùa có vách tường đất (?), (thổ), Chung là chuông bằng kim loại (kim), Lâu là lầu các, làm phải có gỗ (mộc).

-Giáp Dần và Giáp Thân : Thủy Thổ Hỏa Mộc Thủy, vì Hán là sông Hán (thủy), Địa (thổ), Thiêu là đốt cháy (hỏa), Sài là củi (mộc),Thấp là ướt(Thủy).

-Chỉ cần với những chữ này, sẽ tìm được ngũ hành trong lục giáp, khỏi phải tìm cầu bền ngoài.

Tại mỗi con giáp, có một hành cho cả hai tuổi, chẳng hạn Giáp Tí và Ất Sửu đều là Kim, Giáp Dần và Ất Mão đều là Thủy. Tuần tự, cứ hai buổi kế tiếp tại mỗi con giáp cũng có chung một hành.

Trong mỗi hành lại phân là 6 loại, chẳng hạn như hành kim : Hải Trung Kim, Kiếm Phong Kim, Bạch Lạp Kim , Sa Trung Kim, Kim Bạc Kim và Thoa Xuyến Kim . Xem bản kê hành của 60 tuổi dưới đây:

TUỔI	HÀNH BỔN MẠNG	TUỔI	HÀNH BỔN MẠNG
Giáp Tí	Hải Trung Kim	Giáp Tuất	Sơn Đầu Hỏa
Ất Sửu	“	Ất Hợi	“
Bính Dần	Lư Trung Hỏa	Bính Tí	Giản hạ thủy
Đinh mão	“	Đinh Sửu	“
Mậu thìn	Đại Lâm Mộc	Mậu Dần	Thành đầu thổ
Kỷ Tỵ	“	Kỷ Mão	“
Canh Ngọ	Lộ bàng thổ	Canh Thìn	Bạch lạp kim
Tân Mùi	“	Tân Tỵ	“
Nhâm Thân	Kiếm Phong Kim	Nhâm Ngọ	Dương Liêũ Mộc
Quý Dậu	“	Quý Mùi	“

Giáp Thân Ất Dậu Bính Tuất Đinh Hợi Mậu Tí Kỷ Sửu Canh Dần Tân Mão Nhâm Thìn Quý Tỵ	Tuyền trung thủy “ Ốc thượng thổ “ Tích Lịch Hỏa “ Tòng bá Mộc “ Trường Lưu Thủy “	Giáp Ngọ Ất Mùi Bính Thân Đinh Dậu Mậu Tuất Kỷ Hợi Canh Tí Tân Sửu Nhâm Dần Quý Mão	Sa Trung Kim “ Sơn Hạ Hỏa “ Bình Địa Mộc “ Bích Thượng Thổ “ Kim Bạch Kim “
Giáp Thìn Ất Tỵ Bính Ngọ Đinh Mùi Mậu Thân Kỷ Dậu Canh Tuất Tân Hợi Nhâm Tí	Phúc Đăng Hỏa “ Thiên Hà Thủy “ Đại Trạch Thổ “ Thoa Xuyến Kim “ Tang đố mộc	Giáp Dần Ất Mão Bính Thìn Đinh Tỵ Mậu Ngọ Kỷ Mùi Canh Thân Tân Dậu Nhâm Tuất	Đại Khê thủy “ Sa Trung Thổ “ Thiên Thượng Hỏa “ Thạch Lựu Mộc “ Đại Hải Thủy.
Quý Sửu	“	Quý Hợi	“

Năm hành của cung bản mệnh quan trọng trong việc phối hiệp tuổi tác vợ chồng hay trong sự giao dịch làm ăn. Trong khoa dương cơ, nó giúp ước lượng sơ khởi sự sinh hoạt thuận lợi hay chướng ngại của vợ chồng trạch chủ, đồng thời đối chiếu tác dụng của ngôi nhà. Sự ước đoán và đối chiếu này sẽ được kỹ lưỡng hơn khi biết cung bát quái của bản mệnh trạch chủ.

TIẾT 3: CUNG BỔN MẠNG TRẠCH CHỦ

Lâu nay các sách lưu hành có nói đến cung bát quái của con người, gồm có hai cung: cung sanh và cung phi, tức cung sanh và cung trạch. Không lập lại ở đây nhận định về sự phân chia con người có hai cung là đúng đắn hay sai lầm, vì các sách đều nói sử dụng cung phi hay cung trạch thực sự lá cung mạng của con người, nên dùng danh từ duy nhất là CUNG MẠNG hay CUNG BỔN MẠNG. Chẳng nên đặt ra thêm cung sanh, vừa không có cơ sở lý luận, vừa gây những rối rắm vô ích, cho người đọc (xem biện giải về 2 cung ở sách Bát Tự Lữ Tài Khảo Chứng)

1.Cách tính cung bổn mạng :

a-Theo tam ngươn :

Cần học thuộc khẩu quyết sau đây để tìm cung bổn mạng:

Nhứt, tứ, thất cung: Nam khởi nghịch
Ngũ, nhị, bát cung : Nữ thuận lâm
Nam ngũ quy nhị, Nữ ký bát
Giáp Tí châu luân bổn mạng tầm.

Trước khi giải thích khẩu quyết tìm cung mạng nói trên, cần biết về "tam ngươn"

Ngươn hay nguyên ở đây chỉ thời gian 60 năm, gọi là tiểu ngươn; khác với Nguyên của Thiệu Khang Tiết gồm 129.600 năm . Tiểu ngươn gồm 3 : Thượng ngươn, Trung ngươn và Hạ ngươn. Tổng cộng 3 ngươn là 180 năm . Đến hạ ngươn kết thúc thì lại trở về thượng ngươn. Theo dương lịch, ba ngươn nằm trong khoảng thời gian :

-Thượng ngươn : từ năm 1864 đến năm 1923
-Trung ngươn : từ năm 1924 đến năm 1983
-Hạ ngươn : từ năm 1984 đến năm 2043.

Cách tính cung bổn mạng theo tam ngươn này phân biệt Nam mạng và Nữ mạng, phân chia theo từng ngươn, nghịch chiều (Nam) và thuận chiều (Nữ). Giải thích tường tận từng câu trên:

- <u>Câu thứ I</u> : Nhứt , tứ, thất cung Nam khởi nghịch

Nam mạng khởi Giáp Tí nghịch chiều tại cung nhứt khảm (thượng ngươn), tại cung tứ Tốn (trung ngươn) và tại cung thất Đoài (hạ ngươn). Các cung này thuộc cửu cung bát quái, an trên bàn tay, theo hình dưới đây :

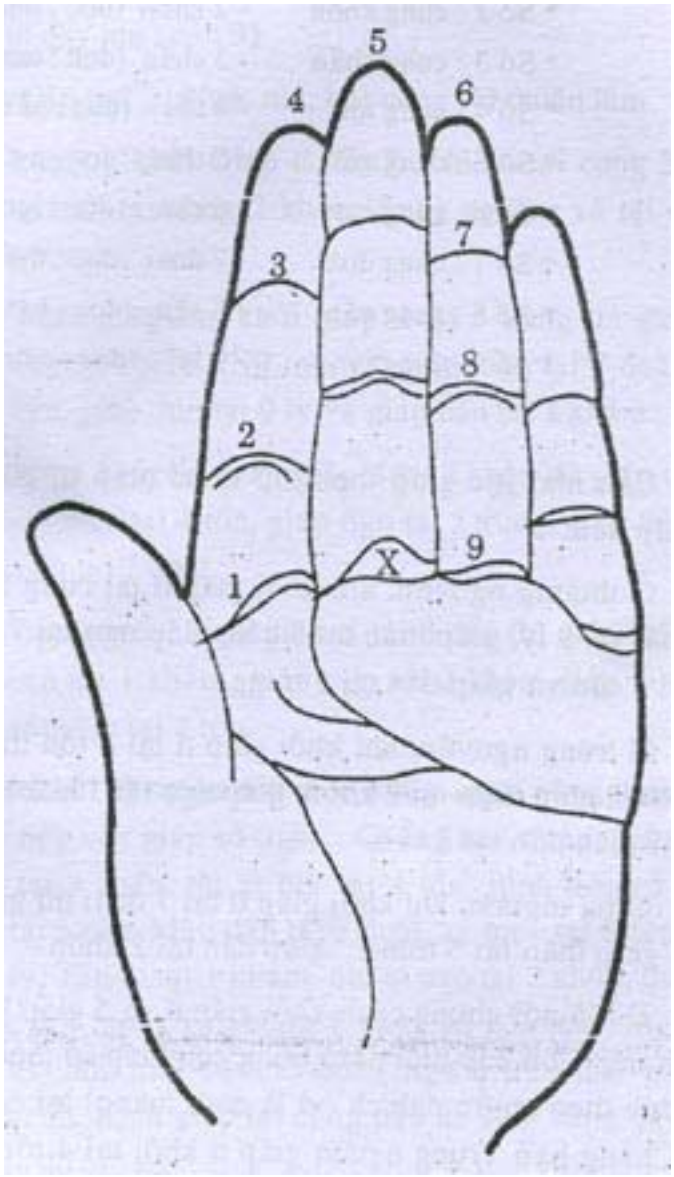

Số 1 : cung khảm – 1 khảm (đọc :nhứt khảm)
Số 2 : cung khôn – 2 khôn (đọc : nhị khôn)
Số 3 : cung chấn – 3 chấn (đọc :tam chấn)
Số 4 : cung tốn – 4 tốn (đọc : tứ tốn)
Số 5 : cung giữa -5 trung (đọc : ngũ trung)
Số 6 : cung càn – 6 (đọc : lục càn)
Số 7 ; cung đòai – 7 đoài (đọc : thất đoài)
Số 8 : cung cấn – 8 cấn (đọc : bát cấn)
Số 9 : cung ly – 9 ly (đọc : cửu ly)

Cần nhớ lục giáp theo thứ tự từ giáp tí, giáp tuất.... đến giáp dần.

Ở thượng nguyên, khi khởi giáp tí tại cung 1 khảm thì giáp tuất tại 9 ly, giáp thân tại 8 cấn, giáp ngọ tại 7 đoài, giáp thìn tại 6 càn và giáp dần tại 5 trung

Cần nhớ lục giáp theo thứ tự giáp tí, giáp tuất..... đến giáp dần.
Ở thượng nguyên, khi khởi giáp tí tại cung 1 khảm thì giáp tuất tại 9 ly, giáp thân tại 8 cấn, giáp ngọ tại 7 đoài, giáp thìn tại 6 càn và giáp dần tại 5 trung.
Ở trung nguyên, khi khởi giáp tí tại 4 tốn thì giáp tuất tại 3 chấn, giáp thân tại 2 khôn, giáp ngọ tại 1 khảm, giáp thìn tại 9 ly, giáp dần tại 8 tấn.
Ở hạ ngươn, khi khởi giáp tí tại 7 đoài thì giáp tuất tại 6 càn, giáp thân tại 5 trung .....giáp dần tại 2 khôn.
Đó là nói chung cách khởi giáp tí và 5 giáp kế tiếp của nam mạng. Còn các tuổi nằm trong con giáp sở thuộc thì cũng phải tính theo chiều nghịch (vì là nam mạng) tại các cung kế tiếp. Chẳng hạn Trung ngươn giáp tí khởi tại 4 tốn thì Ất Sửu tại 3 chấn, Bính dần tại 2 khôn, Đinh Mão tại 1 khảm .... ., Nhâm Thân tại 5 trung, Quý Dậu tại 4 tốn. Lưu ý rằng: Nếu giáp tại cung nào thì cuối cùng quý cũng rơi vào cung đó : Giáp Tí ở cung 4 tốn, Quý Dậu là tuổi Sở thuộc con nhà Giáp Tí cũng ở 4 tốn. Nhâm Thân ở cung 5 trung thì đưa về cung 2 khôn (nam quy nhị : câu 3).

Câu thứ 2 : Ngũ, Nhị, bát cung Nữ Thuận lâm.

Nữ mạng khởi Giáp Tí, thuận chiều, tại cung 5 trung (thượng ngươn), tại cung 2 khôn (trung ngươn) và tại cung 8 cấn (hạ ngươn).
Ở thượng ngươn, khởi giáp tí tại 5 trung thì giáp tuất tại 6 càn (thuận chiều : Nữ mạng), giáp thân tại 7 đoài, giáp ngọ tại 8 cấn, giáp thìn tại 9 ly và giáp dần tại 1 khảm.
Ở trung nguyên, khởi giáp tí tại 2 khôn thì giáp tuất tại 3 chấn, giáp thân tại 4 tốn, giáp ngọ tại 5 trung, giáp thìn tại 6 càn, giáp dần tại 7 đoài.
Ở Hạ Nguyên, khởi giáp tí tại 8 cấn thì giáp tuất tại 9 ly, giáp thân tại 1 khảm, giáp ngọ tại 2 khôn, giáp thìn tại 3 chấn và giáp dần tại 4 tốn.

Các tuổi sở thuộc của mỗi con giáp thì cũng theo chiều thuận, kế tiếp con giáp sở thuộc. Chẳng hạn trung ngươn khởi giáp tuất tại 3 chấn, thì Ất Hợi tại 4 tốn, Bính Tí tại 5 trung, Đinh Sửu tại 6 càn, Mậu Dần tại 7 đoài, Kỷ Mẹo tại 8 cấn, Canh Thìn tại 9 ly, Tân Tỵ tại 1 khảm, Nhâm Ngọ tại 2 khôn, Quý Mùi tại 3 chấn. Nữ mạng gặp cung 5 trung thì gởi qua cũng 8 cất (Nữ Bát Ký) như tuổi Bính Tí trung ngươn trên đây có cung mạng là 8 cấn. Khởi giáp tại cung nào thì cuối cùng quý cũng về tại cung đó.

- **<u>Câu thứ 3 :</u>** Nam ngũ quy nhị. Nữ ký bát.

Đã giải trong 2 câu trên : Nam mạng gặp cung 5 trung thì đưa về cung 2 khôn. Nữ mạng gặp cung 5 trung thì gởi tới cung 8 cấn.

- **<u>Câu thứ 4</u>** : Giáp Tí chu luân bổn mạng tầm.

Cứ luân chuyển con giáp tí theo vòng như vậy mà tìm cung mạng.
Cách tính cung mạng (mệnh cung) trên đây căn cứ vào tam ngươn và lục giáp, là cách tính căn bản theo điển chương xưa. Dù có dài dòng và phức tạp, nhưng cần nhớ cách tính này để dựa vào đó kiểm soát lại cung mạng mỗi khi có sự nghi ngờ (vì sách in sai, hoặc tính nhầm)

Ngày nay, người ta dựa vào số năm của dương lịch để tính cung bổn mạng, không cần biết tam ngươn, lục giáp gì cả.
Cách này dễ áp dụng và mau chóng hơn vì giản dị.
b/ Theo dương lịch :

Theo dương lịch là theo số năm dương niên của dương lịch, nhưng tuổi của người thì vẫn phải dùng tuổi âm lịch.

Dựa theo cửu cung bát quái của hình 11 ở trên, Nam mạng khởi tại cung 1 khảm, Nữ mạng khởi tại cung 5 trung với con số đương niên làm đụng số.

Số đương niên do các con số của năm dương lịch cộng lại, số thành từ 1 đến 9 thì dùng làm dụng số ; nếu qúa 9 thì trừ đi 9, hay nhiều lần 9. Thí dụ năm đương niên là 1023 thì dụng số là : 1+0+2+3 = 6 ; năm 1995 thì dụng số là : 1+(9 x2) +5 =24 rồi lấy 24- (9x2) = 6, muốn mau thì bỏ hết những con số 9 đi, vì có cộng vào cũng phải trừ ra. Cách tính cung bổn mạng như sau :

- Nam mạng :

Đặt dụng số đương niên lên cung 1 khảm, thuận chiều, mỗi cung tăng lên 10, đến cung gần tới số tuổi muốn tìm thì dừng (nếu tính quá 1 cung nữa thì tăng lên 10, sau đó phải lùi lại, mất công), tại cung này đếm thuận chiều tiếp mỗi cung một tuổi, cho tới tuổi muốn tìm cung mạng : rơi vào cung số mấy tức là cung mạng của người đó.

Thí dụ : năm 1995, Ông Đinh Sửu 59 tuổi, cung gì ?

Số của năm đương niên là 6. Đặt số này lên cung 1 khảm, đếm 6 ; chuyển ngón tay cái của bàn tay trái lên cung 2 khôn, đếm 16; tới cung 3 chấn, đếm 26 ; cung 4 tốn , đếm 36 .....cung 6 càn , đếm 56; dừng lại (đừng chồng 10 lần lên nữa, vì đã gần tới 59), tiếp tục đếm theo chiều thuận , mỗi cung 1 tuổi : tại 7 đoài : 57, tại 8 cấn : 58, tại 9 ly :59. Ông Đinh Sửu 59 tuổi này cung bổn mạng là cung ly.

Nhớ rằng dù năm nào cung mạng của một người không bao giờ thay đổi. Nếu tính cung mạng cho một người mà thấy mỗi năm mỗi khác, cần phải kiểm soát lại xem tính sai lầm ở chỗ nào.

- Nữ mạng :

Đặt dụng số đương niên lên cung 5 trung, nghịch chiều, mỗi cung tăng lên 10, đến cung gần tới số tuổi muốn tìm thì dừng lại; tiếp tục theo chiều nghịch, tăng mỗi cung 1 tuổi, đến khi tới số tuổi muốn tìm cung mạng : rớt lại cung nào, cung đó là cung mạng.

Thí dụ : năm 1995, bà tuổi Ất Dậu 51 tuổi, cung gì ?

Đặt số 6 đương niên lên cung 5 trung, đếm 6, chuyển ngón cái của bàn tay trái xuống cung 4 tốn, đếm 16 (vì theo chiều nghịch), tới cung 3 chấn đếm 26, cung 2 khôn đếm 36, cung một khảm đếm 46, cung 9 ly đếm 47, cung 8 cấn đếm 48, cung 7 đoài đếm 49, cung 6 càn đến 50, cung 5 trung đếm 51. Nhưng Nữ mạng đến cung 5 trung thì ký bát, do đó Bà Ất Dậu 51 tuổi này có cung mạng là cung cấn.

Giải thích thì dài dòng, xem ra có vẻ phiền phức, nhưng khi nắm vững, nhuần nhuyễn và nhập tâm rồi, tính lẹ vô cùng, nhiều khi tính mau đến độ ngừoi hỏi không tin rằng cung mạng của họ đã được tính đúng.

Tuy nhiên, ai không muốn theo đuổi khoa này, chỉ muốn coi cung mạng cho biết mà thôi, có thể xem bảng kê cung mạng cho cả 60 tuổi ở 3 ngươn sau đây :

Tuổi	Thượng ngươn		Trung ngươn		Hạ ngươn	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Giáp Tý	1	5	4	2	7	8
Ất Sửu	9	6	3	3	6	9
Bính Dần	8	7	2	4	5	1
Đinh Mão	7	8	1	5	4	2
Mậu Thìn	6	9	9	6	3	3
Kỷ Tỵ	5	1	1	7	2	4
Canh Ngọ	4	2	2	8	1	5
Tân Mùi	3	3	3	9	9	6
Nhâm Thân	2	4	4	1	8	7
Quý Dậu	1	5	5	2	7	8
Giáp Tuất	9	6	3	3	6	9
Ất Hợi	8	7	2	4	5	1
Bính Tí	7	8	1	5	4	2
Đinh Sửu	6	9	9	6	3	3
Mậu Dần	5	1	8	7	2	4
Kỷ Mão	4	2	7	8	1	5
Canh Thìn	3	3	6	9	9	6
Tân Tỵ	2	4	5	1	8	7
Nhâm Ngọ	1	5	4	2	7	8
Quý Mùi	9	6	3	3	6	9
Giáp Thân	8	7	2	4	5	1
Ất Dậu	7	8	1	5	4	2
Bính Tuất	6	9	9	6	3	3
Đinh Hợi	5	1	8	7	2	4
Mậu Tí	4	2	7	8	1	5
Kỷ Sửu	3	3	6	9	9	6
Canh Dần	2	4	5	1	8	7
Tân Mão	1	5	4	2	7	8
Nhâm Thìn	9	6	3	3	6	9

Qúy Tỵ	8	7	2	4	5	1

Giáp Ngọ Ất Mùi Bính Thân Đinh Dậu Mậu Tuất Kỷ Hợi Canh Tí Tân Sửu Nhâm Dần Quý Mão	7 6 5 4 3 2 1 9 8 7	8 9 1 2 3 4 5 6 7 8	1 9 8 7 6 5 4 3 2 1	5 6 7 8 9 1 2 3 4 5	4 3 2 1 9 8 7 6 5 4	2 3 4 5 6 7 8 9 1 2
Giáp Thìn Ất Tỵ Bính Ngọ Đinh Mùi Mậu Thân Kỷ Dậu Canh Tuất Tân Hợi Nhâm Tí Quý Sửu	6 5 4 3 2 1 9 8 7 6	9 1 2 3 4 5 6 7 8 9	9 8 7 6 5 4 3 2 1 9	6 7 8 9 1 2 3 4 5 6	3 2 1 9 8 7 6 5 4 3	3 4 5 6 7 8 9 1 2 3
Giáp Dần Ất Mão Bính Thìn Đinh Tỵ Mậu Ngọ Kỷ Mùi Canh Thân Tân Dậu Nhâm Tuất Quý Hợi	5 4 3 2 1 9 8 7 6 5	1 2 3 4 5 6 7 8 9 1	8 7 6 5 4 3 2 1 9 8	7 8 9 1 2 3 4 5 6 7	2 1 9 8 7 6 5 4 3 2	4 5 6 7 8 9 1 2 3 4

Đọc bảng kê cung bổn mạng này, khi gặp số 5, cần nhớ nguyên tắc "Nam quy nhị, Nữ ký bát " Các cung được ghi bằng số, nhằm giúp người đọc thấm nhuần thêm cửu cung bát quái.

Cung mạng dù được tính theo cách của điển chương xưa, hay tính theo số của dương lịch, cũng phải căn cứ trên tuổi âm lịch. Năm âm lịch khác với năm dương lịch, năm dương lịch thường đổi sang năm mới trong khi năm âm lịch vẫn còn những tháng ngày cuối của năm cũ. Do đó những người sanh đầu năm dương lịch, cuối năm âm lịch cần xem xét lại để biết chính xác thời điểm chào đời của mình, nhất là sinh vào hôm tất niên, đêm giao thừa.

Sinh vào giờ Tí (23 giờ 01 phút đến 01 giờ 00) của đêm giao thừa được kể là sinh vào năm mới, trước 23 giờ 01 phút thuộc năm cũ. Giờ của khoa lý số, của y thuật thì không thay đổi. Nhưng giờ chính thức và pháp định lại hay đổi dời theo những biến cố chính trị của đất nước. Dùng giờ của khoa Tử Vi Đẩu Số để làm giờ sinh chính xác theo bảng kê sự thay đổi giờ giấc trên đất nước Việt Nam, định theo cuối sách này.

Biết được cung bổn mạng của trạch chủ mới biết được tác dụng tốt xấu, thuận nghịch của ngôi nhà, do sự phối hiệp cung bổn mạng và cung hướng của ngôi nhà.

TIẾT 4 : CUNG BỔN MẠNG VÀ NHÀ CỬA.

Thông thường cửa cái (tức là cửa chính) ở mặt tiền ngôi nhà (chương sau sẽ định danh rõ hơn).

Một số lớn các sách của khoa bát trạch cứ ràng buộc cái cửa của ngôi nhà với cung bổn mạng của trạch chủ. Chẳng hạn như nhà có cửa trông ra hướng Nam (các sách đó gọi là Trạch Ly) phối hợp với mạng chủ :

-Cung Ly : được phục vị (nhưng ghi thêm "kỵ tuổi này")
-Cung chấn : sanh khí-tốt
-Cung tốn : Thiên y- tốt
-Cung khảm : Diên niên (kỵ tuổi này)
-Cung khôn : Phạm lục sát
-Cung cấn : Phạm họa hại
-Cung càn : Phạm Tuyệt Mạng
- Cung đoài : Phạm Ngũ Quỷ

Tại sao được phục vị và sanh khí mà trường hợp này thì tốt, trường hợp kia lại kỵ, trong khi sanh khí và phục vị tính chất gần tương đồng ?

Nhà có cửa cung Ly, trong 8 tuổi của mạng chủ, chỉ có 2 mạng chủ Chấn và Tốn được tốt đẹp. Vậy nếu nhà có cửa cung Ly ở mặt tiền trên một đường phố giữa khu thị tứ thì xoay cửa đi đâu cho hợp với 6 mạng chủ còn lại ? Bán nhà đi ở chỗ khác hay phải chịu chết ?

Đó là điều không hợp lý vì nhận định sai lệch về vai trò cung mạng của trạch chủ, bởi nguyên tắc bao giờ cũng phải được tôn trọng là nhà ở gần sông hay gần đường phải xoay cửa ra sông hay ra đường.

Một số sách dùng lẫn lộn ba tiếng : trạch, mạng và cung.

Trên bát quái , từ trung tâm nhìn ra 8 hướng , 8 hướng này gồm 8 cung là Khảm, Chấn, Tốn, Ly, Càn, Khôn, Cấn, Đoài.

Khảm, Chấn, Tốn, Ly : gọi là Đông tứ cung. Chấn và Tốn cùng thuộc Mộc, nhưng Khảm thủy tượng sanh với Chấn, Tốn và Chấn, Tốn tương sanh với Ly hỏa. Do đó khoa bát trạch xếp cả 4 cung này vào phe Đông, Mộc.

-Càn, Khôn, Cấn, Đoài : gọi là Tây tứ cung. Càn và Đoài thuộc Kim nhưng Cấn, Khôn thuộc thổ tương sanh với Càn, Đoài. Do đó, xếp chung vào phe Tây, Kim.

-Trạch là nhà. Nhà có cửa, có phủ phòng hay sơn chủ ở bốn cung Chấn, Tốn, Khảm, Ly thì gọi là Đông tứ trạch. Nhà có cửa, có chủ phòng hay có sơn chủ ở bốn cung Càn, Khôn, Cấn , Đoài goị là Tây tứ trạch. Cửa, chủ phòng và sơn chủ sẽ được trình bày ở chương sau.

Mạng chỉ người, không phải chỉ đồ vật. Ngừoi có mạng thuộc bốn cung phe Đông : Chấn, Tốn, Khảm, Ly thì gọi là Đông mạng. Đông tứ mạng (nói chung cả bốn cung). Ngừơi có mạng thuộc bốn cung phe Tây : Càn, Khôn, Cấn, Đoài thì gọi là Tây mạng, Tây tứ mạng (nói chung cả bốn cung).

Bếp cũng vậy. Bếp gọi là Trù. Bếp ở bốn cung thuộc phe Đông, gọi là Đông Trù. Bếp ở bốn cung thuộc phe Tây, gọi là Tây Trù.

<u>Nguyên tắc :</u> Ở Đông Trạch, phải an đông trù, và hợp với người đông mạng. Ở Tây Trạch , phải an tây trù, và hợp với người tây mạng.

Hợp ở đây có nghĩa là cùng phe, cùng loại, vì cùng chung một thứ lực vũ trụ (force cosmique). Hợp ở đây còn có nghĩa đồng đẳng, đồng tính chất. “-xứng người, xứng của”. Chứ nếu người xứng (lương thiện, đạo đức chẳng hạn) mà của chẳng xứng (vì phạm những tính chất ác hại) thì cũng chẳng thể gọi là hợp. Hay ngược lại, ngôi nhà thuận lý sẽ giúp làm ăn thịnh đạt, nhưng trạch chủ thuộc loại gian tà, ác độc thì trạch chủ sẽ khó hưởng được trọn vẹn sự tốt đẹp ngôi nhà dành cho, hoặc giả nó sẽ loại trạch chủ trước khi có hiệu lực tốt lành. Đó là nguyên tắc “ đồng tính, đồng đẳng: đồng “cư “ và “bất đồng tính , bất đồng đẳng “ : bất đồng cư “.

Vậy hợp với là hợp toàn bộ ngôi nhà, trong đó có bếp, chớ chẳng phải chỉ hợp riêng với mỗi cái cửa.

Gặp cảnh trái nghịch giữa trạch chủ và ngôi nhà, khoa dương cơ chế biến bằng cách nào để hóa giải ? Vì lý âm dương của Dịch Học đâu phải là lý “chết”, mà linh động tùy thời, tùy cảnh biến hóa.

Có 3 trường hợp không thuận hợp :

1) Đông trạch mà an tây trù, hay tây trạch mà an đông trù. Đông thuộc Mộc, Tây thuộc Kim : Kim khắc Mộc, gặp trường hợp tai hại này, dù trạch chủ thuộc đông

mạng hay tây mạng cũng đều bất lợi. Vì nhà nghịch với bếp, chớ không kể mạng chủ. Vậy phải an lại cái bếp cho thuận với nhà : Nếu đông trạch thì an đông trù, nếu tây trạch thì an tây trù. Đã an bếp thuận với nhà, nhưng trạch chủ có mệnh cung không thuận hợp thì sao ? Đó là hai trường hợp dưới đây :

2) Đã an đông trù cho đông tứ trạch, nhưng trạch chủ thuộc tây mạng thì phải hóa giải bằng cách đặt hướng bếp và cửa lò (hỏa môn) về bốn hướng Càn, Khôn, Cấn, Đoài; đặt giường ngủ tại bốn tây cung và xoay đầu giường cũng về một trong bốn hướng Càn, Khôn, Cấn, Đoài.
3) Đã an tây trù cho tây tứ trạch, nhưng trạch chủ thuộc đông mạng thì phải hóa giải bằng cách đặt hướng bếp và cửa lò (hỏa môn) về bốn hướng Chấn, Tốn, Khảm, Ly.
Lý gì khiến hóa giải được sự đối nghịch ấy?
Nhà và vị trí đặt bếp cùng một phe, khác với cung mạng của trạch chủ. Nhưng vị trí đặt bếp quan trọng, giả dụ như bếp không nấu nướng thì vai trò của bếp kể như không còn ý nghĩa. Nay bếp được nấu nướng, tức cung cấp phương tiện nuôi dưỡng trong gia đình, theo chiều hướng, theo "lực tuyến" thuận lợi cho trạch chủ (vì hướng bếp và hỏa môn cùng phe với mạng chủ) thì đó cũng là cách lập lại thế quân bình trong mối "tương quan lực lượng" giữa trạch chủ với nhà và bếp. Lại nữa, dù có sinh hoạt nghề nghiệp trong nhà, nhưng nhà là để ở, để trú ngụ mà giường ngủ là chỗ để ngủ, để nghỉ ngơi, nó chiếm một vai trò quan trọng trong nhà, trong đời sống của trạch chủ. Nay giường được đặt vào vị trí và hướng của đầu giường thuộc một phe với trạch thì hẳn điều này phải mang lợi ích cho trạch chủ. Cái "thế" của trạch chủ được củng cố và tăng cường mà cũng chẳng gây nên sự xáo trộn cho mối hòa hợp của nhà và bếp.
Trên phương diện vật lý, cơ thể con ngươì khi thức, sự sinh hoạt trong trạng thái động, có ý chí và năng lực hỗ trợ để "đương cự" những loại lực bất tương ứng. Trái lại khi ngủ, cơ thể sinh hoạt trong trạng thái tĩnh, ý chí và năng lực cơ hồ như không còn; do đó cơ thể rất cần sự tương đồng của địa từ lực hay lực vũ trụ.
Như vậy, không cứ gì chỉ có trường hợp thứ 2 và thứ 3 nói trên mới cần tìm chỗ đặt giường và xoay hướng đầu giường thuận với cung mạng của trạch chủ. Được nơi đặt giường thuận và đầu giường xoay hướng thuận là hoàn hảo, không thì ít ra cũng phải được một trong hai điều đó. Trường hợp không được một điều thuận lợi nào, người chủ phải quay đầu về hướng Bắc cho đúng địa từ lực thì sức khỏe mới khỏi bị tiêu hao vô ích.
Nói như vậy, tức là trường hợp vợ chồng không hợp cung mạng với nhau, nên ngủ riêng mỗi người một nơi thuận lợi cho mình. Muốn biết vợ chồng có cung mạng thuận với nhau hay không, muốn biết cung hướng có hợp với một người hay không, phải dùng đến phép bát biến du niên, nhiều sách gọi là phi cung; sách này muốn dễ hiểu nên dùng tiếng "biến cung".

Tiết 5: PHÉP BIẾN CUNG

Bát quái có tám cung, đem một cung phối hợp với bảy cung kia và với chính nó; phối hợp tám lần như vậy gọi là bát biến du niên. Cũng làm công việc đó, nhưng nhiều sách

gọi là phi cung. Kết quả của công việc biến cụng, có tốt và có xấu. Nói chung điều tốt gọi là Cát (kiết) du niên. Nói chung điều xấu gọi là Hung du niên. Phân ra chi tiết, Cát gồm có: sanh khí, diên niên, thiên y và phục vị; Hung gồm có: ngũ quỷ, lục sát, họa hại và tuyệt mạng. Ý nghĩa những điều Cát, Hung này là gì?

1. **Ý nghĩa của điều Cát, Hung:**

a- *Cát du niên:*

- Sanh khí: Đem lại thịnh vượng, phấn phát sức sống, tăng tài lộc.
- Diên niên: có sách gọi là Phúc đức, vì nó không những đem đến vàng bạc, châu báu, tiền tài mà còn giúp người ta có được những thứ này trong khoảng thời gian lâu dài. Đàng khác, nó còn đem lại phúc, thọ.
- Thiên y: làm hưng vượng lục súc, ruộng vườn, tăng phước đức và giải trừ nạn tai, bệnh hoạn nhờ đầy đủ áo quần, tiền bạc và thuốc men.
- Phục vị: được xem như là tốt phân nửa của sinh khí, chỉ được tài lộc, hưng vượng ở mức độ trung bình.

b- *Hung du niên:*

- Ngũ quỷ: Tính chất của ngũ quỷ là đem lại sự phản trắc, phỉnh gạt, bội tín, đạo kiếp (trộm, cướp), quan tụng, hình sự nhiểu nhương, lời qua tiếng lại (thị phi, khẩu thiệt), vạ miệng vạ mồm, tai nạn máu lửa. Tai nạn do nó mang tới thực ác hại.
- Lục sát: Ảnh hưởng của lục sát làm cho việc nuôi nấng khó khăn, sự sinh dưỡng trong nhà cũng èo uột, gây gổ, cãi vã, chửi mắng, đánh đập, nam tứ đổ tường, nữ dâm loạn.
- Họa hại: Phạm họa hại thì tai nạn ở đâu không biết mà như cứ chực chờ để giáng xuống gia đình, để trùm lên đầu kẻ bị nó rình rập. Họa tai, nạn ách liên quan đến nhiều mặt, từ sức khỏe đến thân mạng, từ vật chất như tiền bạc, điền sản, đến tinh thần như hạnh phúc, sự bền vững của gia đình; nó xảy ra dưới nhiều hình trạng, không biết đâu mà lường trước.
- Tuyệt mạng: Nói đến tuyệt mạng thì ai cũng sợ vì tính chất vừa ác hại vừa thâm độc của nó. Tác dụng của nó là đoạt mạng bất kỳ, hay làm tiêu hao dần dà vô phương cứu chữa như kim loại ngâm trong acide. Nó làm tàn rụi cơ nghiệp như huê kiểng bị nắng khô, làm tuyệt giống tuyệt nòi không còn kẻ lửa hương nơi từ đường.

  Hung hay Cát không phải lúc nào cũng thể hiện ở mọi mức độ và khắp phạm vi, chỉ được hưởng một số phúc lợi nào đó (Cát), hay chỉ gặp một số khổ ách nào đó (Hung), phẩm và lượng cũng không trường hợp nào hoàn toàn giống trường hợp nào. Được Cát hay thọ Hung tùy theo nghiệp duyên (thiện hay ác) chiêu cảm mà tạo thành. Không công nhận cái thời cơ, hoàn cảnh (cơ duyên), phản bác cái sâu kín ẩn tàng (nghiệp lực) thúc dục người ta thi vi tạo tác, thì đó không là cung cách của bực trưởng giả - những người trưởng thành tâm thức về cuộc sống con người.

  Bốn điều Cát và bốn điều Hung, kết quả của việc biến cung, còn liên hệ mật thiết đến cửu tinh.

2. Cửu tinh:

Cửu tinh là 9 sao, gồm có: Tham Lang, Vũ Khúc, Cự Môn, Tả Phụ, Hữu Bật, Liêm Trinh, Văn Khúc, Lộc Tồn và Phá Quân. Cửu tinh chia ra 2 nhóm: Cát và Hung; Cát thì sóng đôi Cát du niên, Hung đi cặp với Hung du niên.

a.Cát tinh:

- Tham Lang, Sanh Khí - thuộc mộc, số 3, hạp với đông tứ trachj. Hiệu lực của Tham Lang xảy ra từ 3 đến 8 ngày, kế đến là 30 đến 80 ngày, 3 tháng 8 tháng, 3 năm đến 8 năm , 30 năm đến 80 năm. Tham lang không hạp với Tây tứ trạch vì bị hành kim của Tây tứ trạch khắc chế làm mất hết hiệu lực sanh khí.
- Vũ khúc - Diên niên - thuộc kim, số 4, hợp với Tây tứ trạch vì đồng hành kim, không hợp với Đông tứ trạch vì hành kim của Vũ Khúc xảy ra từ 4 đên 9 (số sinh và số thành của kim), sớm nhất là 4 đến 9 ngày, kế đến là 40 đến 90 ngày, 4 tháng đến 9 tháng, 4 năm đến 9 năm, 40 năm đến 90 năm.
- Cự Môn - Thiên Y - thuộc thổ, số 5, tương sanh với hành kim của Tây tứ trạch, bị hành mộc của Đông tứ trạch khắc chế. Hiệu lực của Cự môn xảy ra từ 5 đến 10 (số sinh và số thành của Thổ), sớm nhất là 5 đến 10 ngày, kế đến là 50 đến 100 ngày, 5 tháng đến 10 tháng, 5 năm đến 10 năm, 50 năm đến 100 năm.
- Tả Phụ và Hữu Bật - Phục vị - vẫn là hành mộc như Tham Lang tinh, có tính chất bán kiết của Sanh Khí, có thời hạn hiệu lực như sao Tham Lang. Đặc tính của Phục vị là phụ trợ, vì là trợ tinh. Nó làm tăng độ tốt của chủ phòng, của sơn chủ hay của bếp khi ba thành phần này được Cát du niên như Sanh khí, diên niên và thiên y; ngược lại, nếu thừa Hung du niên như Ngũ quỷ, Lục sát... thì nó thực là thứ chẳng ra gì.

b. Hung tinh:

- Liêm Trinh - Ngũ Quỷ - thuộc hỏa, số 2, khắc hại thê thảm đối với Tây tứ trạch, đem lại những chuyện quái dị, những khích bác, bịnh hoạn cho gia đình. Hiệu lực của nó xảy ra sớm nhất từ 2 đến 7 ngày, kế đến là 20 ngày ế 70 ngày, 2 tháng đến 7 tháng, 2 năm đến 7 năm, 20 năm đến 70 năm.
- Văn Khúc - Lục Sát - thuộc thủy, số 1, đem hung sát vào nhà, ứng với tai nạn sông nước, tà dại, dâm dật, làm bại hoại tổ nghiệp, tiêu tán điền sản. Ở bếp, Văn Khúc gây tai họa hơn những nơi khác, vì bản chất của bếp thuộc hỏa (hỏa táo), nay gặp thủy của Văn Khúc thì khác nào long tranh hổ đấu. Hiệu lực xấu hại của nó xảy ra từ 1 đến 6 ngày, kế đến là 10 đến 60 ngày, 1 tháng đến 6 tháng, 1 năm đến 6 năm, 10 năm đến 60 năm. Sự hung hại của Văn Khúc kém cường độ mãnh liệt hơn Liêm Trinh hỏa.
- Lộc Tồn - Họa Hại - thuộc thổ, số 5, tương khắc với Tây tứ trạch. Nó là cô độc tinh, làm giảm nhơn khẩu, dần dà đi đến chỗ vô nhơn kế tự. Hiệu lực xấu ác của nó xảy ra từ 5 đến 10 ngày, kế đến là 50 đến 100 ngày, 5 tháng đến 10 tháng, 5 năm đến 10 năm, 50 năm đến 100 năm.
- Phá Quân - Tuyệt Mạng - hành kim - số 4, chiêu tuyệt khi đến nhà, nhưng gây thảm hại cho Đông tứ trạch nhiều hơn Tây tứ trạch, ứng với việc phá tàn, hư hao,

quan tụng hình thương. Hiệu lực độc ác của nó xảy đến trong hạn từ 4 đến 9 ngày, kế đến là 40 đến 90 ngày, 4 tháng đến 9 tháng, 4 năm đến 9 năm, 40 năm đến 90 năm.

Lúc ban sơ sau khi xây dựng, hiệu lực dù tốt hay xấu cũng xảy đến với cường độ nhẹ và nhịp độ chậm, tăng triển dần ở giai đoạn giữa và thịnh đạt hay sụp đổ tan hoang về lâu dài. Cũng có bạo phát hoặc nạn tai khủng khiếp ở giai đoạn, nhưng những trường hợp này hiếm hoi.

Có sách còn phân chia âm dương của Cửu tinh:

Tham Lang: + mộc	Phụ Bật: - mộc
Vũ Khúc: + kim	Phá Quân: - kim
Cự Môn: + thổ	Lục Tồn: - thổ
Văn Khúc: + thủy	Liêm Trinh: - hỏa.

Như vậy khi phối hợp với các cung hướng, ngoài đặc tính riêng của các sao, còn có đặc tính của âm dương (nói ở Chương 1).

Có 4 mức độ tốt hoặc xấu của Cửu tinh: Thất Vị, Đắc Vị, Đăng điện và Nhập miếu.

- Thất vị: Khi hành của sao và hành của cung hướng tương khắc. Nếu tinh khắc cung thì cung bị khắc nhập, tất cung bị xấu hại hơn. Thất vị cũng như người không có bối cảnh thuận lợi để thi thố tài năng.
- Đắc vị: khi hành của sao và hành của cung hướng tương sanh. Tinh sanh cung thì lợi ích hơn cung sanh tinh. Đắc vị cũng như người có tài lại có đất dụng võ.
- Đăng điện: Đăng là lên, điện là tòa kiến trúc dành cho quan lại, vua chúa. Gọi là Đăng điện, bước lên bảo điện, khi tinh và cung hướng có cùng hành, tỉ hòa, như Vũ Khúc gặp cung Càn, Đoài. Tại sao khi hành vi của tinh và cung hướng trùng nhau lại gọi là Đăng điện? Cái lý cũng như người đi xa, nay được trở về nhà mình; nhà mình là nơi quen thuộc, do mình làm chủ, sẽ tạo nên sự thoải mái hơn những nơi khác. Về ở được ngôi nhà của mình, chẳng khác gì quan chức đăng đường, vua chúa thăng điện.
- Nhập miếu: Là vào chốn miếu đường, khi sao Đắc vị hay Đăng điện ở ngăn cuối cùng nên gặp trực diện với sơn chủ. Cát tinh đắc vị hoặc đăng điện mà gặp sơn chủ, chẳng khác nào tôi hiền gặp chúa thánh. Còn hung tinh đắc vị hoặc đăng điện, nay lại nhập miếu chẳng khác chi cảnh "đế ngộ hung đồ", vua gặp loạn thần, gian tặc bức hại để cướp ngôi.

  Hung tinh đắc vị, đăng điện hay nhập miếu không thể giảm sự nguy hại do nó mang đến, bởi bản chất hung ác của nó khi gặp hoàn cảnh thuận lợi (đắc vị, đăng điện và nhập miếu) lẽ đâu chẳng tác oai, tác quái. Trường hợp này,hung tinh như kẻ tiểu nhân đắc thời, tai họa do chúng nó gieo rắc phải là khủng khiếp. Hung tinh thất vị thì đỡ khổ cho trạch chủ hơn vì nó thiếu môi trường thích nghi để giở thủ đoạn ác ôn.

  Trái lại, cát tinh thất vị như "quân tử tại dã" (bậc quân tử mà ở nơi ruộng rẫy, bụi bùn), như cá trên cạn, như cọp ra đồng, không thể thi thố tài năng.

Biết được cát hay hung du niên và phối hợp các du niên này với cửu tinh, là do phép biến cung. Vậy cần phải tập dượt phép này cho thông thạo để suy luận và tính toán được chính xác, nhanh chóng.

2. **Phép biến cung:**

Biến cung có hai phần: chánh biến và hỗ biến.

a. *Chánh biến:* Dùng cung của cửa cái biến tới cung của các nơi khác như sơn chủ, chủ phòng bếp. Từ cung của cửa cái biến tới mỗi nơi thì mỗi lần biến được một du niên, an du niên này vào cung đó chớ không phải an du niên vào cung cửa cái. Thí dụ cửa cái tại cung Đoài, Bếp tại cung Chấn, từ cung cửa cái (Đoài) biến tới cung của bếp (Chấn) được một du niên là Tuyệt mạng, an Tuyệt mạng vào cung của bếp - gọi bếp này là bếp tuyệt mạng, Phá quân tinh, hành kim.

Từ cung của cửa cái biến tới cung của cửa phòng, cửa bếp, cửa ngỏ cũng gọi là chính biến, nhưng những chỗ này không quan trọng.

b. *Hỗ biến:* Hai cung của ahi chỗ biến qua lại với nhau, có một du niên cùng tên. Thí dụ cung của bếp là Tốn, cung của sơn chủ là Càn (từ Tốn biến tới Càn hay từ Càn biến tới Tốn cũng có cùng một kết quả, một du niên): bếp Tốn + sơn chủ Càn: Họa hại, bếp này đối với sơn chủ là bếp họa hại, sơn chủ đối với bếp cũng là họa hại. Nhưng tác dụng của họa hại đối với sơn chủ và đối với bếp chưa chắc đã giống nhau, cần phải nghiệm xét: Họa hại, sao Lộc Tồn, hành thổ bị bếp Tốn mộc khắc, thành hung tinh thất vị; nhưng đối với sơn chủ lại đắc vị vì tương sanh.

Biến cung là thay đổi hình tượng của cung ấy. Mỗi cung có 3 hào, gồm có hào dương và hào âm. Biến cung là thay đổi tuần tự từng hào một, từ ngoài vào trong, từ trên (hào thượng) đến dưới (hào sơ), nếu hào dương (___) thì đổi thành hào âm (-----) và ngược lại, nếu hào âm thì đổi thành hào dương.

Cần thì xem lại hình tượng của Bát Quái tại Chương I.

Thí dụ biến cung Chấn, Quẻ Chấn, hình tượng của nó như chậu để ngửa (ngưỡng bồn), gồm có hai hào âm ở trên và một hào dương ở dưới:

- -
- -

Phép biến cung cả thảy có 8 lần (bát biến):

- Lần thứ 1: biến hào số 1 âm của chấn ra hào dương, thành cung Ly (trung hư), ở phương chánh Nam, được du niên Sanh Khí Tham Lang tinh, hành mộc - Cát tinh.
- Lần thứ 2: biến hào số 2 âm của Ly ra hào dương, thành cung Càn (tam liên), ở phương Tây Bắc, được du niên Ngũ Quỷ, sao Liêm Trinh, hành hỏa - hung tinh.
- Lần thứ 3: biến hào 3 dương của cung Càn ra hào âm, thành cung Tốn (hạ đoạn), ở phương Đông Nam, được du niên Diên Niên, sao Vũ Khúc, hành kim - kiết tinh.
- Lần thứ 4: biến hào số 2 dương của cung Tốn ra hào âm, thành cung Cấn (phúc uyển), ở phương Đông Bắc, được du niên Lục sát sao Văn Khúc, hành thủy - cung tinh.

- Lần thứ 5: biến hào số 1 dương của cung Cấn ra hào âm, thành cung Khôn (lục đoạn), ở phương Tây Nam, được du niên Họa Hại, sao Lộc Tồn, hành thổ - hung tinh.
- Lần thứ 6: biến hào số 2 âm của cung Khôn ra hào dương, thành cung Khảm (trung mãn). Ở phương chánh Bắc, được du niên Thiên Y, sao Cự môn, hành thổ - Cát tinh.
- Lần thứ 7: biến hào số 3 âm của cung Khảm ra hào dương, thành cung Đoài (thượng khuyết), ở phương chánh Tây, được du niên Tuyệt mạng, sao Phá Quân, hành kim - Hung tinh.
- Lần thứ 8: biến hào số 2 dương của cung Đoài ra hào âm, thành cung Chấn (ngưỡng bồn) ở phương chánh Đông, được du niên Phục Vị, sao Tả Phụ Và Hữu Bật, gọi tắt là Phụ - Bật, hành mộc - Cát tinh.

Đó là phân tích tỉ mỉ phép bát biến. Bất kỳ ai học khoa này, cũng đều phải sử dụng bàn tay trái cho được tiện lợi hơn. Xem hình dưới đây:

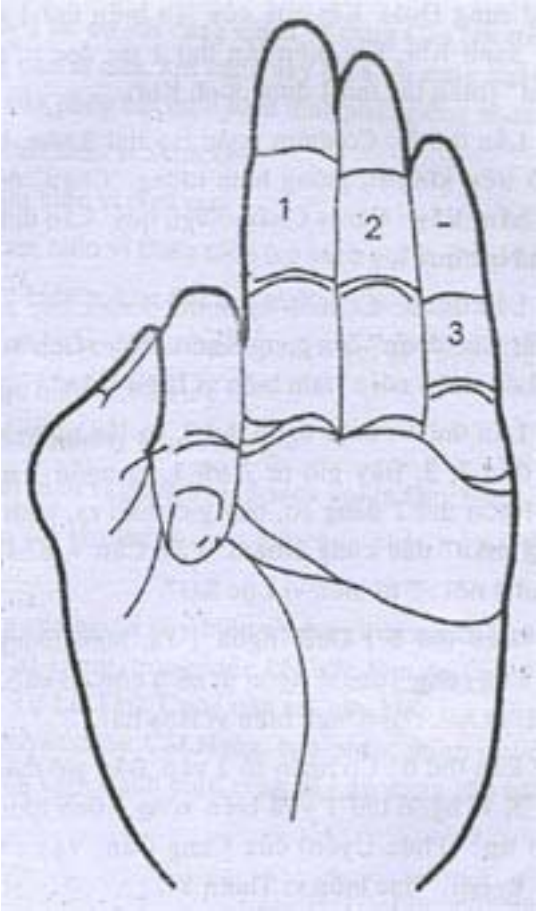

Ba ngón tay số 1, 2 và 3 duỗi thẳng ra theo hình vẽ, tượng trưng quẻ Càn. 3 vạch liền (Càn tam liên). Vậy hãy lấy cung Càn làm tỉ dụ để thực hiện phép bát biến:

- Lần thứ 1: Co ngón số 1 vào lòng bàn tay, ngón tay ngắn lại tượng trưng cho vạch đứt. Như vậy, đang 3 ngón tay liền (cung Càn), bây giờ ngón trên khuyết (thượng khuyết) tức như cung Đoài. Kết quả của lần biến thứ 1 này: Càn + Đoài: Sanh

Khí. Khi biến lần thứ 1 thì đọc: "nhất biến vi sinh khí" (biến lần thứ 1 được Sinh Khí).

- Lần thứ 2: Co thêm ngón tay thứ 2 vào, bây giờ có 2 ngón ở trên khuyết, giống hìnhợnnnng "Chậu để ngửa" của cung Chấn. Vậy: Càn + Chấn: Ngũ Quỷ. Lần thứ 2 nói: "nhị biến vi Ngũ Quỷ".
- Lần thứ 3: Co luôn ngón thứ 3 vào, bây giờ có 3 vạch đứt, như "lục đoạn" của cung Khôn. Vậy: Càn + Khôn: Diên Niên. Lần thứ 3 nói: "tam biến vi Diên niên".
- Lần thứ 4: Biến ngón thứ 2, ba lần trước biến theo thứ tự: 1 đến 2,3. Bây giờ từ 2 tới 1, vì ngón 3 mới vừa biến xong. Ngón thứ 2 đang co, bây giờ duỗi ra, hình tượng giống "Trung mãn" của cung Khảm. Vậy Càn + Khảm: Lục sát. Lần thứ 4 nói: "tứ biến vi Lục Sát".
- Lần thứ 5: Duỗi ngón 1 ra, hình tượng giống "Hạ đoạn" của cung Tốn, vì ngón út số 3 còn co vào. Vậy: Càn + Tốn: Họa hại,nói: "ngũ biến vi Họa hại".
- Lần thứ 6: Co ngón số 2 vào. Bây giờ theo chiều từ số 2 đến 3, vì ngón thứ 1 vừa biến xong. Hình tượng giống như "Chén úp" (Phúc Uyển) của Cung Cấn. Vậy: Càn + Cấn: Thiên Y, nói: "lục biến vi Thiên Y".
- Lần thứ 7: Duỗi ngón 3 ra, hình tượng giống "Trung hư" của cung Ly. Vậy: Càn + Ly: Tuyệt mạng, nói: "Thất biến vi Tuyệt Mạng".
- Lần thứ 8: Duỗi ngón số 2 ra, thành 3 vạch liền, trở về "Tam liên" của cung Càn. Vậy: Càn + Càn: Phục Vị, nói: "bát biến Phục Vị".

Qua 2 thí dụ với cung Chấn và cung Càn nói trên, hay dù với cung nào đi nữa, khi cung này biến tới cung khác, kết quả mỗi lần của phép bát biến nhất định phải giống nhau.

- Nhất biến vi Sanh khí.
- Nhị biến vi Ngũ Quỷ.
- Tam biến vi Diên Niên (có sách gọi là Phúc Đức).
- Tứ biến vi Lục Sát (có sách gọi là Du hồn).
- Ngũ biến vi Họa hại (có sách gọi là Tuyệt thể).
- Lục biến vi Thiên y.
- Thất biến vi Tuyệt mạng.
- Bát biến vi Phục Vị (có sách gọi là Quy hồn).

Biến tới lần thứ 8, bao giờ cũng phải trở về cung cũ - Phục Vị.

Cung của người này biến tới cung của người khác để biết tốt, xấu, Cát Hung, trong việc kết ước làm ăn, trong việc gả cưới (Bát Tự Lữ Tài). Cung của nơi này biến tới cung của nơi khác để quyết đoán Cát Hung, họa phúc, thịnh suy của ngôi nhà (Dương Cơ). Cách biến cơ này áp dụng cho bất cứ loại nhà nào.

CHƯƠNG III: CÁC LOẠI NHÀ

Có nhà cất trên mặt sông hay biển, nhưng thường thì nhà nào cũng được xây dựng trên mặt đất. Đất để cất nhà ở thị tứ và ở thôn quê hay vùng ngoại ô thường có tính chất khác biệt. Đất cất nhà ở trung tâm thành phố hay những khu vực thị tứ thường được hạn định trong phạm vi của mỗi nhà: tường vách chung, đường phố công cộng, đôi khi cũng không còn đất dư để mở cửa hậu. Trái lại, ở vùng ngoại ô, khu vực phụ cận thành phố, hay ở những nơi thôn dã, thổ cư nhiều khi rộng rãi hơn, vườn ao quanh nhà, phía này phía khác có sông suối, đường đi... Vậy trước tiên cần nhận định về địa thế của khu đất cất nhà, sau sẽ xem xét đến ngôi nhà.

Tiết 1: ĐỊA THẾ

1. *Địa hình và địa điện:*

a. Địa hình là hình dạng khu đất. Địa hình khu thổ cư có thể có ranh giới cong quẹo, có thể vuông vắn lại cũng có thể hai bề rộng hoặc hai bề dài không bằng nhau. Ranh giới ngay ngắn khiến cho khu thổ cư có hình vuông hay hình chữ nhật thì rất tốt. Nếu hai chiều rộng không bằng nhau khiến cho khu thổ cư có một đầu lớn và một đầu nhỏ thì xấu. Đầu trước nhà nhỏ hơn phía sau thì lúc đầu trạch chủ phải chịu gian lao hay không thuận lợi, nhưng về sau càng lúc càng hanh thông hơn. Nếu thế đất phía trước rộng, phía sau hẹp thì sự sinh hoạt của trạch chủ dẫu cho trước có phát đạt, lâu dần thì phải suy tàn. Vì vậy người ta ít chuộng thế đất "Đầu voi đuôi chuột" này.Thế đất tốt là thế đất đúng cách, giúp làm ăn thịnh đạt. Thế đất xấu thì ngược lại. Dĩ nhiên còn nhiều yếu tố khác thuộc nhân sự, chứ chẳng phải chỉ có địa cuộc riêng đủ năng lực giúp người nên cửa nên nhà, chớ mê tín mà mua tiếng cười cho miệng thế.

b. Địa điện là mặt đất. Bề mặt khu thổ cư nếu bằng phẳng là tốt, nếu chỗ khuyết lõm, chỗ lại mô, gò là xấu. Tính theo cửa cái, những xấu hại như sau:

- Nền nhà cửa Càn mà khuyết ở cung Ly thì con gái thứ (thứ nữ) có nhiều hành vi mờ ám, mông muội.
- Nhà cửa Khảm, nền nhà khuyết về phía cung Tốn thì thứ nam èo uột khó nuôi hay chết từ hồi nhỏ.
- Nhà cửa Cấn, nền nhà khuyết ở cung Khôn: trưởng tử không con.
- Nhà cửa Chấn, rìa quanh nền nhà, tức bìa thềm mà khuyết lõm về phía cung Càn thì trưởng tử ít khi chịu thổ lộ ước muốn của mình, hay giấu nhẹm hành động của mình.
- Nhà cửa Tốn, khuyết ở bìa nền về hướng Chấn: trưởng tử chết non.
- Nhà cửa Ly, khuyết ở bìa nền về hướng Càn: trưởng tử không con kế tự.
- Nhà cửa Khôn, khuyết ở bìa nền về hướng Cấn: Con trai thứ chết từ lúc còn nhỏ.
- Nhà cửa Đoài, chung quanh bìa nền nhà, lồi lõm cùng khắp thì chủ nhà chắc bại thối.
- Nhà cửa Khảm, bìa nền nhà cao đầy ở cung Càn thì đàn ông lớn tuổi trong nhà rất mực đắm mê tửu sắc.

Người soạn chỉ có cơ duyên kiểm nghiệm hai trường hợp: nhà cửa Chấn và nhà cửa Cấn trên đây. Bảy trường hợp còn lại cần có cơ hội để tâm nghiệm xét, chẳng thể kết luận vội vàng.

2. Gần sông, gần đường đi:

Mặt tiền nhà hướng ra sông, nếu gần sông, hay hướng ra đường, nếu gần đường, là đúng cách.

- Có sách nói nhà ở có ba mặt nước đổ dồn về tất đại phát. Kinh nghiệm của tôi, sau khi nghe lời truyền dạy của cha ông trong nhà thì thấy trái lại: Đại phát đâu chẳng bao giờ thấy đến, chỉ có nước tràn ngập lênh láng mỗi khi trời mưa, gia cảnh thật khó ngóc đầu lên nổi. Lý do cha ông tôi chê địa thế này là vì "nước mọi nơi đổ dồn về, đạp trôi hết của tiền!".
- Tổ phụ tôi cũng chê địa thế "đầu gành, cuối bãi". Không biết có phải vì mỗi khi thủy triều xuống sẽ cuốn theo hết cả sức cần lao trong nhà, lại phải chịu áp lực nặng nề của thiên nhiên bổ vào nhà khi thủy triều lên. Tôi chỉ thấy quả thực những ngôi nhà đầu gành cuối bãi, đầu doi cuối vịnh, chưa có ngôi nhà nào có hoàn cảnh vật chất khả quan.
- Nếu nhà ở gần sông, suối mà quay lưng ra sông, suối, chẳng khác nào dàn quân đánh trận theo thế bối thủy, dựa lưng vào sông, biển, một thế trận quyết tử, không thắng tất chết. Nỗ lực của tướng sĩ ở trận mạc thường có thời hạn, nhà ở lại thường kéo dài lâu hơn. Đời người có lúc thịnh. lúc suy, sức người có khi đau khi mạnh; những lúc suy yếu mà nhà theo thế bối thủy thì lấy gì chống đỡ với hoàn cảnh? Chắc là cơ nghiệp sẽ theo dòng nước cuốn!.
- Còn nhà xoay lưng ra đường chẳng khác gì người ngoảnh mặt với thế cuộc. Đời là trường tranh đấu. Đâu có cái thế tranh đấu nào mà ngoảnh mặt? Vậy nhà xoay lưng ra đường nói lên hành động "ngã nón chào thua" cuộc đời của trạch chủ.
- Sông và đường cái, đường công cộng, không phải luôn luôn ngay thẳng, lúc thì cong bên trái, lúc thì quẹo về bên mặt. Nếu đường hay sông uốn qua bên trái, chỗ cong bên phải tạm gọi là góc bẹt, chỗ cong bên trái tạm gọi là góc nhọn: nhà cất ở góc bẹt được đắc cách, nhà cất ở góc nhọn bại cách. Nếu đường hay sông lượn qua bên phải: nhà cất ở góc bẹt đắc cách, nhà cất ở góc nhọn bại cách.

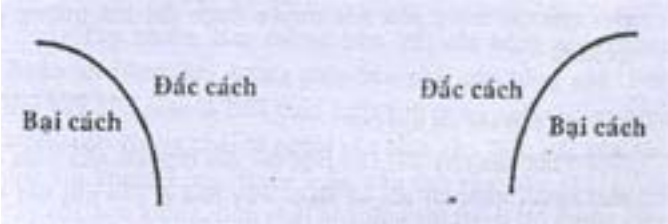

- Lý do là chỗ uốn khúc của đường hoặc sông có 2 lực khác nhau: lực bên góc bẹt thoáng hơn vì tỏa ra, lực bên góc nhọn quần lại, tù hãm hơn.

- Đường cái hay đường hẻm mà đâm thẳng vào cửa nhà, dù là đã ngăn cách bằng một con đường hay một con sông cũng là điều đại kỵ: vì đây là thế "xuyên tâm sát", gia trưởng không chết bất ngờ thì suốt đời cũng không cất đầu lên nổi.

Cái lực ấy nếu chỉ đâm vào một phần của mặt tiền nhà cũng có tác dụng bất lợi, dù kém hơn trường hợp đường đâm thẳng vào cửa cái.

3. Tiền đề hậu cao và thế tiền cao hậu đê:

Cũng đồng thời quay mặt ra đường, nhưng cả dãy nhà ở bên này lộ lại có sự phát triển không giống cả dãy nhà ở bên kia lộ, vì nhà ở một bên lộ thì dựa lưng vào đồi cao chẳng hạn, còn nhà ở bên kia lộ thì xoay lưng xuống ruộng thấp. Con đường lúc bấy giờ trở thành cái bờ đê ngăn lưng chừng cửa của những căn nhà có phía ruộng thấp. Đó là sự khác biệt giữa hai địa thế tiền đê hậu cao (trước nhà đất thấp, sau nhà đất cao hơn). Thế tiền đê hậu cao là thuận cách, giúp đem lại sự thịnh đạt. Thế tiền cao hậu đê là phá cách, đem lại sự âm trầm và suy bại. Địa thế của cách tiền đê hậu cao còn giúp cho con cái trong nhà nối truyền được chí khí trượng phu, quân tử.

4. Địa thế có núi cao:

Phía sau nhà đất cao hơn thế đất ở trước nhà: tốt đẹp, như người nằm có gối kê đầu. Vậy nhà ở gần núi bắt buộc phải dựa lưng vô núi. Nếu xoay mặt tiền nhà vào núi, bấy giờ nhà như bị treo ngược, cái lực từ núi đổ xuống, gây sức ép nặng nền cho nhà. Chiến trận mà đưa quân vào quải địa (thế đất treo ngược) như vậy tất quan tan, tướng chết.

Hệ luận của cách này là không nên chơi non bộ ở mặt tiền nhà cao quá 1m20 vì non bộ "núi giả", khi có tầm mức đồ sộ ở trước nhà thì chẳng khác gì núi thật.

5. Đường trong khuôn viên thổ cư:

- Trước đây có phong tục: ai có việc phải đi băng qua sân nhà người khác đều phải ngỏ lời xin phép chủ nhân. Cố nhiên những người ngỏ lời xin phép này không phải là người hàng xóm hay những người lân cận. Sở dĩ phải có lời xin phép vì sân nhà của người ta không phải là lối đi, không phải là thông hành địa dịch cho bất cứ ai: không bao giờ làm lối đi ngang qua trước cửa nhà, trước mặt tiền nhà cũng không làm đường đi từ cửa thẳng ra đường, khiến cho có cái lực ngược lại từ đường đâm thẳng vào cửa, dễ đưa tới họa tuyệt nhơn định, vô nhơn kế tự. Làm lối đi xa cửa hay tránh một bên cửa thì vô hại. Xa hay gần là tùy theo địa thế.
- Làm đường đi sau nhà thì nên đề phòng nạn trộm cắp, nhưng tiêu hao tiền bạc
- vì những lý do khác thì không biết đâu để tiên liệu. Tốt hơn là chớ làm đường xe ở phía sau nhà, làm ở bên hông nhà hì được.
- Tuy nhiên, làm đường bên trái cửa hông nhà không thuận lợi bằng làm đường phía bên phải của hông nhà. Bên trái hay bên phải là tính theo hướng từ trong nhà nhìn ra phía trước, chớ không phải từ ngoài sân nhìn vào. Bên trái của nhà ứng với Thanh long, thuộc mộc, cần tĩnh yên, nên phải trồng cây cối, hoa kiểng.Bên phải nhà ứng

với Bạch Hổ thuộc Kim, cần sinh động, nên mới làm đường đi. (Chấn, Mộc, Thanh Long; Đoài, Kim, Bạch Hổ).

- Chớ khai đường mương dẫn nước, đường thoát nước, ao hồ, rãnh nước ở ngay trước nhà, trước nhà bếp, trước miệng hỏa lò (hỏa môn). Phạm vào điều này: tiền tài thoái tán, người trong nhà giảm lần, gia đạo suy vi đến tuyệt tự. Nếu không phải tư gia, công sở và quan thự mà phạm điều này thì nhơn dân bá tánh trong vùng phải cùng khốn, xiêu tán, là chùa am thì đạo đồ sinh tâm phản phúc, lụn bại đến không còn hương khói; là hãng xưởng công nghệ, kỹ nghệ thì dẫn đến cảnh tan hoang, điêu tàn.

6. Đình chùa, mồ mả:

Nhà cất ở phía trước cửa Miểu, Chùa, Đình Thần: xấu nếu xây dựng chỉ ở một bên, nhà ở phía bên phải của Đình Chùa được thuận thế hơn những nhà cất bên trái của Đình Chùa. Phải hay trái là tính từ trong Chùa Miểu ngó ra phía trước.

- Nhà cất ở phía sau mồ mả: tốt, nhất là những người có quan chức.
- Nhà cất ở phía trước mồ mả: bại vong.
- Nhà ở chẳng nên đối diện với hình tượng, bia đài lộ thiên, dù trên đó có biểu tượng anh hùng nghĩa sí của thế gian, hay những bậc thần thông quảng đại như Thánh thần, Tiên Phật. Kiêng như vậy có lẽ để tránh áp lực từ những nơi này đưa vào nhà.

Đó là sự liên hệ của nhà ở với đình chùa và mồ mả, tưởng cũng nên nói ra mối tương quan giữa mồ mả và Đình chùa.

Mả mồ của bá tánh phải chôn cách Đình Chùa ít nhất 50m. Phạm điều này vong nhân khó siêu thoát. Quyến thuộc của vong nhân muốn táng xác gần Chùa để người quá cố nghe sư tăng tụng kinh điển. Quan niệm mê tín này trái với chánh pháp của Phật, chẳng giúp ích gì cho vong nhân.

Mồ mả của tăng ni thuộc bổn tự chỉ được táng và xây tháp sau chùa Tổ, nơi thờ Đức Đông Sư Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Dù bực Cao Tăng Đắc Đạo, khi viên tịch cũng không được phép xây tháp ngang với Chùa Tổ. Phạm vào điều này: mắc tội mạn (kiêu mạn, ngã mạn). Hai điều trên không được tôn trọng: ngôi Tam Bảo dần dà đi tới chỗ hương tàn khói lạnh!

7. Những tu tạo phụ:

- Trước cửa nhà có xây lập, chồng chất những hòn đá màu hồng, đỏ và đen: gọi là nhà lửa (hỏa ốc), chắc phải gặp hỏa tai: nhất là ngôi nhà phạm ngũ quỷ (sao Liêm trinh, hỏa) thì tai họa máu, lửa thật khó thoát.
- Cây đòn dông của nhà khác đâm thẳng vào mặt tiền của nhà mình dù cách con đường hay có một con sông chắn ngang cũng là điều tối kỵ. Tác dụng của nó là đem lại sự bất an như tai nạn, bịnh đau, quan tụng, xào xáo trong nhà bị nó đâm thẳng vào mặt tiền - đâm vào cửa cái còn nguy hại cho trạch chủ hơn nữa. Nó giống như cây phương thiên hoạch kích của Lữ Bố đâm vào yết hầu của Đổng Trác. Nhà mà bị thế đòn dông dâm, nếu không hao tổn sinh mạng, tất phải suy bại về tiền bạc, sức khỏe, rốt cuộc sẽ tàn rụi.

- Hai bên nhà chánh, lại lập thêm nhà phụ hướng vào nhà chánh, thì kho lẫm suy hao.
- Phía sau nhà chánh, lại xây thêm nhà hướng thẳng vào nhà chánh, thế "trực xạ" như vậy bất lợi cho thân mạng của trạch chủ.
- Phần bên tay phải của phía sau nhà (thuộc Bạch Hổ, nhưng ở nửa phần sau của ngôi nhà), nếu có lập thêm một gian nhà ngang ở cung Tỵ (thuộc sơn hướng Thìn Tốn Tỵ - sẽ nói về Sơn hướng ở chương IV), thì trong nhà sẽ có người chết vì tự vận.
- Phần bên trái ở phía sau ngôi nhà (thuộc Thanh Long, nhưng ở phần sau), nếu có thiết lập thêm một gian nhà ngang thì trong nhà sẽ có người chết về sông nước (tự ải đầu hà).
- Phía trước nhà, lại xây thêm một nhà nhỏ hướng thẳng vào cửa thì nhà sẽ sản sinh ra con cháu ngỗ nghịch, bất hiếu.
- Quanh nhà có đào ao và giếng, tối kỵ hướng Tây (cung Đoài) vì cung Đoài tượng là ao đầm, nay lại đào thêm ao, giếng thì "thủy" quá đa; thủy ứng với sao Văn Khúc là dâm tinh, rất bất lợi cho con gái (Đoài chỉ thiếu nữ).
- Đào hầm hố (chữ nho là Khanh) quanh nhà cũng cần lưu ý, nếu đào tại cung Càn: người đàn ông lớn tuổi trong nhà mang tai tiếng, họa hoạn, tại cung Khảm: con cái chết yểu, tại cung Cấn: chẳng phát văn tài còn mang tật bịnh, tại cung Chấn: cô quả, tại cung Ly: đau mắt, tại cung Khôn: tổn hại cho người đàn bà lớn tuổi trong nhà, tại cung Đoài: con gái út mang bịnh.
- Cầu tiêu (xí) không làm gần giếng đã đành, nhưng cũng không được xây ngay trước cửa (mặt tiền) nhà, khiến chiêu lấy những xấu xa, quái dị, đảo lộn lẽ luân thường. Các sơn hướng sau đây có thể dùng làm nhà cầu: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý và Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Cần tránh các sơn hướng: Càn, Khôn, Cấn, Tốn, Tí, Ngọ, Mão, Dậu, Dần, Thân, Tỵ, Hợi.
  Cầu tiêu, nhà tắm, chuồng phân trâu bò, trên nguyên tắc là phải lập nơi hung phương để trấn áp bớt những hung sát, tai nguy. Lập các nơi uế trược ấy còn phải tùy thuộc vị trí của ngôi nhà, nên thực tế rất khó áp dụng các sơn hướng nói trên. Cốt yếu là dùng những nơi uế trược ấy an trấn nơi hung phương cũng đủ.
  Lấy trung tâm điểm của nền nhà làm điểm đặt la bàn để tìm cung - hướng đối với những kiến trúc phụ thuộc.
  Ngoài địa thế thuận lợi hay tai hại cho ngôi nhà, tưởng cũng nên kê ra đây một vài kiểu kiến trúc không có lợi:
  Nhà kiểu chữ ĐINH 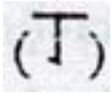 gồm hai khối liền nhau, nhưng một ngang, một dọc. Kiểu nhà này rất tiện lợi trong sinh hoạt của dân có nếp sống trung lưu ở vùng quê. Nhưng về lâu dài, đa số con cái tronh kiểu nhà này không có gia thất (không có vợ, có chồng), vì vậy số nhơn khẩu mỗi ngày một giảm.
  Hai cửa cái của hai nhà đối diện nhau, sẽ khiến nhà nào cũng bị cảnh bất hòa (thương nhà xây cất trước bị nặng hơn); vì đó là "tương mạ môn" (cửa gây nên sự mắng chửi nhau).

Nhà có cửa cái, ngăn sau lại mở thêm hai cửa cùng hướng về phía trước như cửa cái, tạo thành chữ PHẨM 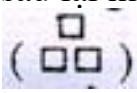 thì trong nhà phải chịu tiếng thị phi, khẩu thiệt, vì chữ PHẨM có tới ba chữ khẩu.

Trên đây là một số địa thế trong muôn ngàn địa thế trên mặt đất, một vài hình thái kiến trúc trong vô vàn hình thái kiến trúc mà tâm ý con người có thể nghĩ tưởng ra được. Kiến văn và sự kinh lịch của người soạn chỉ là giọt nước trong đại dương bao la, rất cần sự bổ cứu của nhưng bực nhìn xa, thấy rộng.

TIẾT 2: XẾP LOẠI NHÀ

Minh Triết Tiên Sinh biên khảo sách "Dương Trạch Tam Yếu" theo Triệu Cửu Phong, chia nhà ra làm 4 loại: tinh trạch, động trạch, biến trạch và hóa trạch.

Chỗ khác nhau khi khảo sát một ngôi tịnh trạch và 3 loại nhà còn lại là: ở tịnh trạch chỉ cần an du niên mà không có phiên tinh. Tịnh trạch, từ trước ra sau, không có "ngăn" nào. Còn động trạch, biến và hóa trạch từ trước ra sau có nhều ngăn. Vậy Tịnh khác với Động và Biến, Hóa ở chỗ ấy chăng?

Bởi nhận thấy các tiếng TỊNH, ĐỘNG, BIẾN, HÓA có tính cách gò ép và trừu tượng, nếu chỉ căn cứ vào công việc của người khảo sát nhà cửa thì nên chia nhà làm 2 loại: Đơn trạch và Phức trạch.

Gọi tịnh trạch và đơn trạch vì đây là loại nhà giản dị, từ trước ra sau không có vách ngăn, và công việc khảo sát là chỉ cần an du niên.

Gọi động, biến và hóa trạch là phức trạch vì 3 loại nhà này từ trước ra sau có 1 hay nhiều vách ngăn, người khảo sát phải an du niên vào những nơi quan yếu của ngôi nhà và phải phiên tinh vào các ngăn. Đây là một công việc không phải giản dị, có thể gây nhiều rối rắm.

Trong các thành phần của Phức Trạch, có thể gọi:

Động trạch là Thông trạch, vì đây là loại nhà chiếm đa số.

Biến trạch là Biệt trạch, vì đây là loại nhà vượt hình thái thông thường, bởi nó có từ 6 đến 10 ngăn.

Hóa trạch là Ngoại trạch, vì đây là loại đặc biệt, rất ít khi gặp, bởi nó có nhiều ngăn, từ 11 đến 15 ngăn. Gọi là "NGOẠI" cũng như gọi một công chức làm việc có thâm niên quá cao, đã vượt đẳng trật tột cùng, chẳng hạn gọi một Đốc Phủ Sứ thượng hạng ngoại hạng.

Tuy nhiên, để được ngày càng thông dụng trong việc nghiên cứu Khoa Dương Cơ, sách này vẫn dùng danh từ TỊNH, ĐỘNG, BIẾN và HÓA trạch.

1. Tịnh trạch:

Gọi là tịnh trạch, nhà từ mặt tiền ra đến tận phía sau không có ngăn chia ra nhiều ngăn bằng tường hay bằng vách. Trên một ngăn thì gọi là nhiều. Tịnh trạch chỉ có một ngăn, tính từ mặt tiền ra đến mặt hậu, không có vách ngăn bên trong. Vách ngăn chia nhà ra làm nhiều ngăn. Không có vách ngăn mới là Tịnh Trạch.

Nhưng dưới quan điểm của Khoa Dương Cơ, thế nào mới kể là vách ngăn?

Vách ngăn là điểm rất vi tế, cần xem xét kỹ lưỡng, bằng không sẽ tính nhầm số ngăn của ngôi nhà, rồi xếp nhầm loại nhà.

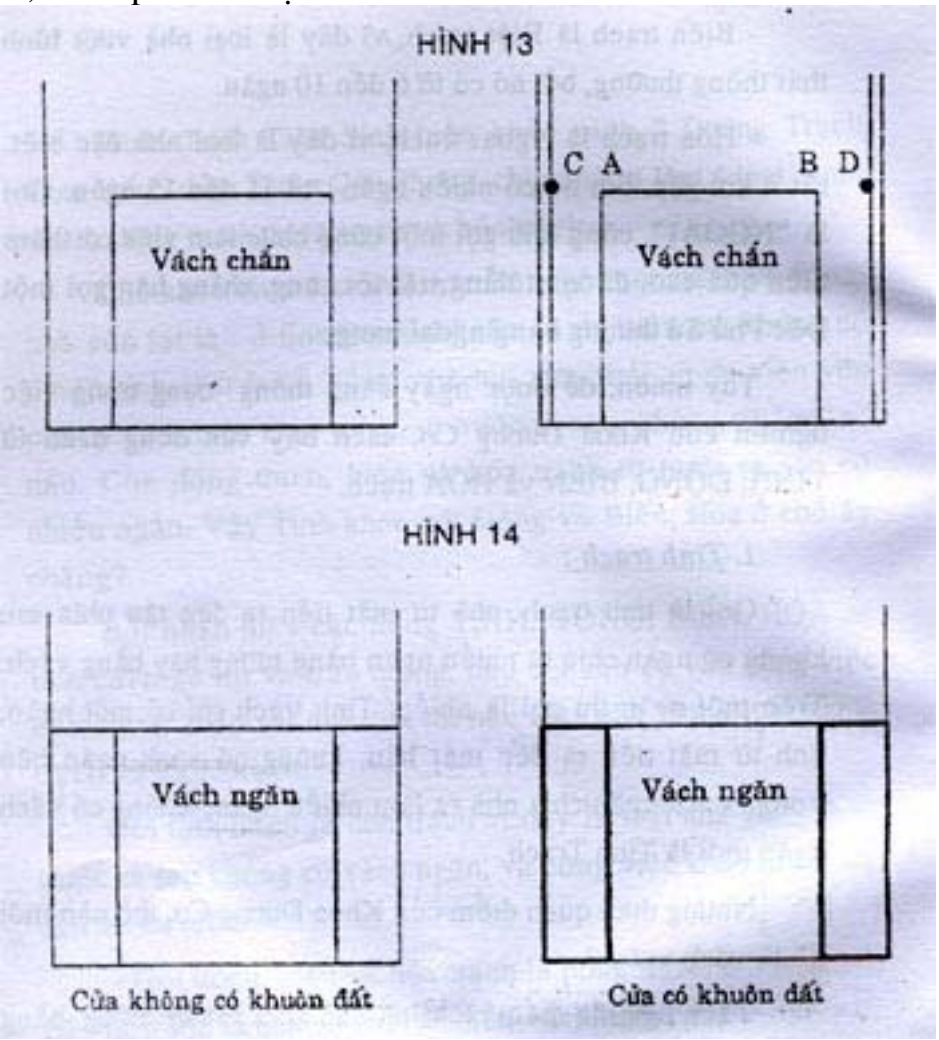

Muốn đi từ trước ra sau, phải qua vách. Dù chỗ trống này có cửa đóng hay không, cũng gọi là cửa. Vách đó gọi là vách ngăn. Có ba trường hợp chủ nhà làm vách ngăn:

Chủ nhà muốn làm vách ngăn, nhưng với Khoa Dương Cơ, đó chỉ là vách ngăn. Nhìn hình 13: giữa lòng nhà lập một bức vách, có chừa hai đường trống để đi ra phía sau, nhưng vách này không dính liền với vách nhà ở hai bên. Tấm vách giữa lòng nhà đó là vách chắn chứ không phải vách ngăn. Thay bức vách giữa bằng tấm bình phong, hay dựng tủ, kê giường, treo màn, cũng đều có công dụng là che chắn, chớ không thể là vách ngăn được.

Chủ nhà không ý định làm khung cửa, chỉ nối hai điểm AC và BD bằng hai sợi dây để treo hai bức màn. Vì hai sợi dây chỉ để treo màn, nên vách giữa này vẫn là vách chắn. Cho dù tại hai điểm C và D - so với mặt tường, vách phẳng - có phần nhô ra của hai dây cột gạch, hoặc hai cây cột gỗ, dùng để chống đỡ mái nhà, thì vách giữa này vẫn là vách chắn, không phải vách ngăn.

Chủ nhà thật sự muốn làm cửa ngăn phần nhà phía trước và phần nhà phía sau bằng cách làm phần trên tấm vách giữa dính liền với vách hai bên (hình 14). Vách giữa bấy giờ là vách ngăn, không thể là là vách chắn như trước. Hoặc tại điểm C và D (của hình 13) có xây nhô ra khỏi tường một phần để tạo thành khung cửa, giống như có khuông đất, hoặc chủ gia thật sự đã làm khuông đất cửa tại ngăn này, thì vách giữa là vách ngăn, không phải vách chắn. Khuông đất là tiếng chỉ vật liệu xây cất, dùng để gắn bản lề, mắc cửa vào.

Chủ nhà đã tạo thành khung cửa, nhưng lại không gắn cửa, thì vách giữa này vẫn là vách ngăn. Trái lại, ở hình 13, nếu có gắn cửa bật liền vào vách, vào tường, thì vách chắn ở giữa lại trở thành vách ngăn.

Trên đây chỉ là thí dụ điển hình, người áp dụng Khoa Dương Cơ cần quan sát tinh tế để phân biện vách chắn và vách ngăn. Trường hợp thứ vách này thiếu hình thái cụ thể để phân biện, cần hỏi chủ gia về những điều cát hung, họa phúc đã xảy ra trong nhà để kiểm nghiệm số ngăn, hoặc loại nhà, (Do phiên tinh mà biết, sẽ nói sa).

Vách chắn và vách ngăn có vai trò khác nhau trong Khoa Dương Cơ, khi muốn bớt số ngăn trong nhà, phải phá bớt vách ngăn hoặc phải biến vách ngăn thành vách chắn. Muốn biết tịnh trạch thành các loại nhà khác thì phải là vách ngăn. Muốn biến những loại nhà khác thành tịnh trạch, phải phá bỏ vách ngăn mà chỉ lập vách chắn.

Tịnh trạch có các thành phần sau đây: Cửa cái, phòng chủ, bếp, cửa nhà bếp, hướng bếp và cửa buồng của phòng chủ. Những điều này sẽ được trình bày trong TIẾT III: Thành phần của ngôi nhà.

2. Động trạch:

Gọi là động trạch, từ nhà trước ra đến sau có ít nhất là 2 ngăn và nhiều nhất là 5 ngăn. Mỗi lần phải qua cửa của vách ngăn thì kể là một ngăn, dù tại vách ngăn không có gắn cửa.

Vách ngăn của động trạch cũng phải theo những điều chỉ dẫn ở tịnh trạch, nên vách chắn, tủ, giường, bình phong, màn dùng để che thì không được kể là vách ngăn. Vậy tạm vẽ sơ đồ một động trạch kiểu mẫu dưới đây:

Chấn Cửa Ly

Tốn

Khảm Càn Đoài

Động trạch có 7 điều quan hệ, xếp theo thứ tự sau đây:

1. Cửa cái
2. Hướng nhà
3. Sơn chủ
4. Bếp
5. Hướng bếp
6. Cửa ngăn chánh
7. Cửa nhà bếp

Những điều này sẽ được trình bày trong Tiết III.

3. Biến trạch:

Gọi là biến trạch,những ngôi nhà từ trước ra đến sau có từ 6 đến 10 ngăn. Mỗi lần qua cửa của vách ngăn thì kể là một ngăn, dù tại vách ngăn có cửa hay không. Đặc tính của vách ngăn đã được nói ở tịnh trạch. Bảy điều quan hệ của động trạch cũng là bảy điều quan hệ của biến trạch. Trong hai loại nhà này, điều khác biệt ở cách phiên tinh (sẽ nói sau) mà thôi.

4. Hóa trạch:

Gọi là hóa trạch, nhà từ trước ra đến sa có từ 11 đến 15 ngăn.

Bảy điều quan hệ của động trạch, biến trạch và hóa trạch đều giống nhau; nhưng cách phiên tinh của động trạch khác cách phiên tinh của biến trạch, còn cách phiên tinh của hóa trạch thì giống cách phiên tinh của biến trạch từ 8 đến 10 ngăn.

Thực tế có từ 70 đến 80% nhà là động trạch, một số nhà khác là tịnh trạch và biến trạch, họa hoằng mới có hóa trạch. Biến trạch và hóa trạch có thể được tấy ở những nơi mà nhà có mặt tiền hẹp và chiều dài rất sâu như khu phố cổ ở Hà Nội. Dù biến và hóa trạch chiếm một tỷ lệ nhỏ, nhưng Khoa Dương Cơ cũng đã nghiên cứu tường tận.

Trong 4 loại nhà nói trên, nếu được xây dựng nơi rộng rãi, thường nhà nào cũng có cửa ngỏ và cửa hậu.

Cửa ngỏ:

Mỗi khi vào một ngôi nhà, thường phải qua cửa ngỏ, vào sâu rồi mới đến cửa cái. Cửa ngỏ lại thường được làm ở ngoài hàng rào, nên còn được gọi là cửa rào. Nếu nhà ở khu thị tứ, hay ở ngay mặt tiền đường phố, không có cửa ngỏ, tất nhiên chẳng cần luận đến.

- Nếu nhà xây sát ranh đất, hai bên hông nhà không còn đất trống phía trước mặt tiền nhà là sân, ngoài cùng là cửa ngỏ, thì cách tínhc ung cửa ngỏ như sau: giao điểm của hai đường chép tức là trung tâm điểm của sân. Đặt la bàn tại trung điểm này, rồi nhìn từ trung tâm la bàn đến trung tâm điểm của cửa ngỏ, hoặc dùng một sợi dây nhỏ (sợi nhợ) kéo thẳng từ trung tâm la bàn đến trung tâm điểm của cửa nhỏ. Hễ thấy điểm giữa của cửa nhỏ ở vào khoảng cung nào của la bàn thì gọi đó là cung của cửa ngỏ.
- Nếu còn đất đai bao quanh nhà, đất ở hai bên hông nhà và trước có sân, sau có vườn chẳng hạn, thì cửa ngỏ bấy giờ không phải là cửa ngỏ của cái sân mà là cửa ngỏ của toàn thể khu đất cất nhà. Do đó, la bàn phải được đặt tại trung tâm điểm của khu đất và cách tìm cung cửa ngỏ cũng như trên.
- Trạch chủ thường thắc mắc: Để cửa ngỏ bên nào thuận?

Theo nguyên tắc: Đứng từ trong nhà nhìn ra phía trước bên trái thuộc Thanh Long, bên phải thuộc Bạch Hổ, Thanh Long cần yên tĩnh, vậy phải làm cửa ngỏ bên Bạch Hổ, bên tay phải. Nếu con đường đi từ cửa ngỏ dẫn thẳng đến cửa cái theo thế "trực xạ" thì cần phải tránh. Đàng khác, thuận theo thế Bạch Hổ mà làm cửa ngỏ nhưng phạm Đô Thiên đối với trạch chủ (sẽ nói ở chương cuối cùng) thì cũng phải kiêng, và cần châm chước thế nào cho thích nghi với địa thế mà không phải phạm vào điều cấm kị,

Khoa Dương Cơ không quan tâm nhiều đến cửa ngỏ vì xem nó là phần tạo tác ở ngoài ngôi nhà, trái với cửa hậu, dính liền với ngôi nhà.

Cửa hậu:

Cửa hậu là cửa sau, thường lập tại bức vách cuối cùng của ngôi nhà. Ngưng bất tất cửa hậu phải ở vị trí này, miễn là nó ở phần sau hay ở ngăn cuối của ngôi nhà. Cửa hậu khác với cửa hông. Cửa hông ở khoảng lưng chừng, theo chiều dài, của ngôi nhà. Bất kỳ ai vào nhà, cũng phải vào cửa cái, nhưng không phải ai cũng có thể vào cửa hậu hay cửa hông.

Cửa cái phải đặt nơi nào ở mặt tiền để khi phối hợp với phòng chủ (tịnh trạch), sơn chủ (3 loại nhà khác) và với bếp được thừa cát du niên thì nhà mới được gọi là tốt; trái lại cửa hậu không cần điều đó. Giả như cửa cái đặt tại chỗ tốt và cửa hậu cũng được đặt ở chỗ tốt thì cũng chẳng mất tốt, còn cửa hậu đặt ở chỗ xấu thì cũng vô hại.

Vai trò của cửa hậu, ngoài việc đem lại sự thuận tiện cho sinh hoạt trong nhà, tính chất thiết yếu của nó nhằm tránh cho nhà không bị "tuyệt khí"

Nhà không có cửa hậu, thường phần sau nhà bị tối tăm, thiếu mát mẻ, không thoáng khí, khiến một người mới vào đến nghe như ngột ngạt, như bị bít bùng trong hang. Đó là tính chất của nhà bị tuyệt khí, một điều tối kị của Khoa Dương Cơ. Nhà bị tuyệt khí khiến trạch chủ không thể thi thố năng lực đem lại sự thịnh đạt cho gia đình, thường lâm cảnh "lực bất lòng tâm" (bụng muốn mà sức không thực hiện nổi).

Nhà ở thành thị, không có đất để mở cửa hậu, cần xây dựng thế nào cho phần sau nhà được sáng sủa, thoáng mát, để tránh tuyệt khí.

TIẾT 3: THÀNH PHẦN CỦA NGÔI NHÀ

Ngoài những điểm quan yếu của ngôi nhà thuộc 4 loại nói ở Tiết II, có lẽ cũng như mọi sự vật trên đời, nhà còn có "tên".

Mục A: Định danh ngôi nhà

- Ở tịnh trạch: tên du niên tại phòng chủ là tên của nhà.
- Ở động trạch và biến, hóa trạch: tên du niên tại sơn chủ là tên của nhà, cũng có thể gọi tên sao chúa là tên của nhà.

Trên lý thuyết, nhà có 4 tên theo cát du niên: Phục vị, Sanh khí, Thiên Y và Diên niên, có bốn tên theo hung du niên: Ngũ Quỷ, Họa hại, Lục sát và Tuyệt mạng.

Ngạn ngữ Tây phương có câu "Tên là người (le nom, c'est l'homme) thì tên nhà cũng chính là tính chất của nhà, như nhà Sanh Khí là nhà đem lại sự hưng vượng, phấn phát cho trạch chủ, còn nhà Ngũ Quỷ là nhà đem lại bịnh đau, khẩu thiệt, phản phúc, trộm đạo. Đó là nguyên tắc của lý thuyết, so với thực tế thì nhiều khi có sai khác, qua bốn thí dụ sau đây:

Thí du 1: Nhà tốt như tên gọi:

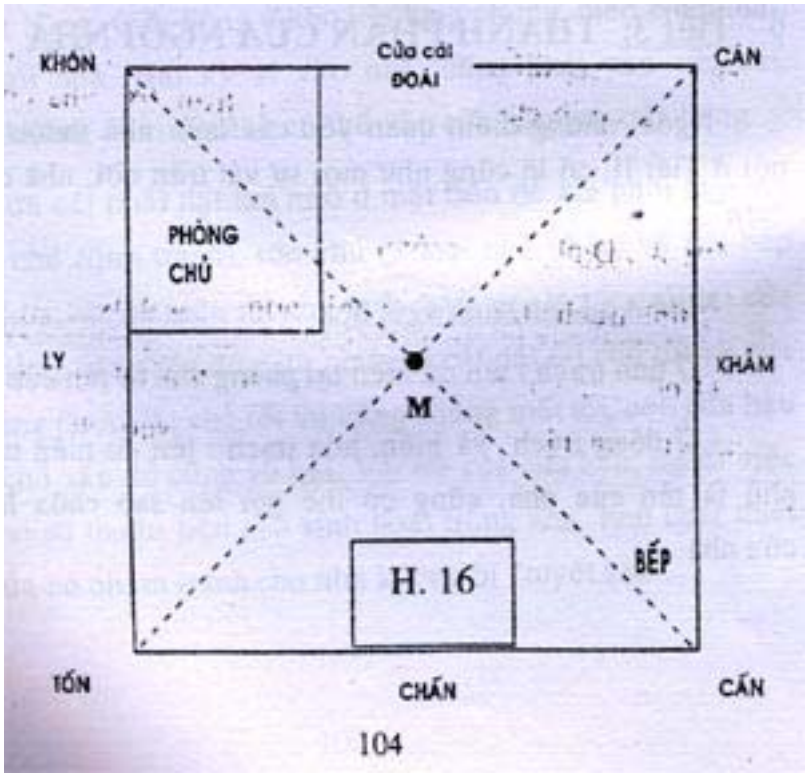

Cửa cái cung Đoài phòng chủ ở cung Khôn và bếp cung Cấn, ba cung Đoài, Khôn, Cấn đều tương sanh và tỉ hòa:

- Khôn và Cấn đều hành thổ: tỉ hòa, lưỡng thổ thành sơn.
- Khôn, Cấn hành thổ sanh Đoài kim, nhị thổ sanh nhất kim.
- Cửa cái Đoài + phòng chủ Khôn: Thiên Y, nên nhà này mệnh danh là Thiên Y Trạch.
- Cửa cái Đoài + bếp Cấn: Diên Niên (Diên Niên Táo).
- Phòng chủ Khôn hỗ biến với bếp Cấn: Sanh khí.

Chánh biến và hỗ biến được thừa cát du niên Thiên Y, Diên Niên và Sanh Khí, được ba điều tốt, gọi là "tam kiết trạch". Đại luận: mặc dù phòng chủ Khôn sinh cửa Đoài khiến chậm phát (vì trong sinh ra ngoài), nhưng Thiên Y thổ của Phòng Khôn đăng điện sanh vượng cho Tây tứ trạch, khi phát tất đại phát. Lại bếp Diên Niên kim lâm Cấn thổ là đắc vị, sanh vượng một lần nữa cho Tây trạch. Bếp đó giúp cho nhà đại phát tài lộc, công danh vinh hiển, con hiếu cháu hiền.

<u>Thí dụ 2: Nhà xấu như tên gọi.</u>

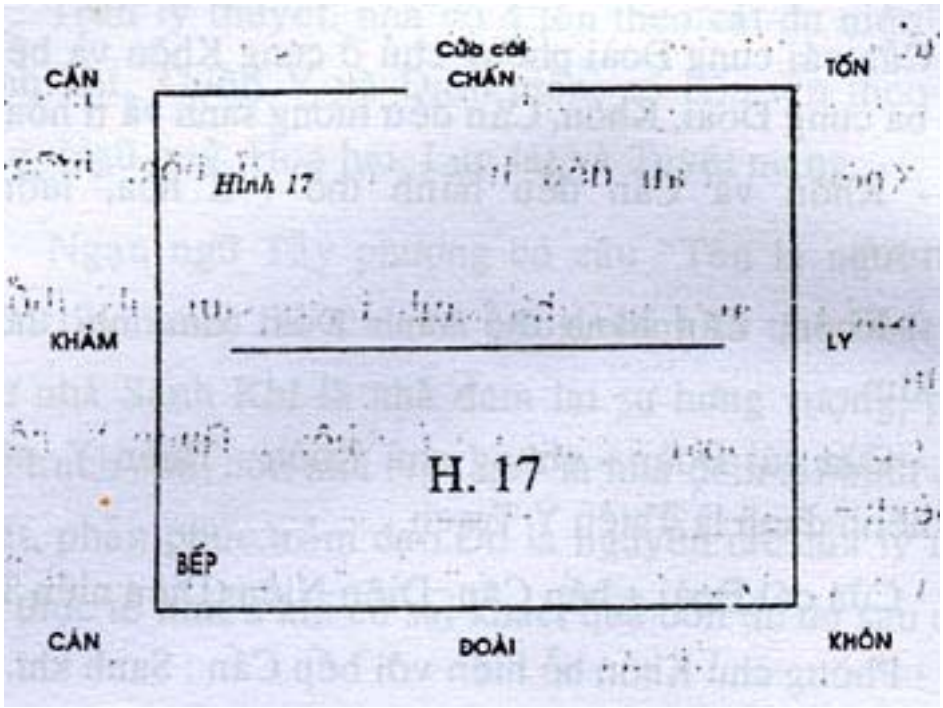

Từ cửa cái chấn biến 7 lần đến cung Đoài, sơn chủ, thừa hung du niên Tuyệt mạng, nên nhà này có danh xưng là Tuyệt Mạng Trạch.

- Cửa cái Chấn + Bếp Càn: Ngũ quỷ, đây là ngũ quỷ táo.
- Bếp Càn + sơn chủ Đoài: thừa cát du niên Sanh Khí, nhưng thất vị vì Sanh Khí mộc gặp Càn, Đoài Kim (hỗ biến).

Đại luận: Du niên tuyệt mạng ứng với hung tinh Phá Quân kim thì ngăn thứ 1 là ngăn tuyệt mạng kim, ngăn thứ hai Lục Sát Thủy (sẽ đề cập đến cách an du niên ở Tiết IV). Lục sát thủy trực ngộ với sơn chủ Đoài kim (vì nhà này có hai ngăn) nên Lục sát ở đây đắc vị và nhập miếu. Đặc tính của Văn Khúc, ứng với Lục Sát, là dâm tinh. Lục sát có hiện tượng đánh mắng, chửi rủa, cờ bạc, rượu chè, đỉ điếm, hút xách. Lục sát thủy lại tương sanh với Đoài kim. Do đó mực độ đánh mắng lên tới chỗ đâm chém, mực độ "nam tửu nữ dâm" lên tới chỗ trụy lạc, hoang tàn: sự kiện ấy đưa tới chỗ gia cảnh điêu tàn, gia phong lễ giáo bại hoại. Trong nhà thân mạng của những người con trai hay cháu trai lớn (trưởng tử, trưởng tôn) bị thương tổn trầm trọng (cung Chấn ứng với trưởng tôn, trưởng tử) vì vọng động, hoành hành gây nên những tai vạ máu lửa, quan tụng, thị phi, kiếp đạo. Ác hại một điều là chẳng ai giáo hóa nổi (vì sơn chủ khắc cửa, nội khắc ngoại, trong nhà khắc chế xã hội), đám trưởng tử, trưởng tôn đó càng hung hăng như hổ dữ bị thương, cho tới ngày mất mạng. Trưởng tử, trưởng tôn đổ nát rồi thì dòng tộc tuyệt diệt ắt là không khó! Thật không thể nói hết được những thảm thương trong cảnh ngộ của những loại nhà này.

<u>Thí du 3: Tên nhà tốt, nhưng nhà chẳng trọn tốt.</u>

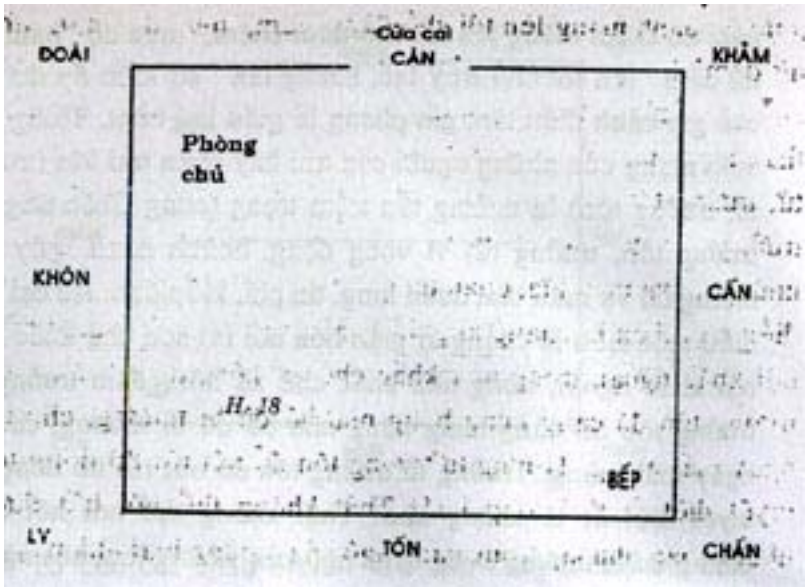

- Cửa cái Càn + phòng chủ Đoài: Sinh khí, nên nhà này được mệnh danh là nhà Sanh Khí Trạch.
- Cửa cái Càn + bếp Chấn: ngũ quỷ, bếp ngũ quỷ.

Bếp Chấn hỗ biến với phòng chủ Đoài: tuyệt mạng.
Đại luận: Tuy có tên là nhà Sanh khí nhưng sanh khí ở đây thất vị, chỉ khá giả, hưng thịnh lúc ban đầu, về sau thì suy kém dần. Đàng khác, bếp ngũ quỷ gây trong nhà lắm nỗi tai ung, như đã nói về loại bếp ngũ quỷ ở trên.
Cửa cái Càn, phòng chủ Đoài: Càn có tượng là người đàn ông lớn tuổi, lão ông; Đoài có tượng là người đàn bà nhỏ tuổi, con gái còn nhỏ. Nay lão ông kết hợp với thiếu nữ thì sao khỏi đắm mê dâm dục? Khi sức lão ông không còn mấy nổi thì sự tà loạn ắt khó ngăn ngừa vì bếp ngũ quỷ chực chờ sẵn sàng hạ độc thủ chẳng chút tiếc thương, do tác dụng tuyệt mạng của bếp hỗ biến với phòng chủ. Rốt cuộc: mua tiếng cười cho thiên hạ.
<u>Ví dụ 4: tên nhà xấu, nhưng chẳng trọn xấu.</u>

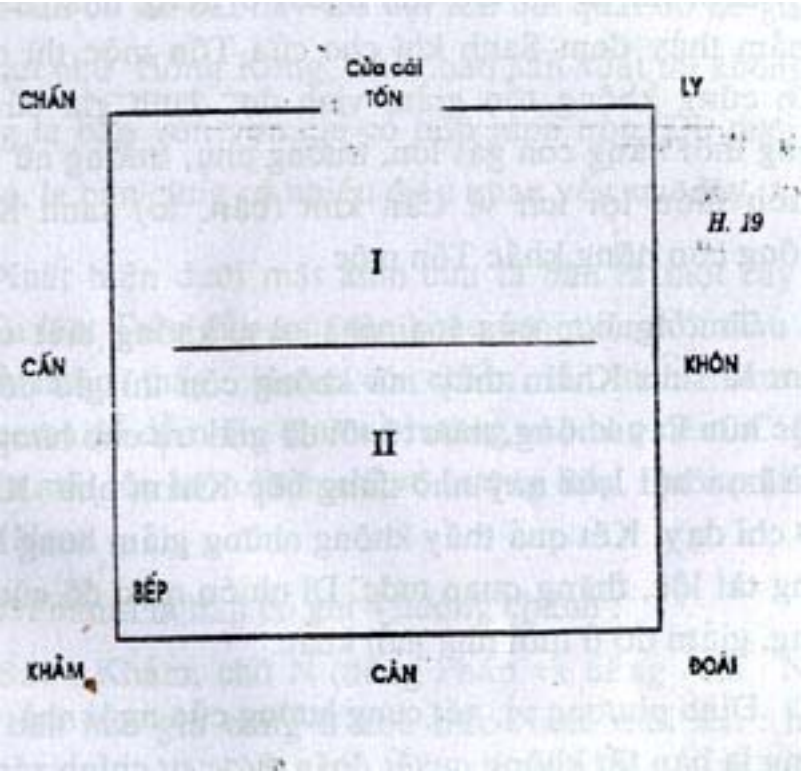

Từ cửa cái Tốn biến 5 lần đến Càn, gặp hung du niên họa hại, nên nhà này gọi là Họa Hại trạch.
Từ cửa cái biến một lần đến bếp Khảm, gặp cát du niên sinh khí.
Ngăn 1 họa hại, ứng với sao Lộc Tồn thuộc Thổ, ngăn thứ hai diên niên kim, ứng với sao Vũ Khúc. Sao Vũ Khúc hành kim trực ngộ sơn chủ Càn kim nên đăng điện nhập miếu. Ngăn 2 này lại cao và rộng hơn ngăn 1. (Xem tới cách phiên tinh ở Tiết V, Chương này, sẽ rõ).
Đại luận: Mặc dầu danh hiệu của nhà là Họa hại, gây nhiều tai ách khổ nạn do sơn chủ Càn kim khắc cửa cái Tốn mộc, nhưng sao Vũ là phúc thọ tinh được đăng điện lại nhập miếu và ở trong ngăn cao rộng nhất nên hiệu lực hóa giải của nó rất cường mãnh, không những giải trừ được hung nguy mà còn đem lại sự an lạc cho người ở trong nhà. Lại nữa, bếp Khảm thủy đem Sanh khí cho cửa Tốn mộc thì dù có hoạn nạn cũng không tổn giảm vinh dự, danh giá của gia đình, đồng thời hàng con gái lớn, trưởng phụ, trưởng nữ (Tốn) được nhiều điều lợi ích vì Càn kim (bận, lo) sanh Khảm thủy, không còn nặng khắc Tốn mộc.
Trường hợp của loại nhà này, không biết càn kim có ham lo sinh Khảm thủy mà không còn thì giờ để khắc Tốn mộc nữa hay không, thực tế tôi đã giải trừ cho hàng chục ngôi nhà họa hại này nhờ dùng bếp Khảm như Khoa Dương Cơ chỉ dạy. Kết quả thấy không những giảm hung hại mà còn tăng tài lộc, thăng quan tước. Dĩ nhiên mực độ cùng phạm vi tăng, giảm đó ở mỗi nhà mỗi khác.
Định phương vị, xét cung hướng của ngôi nhà, nếu không dùng la bàn tất không quyết đoán được sự chính xác.
Mục B: La bàn:

Đến "Khu Dân Sinh" chợ Sài Gòn tìm mua cái la bàn (còn gọi là địa bàn - La boussole) hoặc do quân đội Mỹ để lại, hoặc do khối Xã Hội Chủ Nghĩa sản xuất. La bàn do quân đội Mỹ để lại, có nắp đậy trên mặt kính. Mở và đậy nắp được là nhờ bảng lề. Bật nắp đậy ra thì nắp đậy và đế của la bàn xếp thành một đường thẳng. Đặt đường thẳng này trùng với cạnh của tấm gạch trên nền nhà thì rất tiện lợi khi tìm hướng của ngôi nhà (ô vuông của tấm gạch cũng giống như những ô vuông trên bản đồ). Tuy nhiên, nếu dùng la bàn có đế dài này mà đặt lên bát quái đồ để giả làm cái la bàn như Hồng Kông, Đài Loan sản xuất thì không tiện lợi bằng la bàn vỏn vẹn chỉ có hộp hình tròn. Dù dưới hình thức nào, la bàn cũng có nhiều điều quan yếu sau đây:

- Xuất hiện dưới mặt kính của la bàn là một cây kim, hình mũi tên. Trên đầu mũi tên hoặc sơn màu đỏ, màu trắng cho dễ nhận thấy. Hoặc có chấm lân tinh màu xanh (phosphore) để dễ nhận phương hướng vào ban đêm. Cây kim này, đầu mũi tên luôn chỉ về hướng Bắc. Đuôi mũi tên ở phương Nam.
- Trên mặt la bàn có ghi 4 hướng chánh:
- Bắc: Khảm, chữ N (tiếng Pháp và tiếng Anh: North), kim la bàn bao giờ cũng ở trục Bắc Nam, mũi tên: hướng Bắc.
- Nam: Ly, chữ S (Pháp: Sud, Anh: South)
- Đông: Chấn, chữ E (Pháp: Est, Anh: East).
- Tây: Đoài, chữ O hoặc W (Pháp: Ouest, Anh: West. Và 4 hướng phụ cận (gọi là tứ duy):
- Đông Bẫc: Cấn, chữ N.E
- Đông Nam: Tốn, chữ S.E
- Tây Bắc: Càn (Kiền), chữ N.O hoặc N.W
- Tây Nam: Khôn, chữ S.O hoặc S.W.

Địa bàn Liên Xô ghi tiếng Nga. Ai không biết ngoại ngữ thì ngắm hướng theo kim địa bàn: Hướng mặt theo trục kim, đầu mũi tên là hướng Bắc, đuôi mũi tên là hướng Nam, phía tay mặt mũi tên là hướng Đông, bên trái mũi tên là hướng Tây.

- Vòng tròn trên mặt la bàn có chia làm 360 độ. Với 8 cung bát quái thì mỗi cung là 45 độ. 4 cung tứ duy, mỗi cung ở:
- Đông Bắc: 45 độ.
- Đông Nam: 135 độ.
- Tây Nam: 225 độ.
- Tây Bắc: 315 độ.

Khi sử dụng, xoay la bàn cho mũi tên trùng với chữ N là phương Bắc, tất nhiên 3 hướng chánh còn lại cũng được la bàn xác định luôn: Đuôi kim: hướng Nam, chữ E ở 90 độ: hướng Đông, chữ W ở 270 độ: hướng Tây. Còn 4 hướng tứ duy cũng theo số độ trên mà tính.

Điểm đặt la bàn cần tránh xa kim loại thì mũi tên mới chỉ đúng hướng Bắc. Lưu ý điều này, không thì sự phân cung điểm hướng ở những điểm cần yếu của ngôi nhà không còn chính xác.

Mục C: Những thành phần quan yếu của ngôi nhà:

Khoa Dương Cơ xem cửa cái, phòng chủ (tịnh trạch), sơn chủ (động trạch, biến, hóa trạch) và bếp là những điểm quan yếu của ngôi nhà. Vì tính cách đặc biệt và vai trò thiết yếu của bếp cho cả 4 loại nhà, nên xếp bếp riêng một chương (chương IV).

1. Cửa cái:

Trên nguyên tắc vận chuyển của bát quái, cửa cái có thể đặt ở 1 trong 8 cung của ngôi nhà. Nhưng thực tế, cửa cái thường ở mặt tiền của ngôi nhà, liền với nhà, do cửa cái mà từ ngoài mới bước vào nhà. Do đó, không thể kể đến kích thước rộng hẹp, cao thấp, cửa cái vẫn chiếm vai trò hàng đầu; còn cửa hậu và cửa hông chẳng cần luận đến.

Cửa cái ở mặt tiền nhà, theo một đường thẳng của mặt tiền. Nhưng mặt tiền nhà có nhiều kiểu cách, không phải lúc nào cũng là một đường thẳng theo kiểu mặt tiền nhà thường có tự xưa đến nay, như nhà "mặt thụt, mặt lồi".

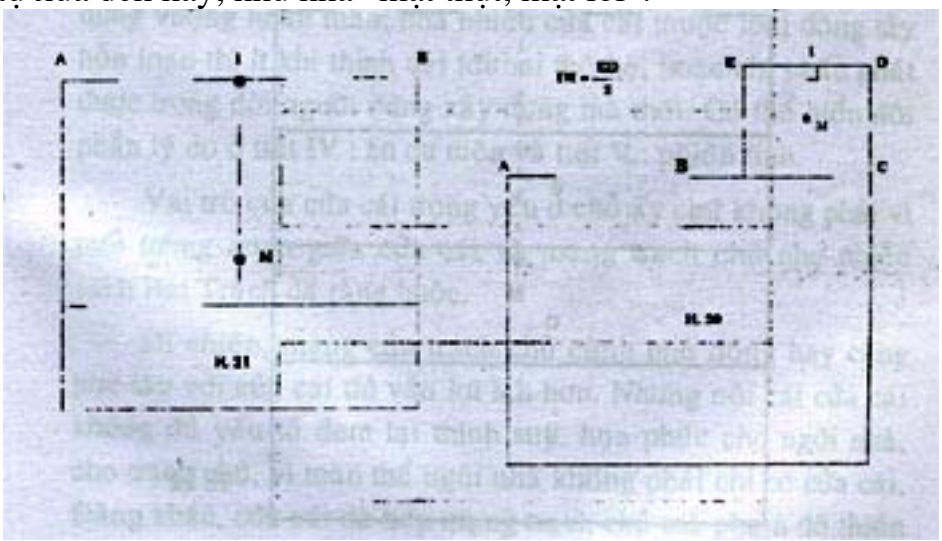

Nhà có thể có một cửa cái, hay nhiều cửa cái; các cửa này nhiều khi lại không cùng trên một đường thẳng, không cùng ở một mặt nhà, cần xem xét tinh tế khi một ngôi nhà có nhiều cửa vào. *Như hình 21:* Ngôi nhà có 2 cửa vào bằng nhau, tấm vách cắt đôi ngôi nhà theo chiều dài, có hai cửa thông từ căn này sang căn khác, phía sau là phần chung của ngôi nhà. Với sơ đồ này, phải kể ngôi nhà có 2 cửa.

Những ngôi nhà chữ Đinh xây dựng ở ngoại vi thành phố có mặt tiền rất dài, nên thường có từ 3 đến 5 cửa cái trên cùng một đường thẳng. Xưa kia, những ngôi nhà 3 gian, năm gian với 2 chái Bắc vần (mái ngói liền nhau trên một mặt phẳng không gian), cũng có rất nhiều cửa cái. Động trạch đồ dưới đây có 3 cửa cái:

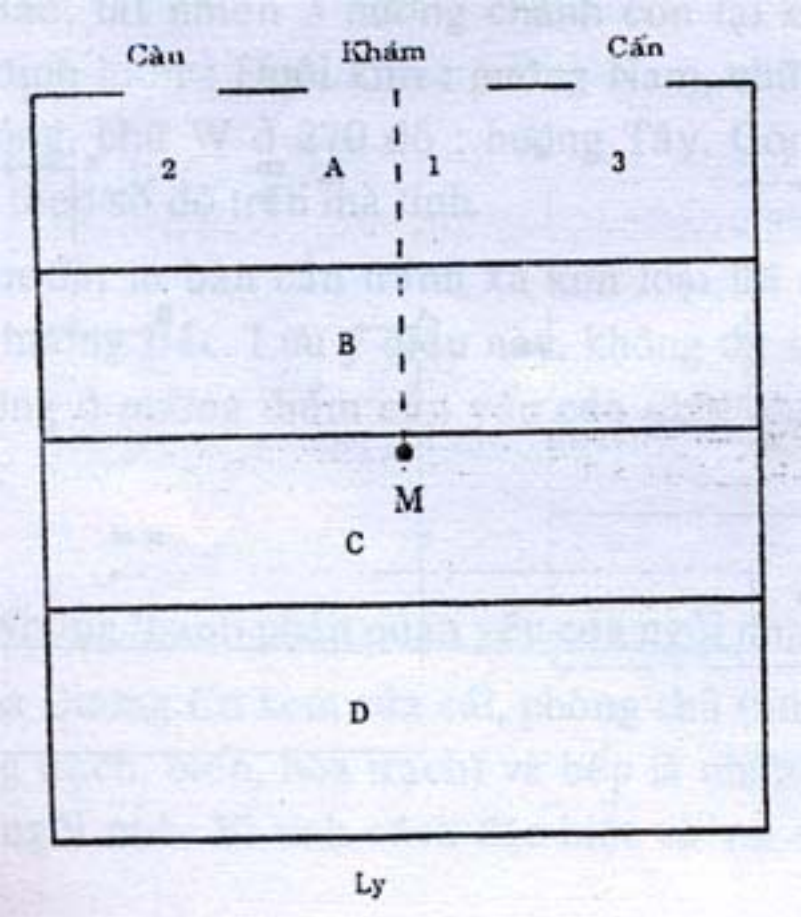

Cửa thứ nhất ngay chính giữa mặt tiền nhà, gọi là CHÍNH MÔN, thuộc đông cung - cung Khảm.
Cửa thứ hai và thứ 3 lệch một bên, so với cửa chính, gọi là THIÊN MÔN. Cửa thứ 2 lệch bên trái gọi là tả thiên môn, cửa thứ 3 lệch bên phải gọi là hữu thiên môn. Cửa thứ hai ở cung Càn, cửa thứ 3 ở cung Cấn, hai cung này thuộc Tây tứ cung.
Nhà có nhiều cửa cái thuộc 2 loại cung động tây nghịch nhau gọi là nhà có cửa "đông tây hỗn loạn". Trong loại nhà này, khó có sự thống nhất chỉ huy, vì không ai nói ai nghe. Nếu các cửa cái có cùng cung thuộc đông như Chấn, Tốn, Ly, hay cùng cung thuộc tây như Khôn, Đoài, Càn thì cát hung, họa phúc của ngôi nhà dễ tiên liệu hơn loại nhà có cửa đông tây hỗn loạn.
Kinh nghiệm cho thấy rằng, những ngôi nhà nhiều cửa cái, dù cùng phe đông hay cùng phe tây, ít khi đem lại sự hưng vượng hoàn mãn; nhà nhiều cửa thuộc loại đông tây hỗn loạn thì ít khi thịnh đạt tới hai thế hệ, hoặc chỉ phấn phát được trong đời người đứng xây dựng mà thôi. Có thể hiểu đôi phần lý do ở tiết IV: an du niên và tiết V: phiên tinh.
Vai trò cửa cái trọng yếu ở chỗ ấy chứ không phải vì mối tương quan giữa cửa cái và mạng trạch chủ như nhiều sách Bát Trạch đã ràng buộc.
Dĩ nhiên, mạng của trạch chủ cùng phe đông hay cùng phe tây với cửa cái thì vẫn lợi ích hơn. Nhưng nội cái cửa cái không đủ yếu tố đem lại thịnh suy, họa phúc cho

ngôi nhà, cho trạch chủ, vì toàn thể ngôi nhà không phải chỉ có cửa cái. Đàng khác, cửa cái dù hợp mạng trạch chủ mà phạm đô thiên hay phạm sơn hướng cũng vẫn là cửa cái xấu.

Việc dùng la bàn để tìm xem cửa cái ở cung nào (hoặc những chỗ quan yếu khác như phòng chủ, bếp...) gọi là phân cung điểm hướng. Nhưng phải đặt la bàn ở điểm nào để biết cung cửa cái?

Có sách dạy phải đặt la bàn ở giữa nhà, và còn thêm rằng ở giữa nhà tức ở giữa cây đòn dông. Cần nói ngay rằng việc dùng la bàn để tìm cung - hướng đòi hỏi một sự chính xác tối đa, không thể mơ hồ hay cẩu thả. Điểm nào là giữa nhà? Nhà một mái, nhà nóc bằng làm gì có đòn dông? Điểm chính xác để đặt địa bàn tùy thuộc mục tiêu tìm biết như cửa cái, phòng chủ, sơn chủ... Riêng cửa cái, cần phân biệt các trường hợp:

a. <u>Nhà có một cửa cái:</u>

Cửa cái duy nhất ở mặt tiền nhà, ở ngăn đầu có 4 bề bằng nhau, có bề rộng mặt tiền hơn bề sâu, có bề rộng mặt tiền hẹp hơn bề sâu của căn nhà:

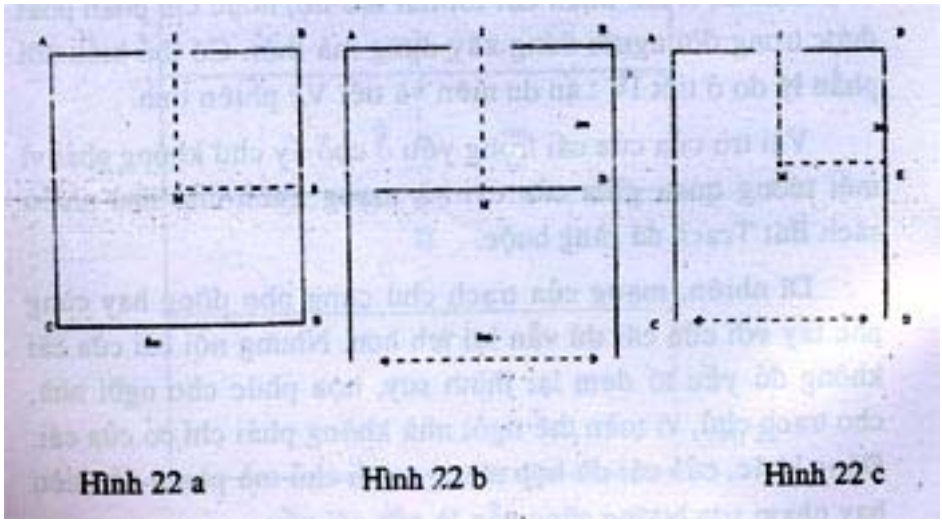

- Hình 22a: Cửa cái ở ngăn mặt tiền, 4 bề bằng nhau 5m x 5m.
- Hình 22b: Cửa cái trên mặt tiền AB: 6m, nhưng sâu có 3m (BD).
- Hình 22c: Cửa cái trên mặt tiền AB: 4m, chiều sâu BD: 6m.

Trong mỗi trường hợp, đầu tiên lấy thước đo mặt tiền AB, chia đoạn AB ra làm hai, tại điểm I. Từ I, kéo một đoạn thẳng góc (90 độ) với AB, có chiều dài bằng phân nửa AB, tức tại điểm M, và điểm M này chính là điểm đặt la bàn. Kiểm chứng lại, nếu đo đoạn BE, cũng thấy bằng đoạn EM, bằng đoạn IB, thì điểm M là điểm đặt chính xác.

Trường hợp Hình 22b, đoạn IB bằng đoạn BD (3m): điểm E trùng với điểm D, vì lý do vách ngăn CD chồng lên điểm E này. Do đó, điểm M để đặt la bàn tại hình 22b này sát với vách ngăn.

Đặt la bàn tại điểm M rồi, xoay la bàn cho đầu kim la bàn chỉ đúng ngay chữ N (chánh Bắc), từ trung tâm la bàn nhìn về trung tâm điểm (điểm chính giữa) của cửa

cái, điểm này trùng vào cung nào của la bàn thì cung ấy là cung của cửa cái. Hoặc lấy một sợi chỉ (sợi nhợ) kéo từ tâm điểm của la bàn đến trung tâm điểm của cửa cái, xem sợi chỉ xuyên qua cung nào của la bàn thì cung ấy là cung cửa cái.

b. Nhà nhiều cửa cái:

Hình 21: nhà có 2 cửa. Hình 22: nhà có 3 cửa.

Cách tìm điểm đặt la bàn cũng giống như trên. Điểm đặt la bàn M, tại nhà có sơ đồ như hình 21, sát vách bên này và bên kia, sau đó phải chia sự sai biệt, nếu có, để bù vào cách đo lần đầu. Nếu lần đầu đặt la bàn bên này vách thì phân cung định hướng cho cửa IB dễ hơn cửa AI. Nếu lần đầu đặt la bàn bên kia vách thì phân cung định hướng cho cửa AI dễ hơn cửa IB.

Điểm đặt la bàn M tại nhà có sơ đồ như hình 22 gây nhiều "gian nan" hơn vì có vách ngăn, phải nhờ thêm một người phụ giúp để chỉ điểm mới "lần mò" tới điểm giữa của 3 cửa cái. Tức nhiên, gặp trường hợp khó khăn này, sự chính xác bị giới hạn. Đó là chưa kể những chướng ngại khác như bàn, ghế, tủ, giường... khiến việc phân cung định hướng nhiều khi rất đỗi nhọc nhằn.

c. Cửa cái nhà mặt thut mặt lồi:

Nhà mặt thụt mặt lồi, tức mặt tiền nhà không cùng ở trên một đường thẳng, trường hợp này phải đặt la bàn ở điểm nào?

- Cửa cái nhà đặt ở mặt thụt: hình 20

Cửa cái trên đoạn AB. Nối liền đoạn AB theo một đường thẳng đến tận vách, tại điểm C. Đo chiều dài của AC, vì bấy giờ AC là một đường thẳng, lấy trung tâm điểm của AC... Công việc lại được tiếp tục như đã nói ở đoạn a trên đây.

- Cửa cái đặt tại mặt lồi:

Cửa cái đặt trên đoạn ED (hình 20): gọi I là điểm giữa của ED. Từ I kéo một đoạn thẳng IM thẳng góc với ED. IM bằng ED/2. Điểm M chính là điểm đặt la bàn. (Cũng giống như cách thức ở đoạn a).

Khi đi xem nhà cửa,đôi khi gặp vài cái cửa cái rất lạ lùng, vị trí đặc biệt của nó không thấy sách vở nào chỉ dạy (mà cũng chẳng có sách vở nào chỉ dạy cho hết các trạng huống thực tế). Đó là do tâm ý của trạch chủ hoặc do địa thế đặc biệt bao quanh. Gặp trường hợp này, người xem cần suy nghĩ, cân nhắc cho chín chắn, hỏi han để thăm dò những hiện tượng trong nhà, hầu thẩm nghiệm vị trí, cung hướng đúng của cửa cái.

Nhân bàn về cửa cái, tưởng cũng nên nói đến tâm lý ưa cầu sự an lành, tốt đẹp của trạch chủ.

Khoa DƯƠNG CƠ căn cứ vào lý âm dương của DỊCH HỌC, một môn học vừa vi tế vừa phức tạp, nhiều khi phải khê hội bằng tâm chứ không phải bằng trí. Nhiều sách viết rất lu bu về khoa này, chưa kể ý định dấu nghề của soạn giả, khiến người đời muốn dùng đến cách giản dị hơn để cầu cát: Thước Lỗ Ban.

Thước Lỗ Ban có nhiều loại, tùy theo chiều dài. Xưa nay, thường dùng cây thước 41 phân (cm). Bây giờ, ở các nước Tân Gia Ba, Đại Hàn, Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bổn dùng cây thước 43 cm với lý giải mới mẻ; và họ sản xuất cây thước này để bán

khắp cùng thế giới. Ai dùng cây thước 43 cm này cũng nên gia tâm theo dõi hiệu quả.
Dù dùng cây thước nào, tỷ dụ như muốn đo khung cửa cái, cũng phải đo cả chu vi của nó, tức gồm 2 bề rộng và 2 bề cao. Đo mỗi bề thấy tốt, chưa chắc đã tốt. Đâu có giản dị quá như vậy! Phải đo cả 4 bề, thấy đúng cung tốt, mới tốt. Đó là có vật để đo, như cửa, bàn, giường, bếp chẳng hạn. Trường hợp chỉ phải tính, mà không có vật để đo, thì phải lấy chu vi - tức (bề dài + bề ngang) x 2 - chia cho 41 hoặc 43, tùy loại thước dùng, sau khi chia, nếu còn dư, vì không chia chẵn cho 41 hoặc 43, lấy số dư này so với thước xem ở cung nào, lúc ấy mới biết tốt xấu. Nếu không có số dư, vì chia chẵn cho 41 hoặc 43, thìở cung cuối thước xác định sự tốt, xấu.
Khoa DƯƠNG CƠ đã căn cứ vào thuyết tâm dương, ngũ hành, bát quái và can chi, một khi đã áp dụng chính xác rồi thì không cần các phương tiện khác, vì thước Lỗ Ban cũng quy lý về những yếu tố căn bản trên mà thôi. Tuy nhiên, ai muốn cầu cát tối đa, dùng thêm thước Lỗ Ban, cũng như gấm thêu hoa, chẳng hại gì. Trái lại, nếu nhà xây dựng trái lý âm dương, ngũ hành..., chỉ dùng thước Lỗ Ban để sửa cửa, đo bếp... thì chẳng khác chi xoa dầu để mong bớt đau bụng vì chứng sưng ruột thừa. Bởi lẽ ấy, sách này không đề cập đến chi tiết trên các cung của thước Lỗ Ban, dù rất tôn kính công nghiệp của Đức Lỗ Ban Tiên Sư.

2. Phòng chủ:

Chủ là chánh yếu. Phòng chủ là phòng chánh yếu của Tịnh Trạch, nên mới dùng tên Du niên của phòng chủ mà đặt tên cho nhà. Nếu nhà có nhiều phòng thì phòng nào cao, rộng, quan trọng nhất được coi là phòng chủ. Nếu nhà chỉ có một phòng thì dù rộng hẹp thế nào vẫn phải kể là phòng chủ. Phòng chủ không nhất thiết phải được trạch chủ ngủ, nghỉ trong đó.
Vì phòng chủ là một thành tố quan trọng của tịnh trạch, nên một căn buồng chỉ được che màn, kê tủ để ngăn trở tầm nhìn của người khác, mà không được che bằng tường, vách thì không được coi là phòng chủ. Nếu tịnh trạch không có phòng chủ thì ngôi nhà này thiếu mất một yếu tố quan trọng dùng để suy định cát hung, họa phúc.
Muốn biết phòng chủ ở vào vị trí của cung - hướng nào trong ngôi tịnh trạch, phải đặt địa bàn ngay nơi trung tâm của nền nhà. Nền nhà là phần diện tích được giới hạn trong bốn bức vách: bức vách mặt tiền có cửa cái, bức vách mặt hậu và hai bức vách ở hai bên.
Xoay la bàn cho mũi kim trùng với hướng chánh Bắc (N), rồi từ trung tâm la bàn nhìn thẳng tới trung tâm phòng chủ, xem trung tâm phòng chủ ở vào cung nào của la bàn thì biết cung ấy là cung của phòng chủ. Kỹ lưỡng thì dùng một sợi nhơ kéo từ trung tâm địa bàn đến trung tâm phòng chủ: sợi nhơ xuyên qua cung nào của địa bàn thì cung ấy là cung phòng chủ. Cách phân cung điểm hướng áp dụng cho phòng chủ không giống cách phân cung điểm hướng của cửa cái.

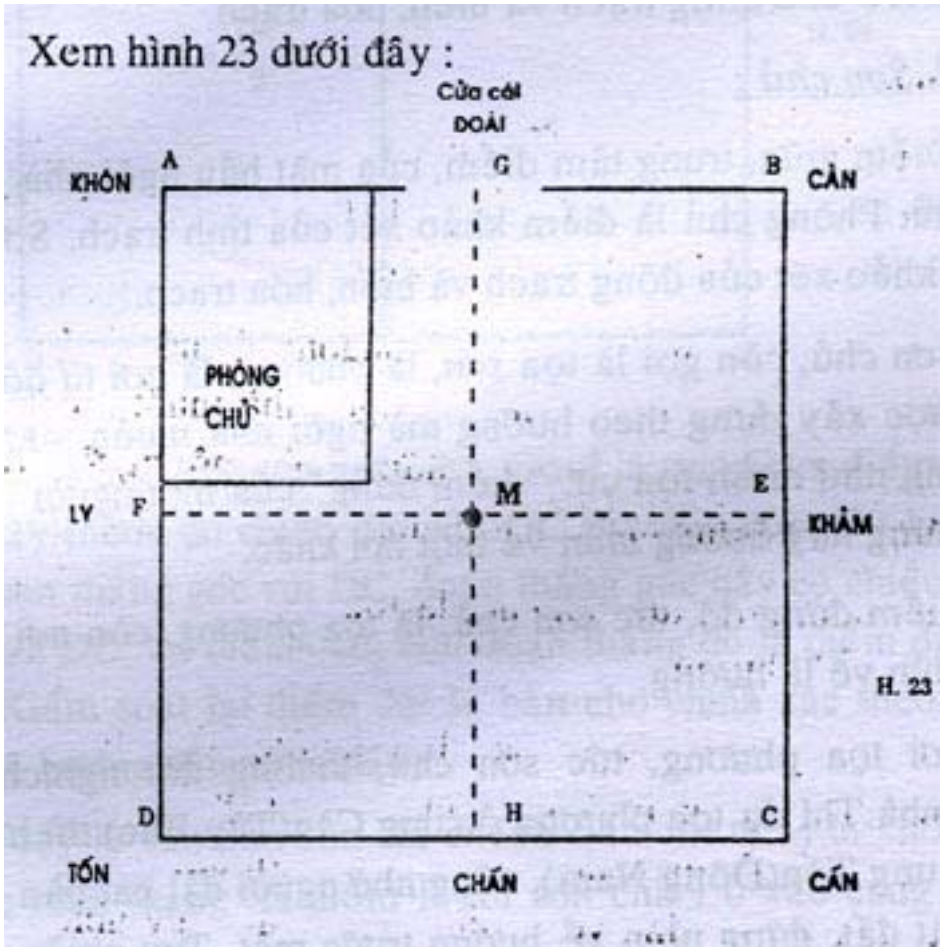

Gọi E, F, G, H là trung tâm điểm của bốn tấm vách ở bốn bên, hai đường EF và GH giao nhau tại điểm M là trung điểm của nền nhà. Điểm M là nơi đặt địa bàn để tìm cung hướng của phòng chủ. Xoay la bàn cho mũi kim trùng với cung Khảm (Chánh Bắc - N) thì thấy phòng chủ tại cung Khôn.

Nếu đồ dùng bày biện trong nhà không tiện dùng cách đo như trên thì đo đoạn BE = BC/2, rồi từ E kéo một đoạn thẳngEM = BG = AB/2. Kiểm chứng lại; đo đoạn GM cũng thấy bằng đoạn BE thì điểm M là điểm chính xác tại trung tâm nền nhà để đặt la bàn.

Phòng chủ là nơi chánh yếu đối với tịnh trạch, khác với SƠN CHỦ của động trạch và biến, hóa trạch.

3. <u>Sơn chủ:</u>

Điểm giữa, trung tâm điểm, của mặt hậu ngôi nhà gọi là sơn chủ. Phòng chủ là điểm khảo xét của tịnh trạch. Sơn chủ là nơi khảo xét của động trạch và biến, hóa trạch. Sơn chủ, còn gọi là tọa sơn, là phương, là nơi từ đó ngôi nhà được xây dựng theo hướng mà ngôi nhà muốn vươn tới. Nó cũng như điểm tọa cứ, "điểm đứng" của một người và từ điểm này hướng nhìn về một nơi khác.

Điểm đứng đó, tức sơn chủ, là tọa phương, còn nơi khác được nhìn về là hướng.

Nơi tọa phương, tức sơn chủ, thường đối nghịch với hướng nhà. Thí dụ tọa phương ở cung Càn (Tây Bắc) thì hướng nhà ở cung Tốn (Đông Nam), cũng như người đặt hai bàn chân trên mặt đất, đứng nhìn về hướng trước mặt. Tuy nhiên, trên nguyên tắc, tọa sơn ở tám phương thì hướng nhà cũng có thể xoay về tám hướng khác. Thực tế, đôi khi có sự bức ngặt của địa thế, hoặc do ý muốn của chủ nhà, tọa sơn và hướng có thể không ở vào hai cung hướng đương đối nhau. Do đó, cũng cần kiểm điểm lại cung hướng của sơn chủ.

Muốn tìm biết cung hướng của sơn chủ, phải đặt la bàn tại M như hình 24 dưới đây:

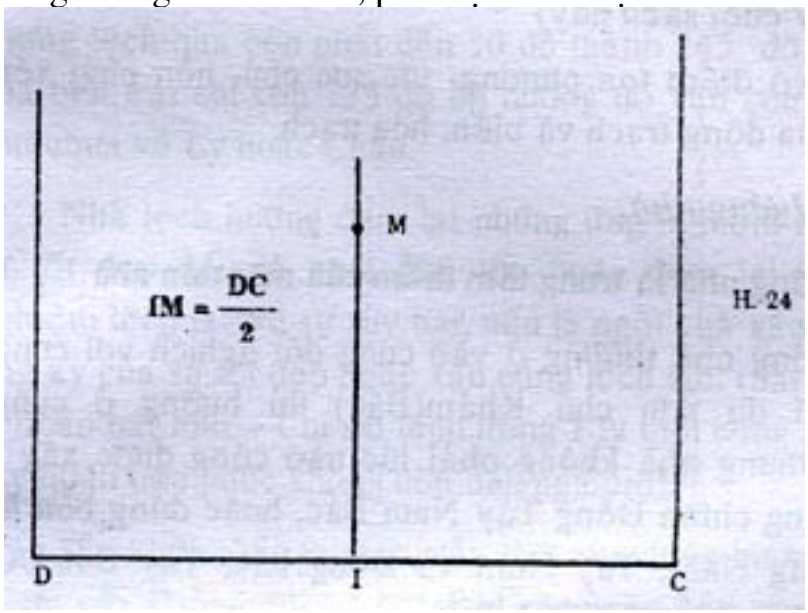

DC là mặt hậu của ngôi nhà. Gọi I là trung tâm điểm của DC (lấy thước đo chiều dài của DC rồi chia đôi). Từ I, kéo một đoạn thẳng góc với DC, đoạn thẳng góc này có chiều dài bằng 1.2 DC: tại điểm cuối của đoạn thẳng đó là điểm đặt la bàn. (Kiểm soát lại điểm đặt la bàn cho chính xác theo các cách đã hướng dẫn trước đây).

Xoay la bàn cho kim chỉ nhánh Bắc, rồi từ M là chỗ đặt la bàn, nhìn thẳng tới điểm I, coi sơn chủ I ở vào cung nào trên la bàn: cung ấy là cung sơn chủ. (Lấy sợi nhợ kéo từ trung tâm la bàn đến điểm I cho chính xác).

Cung sơn chủ vô cùng quan yếu đối với động trạch và biến, hóa trạch. Khi phối hợp với cửa cái, nó định danh ngôi nhà, tức nó chịu tác dụng trực tiếp của một du niên. Ngoài ra sơn chủ còn chịu ảnh hưởng của một trong cửu tinh tác động lên nó. Có thể nói họa phúc của ngôi nhà là họa phúc của sơn chủ, cũng chính là họa phúc của chủ nhà. (Xem chương V cuối sách này).

Vì có điểm tọa phương - tức sơn chủ, nên phải xét đến hướng của động trạch, biến, hóa trạch.

4. <u>Hướng nhà:</u>

Hướng nhà là trung tâm điểm của mặt tiền nhà.

Hướng nhà thường ở vào cung đối nghịch với cung sơn chủ. Thí dụ sơn chủ Khảm (Bắc) thì hướng ở cung Ly (Nam). Nhưng nhà không phải lúc nào cũng được xây

đúng bốn hướng chính Đông Tây Nam Bắc, hoặc đúng bốn hướng phụ Đông Nam, Tây Nam và Đông Bắc, Tây Bắc. Do đó, hướng cũng được xét kỹ lưỡng.

a.Nhà đúng hướng:

Khi đặt la bàn, thấy điểm hướng ở vào vị trí sau đây là đúng hướng:

Bắc: 0 độ	Đông Bắc: 45 độ
Nam: 180 độ	Đông Nam: 135 độ
Đông: 90 độ	Tây Nam: 225 độ
Tây: 270 độ	Tây Bắc: 315 độ

Sai biệt tối đa 5 độ được tạm coi là đúng hướng, nhà đúng hướng cũng như cửa đúng hướng, có thể giúp đoán định chính xác những điều cát hung, họa phúc cùng thời gian xảy ra những sự việc đó.

b.Nhà sai hướng:

Khi đặt la bàn, thấy điểm hướng không ở vào vị trí nói trên, mà lệch sang bên tả hay bên hữu đến trên 5 độ, mặc dầu hướng đó vẫn còn ở trong phạm vi của nó thì gọi là nhà lệch hướng. Thí dụ cung Tốn hướng Đông Nam phải ở 135 độ, nhưng lệch qua bên phải đến 10 độ thành 145 độ, hoặc lệch qua bên trái chỉ còn 125 độ thì hướng đó vẫn còn thuộc Tốn chứ chưa về Ly hoặc Chấn.

Nhà lệch hướng đem lại những ứng nghiệm lệch lạc về sự tốt đẹp nếu là ngôi nhà tốt; hoặc đem lại những ứng nghiệm lệch lạc về sự suy bại, nếu là ngôi nhà xấu. Ngoài ra, ứng kỳ của sự tốt đẹp hoặc xấu cũng lệch lạc. (Sai khước hào ly đoán bất linh - Chỉ sai lệch trong 1 ly thôi cũng làm cho sự suy đoán họa phúc không còn linh nghiệm).

Khi khởi công tạo tác, cần làm cho đúng hướng, giả như có để cửa không đúng hay bố trí các ngăn bên trong sai lầm, cũng còn dễ sửa đổi. Nếu nhà đã xây cất xong, nhất là kiến tạo bằng vật liệu nặng, mà lệch hướng, ít có cơ hội sửa lại cho đúng hướng.

Nhà lệch hướng còn ít rắc rối hơn nhà hai hướng.

c.Nhà hai hướng;

Khi đặt la bàn, thấy điểm hướng nằm ở giữa hai cung giáp giới thì biết nhà đó có hai hướng.

Hướng chẳng có tác dụng gì đối với tịnh trạch, vì có thể dịch cửa hoặc dời phòng chủ hay đổi bếp để ít nhất ba yếu tố này thuộc cùng phe hoặc Đông hoặc Tây. Trái lại, hướng rất quan yếu đối với động trạch và biến, hóa trạch, vì phải biết hướng chính xác mới phiên tinh được cho ngăn đầu, mà phiên tinh là việc không thể thiếu khi khảo sát ba loại nhà này. Nay nhà có hai hướng thì chẳng lẽ một nhà có tới hai bộ sao, hai đặc tính? Nhà đã xây dựng cố định, làm sao đổi hướng? Vậy muốn đạt tới sự thịnh vượng theo sở cầu, trạch chủ "phải can đảm" phá bỏ các ngăn trong nhà để biến từ động trạch thành tịnh trạch.

Mục D: Những yếu tố phu:

1. Cửa buồng:

Cửa buồng là cửa của phòng chủ trong tịnh trạch.

Tịnh trạch có duy nhất một phòng thì cửa buồng là cửa của phòng đó. Nếu tịnh trạch có nhiều phòng, chỉ khảo sát cửa buồng của phòng chủ mà thôi. Kỳ dư, bất luận.
Muốn tìm cung hướng của cửa buồng, phải đặt la bàn tại trung tâm điểm của phòng chủ; rồi từ trung tâm của la bàn, nhìn thẳng tới trung tâm điểm của cửa buồng, xem điểm chính giữa của cửa buồng thuộc cung nào của la bàn thì cung ấy là cung của cửa buồng.

2. Cửa ngăn chánh:

Động trạch và biến, hóa trạch có nhiều ngăn. Ngăn nào cao, rộng có cát tinh đắc vị, đăng điện thì chọn làm ngăn chánh; và cửa vào của ngăn chánh này là cửa ngăn chánh nói ở đây. Chẳng cần luận cửa của các ngăn khác.
Muốn tìm biết cung hướng của cửa ngăn chánh, phải đặt la bàn trung tâm điểm của ngăn chánh này; rồi từ trung tâm la bàn nhìn thẳng tới trung tâm điểm của ngăn chánh, xem điểm chính giữa đó ở vào cung nào của la bàn thì cung ấy là cung của cửa ngăn chánh.

Những điểm phụ thuộc khác liên hệ đến BẾP, được xếp chung nơi Chương IV.
Biết cung - hướng các thành tố chính yếu và phụ thuộc của ngôi nhà để an du niên.

TIẾT 4: AN DU NIÊN

An du niên là ghi kết quả do phép bát du niên, tức là phép biến tám cung của bát quái. Phải lấy cung của cửa cái phối hợp (biến) với các cung của những cỗ chính và những chỗ phụ, rồi ghi kết quả đó tại những cung này để suy nghiệm để tốt xấu.

1. An du niên cho tịnh trạch:

Từ cung cửa cái biến tới cung phòng chủ, xem được du niên gì, ghi du niên này tại cung phòng chủ.
Thí dụ cung cửa cái là cung Khôn, cung phòng chủ là cung Khảm: từ cung Khôn biến 7 lần tới cung Khảm của phòng chủ, được du niên Tuyệt Mạng, ghi kết quả Tuyệt Mạng này vào cung Phòng chủ.
Từ cung cửa cái biến tới cung cửa buồng, xem được du niên gì, ghi du niên này vào cung cửa buồng.
Thí dụ cung cửa cái là cung Chấn, cung cửa buồng là cung Ly: từ cung cửa cái Chấn biến một lần tới cung cửa buồng Ly, được du niên Sanh Khí, ghi kết quả Sanh Khí này vào cung cửa buồng.

2. An du niên cho động trạch, biến và hóa trạch:

Đây là công việc an du niên cho ngăn đầu và định danh (đặt tên) cho ngôi nhà. Ngăn đầu là ngăn tiếp liền với cửa cái. Đối với loại phức trạch này, cần xem cửa cái là chính môn hay thiên môn. Chính môn là cửa giữa mặt tiền nhà, cung chính môn trùng với cung của hướng nhà (vì là cửa giữa và duy nhất, nên gọi là đại môn). Thiên môn là cửa lệch sang bên tả hay bên hữu, so với hướng nhà.

a. Nhà có chánh môn:

Từ cung của chánh môn biến tới cung sơn chủ, xem được du niên gì, ghi du niên này vào ngăn đầu của ngôi nhà. Ghi du niên tại cung sơn chủ, tức định danh ngôi nhà. Thí dụ nhà có cung chánh môn thuộc Tốn, cung sơn chủ là cung Càn: ừ cung chánh môn Tốn biến 5 lần thì tới cung càn của sơn chủ, được du niên Họa Hại, ghi kết quả Họa Hại

này tại cung sơn chủ và ghi luôn Họa Hại vào ngăn đầu của ngôi nhà. Nhà này có tên là nhà Họa Hại.

b. Nhà có Thiên môn:

Từ cung thiên môn biến tới cung của hướng nhà, xem được du niên gì, ghi du niên này vào ngăn đầu của ngôi nhà. Thí dụ cung thiên môn là cung Cấn, cung hướng nhà là cung Chấn: từ cung thiên môn Cấn biến bốn lần thì đến cung Chấn của hướng nhà được du niên Lục Sát, ghi kết quả Lục Sát này vào ngăn đầu của ngôi nhà.

- Từ cung thiên môn biến tới cung sơn chủ, xem được du niên gì, ghi du niên này tai cung sơn chủ, tức là ghi tên ngôi nhà, như trường hợp chánh môn nói trên.

c. An du niên cửa ngăn chánh:

Mặc dù ngăn chánh thuộc những thành tố phụ của ngôi nhà, nhưng muốn cho ngăn chánh được toàn bích để phát huy trọn vẹn năng lực của nó, cũng cần khảo xét cửa vào ngăn này thuận hay nghịch với nó.

Từ cung cửa cái (chánh môn hoặc thiên môn) biến tới cung cửa vào ngăn chánh; Thí dụ: cung cửa cái thuộc Khảm, cửa ngăn chánh thuộc Ly: Do cung cửa cái Khảm, biến 3 lần thì ra cung Ly của cửa ngăn chánh, được du niên vào cung cửa ngăn chánh. (Phép biến cung này tập tính trên bàn tay để được vừa tiện vừa lẹ, cần tập cho thật nhuần).

Qua cách An du niên, thấy rằng nhà có bao nhiêu cửa cái thì có bấy nhiêu tên, có bấy nhiêu Du niên cho ngăn đầu, có bấy nhiêu Du niên cho cửa của ngăn chánh. Tên Du nói lên tính chất Cát hung, Họa phúc đối với cung phải hứng chịu, hay được hưởng dụng (gọi là thừa). Rõ ràng nhà có nhiều cửa, tác dụng của nó càng phức tạp, nhất là các cửa này thuộc các cung khác nhau - phe Đông lẫn lộn với phe Tây. Bấy giờ tác dụng của cửa không phải chỉ là phức tạp, mà là hỗn tạp, hỗn loạn, gây nên những rối rắm, phiền nhiễu trong nhà. Những hỗn độn đó không chỉ trùm lên toàn thể cộng đồng sinh sống trong nhà, đặc biệt trạch chủ ắt hẳn phải gánh chịu phần nặng nề. Nếu ngôi nhà đó lại là nhà thờ cha mẹ, tổ tiên của một chị hay của một tộc họ, thì đã đành những người hiện sống trong nhà ấy phải nhận lãnh sự cát hung, nhưng tất cả những "Thành viên" của một chi, của một tộc họ đều ít nhiều chịu ảnh hưởng, dù hiện sống tại bất cứ đâu. Gọi là "Ít, nhiều" vì còn do tác dụng tốt hay xấu của những ngôi nhà riêng mà những người này hiện sinh sống.

Sự hỗn loạn của ngôi nhà có nhiều cửa nghịch phe nhau còn rõ ràng hơn, khi xét đến việc phiên tinh cho các ngăn.

Tiết 5: PHIÊN TINH

Phiên tinh là an các sao (Tinh) vào các ngăn của ngôi nhà.

Tịnh trạch là loại đơn trạch, chỉ có một ngăn duy nhất từ mặt tiền, tại cửa trái, ra đến mặt hậu, nên không có việc phiên tinh cho loại nhà này.

Trái lại, loại phức trạch có nhiều ngăn, như động trạch, biến và hóa trạch, cần phải được phiên tinh và việc phiên tinh có khác nhau cho từng loại nhà.

Phiên tinh nhằm mục đích tìm ra ngăn có cát tinh, mà cát tinh được ở vào mực độ đắc vị, đăng điện, nhập miếu, để tu tạo ngăn đó làm NGĂN CHÁNH của ngôi nhà. Ngăn chánh của ngôi nhà tốt (Cát trạch), lại có cát tinh ở một trong 3 mực độ trên sẽ mang

lại sự hưng vượng cực kỳ mạnh mẽ. Ngăn chánh của ngôi nhà xấu (Hung trạch), nhưng có cát tinh ở một trong ba mực độ nói trên sẽ trấn áp được những hung nguy, tai họa do ngôi nhà đem đến. Như vậy, việc phiên tinh vô cùng hệ trọng, cần áp dụng thật chính xác cho các loại phức trạch này.

1/ - Phiên tinh cho động trạch:

Khi an du niên vào ngăn đầu (như đã nói ở tiết 4 trên đây, thì chuyển du niên thành sao (tinh). Cần nhớ lại 8 du niên ứng với cửu tinh và ngũ hành thuộc của cửu tinh:

- Du niên Sanh khí ứng với Tham Lang thuộc mộc.
- Du niên Ngũ quỷ ứng với sao Liêm trinh thuộc hỏa.
- Du niên Diên niên ứng với sao Vũ khúc thuộc kim.
- Du niên Lục sát ứng với sao Văn khúc thuộc thủy.
- Du niên Họa hại ứng với Lộc tồn thuộc thổ (phụ ngũ hành).
- Du niên Thiên Y ứng với sao Cự môn thuộc thổ.
- Du niên Tuyệt mạng ứng với sao Phá quân thuộc kim (phụ ngũ hành).
- Du niên Phục vị ứng với 2 sao Phụ - Bật thuộc mộc (phụ ngũ hành).

Sao Lộc tồn, sao Phá quân, và 2 sao Tả - Phụ, Hữu - Bật thuộc phụ ngũ hành; kỳ dư, thuộc chánh ngũ hành.

Khi chuyển du niên của ngăn đầu thành sao thì an sao đó với hành sở thuộc của nó vào ngăn đầu. Theo luật ngũ hành tương sanh mà an sao kế tiếp vào những ngăn kế, đến khi hết các ngăn mới thôi. Luật ngũ hành tương sanh ở đây là SANH TẤN, tức hành đầu sanh hãnh thứ hai, hành thứ hai sanh hành tứ ba, hành thứ ba sanh hành thứ tư...

Kê luôn ra đây 5 trường hợp để áp dụng vững vàng luật ngũ hành sanh tấn.

- Nếu ngăn đầu đã an du niên sanh khí: Đổi du niên sanh khí ra sao Tham lang hành mộc, hành mộc ở ngăn thứ nhất sinh hành hỏa (sao Liêm trinh - ngũ quỷ) ở ngăn thứ 2; hành hỏa ở ngăn thứ hai sinh hành thổ (sao Cự môn - Thiên y) ở ngăn thứ ba; hành thổ ở ngăn thứ 3 sinh hành kim (sao Vũ khúc - Diên niên) ở ngăn thứ tư; hành kim ở ngăn thứ 4 sinh hành thủy (sao Văn khúc - Lục sát) ở ngăn thứ 5.
- Nếu sao ngăn đầu du niên ngũ quỷ: đổi du niên ngũ quỷ ra sao Liêm trinh hành hỏa ở ngăn đầu; 4 ngăn kế tiếp như sau: Ngăn 2 có sao Cự môn thổ, ngăn 3 có sao Vũ khúc kim, ngăn 4 có sao Văn khúc thủy và ngăn 5 có sao Tham lang mộc.
- Nếu ngăn đầu an du Diên niên: đổi du niên Diên niên ra sao Vũ khúc kim ở ngăn đầu; 4 ngăn kế tiếp như sau: ngăn 2 có sao Văn khúc thủy; ngăn 3 có sao Tham lang mộc, ngăn 4 có sao Liêm trinh hỏa và ngăn 5 có sao Cự môn thổ.
- Nếu ngăn đầu an du niên Lục sát: đổi du niên Lục sát ra sao Văn khúc thủy; bốn ngăn còn lại như sau: ngăn 2 có sao Tham lang mộc, ngăn 3 có sao Liêm trinh hỏa, ngăn4 có sao Cự môn thổ, ngăn 5 có sao Vũ khúc kim.
- Nếu ngăn đầu an du niên Thiên y: đổi du niên Thiên Y ra sao Cự môn thổ; bốn ngăn còn lại như sau: ngăn 2 có sao Vũ khúc kim, ngăn 3 có sao Văn khúc thủy, ngăn 4 có sao Tham lang mộc và ngăn 5 có sao Liêm trinh hỏa.

- Nếu nhà Tuyệt mạng có chánh môn thì ngăn đầu là sao Phá quân kim. Không phải động trạch nào cũng có đủ cả 5 ngăn, nên phiên tinh tới ngăn cuối cùng thì thôi. Vì sơn chủ và cửa cái không thể đồng cung hướng, nên không thể đồng cung hướng, nên không thể có cách Phục vị để an sao Phụ Bật cho ngăn đầu.'

Thí dụ 1: Động trạch có chánh môn với 3 ngăn:

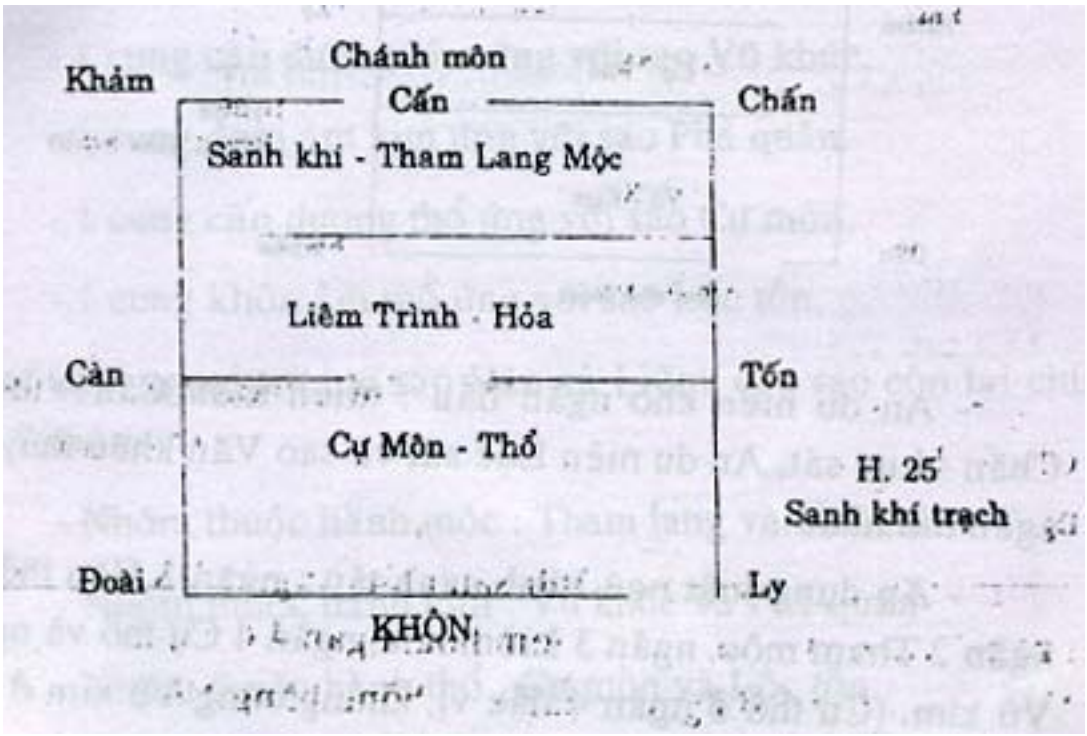

- An du niên cho ngăn đầu: Chánh môn Cấn + Sơn chủ Khôn: sanh khí, an sanh khí với sao Tham lang mộc tại ngăn đầu.
- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: Tham lang mộc ở ngăn 1 sanh sao Liêm trinh hỏa ở ngăn 2 (ngăn này phạm ngũ quỷ), Liêm hỏa ở ngăn 2 sinh Cự thổ ở ngăn 3 (ngăn này có cự môn thổ đăng điện, nhập miếu, sẽ luận giải ở chương V)

Thí dụ 2: Động trạch có 5 ngăn với thiên môn:

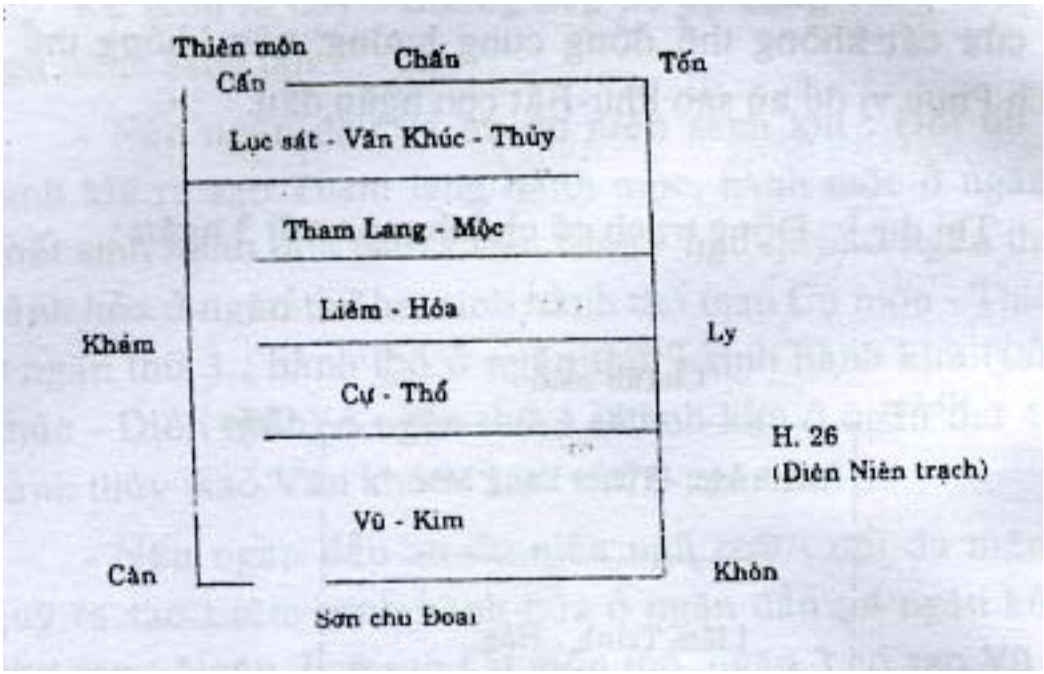

H. 26
(Diên Niên trạch)

- An du niên cho ngăn đầu: thiên môn Cấn + hướng Chấn: Lục sát, An du niên Lục sát và sao Văn khúc thủy vào ngăn thứ nhất.
- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: ngăn 1 Văn thủy thì ngăn 2 Tham mộc, ngăn 3 Liêm hỏa, ngăn 4 Cự thổ và ngăn 5 Vũ kim. (Cự thổ ở ngăn 4 đắc vị, không băng Vũ kim ở ngăn 5 đăng điện và nhập miếu - sẽ luận giải ở chương V).

Phiên tinh cho động trạch (tối đa 5 ngăn) chỉ dùng 5 sao thuộc chánh ngũ hành, khác với cách phiên tinh cho biến và hóa trạch.

2/.Phiên tinh biến trạch:

Phiên tinh cho biến (và cả hóa) trạch phải dùng luôn 4 sao thuộc phụ ngũ hành. Gọi là 4 sao, nhưng Phụ - Bật là trợ tinh, công dụng như chỉ có 1 sao và mỗi lần dùng là phải dùng chung cho cả cặp. Nên coi như chỉ 8 sao, ứng với 8 cung của bát quái đồ.

- 1 cung khảm thủy ứng với sao Văn khúc (chỉ gọi tắt chữ đầu: Văn)
- 1 cung chấn dương mộc ứng với sao Tham lang
- 1 cung tốn âm mộc ứng với sao Phụ - Bật
- 1 cung càn dương kim ứng với sao Vũ khúc.
- 1 cung đoài âm kim ứng với sao Phá quân.
- 1 cung cấn dương thổ ứng với sao Cự môn.
- 1 cung khôn âm thổ ứng với sao Lộc tồn.

Như vậy, ngoại trừ hai sao Văn và Liêm, các sao còn lại chia ra 3 nhóm:

- Nhóm thuộc hành mộc: Tham lang và Phụ - Bật.
- Nhóm thuộc hành kim: Vũ khúc và Phá quân.
- Nhóm thuộc hành thổ: Cự môn và Lộc tồn.

Sao đầu trong mỗi nhóm (Tham, Vũ, Cự) thuộc nhánh ngũ hành, các sao kia thuộc phụ ngũ hành. Mỗi nhóm gồm 2 sao gọi là ĐÔI SAO, tức từng cặp sao. Để cho gọn

gàng chỉ gọi là Đôi mộc, Đôi kim, Đôi thổ. Không phải hễ gặp bến trạch thì phải dùng hết 3 đôi sao, vì còn tùy thuộc vào số ngăn của ngôi biến trạch đó:

- Chỉ an 1 Đôi sao cho biến trạch 6 ngăn để được đủ ngũ hành.
- Chỉ an 1 Đôi sao cho biến trạch 7 ngăn để được ngũ hành.
- An cả 3 Đôi sao cho biến trạch từ 8 đến 10 ngăn để đủ trọn cả ngũ hành.

Vì việc phiên tinh này khá phức tạp nên cần phân định rõ ràng qua 3 trường hợp:

a. Phiên tinh biến trach 6 ngăn:

Thí du 1: Biến trạch 6 ngăn với chính môn.

Khôn Đoài Càn

Tuyệt mạng - Phá quân - Kim
Vũ khúc - Kim
Văn khúc - Thủy
Tham Lang - Mộc (ngăn chánh)
Liêm Trịnh - Hỏa
Cự Môn - Thổ

Tốn Chấn Cấn

- An du niên ngăn đầu: Do chánh môn Đoài, biến 7 lần thì ra sơn chủ Chấn được du niên Tuyệt mạng; An Tuyệt mạng vào ngăn đầu. Đổi Tuyệt mạng ra sao tương ứng là Phá quân kim. Như vậy phải dùng ĐÔI KIM để phiên tinh cho 2 ngăn đầu.
- Dùng ĐÔI KIM thì phải dùng Vũ khúc trước, rồi mới đến Phá quân, nhưng vì Du niên Tuyệt mạng ứng với sao Phá chứ không ứng với sao Vũ, nên phải an Phá cho ứng với Du niên, sau đó mới dùng đến sao thứ hai của Đôi kim là sao Vũ. Vậy sao Vũ phải ở ngăn 2.
- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: Sao Vũ kim ở ngăn 2 thì sinh sao Văn thủy ở ngăn 3, sao Tham mộc ở ngăn 4, sao Liêm hỏa ở ngăn 5 và sao Cự thổ ở ngăn 6.
- Nên tu tạo ngăn 4 làm ngăn chánh vì có sao Tham mộc đăng điện, tạo được sanh khí cho ngôi nhà.

Thí du 2: Biến trạch 6 ngăn với tả thiên môn.

Chấn Tốn Ly

Diên Niên - Vũ - Kim
Phá - Kim
Vân - Thủy
Tham - Mộc
Liêm Hỏa
Cự Thổ (ngăn chánh)

Khảm Càn Đoài

- An du niên cho ngăn đầu: Từ tả thiên môn Chấn, biến 3 lần thì ra hướng Tốn, được du niên Diên niên; đổi du niên Diên niên ra sao tương ứng là Vũ kim. Dùng ngay ĐÔI KIM để phiên tinh: An phụ ngũ hành vào ngăn 2 với sao Phá kim.

- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: sao Phá kim ở ngăn tất sinh ra sao Văn thủy ở ngăn 3, Tham mộc ở ngăn 4, Liêm hỏa ở ngă 5 và Cự thổ ở ngăn 6.
- Tu tạo ngăn 6 có sao Cự thổ đắc vị nhập miếu làm ngăn chánh.

Thí dụ 3: Biến trạch 6 ngăn với hữu thiên môn.

Đoài Càn Khảm

Lục Sát - Văn - Thủy
Phụ - Bật - Mộc
Tham - Mộc (ngăn chánh)
Liêm - Hỏa
Cự - Thổ
Vũ - Kim

Ly Tốn Chấn

- An du niên cho ngăn đầu: Từ cửa cái Khảm biến 4 lần thì ra hướng Càn, được Du niên Lục sát, chuyển du niên Lục sát ra sao tương ứng là Văn thủy, ghi du niên Lục sát và sao Văn Thủy vào ngăn đầu.
- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: Lục sát thủy tất sinh mộc, dùng ngay ĐÔI MỘC: phải an Phụ - Bật trước rồi mới đến Tham lang. Vậy Phụ - Bật ở ngăn 2 và Tham mộc ở ngăn 3. Kế đến là Liêm hỏa ở ngăn 4, Cự thổ ở ngăn 5 và Vũ kim ở ngăn 6.
- T tạo ngăn 3 làm ngăn chánh vì có sao Tham mộc là Cát tinh lại được đăng điện, đem lại sanh khí cho nhà.

Ba thí dụ trên chỉ dẫn cách phiên tinh biến trạch 6 ngăn như sau:

- An du niên cho ngăn đầu, đổi du niên ra sao ứng hợp với Du niên, rồi dùng ngay một đôi sao nào gặp trước và theo luật ngũ hành sanh tấn mà an các sao kế tiếp. Chỉ dùng một đôi sao duy nhất, nên khi đã an một đôi sao cho 2 ngăn thì 4 ngăn còn lại chỉ được an chánh ngũ hành, chớ không thể an sao phụ ngũ hành khác.
- Dùng đôi mộc: Phải an Phụ - Bật trước, rồi Tham lang sau; trừ trường hợp du niên của ngăn đầu là sanh khí thì phải Tham lang cho tương ứng với du niên rồi sau đó mới tới Phụ - Bật. Nếu ngăn đầu không phải du niên sanh khí, khi có áp dụng đôi mộc thì bắt buộc phải theo nguyên tắc: Phụ - Bật trước, Tham lang sau.
- Dùng đôi kim: Phải an Vũ khúc trước rồi Phá quân sau; trừ trường hợp du niên của ngăn đầu là Tuyệt mạng thì phải an Phá quân trước cho ứng với du niên, rồi sau đó mới tới Vũ khúc. Nếu ngăn đầu không phải du niên Tuyệt mạng, khi có áp dụng đôi kim thì bắt buộc phải theo nguyên tắc: Vũ trước, Phá sau.
- Nếu gặp khi phải dùng đôi thổ: An Lộc tồn trước rồi Cự môn sau; trừ trường hợp ngăn đầu có du niên thiên y thì phải an Cự môn trước cho tương ứng với du niên, rồi sau đó mới tới Lộc tồn. Dĩ nhiên nếu ngăn đầu có Du niên họa hại (chẳng hạn biến trạch có chánh môn Tốn, sơn chủ Càn - hoặc ngược lại) thì dùng sao Lộc tồn cho ứng với du niên. Nếu ngăn đầu không phải du niên thiên y, khi áp dụng đôi thổ thì bắt buộc phải theo nguyên tắc: Lộc trước, Cự sau.

Thí dụ 1: Biến trạch 7 ngăn với chánh môn.

	Họa Hại - Lộc Tồn - Thổ Cự Thổ Vũ - Kim	
Khôn		Cấn
	Phà - Kim	
	Văn - Thủy	
	Tham - Mộc cát tinh đăng điện	
	Liêm - Hỏa	

H30: (Họa hại trạch)

- An du niên ngăn đầu: Từ chánh môn Càn biến năm lần thì tới sơn chủ Tốn, được du niên Họa Hại, chuyển Họa Hại ra sao Lộc Tồn hành Thổ. Dùng ngay đôi ĐÔI THỔ: An sao Cự (chánh ngũ hành) thổ vào ngăn 2.

Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: ngăn 2 với sao Cự Thổ tất sanh Kim, dùng ngay ĐÔI KIM (theo nguyên tắc dùng ĐÔI KIM) an sao Vũ vào ngăn 3 và sao Phá vào ngăn 4; Phá Kim ở ngăn 4 tất sinh sao Văn Thủy ở ngăn 5, rồi sao Tham Mộc ở ngăn 6 và cuối cùng là sao Liêm Hỏa ở ngăn 7.

- Dùng ngăn 6 làm ngăn chánh, với cửa vào ngăn chánh ở cung Khảm để tăng cường tối đa cho sao Tham Mộc đăng điện.

Thí du 2: Biến trạch 7 ngăn với tả thiên môn.

Càn	Kim	Cấn
	Lục Sát - Văn Khúc - Thủy	
	Phụ - Bật - Mộc Tham - Mộc đắc vị	
	Liêm - Hỏa	
	Lộc - Thổ	
	Cự - Thổ	
	Vũ - Kim	
Khôn	Ly	Tốn

H31: (Tuyệt Mạng trạch)

- An du niên ngăn đầu: từ tả thiên môn Càn biến bốn lần đến hướng Khảm, được du niên Lục Sát, đổi du niên Lục Sát ra sao Văn Khúc Thủy cho ứng hợp với du niên, ghi những điều này vào ngăn đầu.
- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: ngăn đầu Văn Thủy tất sinh mộc, dùng ngay ĐÔI MỘC: an Phụ - Bật trước ở ngăn 2, sau đó tới Tham Lang ở ngăn 3. Mộc ở ngăn 3 sinh Liêm hỏa ở ngăn 4, tất sinh Thổ ở ngăn 5. Dùng ngay ĐÔI THỔ: an

Lộc Tồn ở ngăn 5 và Cự Môn ở ngăn 6. Cự thổ ở ngăn 6 tất sinh Vũ Khúc Kim ở ngăn 7.

Thí dụ 3: Biến trạch 7 ngăn với hữu thiên môn:

Chấn Tốn Ly

Thiên Y - Cự Thổ
Lộc Thổ
Vũ Kim - Đăng điện
Phá - Kim
Văn - Thủy
Tham - Mộc
Liêm - Hỏa

Khảm Càn Đoài

H32: (Tuyệt mạng trạch)

- An du niên ngăn đầu: từ hữu thiên môn Ly biến 6 lần thì ra hướng Tốn, được du niên Thiên Y, dùng ngay ĐÔI THỔ. Theo nguyên tắc phải an Lộc Tồn trước, Cự môn sau; nhưng du niên Thiên y ứng với sao Cự, nên phải an sao Cự Môn trước vào ngăn đầu và Lộc Tồn vào ngăn thứ 2.
- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn; ngăn 2 Lộc Tồn thổ tất sinh kim ở ngăn 3. Dùng ngay ĐÔI KIM: an Vũ kim ở ngăn 3 và Phá kim ở ngăn 4. Ngăn 4 kim tất sinh thủy ở ngăn 5: an Văn Khúc thủy ở ngăn 5, rồi đến Tham mộc ở ngăn 6 và Liêm hỏa ở ngăn 7.
- Chọn ngăn 3 làm ngăn chánh vì có sao Vũ Khúc đăng điện, tốt bậc nhất. Cần tu tạo ngăn này cao, rộng để trấn áp bớt sự tàn hại khủng khiếp của sao Liêm Trinh hỏa trực ngộ sơn chủ càn kim.

c.Phiên tinh biến trạch 8 - 10 ngăn: dùng 3 đến 4 ĐÔI SAO

Thí dụ 1: biến trạch 8 ngăn, dùng 3 ĐÔI SAO

- An du niên ngăn đầu: do cửa cái Càn, biến một lần ra hướng Đoài, được du niên Sanh Khí, chuyển thành sao Tham Lang Mộc và ghi ngay vào ngăn đầu. Như vậy là dùng ngay ĐÔI MỘC, tức ngăn 2 phải là sao Phụ - Bật hành mộc.
- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: ngăn 2 mộc tất sinh hỏa ở ngăn 3, an Liêm hỏa vào ngăn 3 này. Ngăn 3 hỏa sinh thổ ở ngăn 4: dùng ngay ĐÔI THỔ, tức an Lộc thổ ở ngăn 4 và Cự thổ ở ngăn 5. Cự Vũ kim ở ngăn 6: dùng ngay ĐÔI KIM, tức an Vũ kim ở ngăn 6 và Phá kim ở ngăn 7, cuối cùng, Phá kim ở ngăn 7 sinh Văn Khúc thủy ở ngăn 8.
- Chọn ngăn 2 với sao Phụ - Bật mộc đăng điện làm ngăn chánh vì suốt cả 8 ngăn không có ngăn nào tốt hơn, dù cho Phụ - Bật chỉ là phụ tinh vẫn tốt hơn 2 sao Cự và Vũ đều thất vị.

Khôn Đoài Càn

Sanh Khí - Tham Mộc
Phụ Bật - Mộc
Liêm - Hỏa

Lộc - Thổ
Cự - Thổ
Vũ - Kim
Phá - Kim
Văn khúc - Thủy

Tốn Chấn Cấn

H36. (Ngũ quỷ trạch)

Thí du 2: Biến trạch 9 ngăn, dùng 3 ĐÔI SAO

Tốn Ly Khôn

Diên niên - Vũ - Kim
Phá - Kim
Văn - Thủy
Phụ bật - Mộc
Tham - Mộc
Liêm - Hỏa
Lộc - Thổ
Cự - Thổ
Vũ - kim

Cấn Khảm Càn

- An du niên ngăn đầu: từ chính môn Ly, biến 3 lần thì ra sơn chủ khảm, được du niên Diên niên, ứng với sao Vũ khúc hành kim. Dùng ĐÔI KIM: an Diên Niên với sao Vũ kim ở ngăn đầu và sao Phá kim ở ngăn 2.
- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: Kim ở ngăn 2 sinh thủy (sao Văn Khúc) ở ngăn 3. Thủy ở ngăn 3 sinh Mộc ở ngăn 4. Dùng ngay ĐÔI MỘC: An Phụ - Bật ở ngăn 3 và Tham Lang ở ngăn 5. Mộc ở ngăn 5 tất sinh hỏa (sao Liêm Trinh) ở ngăn 6. Hỏa ở ngăn 6 tất sinh thổ ở ngăn 7, dùng ngay Đôi Thổ: An Lộc Thổ ở ngăn 7 và Cự Thổ ở ngăn 8. Thổ ở ngăn 8 thì sinh kim, tức sao Vũ, ở ngăn 9.
- Có 3 ngăn với sao Đắc vị trong ngôi nhà này: Phụ - Bật ở ngăn 4, Tham Lang ở ngăn 5 và Vũ Khúc ở ngăn 9 cuối cùng. Nên chọn ngăn chót là ngăn chánh vì ở đây sao Vũ đắc vị và nhập miếu: Tốt nhất.

Thí du 3: Biến trạch 10 ngăn, dùng 4 ĐÔI SAO

Cũng với trạch đồ 34 nói trên, nếu nhà này có 10 ngăn thì dùng thêm một ĐÔI KIM, tức an sao Vũ vào ngăn 9 và sao Phá vào ngăn 10. Như vậy, cứ dùng ĐÔI SAO nào thích nghi, bất kể là ĐÔI ấy có được dùng hay chưa.

Thí du 4: Biến trạch 10 ngăn dùng 3 ĐÔI SAO

Ly Khôn Đoài

Lục Sát - Văn - Thủy
Phụ - Bật - Mộc
Tham - Mộc
Liêm - Hỏa

Lộc - Thổ
Cự - Thổ đăng điện
Vũ - Kim
Phá - Kim
Văn Thủy
Phụ - Bật - Mộc

Chấn Cấn Khảm

H35: (Họa Hại Trạch)

Trong trạch đồ 10 ngăn này chỉ dùng có 3 ĐÔI SAO:

- ĐÔI MỘC: ngăn 2 và ngăn 3.
- ĐÔI THỔ: ngăn 5 và ngăn 6.
- ĐÔI KIM: ngăn 7 và ngăn 8.

Ngăn 10, chỉ dùng có phân nửa ĐÔI MỘC. Như vậy, cứ theo luật ngũ hành sanh tấn, phiên tinh từ ngăn đầu đến ngăn cuối cùng bất luận 3 đôi hay 4 đôi sao.

3/. Phiên tinh hóa trạch:

Hóa trạch là một loại nhà ngoại hạng, vì có rất nhiều ngăn, từ 11 đến 15 ngăn; nhưng cách phiên tinh cũng như cách phiên tinh cho Biến Trạch từ 8 đến 10 ngăn. Trước hết, an du niên cho ngăn đầu, rồi đổi du niên ra sao ứng hợp. Nếu ngăn đầu có ngăn thuộc hành thủy (Văn) hay hành hỏa (Liêm) thì theo luật ngũ hành sanh tấn dùng ngay những ĐÔI SAO thích ứng để phiên vào các ngăn, cho tới ngăn chót. Nếu ngăn đầu có sao thuộc hành mộc, hành thổ, hành kim thì dùng ngay những ĐÔI SAO đồng hành phiên vào ngăn thứ nhất và thứ nhì, rồi theo luật ngũ hành sanh tấn để an các sao vào những ngăn kế tiếp, cho đến ngăn cuối cùng thì thôi. Thí dụ sau đây có số ngăn tối đa: nhà hướng Càn, sơn chủ Tốn, cửa cái Đoài mở về phía trái, có 15 ngăn.

- An du niên ngăn đầu: cửa Đoài + hướng Càn: du niên Sanh khí, tức sao Tham Lang hành mộc. Dùng ngay Đôi mộc và an Tham mộc ở ngăn nhất, Phụ - Bật ở ngăn 2.
- Áp dụng luật ngũ hành sanh tấn: ngăn 3 sao Liêm hỏa, ngăn 4 sao Thổ, dùng ngay ĐÔI THỔ: Ngăn 4 sao Lộc Thổ, ngăn 5 sao Cự Thổ, ngăn 6 sao Kim,dùng ngay ĐÔI KIM: Ngăn 6 sao Vũ kim, ngăn 7 sao Phá kim. Ngăn 8 sao Thủy (Văn Khúc). Ngăn 9 sao Mộc, dùng lại ĐÔI MỘC: ngăn 9 sao Phụ - Bật mộc, ngăn 10 sao Tham mộc, ngăn 11 sao Liêm hỏa, ngăn 12 sao Thổ, dùng lại ĐÔI THỔ - ngăn 12 Lộc Thổ, ngăn 13 Cự Thổ, ngăn 12 sao Kim, dùng lại ĐÔI KIM: ngăn 14 sao Vũ kim và ngăn 15 sao Phá kim.
- Phá quân là hung tinh ngăn chót, trực diện với sơn chủ và khắc với sơn chủ, cần tu tạo ngăn 10 cho cao, rộng để làm ngăn chánh.

Đoài Càn Khảm

Sanh Khí - Tham Mộc
Phụ - Bật - Mộc
Liêm - Hỏa

Lộc - Thổ
Cự - Thổ
Vũ - Kim
Phá - Kim
Văn - Thủy
Phụ - Bật - Mộc
Tham - Mộc
Liêm - Hỏa
Lộc - Thổ
Cự - Thổ
Vũ - Kim
Phá - Kim

Ly Tốn Chấn

H36. (Lục Sát Trạch)

Chưa thấy sách nào nói đến nhà có trên 15 ngăn.Thảng hoặc có nhà trên 15 ngăn, thiết tưởng cũng cứ phiên tinh theo những nguyên tắc dẫn giải trên đây và cũng cứ theo luật ngũ hành sanh tấn để an các sao cho tới ngăn chót. Chỉ có một sao Văn Thủy, một sao Liêm Hỏa và ba ĐÔI THỔ, MỘC, KIM. Giả như một ngăn sao hỏa thì sinh 2 ngăn sao thổ, 2 ngăn sao thổ thì sinh 2 ngăn sao kim, 2 ngăn sao kim thì sinh 1 ngăn sao thủy, 1 ngăn sao thủy sinh 2 ngăn sao mộc, 2 ngăn sao mộc sinh 1 ngăn sao hỏa... Cứ như vậy mà an các sao cho hết các ngăn.

Đã khảo sát tường tận cách an du niên và nguyên tắc phiên tinh để tìm biết tính chất cát hung, họa phúc của ngôi nhà, thấy rõ ràng rằng một số sácg viết về BÁT TRẠCH đã sai lầm và thiếu sót khi chỉ trói buộc mạng của trạch chủ vào mỗi một cái cửa cái.

- Nếu nhà có cửa cái trông về hướng Nam, gọi là TRẠCH LY, thì nhà có 3 cửa: chính môn cung ly, tả môn Tốn, hữu môn khôn, gọi là trạch gì? Đâu thể chỉ có cửa chánh mới quan thiết, vì hai cửa hai bên cũng ở mặt tiền, vẫn là cửa cái? Cửa cái chỉ khác với cửa hông và cửa hậu. Đã cùng là cửa cái, thì cửa nào cũng phải có tác dụng, sao chỉ lấy một mình cửa giữa để đặt tên cho ngôi nhà?
- Đặt tên cho nhà có cửa trông về hướng Nam, gọi là TRẠCH LY, rồi rõ ràng buộc mạng chủ vào cái cửa đó để dẫn tới kết luận rằng mạng chủ hoặc thuận, hoặc nghịch với cửa nhà. Cần nên xem xét lại việc này.

Sách Bát Trạch Minh Cảnh - và đa số các sach khác viết về DƯƠNG TRẠCH - nêu ra mối tương quan giữa mạng chủ và cái cửa, chẳng hạn:

Tuổi ly được phục vị (kỵ tuổi này)

Tuổi chấn được Sanh khí ..... 0 (tốt)

Tuổi Ly, tức mạng của trạch chủ thuộc cung Ly, gặp cửa nhà cung Ly thì được Phục Vị. Sở dĩ kị vì cung Ly thuộc hỏa, gặp Phục Vị mà sách này cho thuộc thủy (?) - nên kị.

Trong mục "Cửu Tinh - Ngũ Hình", sát Bát Trạch Minh Cảnh trang 20, gọi Phục Vị "thuộc Tả Bồ tinh, Âm thủy" (Tả Bồ tinh tức sao Phụ Bật). Nhưng ở trang 21, soạn giả Thái Kim Oanh, trong mục "Niên Ngoại Kiết Hung Ưng" lại ghi "Sanh Khí, Bồ Chúc, Hợi, Mẹo, Mùi, 2 vị này ứng năm và tháng Hợi Mẹo Mùi. "Bồ Chúc hay Bồ Trúc Tinh, tức sao Phụ Bật mà ứng với tam hợp cục Hợi Mão Mùi thì Bồ Chúc tức Phục Vị phải thuộc mộc không thể thuộc thủy. Vậy sinh khí thuộc Mộc (sao tham) thì Phục Vị (Bồ Chúc sao Phụ Bật) cũng thuộc mộc. Đã cùng thuộc mộc, tại sao tuổi Ly kị Phục Vị mà hạp Sanh Khí? Trong Bát Quái, chỉ có một cung thủy (ứng với sao Văn) và một cung hỏa (ứng với sao Liêm), không thể nào nhầm lẫn mau mắn như vậy.

Với TRẠCH KHÔN (Cửa Tây Nam), gặp tuổi Khôn và tuổi Cấn, Thái Tiên Sinh cũng ghi "kị tuổi này" thì rõ ràng ông biết Phục Vị, Sanh Khí đều cùng thuộc mộc - vì phải là mộc thì mới khắc Cấn và Khôn thuộc Thổ!

- Nhưng Trạch Khôn và thuộc Tây tứ trạch, tuổi Khôn và tuổi Cấn thuộc Tây Tứ Mạng, cùng phe Tây với nhau, sao lại kị được?

Ở Trạch Tốn (Đông Trạch), tuổi Ly được Thiên Y, tuổi Chấn đắc Diên Niên; tuổi Ly và tuổi Chấn (đông mạng), cùng phe đông với Trạch Tốn, sao lại kị? Sở dĩ ông cho là "kị" vì ông theo nguyên tắc Thiên Y và Diên Niên hợp với Tây Mạng và Tây Trạch; nay 2 du niên này gặp Đông Trạch và Đông Mạng thì đương nhiên phải "kị". Thái Tiên Sinh, cũng như đa số các nhà soạn Bát Trạch khác, ràng buộc 3 yếu tố: du niên, cửa nhà và mạng chủ phải phù hợp với nhau. Kết quả là 8 tuổi đối với mỗi loại nhà, chỉ có 2 tuổi được thuận lợi. Như vậy, 6 tuổi còn lại phải làm sao? Không thấy được giải quyết.

- Không phải một mình Thái Tiên Sinh, Thầy Viên Tài Hà Tấn Phát, cụ Lê Văn Nhàn và cơ sở làm lịch Tam Tông Miếu cũng đều ràng buộc cái cửa của ngôi nhà với mạng của trạch chủ; cơ hồ như chỉ có cái cửa và cung mạng của trạch chủ là hai yếu tố duy nhất khi xét đến lẽ tốt xấu của ngôi nhà. Nếu không kể nhà không có vách ngăn hay nhà có nhiều vách ngăn, tức đơn trạch hay phức trạch, nay có những người cùng cung mạng cất nhà cùng hướng thì tác dụng của ngôi nhà cũng đều giống hay sao?

Không phân biệt nhà thuộc đơn trạch hay phức trạch, tức chẳng quan tâm đến tính chất riêng của ngôi nhà; vì chỉ cần biết đến hướng của cửa nhà và cung mạng của trạch chủ, theo quan niệm của các nhà nghiên cứu môn Bát Trạch nói trên. Như vậy, chẳng khác nào nói không có hiệu lực sai biệt giữa người mập người ốm, người cao người lùn, người siêng người nhác...? Do đó, phải thêm phép bát biến để an du niên cho đơn trạch, để an du niên và phiên tinh cho phức trạch mới biết rõ đặc tính cát hung, họa phúc của ngôi nhà. Dĩ nhiên mực độ hiểu biết còn tùy thuộc trình độ thâm nhập Dịch Lý của người nhận xét.

- Đông tứ trạch là nhà có cửa cái cùng với phòng chủ hay sơn chủ thuộc 4 cung Chấn, Tốn, Khảm, Ly. Tây tứ trạch là nhà có cửa cái cùng với phòng chủ hoặc sơn chủ thuộc 4 cung Càn, Cấn, Khôn, Đoài. Chỉ có cung hướng của cửa cái đã xác định vội nhà thuộc Đông hay Tây tứ trạch thì chưa đủ yếu tố.

Cung hướng của cửa cái, cũng như cung hướng của ngôi nhà, là yếu tố giúp khảo sát một ngôi nhà để biết sự tốt, xấu của nó. Tốt hay xấu là do mối tương quan của các yếu tố ấy tạo ra sự thuận hay nghịch, các yếu tố cùng phe thì thuận, khác phe thì nghịch. Bản chất một cái nhà tốt hay xấu do "tự thân" của những yếu tố cấu thành, không liên hệ gì đến cung mạng của trạch chủ, vì cái cửa là của cái nhà chớ không phải của bản thân trạch chủ.

Các yếu tố đối nghịch, tạo sự rối loạn trong ngôi nhà - tức là nhà xấu - thì dù trạch chủ có cung mạng gi, nhà cứ là nhà xấu. Tỉ dụ như cơm đã thiu thì ai ăn cũng biết là cơm thiu. Các yếu tố cùng phe, tạo sự thuận hợp trong ngôi nhà tức là nhà tốt, thì dù trạch chủ có cung mạng gì, nhà cứ là nhà tốt. Tỉ như chiếc xe hơi hoàn hảo thì tài xế nào lái cũng biết là xe tốt, không phải xe hư.

Nay nhà tốt - dù đông hay tây trạch, nhà tốt vẫn là nhà tốt - chỉ hiềm vì cung mạng của trạch chủ không thuận với loại nhà, như người đông mạng mà ở tây trạch và ngược lại. Sự thích ứng rất giản dị (như đã nói trước đây): chỉ cần chọn vị trí đặt giường ngủ và xoay đầu giường ngủ về hướng hợp với cung mạng của trạch chủ. Vai trò của nó như vai trò của người mại bản, người tiếp cận thị trường, đối với kẻ bán người mua chưa quen biết nhau, bất tất kẻ bán phải đi rao hàng cho mệt, khi đã có người trung gian này.

Vậy việc quan trọng là phải sửa sang lại ngôi nhà cho đúng, tức phải chỉnh đốn lại những yếu tố của ngôi nhà cho hợp nhau, chẳng cần phải bôn ba đi tìm hướng cửa, hướng nhà, cũng chưa chắc đã tốt, chỉ tạo được sự an tâm ban đầu vì được xứng ý). Việc chẳng tìm được hướng cửa hợp với cung mạng của trạch chủ dễ dẫn đến tâm trạng bất an. Chẳng an cư thì khó mà lạc nghiệp, khiến có thể gây bất lợi cho gia đình và xã hội.

Đó là điều tai hại do nhận định thiếu sót và sai lầm khi khảo sát về nhà cửa mà chỉ ràng buộc cung hướng của cửa cái với cung bổn mạng của trạch chủ. Ác hại thay quan niệm này lại thâm căn cố đế trong đầu óc của nhiều nhà "nói là nghiên cứu về BÁT TRẠCH", lan truyền sâu rộng trong dân gian đến độ thành định kiến kiên cố; thực khó mà thay đổi trong khoản thời gian vài ba mươi năm.

Nhận định của nhiều nhà nghiên cứu về DƯƠNG TRẠCH còn tai hại hơn khi họ an một cái BẾP cho ngôi nhà. Vì vai trò quan yếu của cái BẾP trong đời sống con người, nên khi đặt định sai lầm thì tác hại của nó rất lớn lao.

CHƯƠNG IV: BẾP

Trước khi tìm được lửa, sự ẩm thực của loài người là "ăn tươi nuốt sống". Lửa ngày nay chẳng còn là vật hiếm và ít gia đình nào chịu sống lâu dài với cảnh "cơm hàng, cháo chợ". mà thường nhà nào cũng có một cái bếp. Những người quan tâm tới việc bếp nước trong nhà cũng thường chỉ băn khoăn về hướng của lò bếp. Ít ai nghĩ tới vị trí đặt bếp là điểm trọng yếu của ngôi nhà.

Bếp là nơi sinh hoạt cần thiết của gia đình. Trước, cần biết các việc bao quát liên quan đến bếp, sau đó hãy xét đến vị trí đặt bếp và cuối cùng thẩm nghiệm mối tương quan giữa bếp và nhà.

Tiết I: NHỮNG ĐIỀU QUAN THIẾT CỦA BẾP

Bếp là nơi nấu ăn, hoặc lập ngay trên mặt đất, trên cái khung (khuông) trông giống cái bàn, hoặc xây thành cái lò có ống khói thông lên trời.
Nếu lập trên mặt đất, người ta dựng 3 cục gạch đứng nghiêng, chụm đầu với nhau, hoặc xếp gạch thành hình chữ U, hoặc dùng cái cà ràng. Nếu bếp có khuông, thường người ta đổ đất vào trong khuông để tàn lửa khỏi làm cháy khung gỗ, rồi đặt "ông Lò" trên đó, hoặc để cà ràng, hay dùng gạch, đá làm 3 "ông Táo" theo hình tam giác.
Dù có khung hay lập ngay trên mặt đất thì bếp cũng có HƯỚNG BẾP. Thông thường, hướng bếp là mép, bìa khung bếp trực đối với mặt người nấu nướng. Chỗ đưa củi vào đốt, hay miệng của hỏa lò gọi là HỎA MÔN. Hướng bếp và hỏa môn thường trùng nhau, có khi xoay hỏa môn cho thuận cung mạng của trạch chủ mà hướng bếp và hỏa môn không còn trùng nhau. "Ông Táo" là cà ràng, là 3 cục gạch hay đá, có thể đưa củi vào cả 3 bên, cửa đối diện người nấy được kể là hỏa môn. Nếu bếp được xây như cái lò, hỏa môn lã chỗ đổ trấu, mạt cưa... Trên mặt lò co khoét 2,3... cái lỗ để đặt nồi, chảo... thì hỏa môn và hướng bếp hẳn là phải khác nhau. Cần lưu ý điểm này vì tác dụng của hướng bếp khác tác dụng của hỏa môn.
Sở dĩ phải dong dài vì bếp là một trong những điều rắc rối nhất của khoa Dương Cơ, vì tính chất trọng yếu của nó, và vì có sach dùng chữ TÁO KHẨU để chỉ hướng bếp, hỏa môn và ngay cả cửa bếp. Xưa kia khung bếp có đóng ván làm thành vách 4 bên. Vách ở hướng bếp được cắt đôi, chừa 1 khoảng trống để quét tro, than trên mặt khuông bếp ra cho sạch sẽ. Chỗ đó làm thành cái miệng của bếp, gọi là táo khẩu, nếu mặt khung bếp bằng phẳng (không có vách), ai thấy miệng bếp ở đâu? Vậy táo khẩu là miệng bếp, miệng khuông bếp chớ không phải là hỏa môn, nhưng táo khẩu xác định hướng bếp. Nếu không có táo khẩu, hướng bếp là rìa đối nghịch với lưng bếp, cũng như mặt và lưng của người.
Nhiều người tranh biện về những điểm trên. Họ cũng cãi vã nhau về công dụng của Hỏa môn: Miệng lò phải xoay về hướng xấu đối với mạng chủ để đốt hung khí, hoặc miệng lò không được xoay về hướng tốt để tránh việc lò đốt hết sanh khí. Họ không biết miệng lò rút dưỡng khí trong không khí vào để giúp lửa cháy. Họ cũng nói, hướng bếp là hướng của mặt người đứng nấu. Cần tránh những sai lầm này.
Ngày nay, người ta dùng bếp điện, lò gas, đâu là hỏa môn? Thiết nghĩ dùng "mặt ngoài" của bếp điện, gas, mặt trực đối với người nấu nướng, làm hỏa môn.
Lại nữa, nơi đặt bếp có thể ở trong phần nhà chánh, tại một trong số các ngăn, hoặc tại một cái nhà riêng biệt với nhà chánh. Rất có thể trong ngăn đặt bếp, người ta lại làm một cái buồng riêng biệt có cửa vào bếp, buồng này gọi là buồng bếp, cửa vào buồng bếp gọi tắt là cửa bếp. Nếu bếp đặt tại ngăn nào thì cửa vào ngăn đó là cửa bếp, vì tại ngăn này, chủ nhà không xây dựng một buồng bếp riêng biệt với nhà

chánh, nhà này gọi là nhà bếp và cửa vào nhà bếp là cửa bếp. Sách này gọi chung là nhà bếp, gồm có:

- Buồng bếp.
- Ngăn nhà có đặt bếp, mà chủ nhà khong làm một cái buồng riêng.
- Nhà có đặt bếp riêng biệt với nhà chánh.

Như vậy, bếp có thể đặt bất cứ nơi nào, còn tác dụng lợi hại, tốt xấu của bếp sẽ được đề cập ở Tiết 3, Chương này.

Ngày nay con người tìm ra lửa dễ dàng nên ít người còn quan tâm đến sự hệ trọng của lửa. Sự thật, lửa vẫn giữa địa vị cực kỳ quan yếu trong đời sống nhân loại như ngày nào. Nhiều dân tộc thờ THẦN LỬA. Có lẽ dân tộc Trung Hoa cũng cảm nhận sự thiết yếu của lửa, nên đã đặt mỹ hiệu HỎA ĐỨC TINH QUÂN để chỉ lửa. Trong nhà, người ta gọi bếp là ÔNG TÁO, là Tư Mạng Táo Quân với nhiều điều kiêng kị.

Vào bếp: Không được chửi rủa, không được ca hát, không được lõa lồ, không được lấy chổi quét nhà, chổi dơ để quét bếp, không được bỏ rác rến hay đồ hôi thối vào bếp để đốt, không được đốt giấy có chữ nho, hay đốt hương trong hỏa lò, không được gỏ "trên đầu ông Táo" không được gõ hay nhịp trên miệng nồi niêu, không được thọc dao vào miệng lò để đốt tro, không được chẻ củi hay đâm giã tiêu ớt... trước miệng bếp... Có rất nhiều điều kiêng kị, một số do tập tục truyền lại, một só thấy ghi trong Kinh Ông Táo (Táo Quân Chơn Kinh). Người xưa cho rằng phạm vào những điều kiêng kị nói trên hay xảy ra gây gổ, đau bịnh, tai nạn hay nghèo túng... Tin hay không, tùy tâm tưởng của mỗi người.

Khoa Dương Cơ quan niệm HỎA MÔN hút sinh khí, linh khí qua lửa để nấu nướng, chế biến thức ăn nuôi cơ thể con người mà khoa Đông Y phân chia làm tạng, phủ và phủ kỳ hằng: Não là bể của tủy và tủy là tinh hoa từ thận sinh ra, do tính chất của đồ ăn thức uống tạo nên. Khi hỏa môn hút trược khí, nghịch hay ác khí - vì không thuận hợp với mạng của trạch chủ - tất nhiên đem lại những ảnh hưởng tai hại cho gia đình mà tiêu biểu là người chủ chốt trong nhà. Do đó hỏa môn phải thuận hợp với cung mạng của trạch chủ. Còn mặt sau của Bếp - tức lưng Bếp - có tác dụng trấn áp hung hại, cần xoay về hướng xấu. Sự kiêng kị về bếp của khoa Dương Cơ, vì vậy, có phần khác với những kiêng kị do tín ngưỡng.

- Mặt trước của bếp, tức trước hỏa môn, trước hướng bếp, không được trực diện với cầu tiêu, nhà tắm (nơi có uế khí), với bồn chứa nước, sàn rửa chén bát, bồn rửa mặt, lu nước, giếng nước. Phạm vào điều này: Gây gổ, cãi vã, bịnh đau.
- Trước bếp, và trước trang trang thờ ông Táo, làm phòng ngủ hay để giường ngủ: Đau tim, đau ngực, con cháu không lương thiện, gia đạo bị phá tán, tai nạn liên miên.
- Mở cửa ngay trước mặt bếp: Tiền tài, súc vật bị tiêu hao.
- Đào hầm, hố ngay trước bếp: Hư mắt, bệnh tật, xảy ra nhiều điều quái đản. (hầm, hố có chứa nước: càng nguy).
- Bếp và giếng hay hồ, lu chứa nước liền nhau: Mẹ chồng và con dâu đối xử nhau chẳng lương thiện.
- Bếp đặt trên đường nước, như có ống nước chạy dưới bếp chẳng hạn, hay trên hầm nước. Gia đạo bất hòa, ly tán. Trên lửa, dưới nước là tượng của quẻ Hỏa Thủy vị tế chăng? Trái

lại, đặt bếp có máng xối chạy phía trên thấy không tai hại mà còn hưng phát. Trên nước dưới lửa: Tượng của quẻ Thủy Hỏa ký tế chăng?

Bếp cũng như trang thờ ông Táo, không được trông về hướng có chuồng nuôi gia súc để tránh uế khí, sinh bịnh hoạn.

- Bếp không được đặt dưới cây đòn dông để tránh bịnh lao.
- Phòng ngủ và hầm nước trước bếp còn dẫn tới nạn cô quả hay tuyệt tự.
- Không được dùng đất dơ bẩn để đổ khuông bếp hay đắp ông Táo.
- Nếu có ai lập trang thờ ông Táo thì trang thờ và hướng bếp phải cùng chiều nghĩa là trực diện với người đứng nấu.

Trên đây đã minh định về nhà bếp, hướng bếp, hỏa môn, hướng của hỏa môn và cửa bếp, tức cửa của nhà bếp. Nhiều sách còn bất đồng với nhau về táo tòa tức vị trí đặt bếp.

TIẾT 2: VỊ TRÍ ĐẶT BẾP

Khi khảo sát vị trí đặt bếp, cũng như nơi khai lập chính môn, người kỹ lưỡng thường dùng đến sơn hướng. Vậy cần chế ra một "bát quái đồ" để xét các sơn hướng của vị trí đặt bếp.

Muc 1: BÁT QUÁI ĐỒ

Không có la bàn với đầy đủ chi tiết của bát quái và các sơn hướng, có thể tự chế ra một bát quái đồ để dùng tạm, nhưng cũng không kém phần chính xác. Bát quái đồ gọi nôm na là thước bát quái, gồm hai phần:

Phần thứ 1: BÁT QUÁI VÀ SƠN HƯỚNG

Dùng một miếng bìa cứng (carton chẳng hạn), trên đó:

- Vẽ 1 hình bát quái nhỏ ở giữa, dùng làm tâm để đặt la bàn mỗi khi dùng đến bát quái đồ.
- Vẽ 1 hình bát quái thứ 2 lớn hơn hình thứ nhất nhưng đồng tâm, phân ra 8 cung Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài với hình tượng của mỗi cung.
- Vẽ 1 hình bát quái thứ 3 lớn hơn hình thứ 2, nhưng cũng đồng tâm, ghi hướng sở thuộc của 8 cung, Tây Bắc, Bắc, Đông Bắc, Đông, Đông Nam, Nam, Tây Nam, Tây, để dễ dàng nhận định cung hướng.
- Vẽ 1 hình bát quái thứ tư lớn hơn hình thứ 3, cũng đồng tâm ghi các sơn hướng.

Phần thứ 2: ĐẶC TÍNH CỦA SƠN HƯỚNG

Dùng một miếng bìa cứng khác trên đó có vẽ một hình bát quái lớn hơn hình bát quái thứ 4, nhưng cũng đồng tâm, ghi đặc tính của các sơn hướng.

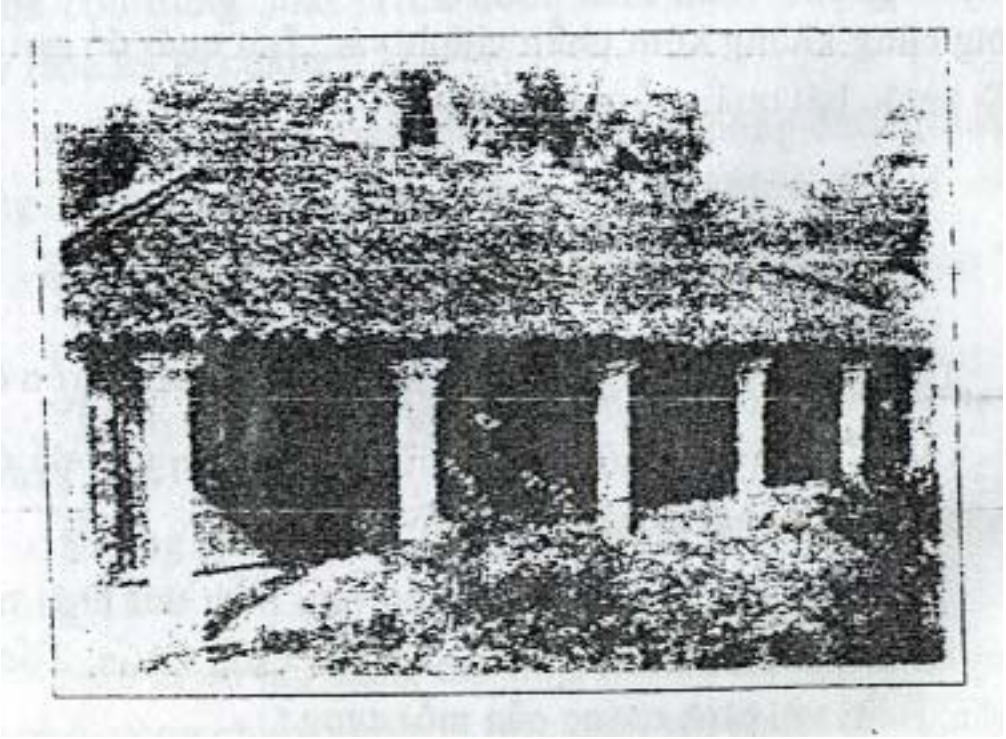

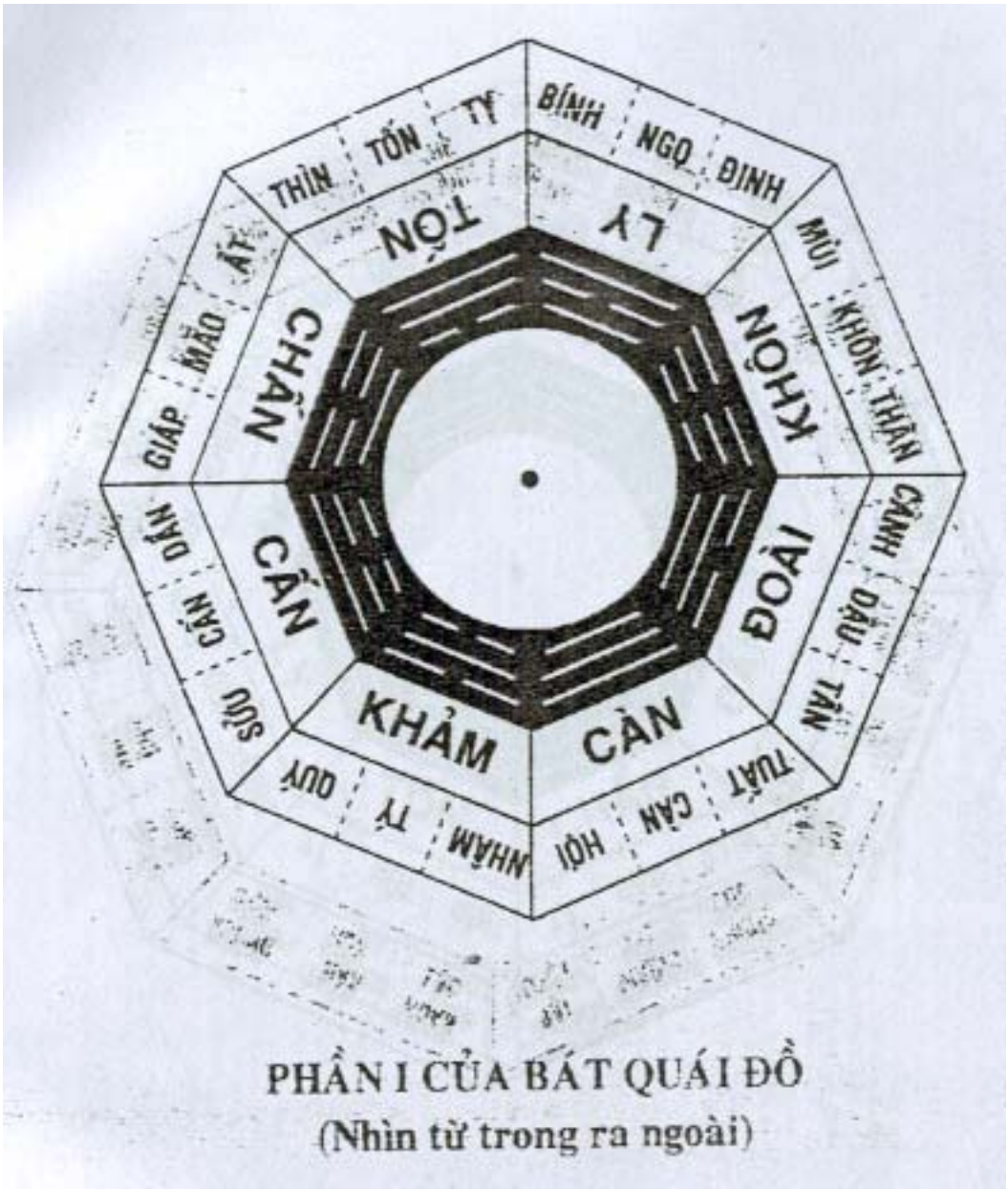

PHẦN I CỦA BÁT QUÁI ĐỒ
(Nhìn từ trong ra ngoài)

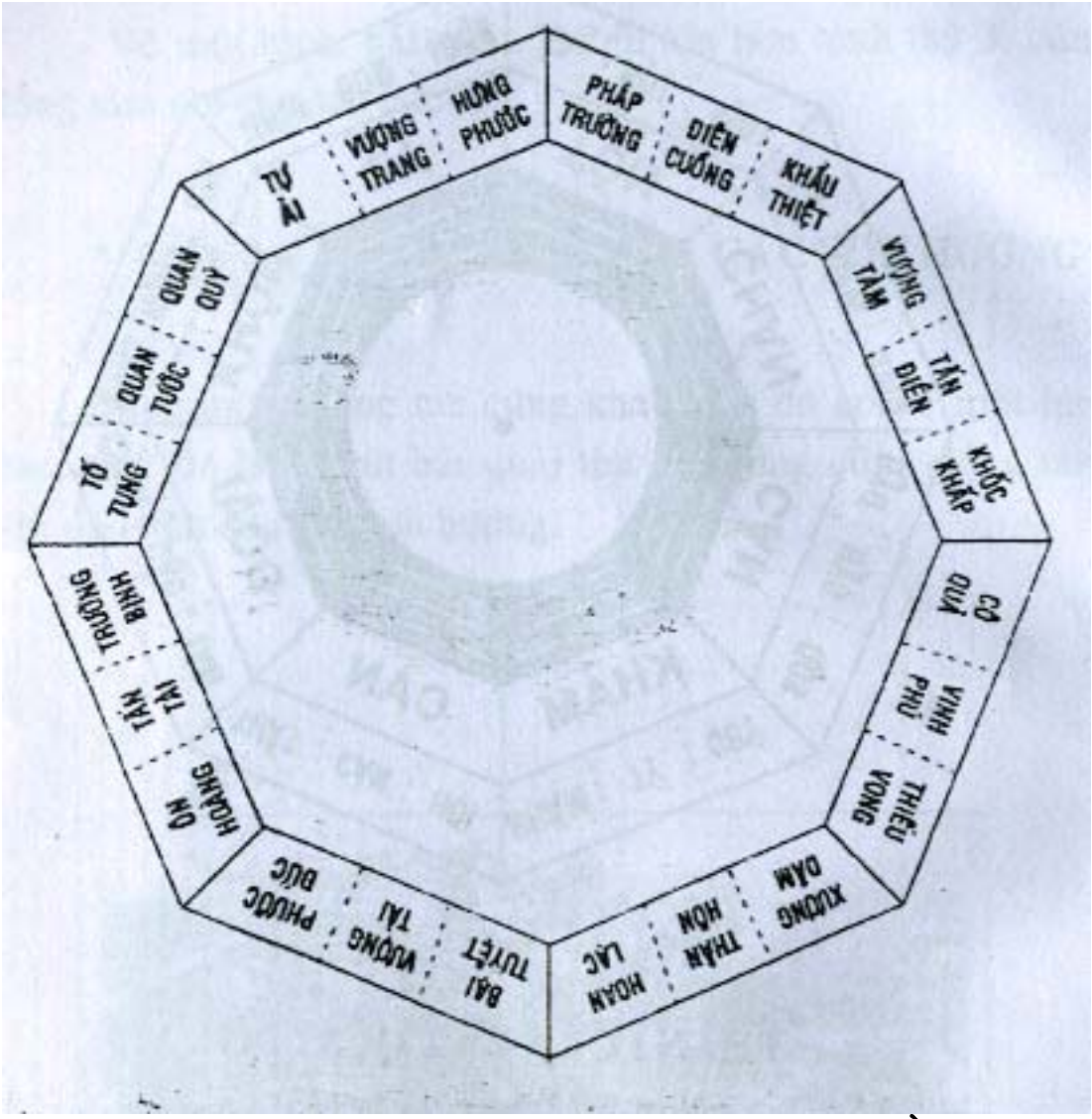

Phần thứ 2: CỦA BÁT QUÁI ĐỒ

Đem hình 37 chồng lên hình 38, tức đem phần 1 chồng lên phần hai của bát quái đồ, sao cho đồng tâm thì các cung của bát quái hợp lại thành một bát quái đồ đầy đủ các chi tiết cần thiết.

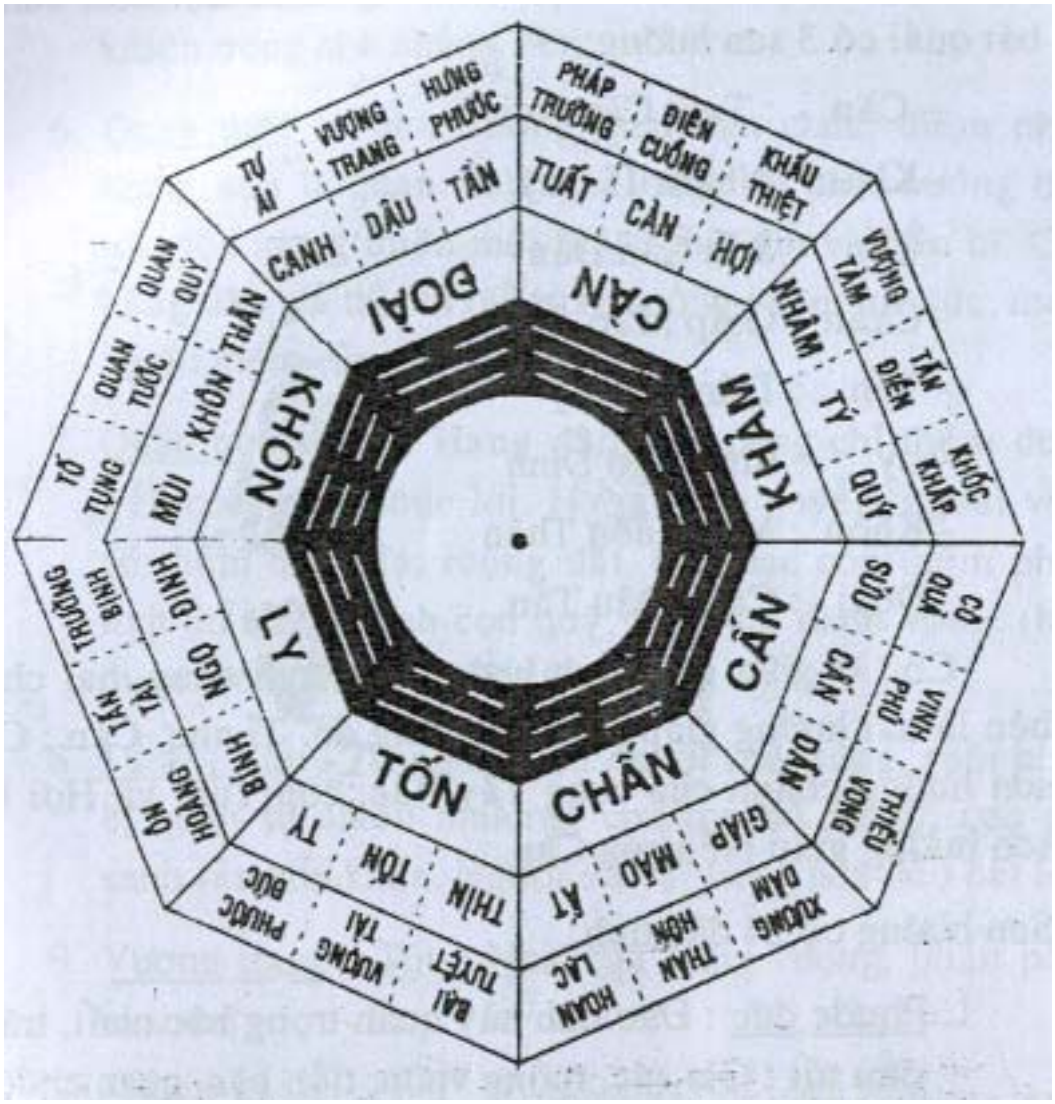

Phần 1 và phần hai của bát quái đồ đồng tâm. Gắn một cây kim hay một cây đinh tại tâm này để phần một có thể xoay tròn trên phần 2 khi muốn tìm đặc tính của các sơn hướng.

Mục 2; SƠN HƯỚNG

Tám cung của bát quái đồ chia ra 24 sơn hướng. Vòng tròn có 360 độ. Vậy mỗi sơn hướng là 15 độ. Mỗi cung của bát quái có 3 sơn hướng:

- Càn: Tuất Càn Hợi.
- Khảm: Nhâm Tí Quý
- Cấn: Sửu Cấn Dần
- Chấn: Giáp Mão Ất
- Tốn: Thìn Tốn Tỵ
- Ly: Bính Ngọ Đinh
- Khôn: Mùi Khôn Thân
- Đoài: Canh Dậu Tân

Chữ ơt giữa là chánh hướng của mỗi cung, hai chữ hai bên là hai hướng giáp biên của nó. Tỉ như Càn: Càn là sơn hướng chánh của cung Tây Bắc, còn Tuất và Hợi là hai sơn hướng giáp biên của Càn.

Sơn hướng có 24 đặc tính:

1. Phước đức: Đặc tính này quan trọng bậc nhất, trăm sự đều tốt: Gia súc, ruộng vườn, tiền bạc, quan chức, con cái.... đều tấn phát.
2. Ôn hoàng: Xấu: Thường mắc bịnh do thời khí, hoặc tai nạn về nước, lửa, sấm sét, đao búa, quan sự nhiễu nhương, tiền bạc bị tiêu tán.
3. Tấn tài: Tăng tấn về tiền bạc, của cải, nhơn khẩu trong nhà.
4. Trường binh: Xấu: Bịnh dai dẳng, bịnh đủ thứ, tai tiếng thị phi, tiền bạc hao tổn.
5. Tố tụng: Xấu: Nay có mai bớt liên miên, gia súc tiêu tán, sản nghiệp bại hoại, tiền nhơn âm mưu ám hại khiến trong nhà chẳng yên.
6. Quan tước: Tốt: Thăng quan tấn chức, thêm nhơn khẩu, nếu là quan chức nhà nước thì phải hướng tâm tới việc lương thiện mới được phát đạt và bền bỉ. Còn hàng dân giả thì chỉ tăng tấn ruộng vườn, lục súc, thêm người thêm của.
7. Quan quý: Tốt: Hạng dân giả cũng chỉ thêm được tiền của, tăng phúc lợi. Hạng quan quyền, ngoài việc có thêm nhà cửa, ruộng đất, tiền bạc còn thêm phần tinh thần như sanh con quý, hiển đạt danh vọng. (hơn quan tướcở trên về mặt tinh thần)
8. Tư ải: Xấu: Trong nhà có người chết sông, suối hoặc bị quan nhiều nhương, con trai bỏ xứ sở, con gái sanh sản khó khăn. Người và vật trong nhà đều bất lợi.
9. Vương trang: Tốt: Nhà cửa hưng vượng, phấn phát mọi thứ.
10. Hưng phước: Tốt: Trong nhà lớn nhỏ đều an lành, người người đạo đức hiền lương, con hiếu cháu hiền, hạng sĩ hoạn thì tăng quyền chức, hạng thường dân thêm tài lộc.
11. Pháp trường: Xấu: Đại hung, bị tai nạn do đâm chém, bị tù tội hay lưu đày xa xứ.
12. Điên cuồng: xấu: Đàn bà bị sản nạn, đàn ông gian tà dâm loạn, con nít nhỏ đã hung tàn bạo ngược khiến gia đạo bại hoại, ly tán.
13. Khẩu thiệt: Xấu: Vạ miệng vạ mồm như ong vỡ ổ, con bất hiếu và ngỗ nghịch, vợ hạ tiện thêm dâm loạn, khiến gia cảnh tiêu điều.
14. Vương tàm: Tốt: Tàm là việc nuôi tầm dệt vải, nhưng vượng tàm không những chỉ việc canh cửi phát đạt mà nói chung nghề nghiệp, tài lộc, điền sản trong nhà đều hưng thịnh.
15. Tấn điền: Tốt: Nói chung điền sản, súc vật, tài lộc đều phát.
16. Khốc khấp: Xấu: Đem lại tiếng khóc chớ không phải tiếng cười trong nhà, tức những sự bi ai, thảm não như chết chóc, bịnh hoạn thảm thê, tài lợi bị phá hoại bất ngờ và khủng khiếp.
17. Cô quả: Xấu: Bị lẻ loi, hiu quạnh, đơn độc vì nhiều lý do; Hoặc do gia sản thất tán khiến người trong nhà phải tha phương cầu thực, hoặc do thân nhân bị yểu vong, hoặc tuyệt tự.
18. Vinh phú: Tốt, có tiền của lại thêm hiển vinh.

19. Thiếu vong: Xấu: Chết non vì đàn bà trong nhà nhiều bịnh tật, vì cãi vã thề thốt rồi tự vận, vì quá ham mê rượu chè, đĩ điếm, phá sạch nhà cửa, không còn phương tiện sinh sống.
20. Xương dâm: Xấu: Dâm dật quá độ, trai đàng điếm, gái đĩ thỏa, làm bại hoại gia phong vì chẳng kể liêm sỉ.
21. Thân hôn: Tốt: Đem lại những việc hiền lương, tốt lành như thêm nhơn khẩu, tiền bạc, gia súc.
22. Hoạn lạc: Tốt: Được những điều vui vẻ, sung sướng, hạnh phúc.
23. Bại tuyệt: Xấu, bế tắc mọi thứ khiến có thể dẫn đến việc dùng độc dược tự vận, hoặc trầm nịch hoặc hỏa thiêu mà chết.
24. Vương tài: Tốt: Có tiền bạc lại thêm danh giá, con hiếu cháu hiền, tuổi thọ tăng cao.

Thường người ta định sơn hướng để biết đặc tính của cung cửa cái và vị trí đặt bếp. Nhưng muốn biết những đặc tính ấy, cần phải vận chuyển bát quái đồ.

Mục 3: CÁCH VẬN CHUYỂN BÁT QUÁI ĐỒ

Điểm đặt bát quái đồ:

Điểm đặt bát quái đồ là điểm đặt la bàn. Vậy cần phải đặt tâm của bát quái đồ đúng ngay điểm đặt la bàn. Đặc tính "Phước đức" trong 24 đặc tính nói trên là điểm khởi đầu để tìm đặc tính của sơn hướng cần thiết. Do đó cần biết cách "khởi Phước Đức".

Có 3 yếu tố tương quan nhau: Cung bát quái, sơn hướng và Phước Đức. Mỗi cung của bát quái có 3 sơn hướng. Muốn tìm đặc tính của 3 sơn hướng đó phải dựa vào mối tương quan của 3 yếu tố vừa kể trên. Mỗi cung bát quái phải căn cứ vào một sơn hướng duy nhất để khởi Phước Đức:

- Cung Càn: Khởi Phước Đức tại sơn hướng Thân (của cung Khôn).
- Cung Khảm: Khởi Phước Đức tại sơn hướng Dần (của cung Cấn).
- Cung Cấn: Khởi Phước Đức tại sơn hướng Giáp (của cung Chấn).
- Cung Chấn: Khởi Phước Đức tại sơn hướng Tỵ (của cung Tốn).
- Cung Tốn: Cũng Khởi Phước Đức tại Tỵ như cung Chấn trên.
- Cung Ly: Cũng Khởi Phước Đức tại Thân như cung Càn.
- Cung Khôn: Khởi Phước Đức tại sơn hướng Hợi (của cung Càn).
- Cung Đoài: Cũng Khởi Phước Đức tại Hợi như cung Khôn.

Giả như muốn tìm tính chất của các sơn hướng thuộc cung Ly: Xoay phần I của Bát Quái Đồ sao cho chữ Thân trùng với chữ PHƯỚC ĐỨC. Đặt bát quái đồ tại điểm đặt la bàn - điểm đặt tùy theo đối tượng như cửa, bếp chẳng hạn - để la bàn vào trung tâm bát quái đồ có vật bằng kim loại (cây kim gắn làm trục xoay) thì phải nâng cao la bàn để tránh tác dụng của kim loại làm kim la bàn lệch lạc. Xoay bát quái đồ cho cung Khảm, tức thị tìm ngay được 3 tính chất của ba sơn hướng Bính Ngọ Đinh của cung Ly: Bính: Xương, Dâm, Ngọ: Thân Hôn, Đinh: Hoan lạc. Kết luận rằng: Sơn hướng Bính xấu, sơn hướng Ngọ và Đinh tốt.

Theo cách khởi Phước Đức trên đây, 8 cung của bát quái là 8 hướng, không phải 8 tọa sơn.Hướng và điểm tọa sơn đối nghịch nhau, như Càn sơn thì Tốn hướng, Khảm hướng

thì Ly sơn.... Sách này ghi cách Khởi Phước Đức như trên nhằm giúp người thực hành khỏi phải suy nghĩ khi tìm đặc tính của 24 sơn hướng. Chẳng hạn khi nói cửa cái ở cung Càn thì biết ngay cửa cái ở hướng Càn. Còn điềm đặt la bàn để tìm cung cửa cái đương nhiên đối nghịch với cung hướng của cửa cái.

Trong mục "Môn Lầu Ngọc Bối Kinh" trang 29 của sách Bát Trạch Minh Cảnh của Thái Kim Oanh ghi các cung từ Càn đến Đoài là điểm tọa sơn, nên cách Khởi Phước Đức có khác.

Càn Hợi Tuất sơn tùng Tị khởi.
Khảm Quý Nhâm địa hướng Thân cầu.
Đoài Canh Tân vị phòng Xà tẩu
Khôn Mùi Thân sơn Giáp Thượng tầm.
Ly Bính Đinh vị thị Hổ đầu
Tốn Tị Long Thân Hầu vi chủ
Sửu Cấn Dần sơn phùng Hợi vị
Chấn Mão Ất vị hướng Trư du
Bát quái Trường Sanh Khởi Phước Đức
Vô nghĩa chi nhơn bất khả cầu.

Nghĩa:

Càn sơn, tức Tốn hướng, khởi Phước Đức tại Tị
Khảm sơn, tức Ly hướng, khởi Phước Đức tại Thân
Đoài sơn, tức Chấn hướng, khởi Phước Đức tại Tị
Khôn sơn, tức Cấn hướng, khởi Phước Đức tại Giáp
Ly sơn, tức Khảm hướng. khởi Phước Đức tại Dần.
Tốn sơn, tức Càn hướng, khởi Phước Đức tại Thân
Cấn sơn, tức Khôn hướng, khởi Phước Đức tại Hợi.
Chấn sơn, tức Đoài hướng khởi Phước Đức tại Hợi.
Đó là cách khởi Phước Đức của bát quái để cầu sự tốt đẹp.
Loại người vô nghĩa chớ trông mong!

Sách Bát Trạch Minh Cảnh do Nhược Quán Đạo Sư truyền lại - bản dịch của cụ Việt Hải - cũng có đề cập đến Ngọc Bối Kinh, nhưng gọi là Ngọc Liễn Kinh. Cụ Việt Hải cũng có dịch quyển Dương Trạch Thấu Giải, nhưng trong cả 2 dịch phẩm này đều không có chỉ dẫn cách khởi Phước Đức để tìm tính chất của sơn hướng.

Khi ứng dụng khoa Dương Cơ, tôi dùng cách khởi Phước Đức nói trên của Thái Kim Oanh và kiểm nghiệm thấy có tác dụng. Ai áp dụng cách "24 hướng thủy" của cụ Việt Hải trong Dương Trạch Thấu Giải cũng nên công bố sở đắc để giúp khoa này mỗi ngày một hoàn chỉnh hơn. Cầu cát thì ai cũng muốn. Lắm người còn muốn cầu cát đến độ tối đa hay hoàn toàn, được hay không còn do phúc hạnh của mỗi người. Khoa Dương Cơ đã hướng dẫn cách thức để cầu cát này:

- Mạng chủ và nhà cùng phe, đông mạng thì ở đông trạch, tây mạng thì ở tây trạch. Nhớ rằng nhà thuộc phe đông hay tây không phải chỉ do cửa cái đặt ở đông tứ cung hay tây tứ cung là đủ.

- Mạng chủ và nhà khác phe thì xoay đầu giường ngủ và nơi đặt giường phải thuận lợi với mạng của trạch chủ. Nếu mỗi người trong nhà đều có nơi ngủ thuận mạng và đầu giường xoay về hướng hợp mạng thì càng tốt. Thuận mạng đức hợp với cung bổn mạng, chẳng phải hợp với hành bổn mạng.
  Phân ra 24 sơn hướng để tìm thêm một lần nữa sự tốt đẹp cho con người.
  Hỏa môn phải thuận với cung mạng của trạch chủ. Điểm này các sách đều giống nhau, duy có điểm đặt bếp là trái nghịch nhau hoàn toàn.

Mục 4: VỊ TRÍ ĐẶT BẾP

Vị trí đặt bếp gọi là TÁO TÒA. Chỗ nào có Táo Tòa, gọi chung chỗ ấy là Nhà Bếp, dù đó là một ngăn của chánh ốc (nhà chính), bất kể trong ngăn này có lập một cái buồng riêng cho bếp hay không, hoặc đó là một cái nhà riêng biệt với chánh ốc.

Trong nhà bếp, Táo Tòa có thể được đặt tại một trong 8 cung của bát quái. Không có trường hợp nào dự liệu cho bếp đặt tại trung cung (thái cực) của bát quái cả.

(chèn hình trang 172)

Hình 40:

Vị trí đặt bếp

M: điểm đặt la bàn

Phải đặt la bàn ở đâu để phân cung điểm hướng cho bếp, tức để biết bếp đặt ở cung nào, đồng thời cũng để biết cung cửa bếp? - Điểm giữa (trung tâm điểm) của ngăn nhà có đặt bếp, của buồng bếp, của nhà bếp (riêng biệt) là điểm đặt la bàn. Từ trung tâm la bàn, nhìn về điểm giữa khuông bếp, hễ thấy điểm giữa này của khuông bếp trùng vào cung nào của la bàn thì cung ấy là cung vị trí đặt bếp, cung bếp. Cũng từ trung tâm la bàn, nhìn về điểm giữa của cửa bếp, hễ thấy điểm đó nằm vào cung nào của la bàn thì cung ấy là cung cửa bếp.

Trường hợp bếp nằm trong chính ốc, mà chính ốc này là tịnh trạch, điểm đặt la bàn là trung tâm của nền nhà. Sơ đồ trên (hình 40) có thể là một ngăn của chánh ốc, một buồng bếp hay một nhà bếp riêng biệt.

Với sơ đồ trên, người ta có thể thấy bếp đặt ở 8 cung Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Càn, Khảm và Cấn với hình thái và hướng bếp khác nhau:

- Bếp đặt tại cung Chấn, khuông bếp đặt theo trục Khảm - Ly, hướng bếp trông về Đoài. Hỏa môn có thể trông về hướng Đoài (trùng với hướng bếp), Càn hay Khôn... Nếu khuông bếp đặt theo trục Chấn - Đoài, hướng bếp có thể trông về hướng Khảm (lưng bếp Ly), hoặc trông về hướng Ly (lưng bếp Khảm). Hỏa môn hoặc trùng với hướng bếp mà cũng có thể khác hướng bếp, chỉ cần thuận với cung mạng của trạch chủ là đắc cách.
- Bếp đặt tại cung Ly, Khuông bếp theo trục Chấn - Đoài mà lưng bếp sát với nách, hướng bếp tất trông về Khảm. Nếu khuông bếp không đặt sát vách thì hướng bếp có thể trông về Khảm hoặc Ly: cách điểm đặt la bàn về bất cứ hướng nào có thể đặt được khuông bếp thì vị trí bếp cũng thuộc cung hướng đó. Nếu khuông bếp theo trục Khảm - Ly, hướng bếp hoặc trông về Chấn, hoặc trông về Đoài.

- Bếp đặt tại cung Khôn, khuông bếp đặt xéo, hướng bếp trông về Cấn là cửa bếp (theo đồ hình) thì phạm điều đại kị: Khai môn đối Táo, tài súc đa hao.
- Bếp đặt tại cung Càn và cung Khảm, cung Cấn, khuông bếp theo trục Khảm - Ly, hướng bếp trông về Chấn cũng phạm luật "khai môn đối táo". Nếu bếp trông về hướng Đoài, lưng bếp hướng Chấn (tức là xoay lưng ra cửa) thì vô hại.

Những vị trí và hình thái khác của bếp, cứ theo sơ đồ trên mà suy diễn. Như vậy công dụng của hướng bếp ắt đã rõ ràng: Hướng bếp không được trông về nơi nào có cửa, cầu tiêu, nhà tắm, chuồng trâu bò và gia cầm, giếng, lu chứa nước... (xem lại Tiết 1 Chương này).

Còn vị trí đặt bếp? phải đặt bếp nơi trong nhà cho hợp cách? hợp là hợp với mạng chủ hay hợp với ngôi nhà? Có hai thuyết trái ngược nhau:

1. Thuyết thứ nhất chủ trương đặt bếp nơi hung phương để trừ hung sát trong nhà. Thuyết này đặt trọng tâm vào cung mạng của chủ nhà, mọi sự xây dựng, tu tạo điều phải căn cứ vào mạng chủ. Nhà có hai chỗ quan trọng đối với thuyết này: Cửa cái và bếp. Hai điều trọng yếu đó hễ hợp với mạng chủ là cát xương, nghịch với mạng chủ là hung hại. Thuyết này thấy xuất phát từ Bát Trạch Minh Cảnh do Nhược Quán đạo nhân truyền lại từ triều đại nhà Thanh bên Tàu. Nhược Quán là người tu tiên đạo, nhưng sách do một tăng nhân giới thiệu. Sách gồm 2 quyển: Thượng và Hạ viết từ Hà Đồ, Lạc Thơ, Bát Quái, Đông và Tây Tứ trạch, Cửu tinh, bếp... đến việc giá thú của Nam Nữ và thước Lỗ Ban. Ảnh hưởng của sách này ở Việt Nam rất sâu rộng: Có Bát Trạch Minh Cảnh của Thái Kim Oanh, Bát Trạch Chánh Tông của Viên Tài Hà Tấn Phát, Dương Cơ, của Việt Hải, cơ sở làm lịch Tam Tông Miếu, Tam Ngươn Đại Lược của Lê Văn Nhàn...

Phương thức khảo sát họa phúc của ngôi nhà theo cách thứ I: Đầu tiên, phân chia trạch chủ làm 8: 4 Đông mạng và 4 Tây mạng. Sau đó, theo bát quái đồ, xếp cung mạng của trạch chủ thành 8 cục, từ Càn cục đồ đến Đoài Cục đồ. Sau khi phân chia tọa sơn và hướng nhà, đem cục đồ của mạng chủ ra đặt (có lẽ giữa nền nhà, hay ở giữa nhà). Để tìm biết sự cát hung của 8 cung sở thuộc theo phép bát biến du niên. (Dương Cơ, trang 72 Việt Hải). Sách Bát Trạch Minh Cảnh của Thái Kim Oanh từ trang 41 đến trang 48, trên các cục đồ có thêm đặc tính của 24 sơn hướng, nhưng không đề cập đến tọa sơn, sơn chủ.

Sở dĩ trưng dẫn 2 quyển sách nói trên vì sách của 2 vị tiền bối này tương đối có nội dung phong phú hơn.

Tạm mệnh danh nhữung vị theo thuyết thứ nhất này là "Phái Bát Trạch Minh Cảnh". Các thành viên của phái này đều đồng ý: "Táo Tòa luận phương, bất luận hướng, Táo khẩu luận hướng, bất luận phương". Cần xác định ý nghĩa các danh từ.

- Táo Tòa: Tòa bếp, tức nơi đặt bếp, chỗ để bếp.
- Táo khẩu: Miệng bếp, miệng lò, tức Hỏa môn.
- Phương: Nơi đặt để, tức vị trí của bếp.
- Hướng: Nơi trông về, chỗ ngó tới.

Vậy đối với khuông bếp, Tòa bếp thì phải kể, phải căn cứ vào chỗ, vào vị trí đặt bếp. Không cần quan tâm đến hướng của khuông bếp. Ngược lại, đối với miệng bếp, hỏa môn thì phải căn cứ vào hướng để thiết trí, khỏi quan tâm đến vị trí đặt định. Nhưng phái này quan niệm: căn cứ trên mạng chủ, phương của Táo Tòa phải là phương hung, hướng của Táo khẩu phải là hướng cát. Nếu nhầm lẫn mà đặt bếp ở bốn cát phương, hậu quả như sau:

- "Chiếm phương Thiên Y: Bịnh hoạn liên miên..."
- "Chiếm phương Sanh Khí: Sanh quỷ thai, lạc thai... ruộng vườn, súc vật tổn thâu".
- "Chiếm phương Diên Niên: Không thọ, hôn nhân khó thành... (Thái Kim Oanh trang 25 sách đã dẫn - sđd)."

Trái lại nếu đặt bếp tại 4 hung phương đối với mạng chủ, kết quả như sau;

"Nếu (Táo Tòa) áp phương tuyệt mạng của bản mệnh thì không bịnh tật, phát tài, tăng thọ... Nếu áp phương lục sát thì phát đinh tài, vô kiện cáo, cửa nhà yên ổn. Nếu áp phương họa hại thì bất thoái tài, bất thương nhân. Nếu áp phương pháp ngũ quỷ thì vô hỏa tai, đạo tặc, gia nô trung thành..." (Việt Hải, trang 138 SĐD).

Phái Bát Trạch Minh Cảnh quan niệm về Táo Tòa hoàn toàn khác với phái thứ 2.

2.- Thuyết thứ hai chủ trương Táo Tòa phải đặt nơi cát phương và không liên hệ gì đến mạng chủ. Thuyết này phát xuất từ sách Dương Trạch Tam Yếu của Sái Cửu Phong đời nhà Tống bên Trung Hoa. Sái Cửu Phong là một triết gia. Trên sách ghi là Triệu Cửu Phong vì Triệu là quốc tính của nhà Tống (họ của Tống Thái Tổ, Triệu Khuông Dẫn). Bên Việt Nam có nhà nghiên cứu bát trạch Nguyễn Minh Triết quãng diễn thuyết này.

Theo thuyết thứ hai tạm mệnh danh là "Phái Dương Trạch Tam Yếu", vị trí đặt bếp phải đồng phe với nhà, tức phải hòa hợp với chính ốc. Tây trạch thì phải an tây trù, Đông trạch thì phải an đông trù để điều phối cho thuận hợp giữa 3 yếu tố: Cửa cái, sơn chủ (hoặc phòng chủ, nếu là đơn trạch) và vị trí đặt bếp hầu tạo nên "Tam Cát Trạch" tức 3 điều tốt chính yếu của ngôi nhà.

Thuyết thứ hai, lưu truyền hồi đầu thập niên 60, nhưng sự ứng dụng chẳng mấy sâu rộng, có lẽ vì sự tinh tế và tỉ mỉ của nó. Đến thập niên 90 có người rút những điểm tinh yếu của thuyết này và viết tập "Chủ Môn Táo" (Sơn chủ, Phòng chủ, Cửa và Bếp). Nhưng có lẽ chẳng thể xưng danh nên không biết là ai.

Đối với phái Dương Trạch Tam Yếu, muốn biết tính chất cát hung của bếp, khi đã phân cung điểm hướng cho vị trí đặt bếp, phải an du niên. Dùng phép biến cung (bát biến du niên) tính từ cung cửa cái đến cung bếp, thừa du niên gì, ghi du niên (chính biến) này vào cung bếp. Từ cung của sơn chủ (phức trạch) hoặc cung của phòng chủ (đơn trạch) biến tới cung bếp, thừa du niên gì, ghi du niên (hỗ biến) này vào cung bếp. Cung của cửa cái, của bếp, của sơn chủ hoặc của chủ phòng cùng phe Càn, Cấn, Khôn, Đoài (Tây cung) cùng phe Chấn, Tốn, Khảm, Ly (Đông cung), tức là bếp hợp với nhà, sẽ đem lại thịnh vượng, cát xương vì được tòan du niên cát. Nếu cung của cửa cái, của bếp, của sơn chủ hoặc phòng chủ tâm thế đông tây hỗn loạn, tức bếp không hợp với nhà sẽ đem lại suy bại, hung hiểm, vì thừa du niên hung.

Thí dụ: Cửa cái Cấn, sơn chủ Đoài, Bếp Khôn, cửa bếp Cấn.

Từ cửa Cấn biến một lần tới Bếp Khôn, được du niên Sanh Khí. Từ sơn chủ Đoài, biến 6 lần thì ra cung Khôn của bếp, được du niên Thiên Y. Cửa cái Cấn, cửa nhà bếp cũng cung Cấn, thừa du niên Phục Vị. Bếp Khôn, cửa nhà bếp Cấn thừa du niên Sanh Khí. Dù cửa nhà bếp là điểm phụ không mấy quan trọng, phái này cũng khảo sát kỹ lưỡng. Vậy có thể kết luận sơ khởi rằng nhà nói trên là nhà được 3 điều tốt, hẳn là phải đem lại sự hưng vượng cho trạch chủ, chỉ cần khảo sát thêm các ngăn, giường ngủ để biết nhà ấy có được trọn tốt, hay bị chiết phá.

Nếu cửa cái Chấn, sơn Đoài chủ, bếp Càn, cửa bếp Ly:

Từ cửa cái Chấn biến hai lần đến bếp Càn: Du niên Ngũ Quỷ. Từ sơn Đoài biến một lần đến bếp Càn: Du niên Sanh Khí. Từ bếp Càn biến bảy lần tới cửa bếp Ly: Tuyệt Mạng. Chưa cần khảo sát đến nhà có bao nhiêu ngăn, ngăn nào chính yếu... để biết thêm sự tốt xấu ra sao (do cách phiên tinh của Phái này), cũng có thể biết ngay nhà có các yếu tố trên là ngôi nhà xấu hại mà chẳng cần luận đến cung mạng của gia chủ. Bếp của nhà này đặt ở đâu cũng bất lợi: Nếu đặt bếo ở Tây tứ cung (Càn, Khôn, Cấn, Đoài) thì nghịch với cửa, nếu đặt bếp ở Đông tứ cung (Chấn, Tốn, Khảm, Ly) thì nghịch với sơn chủ. Giả như có xoay hỏa môn thuận mạng với gia chủ (cả hai thuyết đồng quan điểm này) thì cùng lắm là khỏi mạng vong, tai họa vẫn cứ như mưa rào: Đau bịnh, thị phi, khẩu thiệt, quan tụng, đạo tặc như ong kiến bị phá ổ, đó là điều mà thuyết thứ nhất khó có thể luận giải. Nếu nói thêm nhà này có 3 cửa cái: Chính môn Chấn, tả môn Cấn, hữu môn Tốn, 3 ngăn, thuyết thứ nhất chắc gặp nhiều lúng túng. Cứ theo dõi thế, cách của ngôi nhà truyền ba đời này:

- Đời ông: Tuổi Mậu Dần, sinh năm 1878, cung Khôn, dựng nhà lúc 46 tuổi (1923), 2 ngăn, 5 cửa cái, bếp cung Khảm, hỏa môn Ly, chức Đại Hương Cả trong làng, thịnh đạt cho tới lúc chết (1944) về chứng đau phổi. Trong nhà có nuôi một danh y để dạy nghề thuốc cho con cái, nhưng trưởng nam ham đờn ca, thứ nam mê tửu sắc, ẩu đả liên miên mà phần thiệt bao giờ cũng là trưởng nam.

  Thuyết thứ nhất không thể giải thích về sự thịnh đạt của ngôi nhà vì mạng chủ và cửa chính cung Chấn phạm Họa Hại, mạng chủ và chỗ đặt bếp cung Khảm Tuyệt Mạng, cũng không thể giải thích về sự gây gổ, ẩu đả liên miên mà trưởng nam phải gánh phần bất lợi.

  Thuyết thứ hai luận giải chuẩn xác: Nhà này mệnh danh là nhà Tuyệt Mạng, mà tuyệt mạng cho trưởng nam nên bao giờ người này cũng phải gánh phần thiệt hại từ mọi phía. Ẩu đả, gây gổ vang rân vì ngăn thứ hai phạm Lục Sát đắc vị nhập miếu; nam nhân mê mệt vì ca xướng, tửu sắc là đúng lý, chống đỡ để giữ vững danh vị nhờ sơn chủ khắc cửa (nội khắc ngoại), nhờ sơn chủ Đoài kim sinh bếp Khảm thủy, bếp Khảm thủy lại sinh cửa Chấn mộc.

  (Chỉ nêu một vài điểm của thuyết thứ hai này, sẽ luận giải tỉ mỉ về bệnh luận, họa hại luận, tuyệt mạng luận... ở Chương V).

- Đời cha: Trưởng Nam tuổi Nhâm Tý, sinh năm 1912, cung Đoài, giữ chức Hương Quản từ năm 21 tuổi đến khi Nhựt Bổn đảo chính Pháp năm 1945. Năm 1947, gia nhân bỏ trốn theo Pháp và dẫn quân đội Pháp về vét sạch của cải trong nhà. Năm 1950, nhà cửa bị Pháp thiêu rụi, và mãi đến gần 10 năm sau, con cháu cũng không

đủ cơm ăn áo mặc đúng như thuyết thứ hai luận đoán. Thuyết thứ nhất có thể giải thích: Ông Nhâm Tý ở nhà tuyệt mạng, bếp họa hại, Hỏa môn ngũ quỷ nên bị tai họa như trên.

- Đời con: Ông Nhâm Tý năm 1975 cất lại ngôi nhà với 3 ngăn và 3 cửa, bếp Càn theo thuyết thứ 1, bếp Cấn theo thuyết thứ 2, hỏa môn Đoài. Nhà để làm nhà thờ tộc họ và cho trưởng tức ở. Trưởng tức tuổi Quý Mùi, sinh năm 1943, Chấn cung,ở nhà này 17 năm vẫn không sao ngóc đầu nổi dù rất cần mẫn và nhẫn nại. Đích tôn của ông tuổi Giáp Thìn , sinh 1964, cung Ly, hoang tàn, không kể gia pháp. Theo thuyết thứ 1, bà Quý Mùi cùng con Giáp Thìn ở nhà trạch Chấn này phải hưng phấn mới đúng, cớ sao gia cảnh lụn bại thê lương? Tại hỏa môn chăng?

  Bà Quý Mùi mời thầy Năm Hốc Môn, lừng danh mấy tỉnh miền Đông: Biên Hòa, Gia Định, Bình Dương... đến để cứu giúp. Thầy cho biết Bếp đúng vị trí, chỉ cần xoay lại Hỏa môn cho hợp mạng chủ Chấn cung (xem lại bếp Cấn ở hình 40). Kết quả: Con bò cái độc nhất (đang có mang) ngã ra chết, em chồng tước đoạt ruộng đất, tiểu nhân hãm hại, đạo tặc lừng lẫy... Vậy ngoài việc phạm điều "Khai môn đối Táo", thuyết thứ nhất này còn cho bà Quý Mùi phạm điều gì khác chăng?

  Tất nhiên có rất nhiều nguyên nhân để cấu thành một sự việc, nhưng tại sao ngôi nhà ấy đã ba đời đều tổn hại cho trưởng nam? Đó là chưa kể nhà của Thân Phụ và Trưởng Huynh của ông Mậu Dần, cũng xây dựng theo cách ấy. Ngày nay, con cháu của dòng họ đó có người xoay cửa ngược lại về Chánh Tây (Đoài); kết quả cũng vẫn là đau đớn, thảm thê, vì cả đại tộc đang xiêu tán, điêu tàn. Tại âm phần chăng?

  Sẽ có phần sửa chữa ngôi nhà bà Quý Mùi, ở mục Tuyệt Mạng Trạch Chương V. Đó là một trong những ngôi nhà được khảo sát và sửa chữa, có theo dõi diễn tiến kết quả.

  Đã qua quá trình lâu dài, với việc sửa chữa nhiều nhà cửa có nhiều kiểu cách khác nhau, chúng tôi nhận thấy:

  1. Thuyết của Phái Bát Trạch Minh Cảnh (Cảnh hay Kính cũng đồng nghĩa) liên kết mạng chủ và cửa cái để đoán cát hung cho ngôi nhà là bất túc và sai lầm. Bất túc vì đặt danh hiệu nhà chỉ căn cứ trên đại môn, sự thực nhà nhiều cửa cái, cửa nào cũng có tác dụng. Tọa sơn (phúc trạch), phòng chủ (đơn trạch) cũng rất quan trọng, nếu không xét đến, chẳng hóa ra nhà nào cũng giống nhau khi có cùng chung một hướng cửa?

  Nhiều hơn Thái Kim Oanh, cụ Việt Hải có nói đến tọa sơn (sơn chủ) trong mục Định Du Tinh Pháp, trang 154 sách Dương Cơ; nhưng cu chỉ viết có một câu: "Trước hết theo từ Tọa sơn khởi du tinh đáo môn". Những câu kế tiếp nói về cửa hậu, chớ không thêm gì cho việc an du niên và cửu tinh sở thuộc.

  Phiên tinh cho phức trạch hoàn toàn không có đối với phái Bát Trạch Minh Cảnh. Không phiên tinh thì làm sao biết được đặc tính từng ngăn, làm sao dùng cách yểm sát để trấn áp ngôi nhà hung hại?

  Sai lầm vì không xác định được điểm đúng để đặt la bàn. Dùng các cục đồ theo mạng chủ để luận cát hung của 8 cung ngôi nhà, theo phép bát biến du niên, rồi bảo đặt bếp tại hung phương để trấn hung sát là điểm mâu thuẫn và sai lầm vào bậc nhất.

Mạng chủ phải hợp với cửa để được cát du niên, sao phải nghịch với vị trí đặt bếp để thọ hung du niên mà gọi là tốt? Bếp là chỗ nấu ăn, là phương tiện để nuôi sống thân mạng. Cửa đã phải cùng phe với mạng, lẽ đâu Bếp lại chống mạng mà tồn tại? Ngài Táo Quân chống hung sát chăng? Đây là một môn LÝ HỌC, chẳng phải thần quyền, mê tín chỉ mua cười.

Vậy Bếp phải đặt nơi cát phương để thừa cát du niên. Cát phương theo cách phân cung điểm hướng cho bếp đã nói ở phần đầu Mục 4 này, chớ không phải cát phương theo mạng chủ. Dùng cục đồ của mạng chủ để tìm vị trí đặt bếp là việc làm không chuẩn xác. Một khi bếp đặt ở vị trí sai lầm, hậu quả tai hại không đủ lời lẽ để nói cho hết. Không biết rõ ràng, thà rằng cứ ăn ngay ở thật, lấy hạnh chân chính mà sống ở đời, khi túc duyên thì đương nhiên được hưởng phúc quả, còn hơn móng tâm cầu cát - nhất là vọng tâm cầu cát tối đa - một khi sai lầm, cát đâu chẳng thấy, chỉ sững sờ với những tai họa, hung hiểm như đất sụp, núi băng.

2. Thuyết của phái Dương Trạch Tam Yếu có tính cách nhất quán: Cửa cái, bếp, phòng chủ, sơn chủ phải cùng phe. Nếu được mạng chủ cùng phe nữa thì tuyệt hảo. Đó cũng như cách "Quần thần khánh hội" của khoa Tử Vi Đẩu Số: Vua sáng gặp tôi hiền, lợi ích cho nhân dân càng lớn, xã tắc càng hưng thịnh. Còn nhà đã hợp cách, mạng chủ chẳng cùng phe; đó là mạng chủ chẳng hợp chứ chẳng phải là nhà xấu hại. Việc đặt giường ngủ và để đầu giường hợp với mạng chủ (và cả những người khác trong nhà, nếu có thể làm được) khi nhà và mạng chủ không cùng phe, cũng được chỉ dẫn như vậy trong mục "Phân phòng" và "An Sàn Pháp" của Phái Bát Trạch Minh Cảnh.
3. Giường ngủ đặt trong nhà phải chịu tác dụng của nhà. Đầu giường và vị trí đặt giường thuận với mạng chủ thì lợi ích cho mạng chủ. Dùng cách này như dùng đệm cách giữa hai vật cứng, như các miếng joint trong máy móc, như vật xúc tác trong phản ứng hóa học, như người mai mối của hai bên đàng trai và đàng gái, như vai trò của giới tiếp cận thị trường; chắc chẳng chẳng mấy ai phủ nhận sự cần ích do công dụng của những vật, những người ấy mang lại.

   Những ưu điểm khác của Phái Dương Trạch Tam Yếu, kiểm nghiệm kỹ sách này tất rõ. Có một điều mà phái thứ hai này không luận đến là 24 sơn hướng.

   Phái Bát Trạch Minh Cảnh ngoài việc cho đặc tính của các sơn hướng, còn thêm một "tầng lưới" thứ hai của 24 sơn hướng:

   Táo nhập Càn cung hiệu diệt môn.
   Hợi Nhâm nhị vị tổn thi tôn
   Dần Giáp đắc tài, Thìn Mão phú
   Cấn Ất tao hỏa, Tốn tai ôn.
   Tí, Quý, Khôn phương giai khốn khổ
   Sửu thương lục súc, phước nan tồn.
   Tỵ, Bính Ích tàm, Canh đại cát (Việt Hải: Ất Bính)
   Nhược phùng Ngọ vị vượng nhi tôn.
   Thân Dậu Đinh phương đa bịnh tật (Thái Kim Oanh: Tân, Dậu)
   Tân cung Mùi Tuất trạch hanh thông (Thái: Thân, Tốn, Mùi)

Nghĩa:
Bếp ở cung Càn là diệt môn, xấu
Hai nơi Nhâm Hợi mất cháu con
Dần và Giáp có tiền, Thìn, Mẹo giàu.
Cấn ẤT bị hỏa nạn, Tốn bị ôn hoàng.
Tí, Quý với Khôn đều khốn khổ
Sửu hại lục súc, phước không còn
Tỵ Bính tốt tầm tơ, Canh tốt nhất
Nếu gặp Sơn Ngọ thì vượng cháu con
Thân Dậu và Đinh: Nhiều bịnh tật
Tân, Mùi Tuất cung: nhà hanh thông.

Không kể đến việc in lầm, ghi lộn giữa các nhà (có sửa đổi như trên) cứ lấy 2 câu đầu được các nhà thống nhất: Táo nhập Càn cung hiệu diệt môn, Hợi Nhâm nhi vị tổn nhi tôn.

Táo ở cung Càn: Khởi Phước Đức tại Thân. Tại điểm đặt la bàn, xoay bát quái đồ cho cung Chánh Bắc (Khảm) trùng với hướng Bắc của kim la bàn. Nhìn cung Càn trên Bát quái đồ, thấy sơn hướng Càn: Quan tước, sơn hướng Hợi: Quan Quý, lý gì Càn và Hợi kị Táo?

Nhâm thuộc cung Khảm: Khởi Phước Đức tại Dần, thấy sơn hướng Nhâm phạm Xương Dâm, tránh cung này cũng hợp lý. Nhưng Tí, Quý thì đẫc Thân Hôn và Hoan Lạc, sao lại kị? Táo hỏa khắc vị trí bếp Càn kim và bị vị trí bếp Nhâm, Hợi, Tí, Quý thủy khắc lại chăng? Như vậy, đến cung Khôn, Khởi Phước Đức tại Hợi, sơn hướng Khôn được Vinh Phú, Khôn thổ bếp Hỏa tương sanh, sao cũng kị? Qua màn lưới thứ hai này, chẳng còn mấy cung được vào "chung kết" để làm vị trí đặt bếp! Chắc vì thấy lý không vững vàng nên Phái Dương Trạch Tam Yếu không dùng đến bài "An Táo vị, khai táo môn" nói trên.

Tôi chỉ dùng đến đặc tính của 24 sơn hướng để định cửa và an bếp, theo dõi thì thấy có tác dụng. Câu thứ 3: Dần, Giáp đắc tài, Thìn Mão phú "trái nghịch với câu "Táo lại Mão phương, mạng phụ yểu vong" cũng của phái Bát Trạch Minh Cảnh này khiến cho tôi nghi ngờ bài trên nên không dùng. Rất mong học hỏi kinh nghiệm của những ai áp dụng bài trên để định vị bếp.

Không nhớ ai đã nói: Kinh nghiệm là ông thầy ác độc, đánh người rồi mới dạy.

Thiếu thời, tôi đã ham thích cái "DỤNG" của triết học Đông Phương, nên đã nhiều lần mò mẫm về 2 khoa Bát Tự và Bát Trạch; nhưng cũng đã nhiều lần phải buông bỏ vì không thỏa mãn với sách truyền của Phái thứ nhất, huống hồ đem ra áp dụng.

Những năm dài trong Dữu Lý, vô kế khả thi, tôi có dịp suy nghĩ về Lý và Sự của đời người, của sự vận hành chí công vô tư.

Ngày về, cuộc sống gần như vô năng, một hôm có thân hữu trẻ mang DƯƠNG TRẠCH TAM YẾU đến hỏi tôi điều này, điều nọ. Tôi gạt đi, vì nghĩ nó không thiết dụng bằng việc tôi đang cuốc đất, dẫy cỏ. Nhưng trước nhiệt tình của thân

hữu trẻ này đối với đời, hai chúng tôi phải bắt đầu nghiên cứu lại mỗi thuyết và chiêm nghiệm từng trường hợp.

Lão đệ tôi, kết thông gia với Thái Kim Oanh, cho biết chính người rể lớn của Thái Tiên Sinh mới là "Truyền Nhân" chớ không phải là người con trai,giai tế của lão đệ tôi. Hai chúng tôi tìm đến vị truyền nhân này với hy vọng biết được "bí yếu của bản môn", nhưng chẳng thêm được điều gì, ngoài việc biết được người hợp soạn bộ Bát Trạch Minh Cảnh: Ông anh rể tôi, một lão đông y ở xã Tân Phước Khánh, Bình Dương.

Chúng tôi chỉ còn cách tự kiểm nghiệm qua nhà cửa của thân bằng, quyến thuộc. Trường hợp không đủ dữ kiện để kết luận, chúng tôi phải tự đặt bếp, sửa cửa chính ngôi nhà mình, theo dõi hiệu lực để đối chiếu với mỗi thuyết. Vợ con của chúng tôi không tin khoa Dương Cơ, chỉ cười ngạo và ngao ngán khi thấy chúng tôi cứ sửa cửa, dời bếp liên miên. Nhờ đó cũng giảm được sự rối rắm trong nhà mỗi khi sự dời đổi có tác dụng tai hại.

Kẻ ngu lấy thân mạng mình (và quyến thuộc) đem ra làm cuộc thí nghiệm. Người trí học hỏi kinh nghiệm của người khác làm sự hiểu biết của mình. Chúng tôi chẳng ngại tiếng NGU, chỉ mong người khác được TRÍ với những lợi ích sẵn có, mà khỏi qua những đau thương do thân chứng về nhà và bếp.

Tiết III: TƯƠNG QUAN GIỮA BẾP VÀ NHÀ

Căn cứ vào cung hướng của Bát Quái thì nhà chỉ có 8 (bát trạch) do cửa mà kể số. Nhưng nhà gồm có cửa cái, phòng chủ hoặc sơn chủ. Do phép biến cung từ cửa cái đến cung phòng chủ hoặc sơn chủ, số nhà lên đến 64 với 8 tên: Sanh Khí, Ngũ quỷ, Diên Niên, Lục Sát, Họa hại, Thiên Y, Tuyệt Mạng và Phục vị. Mỗi tên gồm có tám cách, chẳng hạn như cách Sanh khí:

- Cửa Càn phối hợp với Phòng chủ hay sơn chủ Đoài.
- Cửa Khảm phối hợp với Phòng chủ hay sơn chủ Tốn.
- Cửa Cấn phối hợp với Phòng chủ hay sơn chủ Khôn.
- Cửa Chấn phối hợp với Phòng chủ hay sơn chủ Ly.

và 4 cách ngược lại như đổi cửa Càn thành cửa Đoài và Phòng chủ hay Sơn chủ Đoài thành Phòng chủ hay Sơn chủ Càn... Sẽ có phần luận về mỗi cách ở Chương V.

Nếu mỗi cách có tám bếp thì số bếp lên đến 512. Nhưng du niên của bếp được tính từ cung cửa cái đến cung của vị trí đặt bếp. Nếu mỗi cửa cái có tám vị trí đặt bếp khác nhau thì số bếp cũng chỉ là 64. Vì du niên của bếp phát xuất từ cung cửa cái, nên tám bếp xoay quanh 1 trong 8 cung: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Và tên bếp là tên du niên.

Nhờ rằng phải đặt la bàn ở trung tâm của nhà bếp để phân cung điểm hướng cho vị trí bếp. Ở tịnh trạch, nếu không có làm buồng bếp, phải đặt la bàn ở trung tâm nền nhà.

Mục 1: CỬA CÀN VÀ 8 BẾP:

1. Bếp Càn:

Quẻ dịch là Bát Thuần Càn, bếp PHỤC VỊ

Thuần Dương, cường mãnh, nhà phát cực mạnh, nhưng vô âm. Bếp phục vị thất vị (phục vị, sao Phụ Bật, hành mộc, gặp tây cung Càn kim), nên chỉ được bán kiết. Hẳn là nhà chỉ thịnh phát lúc đầu, sau rồi đàn ông khắc vợ hại con: kim thịnh quá thì khắc mộc của Chấn (con trai trưởng) và Tốn (con gái trưởng, đàn bà trung niên). Đàn ông phải cưới hầu, thiếp nhiều lần nhưng con cái hiếm hoi.

2. Bếp Khảm:

Quẻ Dịch: Thủy Thiên Nhu, bếp LỤC SÁT

Cửa Càn + Bếp Khảm vẫn thuần dưỡng, thiếu âm. Bếp thừa du niên Lục sát, ứng với sao Văn Khúc thuộc Thủy, là dâm tinh, bếp Khảm cũng thuộc Thủy: Nước ái dục trùng trùng chắc đàn ông (Càn) phải kiệt dương, khô tinh mà chết. Thật là một cái nhà dâm loạn và ô trọc. Con cháu đã ngu lại bướng, trai chẳng vợ, gái không chồng, hoặc góa bụa lạnh lùng.

3. Bếp Cấn:

Quẻ Dịch: Sơn thiên Đại súc, bếp THIÊN Y

Đại súc là sức chứa lớn. Thoán từ viết: Đại súc, Lợi trinh. Bất gia thực, cát: Lợi thiệp đại xuyên: Nghĩa là chính đáng thì được lợi.Khỏi ăn cơm nhà mà vẫn tốt, nhờ lộc thiên hạ. Cho nên phải biết tế khổn phò nguy thì mới được lợi ích. Bếp này giúp cho nhà hưng vượng, cha hiền con thảo, con gái biết nghe lời giáo huấn của bậc tôn túc (Cấn, thiếu nam, thổ sinh Càn, lão Ông, kim). Nhưng vì là bếp thuần dương, dùng quá 10 năm ắt tổn hại vợ con, dù là bếp Thiên Y đăng điện (du niên Thiên y thổ gặp bếp Cấn thổ).

4. Bếp Chấn:

Quẻ Dịch: Lôi Thiên Đại Tráng, bếp NGŨ QUỶ.

Bếp Ngũ Quỷ thì trong nhà chẳng yên: Trộm cướp hoành hành, kiện cáo không ngớt, gây gổ vang rền, đầy tớ phản chủ, bội tín, ẩu đả, bịnh hoạn liên miên. Bếp khắc con cháu trưởng, trong nhà có thể đi đến thảm họa vì hung tử, bạo tử. Du niên bếp Ngũ Quỷ ứng với sao Liêm Trinh hỏa, tất quay lại đốt cửa Càn kim, làm tổn hại Cha, ông, suy sụp danh giá. Thoán từ chỉ ghi hai chữ: "Lợi trinh", nghĩa là có làm việc chính đáng thì mới được lợi.

5. Bếp Tốn:

Quẻ dịch: Phong Thiên Tiểu Súc, bếp HỌA HẠI.

Cũng như bếp Chấn ở trên, bếp Tốn - cửa Càn; ngoài khắc vào trong nhà, khiến họa đến bất thần mà không cách gì chống đỡ được. Ở đây Càn khắc Tốn, nên trưởng nữ (con gái lớn) và hạng đàn bà trung niên bị tổn hại. Tốn vi phong, bị Càn kim khắc nên sinh các chứng bịnh về phong (sẽ nói ở Bịnh Luận, Chương 5). Tai họa trong nhà này là trộm cắp, cò bót, bịnh đau, đàn bà sinh sản khó khăn, nữ nhân chết yểu, gia sản trống sạch. Lâm cảnh ngộ này, gia chủ nên dời bếp chỗ khác, tu nhơn tích đức, nhẫn nhục chịu đựng chờ lúc hanh thông, chỉ biết cứ lo

việc tục huyền, trùng thiếp chẳng được tích sự gì. Ý nghĩa của Thoán Từ quẻ này cũng vậy.

6. Bếp Ly:

Quẻ Dịch: Hỏa Thiên Đại Hữu, bếp TUYỆT MẠNG.

Bếp này hung hại vào bậc nhất, nội Ly Hỏa khắc ngoại Càn kim, tai họa do trong nhà gây ra, khiến tổn hại Ông, Cha, sau đó là hạng con gái thứ. Tai họa không kể xiết, từ ho lao, xuất huyết, nhãn tật, trộm cướp, quan tụng, thủy nạn, hỏa tai, treo cổ tự vận đến hao tổn tiền bạc, hiện tượng quái đản như ma quỷ trong nhà và tuyệt tự.

Trong cảnh ngộ này, Đại Tượng Truyện của Kinh Dịch khuyên nên ngăn ngay điều ác khi nó mới nhen nhóm, biểu dương điều thiện khi mới nảy mầm (Át ác dương thiện). Nên dời bếp chỗ khác.

7. Bếp Khôn:

Quẻ dịch: Địa Thiên Thái, bếp DIÊN NIÊN.

Diên Niên ứng với sao Vũ khúc kim, gặp bến Khôn thổ, tất đắc vị, đủ cả âm dương. Đây là cái bếp đem lại sự thịnh vượng cho gia đình, sự tốt đẹp cho con cái. Nếu là nhà của quan chức thì gia tăng tước lộc, còn hạng thứ dân cũng thêm được con cái và tiền của (Đinh tài).

Quẻ Thái, trong Dương ngoài Âm, trong cường thịnh mà ngoài nhu thuận, tượng chỉ phu thụ đồng tâm, phu xướng phụ tùy. Trong cách này, gia cảnh thạnh mậu, hiển vinh, con hiếu cháu hiền.

8. Bếp Đoài:

Quẻ Dịch: Trạch Thiên Quải, bếp SANH KHÍ.

Bếp Đoài âm kim, cửa Càn dương kim, tương phối thừa du niên Sanh Khí, nhưng thất vị. Âm dương giao hòa khiến gia đạo xứng ý đẹp lòng, Đinh tài thịnh phát.

Đoài tượng thiếu nữ, Càn tượng lão ông. Nay lão ông đồng sàng với thiếu nữ thiếu nữ tất sinh mê đắm, khiến thiếu nữ được chấp chưởng nhiều quyền bính trong gia đình, sao khỏi sanh sự lộng hành, kiêu mạn và khinh khi người trưởng thượng. Rõ ràng là bếp thất vị, dù Sanh Khí nhưng cũng chỉ được bán kiết mà thôi.

Thoán từ của Quẻ Quải nói: Quải, dương vu vương đình, phu hiệu, Hữu lệ, cáo tự ấp, bất lợi tức nhung, Lợi hữu du vãng. Theo ý nghĩa của quẻ này thì thời kỳ của Quải là thời kỳ quyết liệt, phải hành động cứng rắn, nhưng không nên sử dụng võ lực (ai lại vũ phu như vậy đối với Đoài) phải thanh thiên bạch nhật, chính đại quang minh, phải lấy lòng chí thành và tuyên cáo để mọi người nể phục thì gia đạo mới phát đạt và bền vững.

Cách cửa, Phòng chủ, Sơn chủ và bếp lâm thế Càn Đoài, nạn vợ bé, hầu thiếp rất khó tránh khỏi.

Mục 2: CỬA KHẢM VÀ 8 BẾP.

1. Bếp Càn:

Quẻ Dịch: Thiên Thủy Tụng, bếp LỤC SÁT.
Tượng của quẻ là ngoài Càn, trong Khảm: Người ngoài, người trên thì cương cường, hành sự như kẻ áp chế; người trong thì nham hiểm, âm độc. Tình trạng như vậy tất sinh cãi vã, ẩu đả, kiện cáo.
Bếp cung Càn sinh xuất cửa Khảm Thủy, lại sinh xuất Lục Sát Văn Khúc Thủy, bếp và cửa thuần dương vô âm, tất nam nhân và lão ông cùng phụ nữ đều tổn thọ. Bếp này khiến tổn hao lục súc, con nít khó nuôi, trong nhà dâm loạn đến kinh khiếp, cha con bất hòa. Cần dời bếp ngay mới mong giảm tai hại.

2. Bếp Khảm:

Quẻ Dịch: Bát thuần Khảm, bếp PHỤC VỊ.
Phục Vị mộc lâm Khảm Thủy, nên tuy Phục vị mà đắc vị, cũng đem tài lộc cho gia đình, hưng phấn một thời. Cửa Khảm lại bếp Khảm, thuần dương tất nam nữ đều yểu mạng, bọn trung nam (Khảm) lại ngông cuồng tự thị, kiêu căng, phóng đoãng, dâm dật vô độ làm tổn hại vợ con, tạm dùng bếo này khoảng 5-7 năm thì nên đời để tránh tai họa.

3. Bếp Cấn:

Quẻ Dịch: Sơn Thủy Mông, bếp NGŨ QUỶ.
Trong Cấn thổ khắc ngoài Khảm Thủy, hung họa chẳng ai can ngăn nổi. Hạng trung nam và nữ nhân bị tổn hại. Trẻ nhỏ chẳng yên lành. Trong nhà quan phi, đạo tặc liên miên, tai nạn về nước, lửa khó thoát, bịnh đau đeo đẳng, phản trắc rình chờ, con cái ngang ngạnh, tranh cãi như giặc dậy, lại thêm những điều quái gỡ như ma trên quỷ chọc. Thật là cái bếp đại hung, nên dời đi cho gấp.

4. Bếp Chấn:

Quẻ Dịch: Lôi Thủy Giải, bếp THIÊN Y.
Thiên Y thổ gặp bếp Chấn mộc nên thất vị, nhưng cửa Khảm, thủy ở ngoài sinh bếp Chấn mộc bên trong nên sự phát đạt đến rất nhanh khiến tiền tài phong túc, gia đạo thuận hòa buổi sơ niên khoảng 10 năm.
Thoán từ của quẻ giải cũng khuyên chớ lắm chuyện mà sinh nhiễu sự, nạn đã qua rồi, việc gì đáng làm thì làm cho gấp kẻo muộn. Bởi Chấn Khảm thuần dương, chỉ thịnh lúc đầu về sau bất hạnh cho nữ nhân, con cháu thưa thớt.

5. Bếp Tốn:

Quẻ Dịch: Phong Thủy Hoán, bếp SANH KHÍ.
Cửa Khảm thủy bên ngoài sinh Tốn mộc bên trong, đủ cả âm dương, Sanh Khí mộc lâm Tốn mộc đăng điện. Thật là một cái bếp tuyệt đẹp: May mắn đến nhanh, vợ chồng thuận hợp, con hiếu cháu hiền, đắc cả phú lẫn quý, phúc thọ lưỡng toàn. Cố làm điều phúc thiện để giữ cách này được lâu dài.

6. Bếp Ly:

Quẻ Dịch: Hỏa Thủy Vị Tế, bếp DIÊN NIÊN.
Trung nam (Khảm) hiệp với trung nữ (Ly) gọi là vợ chồng chánh khối, bếp thừa Diên Niên Vũ Khúc kim thất vị vì lâm Ly hỏa. Mặc dù sơ vận đem tài lộc hanh thông, công danh rực rỡ, nhưng sau đó, bếp này khắc vợ nặng nề, sự hưng thịnh

không bền. Khi có triệu chứng đau mắt, đau tim cho vợ thì phải dời bếp ngay lập tức.

Quẻ Vị Tế là chưa xong, tức cảnh hiện tại là cảnh tạm, còn phải làm nhìwu việc khác nữa mới xong. Nhưng chưa xong chớ chẳng phải không thể không xong, tất cần có sự nhẫn nại và phấn đấu. Đừng thấy gia cảnh sơ vận hưng phát đã tự mãn, vì ngoại Ly rực rỡ đấy nhưng nội Khảm ngầm chứa hiểm nguy, chẳng nên ung dung tọa hưởng mà hối không kịp.

Tượng của Khảm là hiểm, bếp thuần Khảm số 2 ở trên cũng vậy, chớ thấy hưng phấn mà ngông cuồng tự thị.

7. Bếp Khôn:

Quẻ Dịch: Địa Thủy Sư, bếp TUYỆT MẠNG.

Nội Địa thổ khắc ngoại Khảm thủy, khiến hàng trung nam khốn đốn. Tuyệt mạng Phá Quân kim lâm bếp Khôn thổ, khiến mẹ già kiệt lực mà chết. Khảm thủy ứng với thận và bàng quang bị Khôn thổ khắc, tất lâm những chứng bịnh về thận và bàng quang.

Bếp này đại hung, gây nạn khẩu thiệt, quan phi, hại người hại của.

8. Bếp Đoài:

Quẻ Dịch: Trạch Thủy Khổn, bếp HỌA HẠI.

Ngoại quái Đoài (trạch) kim sinh nội quái Khảm thủy: Ao đầm mà cứ đổ nước vào sông biển mãi thì ao đầm tất cạn khô, và thế của Khảm đã hiểm lại càng thêm hiểm. Bếp này hẳn là phải gây tai hại cho hàng trung nam và thiếu nữ, tổn hại nhân đinh, hao tốn bạc tiền, hoạn nạn và bịnh đau xảy đến như những hiểm nguy của người đi biển.

Mục 3: CỬA CẤN VÀ 8 BẾP.

1. Bếp Càn: Quẻ Dịch: Thiên Sơn Độn, Bếp THIÊN Y.

Đây là bếp Thiên Y thổ đắc vị vì lâm Càn kim, lại ngoại sinh nội khiến gia đình hưng phát chóng vánh, của cải dồi dào, cha hiền con hiếu, trong nhà thường làm điều lành. Nhưng Càn, Cấn thuần dương nên đàn bà thường cết sớm, nhà chịu cảnh cô liêu. Dù điền sản mỗi lúc một phát triển, nhưng nên theo ý nghĩa của quẻ độn: "Hạnh, tiểu lợi trinh". (Hanh thông, giữ được điều chính thì có lợi). Đại Tượng Truyện khuyên nên xa lánh kẻ tiểu nhân, giữ vẻ uy nghiêm, nhưng không thô bạo. Được vậy, mới giữ của bền.

2. Bếp Khảm: Quẻ Thủy Sơn Kiển, bếp NGŨ QUỶ.

Bếp này đại hung, kiển là kiển nạn tai truân, nạn tai khổn ách. Nạn là vì trước có sông (Khảm) cản, sau có núi (Cấn) ngăn, tiến thoái thật là trắc trở gian lao. Cửa khắc bếp, ngoài khắc vào trong, khó bề chống đỡ áp lực từ bên ngoài. Thân mạng trung nam, thập phần nguy khốn, con nít nhỏ cũng bị tổn hại, huynh đệ loạn lìa, phu thê ly tán. Lại còn nạn thắt cổ, nhảy sông, khùng điên, ngọng điếc, hỏa tai, đạo tặc.

Lâm cảnh này, nếu không dời được bếp nên theo lời Thoán Từ "Lợi kiến đại nhân". (Phải nhờ người có tài đức giúp cho thì mới thoát nạn).

3. Bếp Cấn: Quẻ Dịch: Bát Thuần Cấn, bếp PHỤC VỊ.

Bếp Phục Vị thất vị, phục vị mộc lâm Cấn thổ, tương khắc. Bếp Phục vị đã thất vị, tức vô lực, nên chỉ phát được lúc đầu. Đàng khác, Cấn là chỉ, đình chỉ, ngưng dứt nên phải biết động tĩnh, tiến thoái cho hợp thời. Phải biết ngừng ở chỗ đáng ngừng, giữ được đức nhân đức tín, coi người với mình như một (để tránh mâu thuẫn) thì mới không có lỗi (Vô cửu - Thoán từ).

Bếp này thuần dương: Âm nhân tuổi thọ ngắn, trẻ nhỏ sinh mạng khó toàn.

4. Bếp Chấn:

Quẻ Dịch: Lôi Sơn Tiểu Quá, bếp LỤC SÁT.

Chấn mộc, trưởng nam, khắc Cấn thổ, thiếu nam: Huynh đệ bất hòa, gây gổ, tương tàn, thiếu nam chịu tổn thiệt. Bếp lục sát khiến tổn hao lục súc, hành động ám muội, dâm bôn xấu xa mà phải bỏ trốn, những chuyện quái đản làm tổn người hại của. Gặp bếp này, người trong nhà chỉ nên làm những việc nhỏ, bình thường, chớ nên khởi những đại công, đại sự, giữ đạo trung chính thì mới có lợi. Nhớ rằng con chim bay đi rồi mà còn để lại tiếng kêu. (Ý nghĩa của thoán từ quẻ Tiểu Quá).

5. Bếp Tốn:

Quẻ Dịch: Phong Sơn Tiệm, bếp TUYỆT MẠNG.

Nội Tốn mộc khắc ngoại Cấn thổ: Họa loạn từ trong sinh ra, do đám trưởng phụ, trưởng nữ mà khốn đốn cho thiếu nam, tiểu nhi, rồi tai họa quay lại chính những người đàn bà này. Đây là bếp tuyệt mạng cực hung, Phá quân kim khắc hại tốn mộc. Nhà mắc những ác bịnh như phong cuồng, đại họa như hỏa tai, quan tụng. Gấp dời bếp, không thì người chết của tan.

6. Bếp Ly:

Quẻ Dịch: Hỏa Sơn Lữ, bếp HỌA HẠI.

Ly hỏa đốt Cấn thổ như hỏa diệm sơn đốt khô núi đồi. Trung nữ bạo tợn, khiến nam nhân lâm cảnh như rít gặp gà. Đây là tượng nữ nhân nhiễu loạn làm bại hoại gia đình. Kéo dài cảnh ngộ này, thiếu nam sẽ chết khô dần, con cái khó nuôi, hao hụt nhân khẩu, tiền bạc tiêu tán, cuối cùng con cái côi cút và mẹ góa bụa.

Lữ là ăn nhờ ở đậu, thái độ thích nghi là phải khéo léo, mềm mỏng cho chủ nhà không ghét, đồng thời phải biết giữ tư cách cho người ta khỏi khinh. Cư xử không được như vậy họa hại là cầm chắc trong tay. Ly không biết đạo này, cứ lo đốt Cấn, cuối cùng cũng hao kiệt mà chết thôi.

7. Bếp Khôn:

Quẻ Dịch: Địa Sơn Khiêm, bếp SANH KHÍ.

Khôn: Mẹ, Cấn: Thiếu nam, tượng mẹ già gặp con thơ, tất hỉ lạc, bếp lại đủ cả âm dương, chỉ hiềm vì sinh khí thất vị nên thịnh phát được ở sơ vận, rồi suy tàn dần. Sanh Khí mộc khắc thổ Khôn nên mẹ già chết lâu, con dại côi cút một thời rồi mới lớn khôn.

Bếp này 5, 3 năm đã đem lại điền sản, lục súc, kim ngân, trân bảo cho nhà, đem lại khoa giáp cho người. Nhưng thấy người mẹ có triệu ốm đau, hãy gấp dời bếp ngay qua cung khác. Đó cũng gọi được là Khiêm, nhúng nhường: Như vậy mới giữ được sự tốt đẹp đến ngày chung cục.

8. Bếp Đoài:

Quẻ Dịch: Trạch Sơn Hàm, bếp DIÊN NIÊN.

Diên Niên kim gặp Đoài kim: bếp diên niên đăng điện, trong nhà vợ chồng thuận hòa, giàu sang phú quý lại hiền lương, trai trung hiếu gái trinh chuyên. Đây là một trong những cái bếp tốt đẹp bậc nhất.

Tự bếp đúng cách đem lại sự tốt đẹp cho nhà, cũng chưa tốt đẹp bằng những người trong nhà hiểu biết và cư xử đúng như Sự và Lý của nó: Thiếu nữ (Đoài) ở trên, thiếu nam (Cấn) ở dưới: Thiếu nam phải hạ mình mà cầu cạnh thiếu nữ. Thiếu nữ phải "treo giá ngọc" để chờ thiếu nam đến cầu thân, mới gọi là chính đáng, đạo vợ chồng mới được bền bỉ: DIÊN NIÊN. (Hàm: hanh, lợi trinh).

MỤC 4: CỬA CHẤN VÀ 8 BẾP

1. Bếp Càn: Quẻ Dịch: Thiên Lôi Vô Vọng, bếp NGŨ QUỶ.

Bếp Ngũ quỷ hỏa khắc Càn kim, nội Càn kim khắc ngoại Chấn mộc, họa hại từ trong nhà sinh ra, cha con bất hòa, trưởng tử trưởng tôn bị thảm hại, Bếp thuần dương, hại đàn bà và cả con gái nhỏ. Người trong nhà ho lao, xuất huyết mà chết. Ngoài việc quan tụng, thị phi, đạo tặc, trong nhà như có ma quỷ trêu chọc. Hẳn là ác nghiệp của hiện đời hay của tiền kiếp khiến người ta phải chịu cái bếp hung hại này để trả quả báo.

Vậy nên dời bếp đi nơi khác và "phản cung tự tỉnh" hành động cho hợp với chính đạo thì ác quả mới tiêu mòn, mới mong hưởng được sự thịnh đạt về sau.

2. Bếp Khảm:

Quẻ Dịch: Thủy Lôi Truân, bếp THIÊN Y.

Thiên Y Cự Môn thổ gặp bếp Khảm, thành thất vị. Trong Khảm thủy sinh ra ngoài Chấn mộc, khiến việc tạo cơ nghiệp phải gian nan, cực nhọc (Truân). Bếp đã thất vị lại thuần dương: Chỉ thịnh đạt lúc đầu, về sau khắc hại đàn bà và số nhân khẩu không tăng lên được.

Nếu giữ bếp này, công việc nên tiến hành tương tự, chớ bộp chộp, phải tìm bực trưởng thượng có lòng nhân từ giúp sức thêm. Nếu không được duyên may đó, dùng bếp này tối đa 10 năm, nên dời đi chỗ khác.

3. Bếp Cấn:

Quẻ Dịch: Sơn Lôi Di, bếp LỤC SÁT.

Ngoài khắc vào trong, tai vạ đến bất kỳ, trẻ nhỏ chẳng an thân mạng. Lại bếp thuần dương, nữ nhân bị tổn hại, đám con trai lớn nhỏ tranh chấp nhau như giặc thù, thiếu nam bị tổn thiệt mà chẳng cam chịu thua. Dùng bếp này quá 10 năm thật nguy khốn cho gia đình, lâu hơn nữa e tuyệt tự.

Tượng của quẻ DI như cái miệng há rộng. Di có nghĩa là nuôi nấng ăn uống. Bếp Lục Sát mà tượng của quẻ Di thì người trong nhà chỉ có ngoát mồm ra ăn nhậu, xướng ca hay mắng chửi nhau.

4. Bếp Chấn:

Quẻ Dịch: Bát Thuần Chấn, bếp PHỤC VỊ.

Phục vị mộc gặp Chấn mộc, bếp phục vị đăng điện: tiền bạc có dư, công danh sự nghiệp cũng gọi là rạng rỡ. Mọi việc làm do trưởng nam chủ động. Bếp thuần dương thì tổn hao cho đàn bà, con gái. Thuần chấn thì mộc khí vượng, tất khắc hại Khôn, Cấn thổ, khiến mẹ chết non, con nhỏ khó nuôi, không ai dưỡng sinh ngu ngơ, ngang ngạnh.

Vậy nên trong lúc tài lộc có dư, cần cẩn trọng tích nhân chứa đức để ngừa lúc hanh thông không còn nữa, mình vẫn có thể nói cười với đời. (Chấn lại hích hích, tiếu ngôn ách ách: Lúc sấm nổ vang rền mà biết nơm nớp lo sợ, khi sấm tan mới có thể nói cười vang rần).

5. Bếp Tốn:

Quẻ Dịch: Phong Lôi Ích, bếp DIÊN NIÊN.

Bếp này đủ cả âm dương, vợ chồng hòa thuận, phú quý lưỡng toàn. Bếp Tốn mộc bị du niên kim khắc, thất vị, không dùng vĩnh viễn được, nhưng lại có quẻ Ích. Châm chước giữa bếp này với quẻ thì phương châm hành sự là phải dùng trí để phán xét, Ích và Diên Niên chỉ tốt do cách thức và thời cơ thực hiện, thấy việc thiện thì làm việc thiện, thấy mình có lỗi phải biết sửa đổi. (Ích chỉ đạo, dữ thời giai hành... Kiến thiện tác thiện, hữu quá tắc cải).

6. Bếp Ly:

Quẻ Dịch: Hỏa Lôi Phệ Hạp, bếp SANH KHÍ.

Nội quái Chấn: Uy nghi, ngoại quái Ly: Sáng suốt; trong uy nghi, ngoại sáng suốt. Đây là một trong những bếp tốt nhất của đông trù. Chấn phát động sấm sét, sinh ra lửa, vạn vật sinh hóa và tăng trưởng (Hàm, hanh). Với bếp này, vợ chồng thuận hòa, bách niên giai lão, tiền bạc chảy vào nhà, con cái học hành đỗ đạt, hoạn lộ hanh thông. Thật là bếp đen đến đại phú, đại quý.

7. Bếp Khôn:

Quẻ Dịch: Địa Lôi Phục, bếp HỌA HẠI.

Cửa Chấn (trưởng nam) ở ngoài khắc Khôn (mẹ) ở trong. Ngoài khắc vào trong, sự thể chẳng vừa: trưởng nam chống nghịch với lão mẫu và làm tổn hại em út. Ruộng vườn, nhà cửa tiêu tán, trong nhà bịnh độc hại, phụ nữ và trẻ nhỏ đau yếu liên miên. Đúng là bếp tán gia, bại sản.

8. Bếp Đoài:

Quẻ Dịch: Trạch Lôi Tùy, bếp TUYỆT MẠNG.

Nội Đoài (thiếu nữ) kim khắc ngoại Chấn (trưởng tử, trưởng tôn) mộc. Ban đầu, tiểu nữ, âm nhân trong nhà gây hỗn loạn khiến gia cơ bại tuyệt. Sau đó, những tai hại quay lại tàn diệt đám âm nhân này trong cảnh mẹ góa con côi, hoặc bị cô độc chẳng ai thân cận.

Nhà đầy hung sát khí, bịnh đau trầm trọng, hung tử và bạo tử khó tránh, nạn quan lại, nha môn nhiễu nhương. Gấp dời bếp nơi khác để tránh nạn tán gia bại sản, tuyệt diệt lửa hương.

Mục 5: CỬA TỐN VÀ 8 BẾP

1. Bếp Càn:

Quẻ Dịch: Thiên Phong Cấu, bếp HỌA HẠI.
Càn kim ở trong khắc Tốn mộc ở ngoài: Kim mộc hình chiến, người trong nhà mắc các chứng bịnh phong, đàn bà bị sản nạn, phụ nữ chết khổ, cha ông đắm mê sắc đục, âm nhân thì dâm đãng.
Tượng của quẻ cấu là: Hào sơ âm chống chỏi với quần dương gồm 5 hào, ý nói người con gái rất cường mãnh, nên Thoán từ khuyên: "Nữ tráng, vật dụng thứ nữ" (người con gái cường tráng, đừng cưới nó) nhưng nhất âm mà tới 5 dương thì cuối cùng thiệt hại vẫn về phần âm nên dời bếp là hơn cả.

2. Bếp Khảm:

Quẻ Dịch: Thủy Phong Tỉnh, bếp SANH KHÍ.
Cây (Tốn) được gặp nước (Khảm), bếp được các thủy mộc tương sanh, âm dương giao phối, giúp cho nhà thịnh phát, trai thông minh, gái thanh tú, con hiếu cháu hiền, khoa cử hoạn lộ thênh thang, sản nghiệp ngày càng nhiều, cháu con ngày càng đông. Bếp Sanh Khí đắc vị này tuyệt mỹ.

3. Bếp Cấn:

Quẻ Dịch: Sơn Phong Cổ, bếp TUYỆT MẠNG.
Cửa Tốn mộc khắc bếp Cấn thổ, ngoài khắc vào trong: Tai họa bất ngờ mà không biết từ đâu đến. Âm khắc dương: Đàn bà nằm quyền gia trưởng, chồng con bị tổn hại, lâu ngày thì làm đàn bà góa, quán xuyến việc nhà vì tuyệt tự.
Tượng của quẻ cổ là gió thổi gặp núi ngăn, tất sẽ quật ngược lại mà gây nên sự rối loạn và đổ nát. Tốt hơn hết là dời bếp đi nơi khác.

4. Bếp Chấn:

Quẻ Dịch: Lôi Phong Hằng, bếp DIÊN NIÊN.
Ngoại Chấn (trưởng nam) dương mộc sánh với nội Tốn (trưởng nữ) âm mộc: Vợ chồng chánh phối, chồng ngoại vợ trong, chồng trên vợ dưới, rất hợp đạo, tất được lâu dài: Diên Niên.
Bếp này đem lại hạnh phúc gia đình, con hiếu cháu hiền, điền sản hưng long, công danh thịnh phát, nhà quý hiển lại nhân từ.

5. Bếp Tốn:

Quẻ Dịch: Bát Thuần Tốn, bếp PHỤC VỊ.
Bếp Phục Vị đăng điện, vì phục vị mộc gặp Tốn mộc: Trong nhà nữ lưu cực giỏi, đảm đang việc nhà, tạo nên cơ nghiệp, nam nhân không thể sánh. Nhưng vì bếp thuần âm nên nam nhân đoản mạng, nhân đinh thưa thớt lần, nạn cô quả khó tránh.

Khi thấy nhà có người bị bịnh phong cuồng hay những hiện tượng kỳ quái thì nên dời bếp chỗ khác.

6. Bếp Ly:

Quẻ Dịch: Hỏa Phong Đỉnh, bếp THIÊN Y.

Thiên Y cự môn thổ gặp Ly hỏa đắc vị: Đàn bà trong nhà này rất giỏi, tạo nên điền sản, xây dựng cơ nghiệp. Nhưng vì cách bếp này cô âm nên hàng nam nhân bị tổn hại, con cháu thưa dần đến mãi về sau phải xin con nuôi mới có người kế tự.

7. Bếp Khôn:

Quẻ Dịch: Địa Phong Thăng, bếp NGŨ QUỶ

Cửa Tốn mộc khắc bếp Khôn thổ, ngoài khắc vào trong, lại là bếp thuần âm: Mẹ già bị khắc hại thảm thương, nam tử đoản thọ, mẹ với con gái lớn, hoặc bà với cháu gái trưởng xung khắc nặng nề. Đây là bếp của nhà đa số đàn bà cô quả, không ai cầm quyền, xung đột, náo loạn như bị rang đốt, nhà âm khí nặng nề, dâm dật như có ma quỷ quấy phá, bịnh đau, đạo tặc, quan tụng, tai họa liên miên khiến phá tán gia nghiệp. Bếp này đại hung.

8. Bếp Đoài:

Quẻ Dịch: Trạch Phong Đại Quá, bếp LỤC SÁT.

Bếp khắc cửa, lại phạm Lục sát, một thứ nội loạn chẳng kể gì danh dự gia đình, dư luận làng nước. Em (Đoài) khắc chị (Tốn), đảo lộn tôn ti, bất luận cốt nhục. Bếp thuần âm, du niên lục sát, quần âm nổi giặc, lộng hành, dâm đãng, còn thêm nạn máu đổ, hỏa hoạn, tư ải. Nam nhân tổn hại, như ở ngoài hè, nhà chẳng ai cầm quyền mất hết kỷ cương. Bếp lục sát này hung bạo vào bậc nhất.

Nhìn tượng quẻ: Ao đầm (trạch) ở trên, cây (Tốn) mộc ở dưới, chắc phải úng thủy mà chết. Lại 4 hào dương ở giữa, 2 hào âm đầu và ở cuối: Dương bị âm bao vây, đế và ngọn chẳng vững, tất phải nghiêng đổ mà thôi.

Mục 6: CỬA LY VÀ 8 BẾP

1. Bếp Càn;

Quẻ Dịch: Thiên Hỏa Đồng Nhân, bếp TUYỆT MẠNG.

Cửa khắc bếp, cách tuyệt mạng này cực hung. Cha ông ho lao xuất huyết mà chết. Con gái giữa (trung nữ: Ly) lâm sản nạn tử vong. Trưởng tử: trưởng tôn bất luận trai, gái đều thọ khổn. Trong nhà có người bị nhãn tật, đau tim, tai nạn máu lửa, cướp trộm, kiện thưa, ôn dịch, họa tai kinh khiếp và quái dị, nào ai biết ác nghiệp của hiện đời hay của tiền kiếp?

May mắn là dời được bếp đi chỗ khác.

2. Bếp Khảm:

Quẻ Dịch: Thủy Hỏa Ký tế, bếp DIÊN NIÊN.

Bếp Diên Niên này đắc vị Khảm (trung nam), Ly (trung nữ). Đồng đẳng, xứng lửa, vợ chồng chính phối. Bếp này giúp cho nhà đắc cả phú lẫn quý. Dù được cách diên niên, nhưng bếp Khảm khắc cửa Ly, nên dùng bếp này lâu vẫn khắc

đàn bà trung niên, hoặc con gái thứ: Những người này có thể bị đau tim đau mắt. Vậy khi chỉ thấy có những triệu chứng đó, cần dời bếp chỗ khác. (Coi thêm Diên Niên luận, Chương V)

3. Bếp Cấn:

Quẻ Dịch: Sơn Hỏa Bí, bếp HỌA HẠI.

Cửa đốt bếp. Đây là bếp cực hại vì âm nhân làm bại hoại gia phong, tổn hao tiền bạc, tiêu tán danh giá của nam tử. Người đàn bà bên ngoài (cửa Ly) tính thô bạo, đến làm hại thiếu nam trong nhà khiến bao nhiêu tổn hại thiếu nam này phải gánh chịu. Nữ nhân lộng hành, vì sanh sứa, dâm cuồng mà phải trôi dạt ra khỏi nhà, tiếng xấu dồn vang, chưa đến 10 năm sẽ chết hoặc bỏ trốn đi biệt tăm.

Cấn bị Ly đốt khô cằn đến thành sành sỏi, vô dụng, rồi Ly cũng tàn rụi luôn. Trong nhà nhiều tai nạn bất ngờ, bị phỉnh gạt mà tiêu vong sản nghiệp, âm khí u ám như có quỷ ma, khiến tâm thần hôn ám bất định.

4. Bếp Chấn:

Quẻ Dịch: Lôi Hỏa Phong, bếp SANH KHÍ.

Bếp Sanh Khí đăng điện, Chấn mộc gặp Ly hỏa, đắc cách mộc hỏa thông minh, khiến người người đều có tài năng và thanh tú. Nữ nhân mẫn cán, giúp nhà thêm hưng long, sự thịnh đạt như sóng cồn, của cải kim ngân đã nhiều lại thêm khoa hoạn rực rỡ, tài danh đến như nước chảy mưa tuôn, phước lộc thọ chẳng cầu mà toại ý. Nếu chẳng phải là người đã từng trồng sâu cội lành, dễ gì hưởng được sự giàu sang, phong túc ấy.

5. Bếp Tốn:

Quẻ Dịch: Phong Hỏa Gia Nhân, bếp THIÊN Y.

Bếp Thiên Y thất vị, vì thiên y thổ lâm Tốn mộc. Vẫn đắc cách mộc hỏa thông minh: đàn bà sáng suốt, gây dựng được nghiệp nhà, đúng là bực nữ lưu anh tuấn. Nhà đầy dẫy lương thực, quần áo vải vóc, bạc tiền, lại hay làm việc nhân đức, phúc thiện. Chỉ tiếc cách thiên y này thất vị lại thuần âm, nên cần lưu ý việc nhân đinh giảm sút và vô nhơn kế tự.

Tượng quẻ mộc ở trên bị hỏa ở dưới đốt cháy tiêu gốc rễ, khiến không sinh hóa được. Lại phòng ngừa loại đàn bà có hình thù quái dị.

6. Bếp Ly:

Quẻ Dịch: Bát thuần ly, bếp PHỤC VỊ.

Bếp Phục vị đăng điện lại cách thuần ly: lưỡng hỏa thành viêm. Gia đình hưng phát mãnh liệt, đàn bà chưởng quản quyền hành. Đàn ông chết yểu, trẻ nhỏ cũng bất lợi.

Lửa phát mãnh liệt thì lửa tàn cũng mau. Bấy giờ gia cảnh suy hao, lại lắm tật bịnh, còn đeo thêm nạn lửa, nạn quan. Dùng bếp này lâu năm sẽ tuyệt tự. Hạng trung nữ và rể lộng hành, làm loạn trong nhà khiến đảo lộn tôn ti, cư xử với nhau vô tình, bạc nghĩa.

7. Bếp Khôn:

Quẻ Dịch: Địa Hỏa Minh Di, bếp LỤC SÁT.

Cửa ly đốt bếp khôn thổ đến kiệt lực, lại là bếo thuần âm. Sự hung hại ở đây cứ gậm nhấm, vì Lục sát thủy bị khôn thổ khắc chế, lại Khôn và Ly tương sanh. Ly đốt Khôn âm ỉ như nước thấm và làm nhão bờ đê. Đến khi "vỡ đê" thì mẹ già bị phong cuồng, thủy thũng, thứ nữ đau mắt, đau tim, đau máu, kinh kỳ trồi sụt vô độ, con trai con gái bỏ nhà bôn tẩu.
Bếp này, gia trưởng bất lợi hoàn toàn, vì đàn bà lộng hành bại hoại, làm tổn hại nghiêm trọng cho đàn ông, đến khi có tai biến bất kỳ, còn mong gì chống ngăn.

8. Bếp Đoài:

Quẻ Dịch: Trạch Hỏa Cách, bếp NGŨ QUỶ.
Bếp ngũ quỷ này mặc tình làm mưa làm gió, vì cửa ly hỏa khắc bếp Đoài kim. Bên ngoài, trộm cướp rình rập, quấy nhiễu liên miên, nạn cường quan làm tiểu nữ khốn đốn thảm thê. Trong nhà, ác bịnh hoành hành, thêm nạn đàn bà làm loạn, xung đột, tranh chấp nổi lên như giặc. Đám đàn ông, con trai bị xếp xó, nhân đinh thưa dần, rồi tuyệt tự. Tai nạn máu lửa, ăn uống lụy thân, tổn thương sinh mạng, hình pháp thật khó tránh. Nếu nhà xấu nữa, chẳng hạn cửa ly, sơn chủ hay phòng chủ Càn, thì ác nạn vô phương chạy thoát.

Muc 7: CỬA KHÔN VÀ 8 BẾP

1. Bếp Càn:

Quẻ Dịch: Thiên Địa Bỉ, bếp DIÊN NIÊN.
Cửa Khôn âm thổ từ bên ngoài sinh bếp Càn dương kim bên trong, bếp diên niên đăng điện này thuộc loại Tây trù đệ nhất cách. Trong gia đình, vợ chồng chính phối, xứng đôi, lớn nhỏ trên dưới thuận đạo, hiệp hòa, trai anh tuấn, gái hiền thục, đem vinh dự, khoa giáp, kim ngân, trân bảo cho nhà chẳng kể xiết.
Diên niên Vũ khúc kim này đối với bếp Càn kim tỉ hòa, đăng điện, đắc vượng khí: hưng vong về tinh thần, văn cách, khoa cử, hoạn lộ. Du niên kim đối với cửa khôn tương sanh, đắc tướng khí: Thạnh mậu về vật chất như điền sản, của tiền.
Nhà được cả phước lộc thọ ở mực độ cao, sâu và ở phạm vi rộng lớn, song thân như cập lão hạc trong cảnh mây đẹp khí lành (tường vân, thụy khí) của bức tranh Tùng Hạc Diên Niên.

2. Bếp Khảm:

Quẻ Dịch: Thủy Địa Tỉ, bếp TUYỆT MẠNG.
Cửa Khôn thổ bên ngoài khắc bếp Khảm bên trong: hung nguy đến bất ngờ, khó nổi phòng bị và chống ngăn. Trung nam bị khắc hại thê thảm. ÁC bịnh chẳng từ gái trai. Đã phá tán hết của tiền, lại thêm hung tử, bạo tử, đâm chém, thắt cổ, trầm nịch.
Bếp Tuyệt mạng này rất đỗi hung dữ, dời được sớm là may mắn.

3. Bếp Cấn:

Quẻ Dịch: Sơn Địa Bác, bếp SANH KHÍ - Bếp sanh khí này thất vị, vì du niên Sanh Khí mộc khắc bếp Cấn thổ. Nhưngợnnnng Cấn thiếu nam dương thổ gặp Khôn mẹ âm thổ: đắc hỷ lạc, gia đạo vẫn hưng vượng, trai gái đông đảo, của tiền dồi dào (lưỡng hổ thành sơn), tâm tánh hiền lương, tôn trọng đạo nghĩa.
Tuy nhiên, dùng bếp này lâu ngày thì tổn hại tì vị (lá lách, bao tử) vì Sanh Khí mộc khắc cả Cấn lẫn Khôn.

4.Bếp Chấn:

Quẻ Dịch: Lôi Địa Dự, bếp HỌA HẠI.
Trong Chấn mộc khắc ngoài Khôn thổ, con trai trưởng khắc hại mẹ, khiến mẹ con bất hòa. Bếp này trước thì hại mẹ, sau đó chính hàng trưởng tử tôn hao kiệt mà sinh ra bịnh đau, gia tài, điền sản tiêu tán, cốt nhục chia lìa, không thoát cửa quan, tiếng đời ngạo báng.

5.Bếp Tốn:

Quẻ Dịch: Phong Địa Quan, bếp NGŨ QUỶ.
Vẫn bếp bên trong khắc cửa bên ngoài như cách Họa Hại ở trên, nhưng cường độ hung nguy ở đây cao hơn: trung nữ khắc hại mẹ già, phá hại gia đình, làm tiêu sạch gia nghiệp, lại lâm sản nạn. Vạ miệng, hình pháp khiến dư luận gièm pha. Trong nhà có những người mắc những chứng bịnh nguy nan, hoặc như khùng điên bất thường, hoặc như có ma trêu quỷ ám. Bếp thuần âm lại phạm Ngũ Quỷ, đám nữ nhơn như tiếp tay làm hại người, hại của, dùng bếp này lâu năm sẽ tuyệt tự.

6. Bếp Ly:

Quẻ Dịch: Hỏa Địa Tấn, bếp LỤC SÁT.
Bếp thuần âm, tổn hại cho đàn ông, mẹ sống cùng thứ nữ, nhưng con gái làm mẹ già mòn mỏi đến khô kiệt mà chết, khiến đàn ông phải tục huyền nhiều lần. Trong nhà đàn bà chấp chưởng của tiền, nắm hết quyền bính, làm rối loạn. Những xung khắc, bất bình làm hậm hực trong lòng, hoặc cãi vã, ẩu đả, áp lực hình chiến rất nặng nề.

7. Bếp Khôn:

Quẻ Dịch: Bát thuần Khôn, bếp PHỤC VỊ.
Bếp chỉ được Phục Vị, lại còn thất vị, nên chỉ phát được về kim ngân, điền sản. Nam nhân thưa vắng, mẹ góa quản trị cơ nghiệp, trong nhà cơ hồ như chỉ có đàn bà góa, vô nhơn kế tự. Có một điều hay là nhà bình an, thuận thảo.

8.Bếp Đoài:

Quẻ Dịch: Trạch Địa Tụy, bếp THIÊN Y.
Bếp đắc vị vì Thiên y thổ sinh Đoài kim, lại đắc lợi do cách cửa Khôn thổ bên ngoài sinh bếp bên trong: kim ngân, điền sản mỗi ngày một thịnh. Chỉ tiếc bếp thuần âm, tất tổn dương, đàn bà quyết định, đàn ông chấp hành. Đàng khác, Khôn: mẹ già, Đoài: thiếu nữ, nên lâm cảnh tre đã già măng mới mọc. Do đó, mẹ già quá yêu con nhỏ nên rể và con gái được nuông chều và đắc lợi quá đa, mà người kế tự mịt mờ.

Chỉ nên dùng bếp này tối đa 10 năm, rồi đổi vị trí khác để quân bình âm dương.

Mục 8: CỬA ĐOÀI VÀ 8 BẾP

1. Bếp Càn:

Quẻ Dịch: Thiên trạch Lý, bếp Sanh Khí.
Bếp sanh khí này thất vị, vì Càn kim khắc Sanh Khí Tham Lang mộc. Nhưng cửa Đoài âm kim phối hợp với bếp Càn dương kim: lưỡng an tỉ hòa, đắc vượng khí. Nhờ đó, con trai thông minh, anh tuấn còn hàng phụ nữ thì mỹ lệ, diễm kiều, gia cảnh chẳng hề nghèo túng. Chỉ khốn nỗi chánh thất bị tổn hại, gia chủ mê đắm trắc thất, nàng hầu, nhiều dòng con cháu. Nếu nhà xấu hại thì nên dời đổi bếp sớm, bằng không, tai họa ở đó mà ra.

2. Bếp Khảm:

Quẻ Dịch: Thủy Trạch Tiết, bếp HỌA HẠI.
Bếp Khảm thủy bị du niên Họa Hại ứng với sao Lộc tồn thổ khắc chế mà mất hết năng lực. Sự tiếp trợ của Đoài kim bên ngoài cửa chẳng có mấy tác dụng, cũng như tiếp máu cho người bị bịnh hoại huyết. Sự vô năng của Khảm (vì bị du niên thổ khắc) đã chẳng ích gì cho Khảm (trung nam) lại còn tiết hao khí lực của Đoài (thiếu nữ). Cái vừa phải bao giờ cũng tốt hơn cái thái quá hay bất cập. Vì vậy, Thoán Từ của quẻ Tiết nói: "Tiết: hanh, khổ tiết bất khả trinh". (Tiết chế thì được hanh thông, nhưng tiết chế đến mức cùng cực và kéo dài quá lâu thì khó có ai chịu nổi).
Tốt hơn hết là dời bếp để tránh tổn hại cho trung nam, để tránh nạn tán tài, quan tụng, đạo tặc và nạn liễu ngỏ hoa tường rồi cuối cùng bỏ nhà ra đi.

3. Bếp Cấn:

Quẻ Dịch: Sơn Trạch Tổn, bếp DIÊN NIÊN.
Bếp Cấn dương thổ phối với cửa Đoài âm kim, thừa Diên Niên, đắc vị, thiếu nam hợp với thiếu nữ: Thật là bếp tốt đẹp. Nhà có bếp này sẽ phát cả phú lẫn quý: Con trai đỗ đạt, danh cao nghiệp lớn, theo võ nghiệp cũng hiển hách, danh chấn biên cương. Con gái thì hiền thục đoan trinh, tiết nghĩa. Nhà đã giàu có, người trong nhà lại đủ cả trí, dũng, hiếu, trung.

4. Bếp Chấn:

Quẻ Dịch: Lôi Trạch Quy Muội, bếp TUYỆT MẠNG.
Bếp Tuyệt Mạng này cực hung. Cửa Đoài kim khắc bếp Chấn mộc làm tổn hại cho hàng trưởng, bất kỳ con cháu, bất kỳ gái trai. Bốn hạng người này bị tổn thương trầm trọng. Trong nhà, tai họa bất ngờ, ác bịnh, trọng bịnh, lại thêm nạn thắt cổ tự vận, hoặc bỏ thây nơi đất lạ xứ xa. Của cải, điền sản tán bại, lục súc chẳng còn, sau cùng tuyệt tự. Thoán từ của quẻ Quy Muội: "Chinh hung, vô du lợi". Con gái nhỏ (Đoài) mà theo chồng lớn (Già, Chấn), tiến tới thì xấu, chẳng lợi chi cả. Sự kết hợp chẳng có gì chính đáng, chính vì tính thỏa vui (duyệt, Đoài)

mà nghe theo sự khơi động (Chấn) của trai. Bất chính từ đầu thì chung cục sao lợi?

5. Bếp Tốn:

Quẻ Dịch: Phong Trạch Trung Phu, bếp LỤC SÁT.

Cửa khắc bếp, phạm lục sát, lại thuần âm: Những yếu tố bên ngoài xúi giục đám đàn bà, con gái trong nhà này dậy giặc, nhỏ (Đoài) hiếp lớn (Tốn) chẳng còn trật tự, kỷ cương. Lục sát thủy lại tương sanh với cả Tốn lẫn Đoài, như tiếp sức cho hai bên hình chiến nhau dai dẳng và quyết liệt hơn, cuối cùng lưỡng bại câu thương, hàng phụ nữ này đều tổn hại. Nhà âm khí nặng thì tổn dương: Đàn ông bị tổn thọ. Người lớn đã vong tán thì đám trẻ nhỏ thiệt thòi, chẳng ai chăm sóc, giáo hóa, khiến nhơn khẩu tổn giảm, phần lớn vì nạn "Nam tửu, nữ dâm" (tửu là nói chung cho tứ đổ tường, chớ chẳng riêng gì rượu).

6. Bếp Ly:

Quẻ Dịch: Hỏa Trạch Khuể, bếp NGŨ QUỶ.

Vẫn là bếp thuần âm, hình chiến: Bếp Ly hỏa khắc cửa Đoài kim, nữ nhân lộng hành, xung đột nhau, nam tử vô quyền lại đoản thọ. Nạn tuyệt tự rình chờ mà con gái và chàng rể thao túng quyền bính, chấp giữ gia nghiệp. Ba hạng người bị hại: Đàn ông, thiếu phụ và con gái nhỏ. Trong nhà rùng rục như quỷ phá nhà chay, các tai nạn như ác bịnh, trọng bịnh, hung tử, bạo tử, quan pháp, hỏa hoạn, phản trắc, lừa gạt, cướp trộm thật khó tránh.

7. Bếp Khôn:

Quẻ Dịch: Địa Trạch Lâm, bếp THIÊN Y.

Du niên Thiên Y cự môn thổ ở đây đăng điện vì tỉ hòa với Khôn thổ, lại cửa và bếp tương sanh: tiền bạc và điền sản đều hưng phát. Người trong nhà trung hậu, hiền lương. Đàn bà chấp chưởng gia nghiệp, đàn ông bị tổn hại vì bếp thuần âm, chỉ nên dùng bếp này trong đoản kỳ nhằm giải trừ bịnh đau hay tai họa. Khi gia cảnh hết nguy cấp và đã phát đạt thì chẳng nên dùng lâu thêm loại bếp này để tránh nạn cô dương hay độc âm.

8. Bếp Đoài:

Quẻ Dịch: Bát Thuần Đoài, bếp PHỤC VỊ.

Bếp Phục Vị này thất vị lại thuần âm: Gia cảnh dù có phát triển về tiền bạc và điền sản, nhưng con cháu ít ỏi, đàn bà cầm quyền, đàn ông thưa vắng. Những sự rối loạn, hỗn độn trong nhà, đàn bà không chỉnh đốn nổi, bất đắc dĩ mới dùng đến loại bếp này.

Thêm các quẻ kép với ý nghĩa của Thoán Từ, nếu thích hợp với bếp, để rộng đường luận giải. Chỉ căn cứ trên lý của âm dương, ngũ hành để tìm hiểu tác dụng của bếp và cửa cũng đủ thuyết minh. Nhuần nhã tính chất của 64 bếp, sẽ hiểu dễ dàng bài sau đây của Phái Bát Trạch Minh Cảnh:

Quỷ nhập lôi môn thương trưởng tử
Hỏa kiến thiên môn thương lão ông
Ly sanh tây Đoài phương thương nữ

Tốn nhập Khôn vị mẫu ly ông
Đoài phòng Chấn, Tốn trưởng nhi nữ
Cấn Ly âm phụ hoại gia phong
Cấn Khảm tiểu khẩu đa tật bịnh
Khôn Khảm trung nam mạng tảo chung"

Nhìn tổng quát, bài này nói về mối tương quan giao phối giữa các cung àm sinh ra du niên cát hoặc hung với những tác dụng cụ thể của nó. Riêng bài trên, chỉ nói đến hung du niên. Chữ "Môn" trong bài không có nghĩa là cửa. Nghĩa của nó tương đương với chữ Phương, chữ Vị ở câu 3 và câu 4. Do đó, có thể ứng dụng vào sự giao phối của cửa với bếp, cửa với phòng chủ hay sơn chủ. Còn có sự cần thiết để kết hợp tương quan giữa cửa cái (Đại môn) và mạng chủ hay không thì đã biện giải nhiều lần trước đây. Vậy ý nghĩa của bài trên là:

Câu 1: Quỷ là ngũ quỷ (nói tắt). Lôi môn là cung Chấn, vì Chấn vi Lôi. Cung Chấn mà ngộ ngũ quỷ Liêm Trinh Hỏa thì con trai lớn phải tổn hại. Thừa du niên ngũ quỷ của Chấn chỉ có Càn (từ Chấn biến hai lần thì ra Càn - phép biến cung). Càn kim khắc Chấn mộc (trưởng nam).

Câu 2: Càn (Vi thiên - thiên môn) tượng là đàn ông lớn tuổi gặp Ly hỏa: Du niên tuyệt mạng sẽ tàn diệt Càn kim.

Câu 3: Ly + Đoài cũng thừa du niên ngũ quỷ, hỏa khắc Đoài kim. Đoài, Ly đều là con gái (coi lại mục 8: Bếp Ly + Cửa Đoài).

Câu 4: Con gái lớn (Tốn) khắc mẹ (Khôn) khiến cha mẹ phải lìa nhau, vì Tốn mộc khắc Khôn thổ, vẫn là du niên ngũ quỷ.

Câu 5: Chấn là con trai lớn, Tốn là con gái lớn, cả hai đều thuộc mộc, bị Đoài kim khắc nên phải đề phòng. (Chấn + Đoài: Tuyệt mạng, Tốn + Đoài: Lục sát).

Câu 6: Cấn + Ly: Du niên họa hại. Ly (con gái thứ) hỏa đốt Cấn (thiếu nam) thổ làm bại hoại gia phong, gia pháp. (Coi mục 6/3).

Câu 7: Cấn + Khảm: Du niên ngũ quỷ hỏa, đốt Cấn khắc Khảm. Cấn và Khảm đều là con trai nhỏ (tiểu khẩu), bị khắc hại sinh bịnh.

Câu 8: Khôn + Khảm: Tuyệt mạng, Khôn thổ khắc Khảm thủy, mà Khảm là trung nam, tất chết sớm.

Nếu chỉ muốn nắm những yếu điểm về bếp, cần thuộc bài Tác Táo Nghi Kỵ (những điều nên, điều kỵ của việc làm bếp):

"Cầu tử nghi tác Sanh Khí táo
Giải bịnh trừ tai nghi tác Thiên Y táo
Khước bịnh tăng thọ, nghi tác Diên niên táo
Tranh đấu cừu thù do tác Họa Hại táo
Hao tán đạo thác do tác Lục sát táo
Quan tụng khẩu thiệt do tác Ngũ Quỷ táo
Tật bịnh, tử vong do tác tuyệt mạng táo
Cầu vị như ý do tác phục vị táo

Ý nghĩa bài này đã rõ ràng, nhưng ngay nơi trang Tác Táo Nghi Kỵ này, không hiểu vì sao Phái Bát Trạch Minh Cảnh lại nói Táo Tòa, Hỏa Môn mà chiếm cát

phương thì chiêu tai họa, còn chiếm hung phương thì được ích lợi, cơ hồ như việc đặt táo tòa, xoay hỏa môn không phải là Tác Táo (làm, xâựnnnng, định, đặt bếp, coi trang 25 Bát Trạch Minh Cảnh, Thái Kim Oanh). Chúng tôi đã kiểm nghiệm cách an bếp của phái này, đã nhận lãnh nhiều tai hại nghiêm trọng. Ai thấy cần có thêm các trường hợp (lâm sàng) để chứng nghiệm tác dụng cũng nên gia tâm thực hiện, vì ngộ được một pháp đã khó, chứng được một pháp (dù là pháp hữu vi) cũng phải đủ cơ may, cũng là một cách để "tự lợi, lợi tha". Thấy cách nào đúng thì theo, cách nào sai lầm thì sửa chữa. Nhưng nếu sai lầm đến độ người chết của tan thì sửa chữa làm sao đây? Bấy giờ, nếu là bậc trí giả, chỉ nên quy trách nơi chính mình.

Vẫn theo ý nghĩa của bài trên, thông thường:

- Nếu nhà lâm cảnh túng thiếu, miệt mài sử kinh mà công danh chẳng đến, bần cùng khốn khổ thì lập bếp Sanh Khí.
- Nếu nhà có người bịnh đau triền miên, con cái khó nuôi, tre sắp già cỗi mà măng chưa mọc, gia thất trễ muộn, nhân khẩu hao hụt lần thì lập bếp Thiên Y.
- Nếu nhà có nhiều người chết yểu, nghèo nàn cơ cực, sản nghiệp tiêu tan thì nên lập bếp Diên Niên.

Bếp Phục Vị tác dụng yếu ớt, không có vị trí thuận lợi để đặt 3 loại bếp nói trên mới phải dùng đến bếp này. Nếu chê bếp xấu hại, lập bếp khác để được thuận lợi hơn thì phải bỏ mấy "ông Táo" cũ, bởi hung khí tích tụ hơn mấy ông lò, cà ràng... Nếu những đồ vật này còn khả dụng thì đem để một nơi nào đó, sau 100 ngày có thể dùng lại vô hại. Nếu dùng bếp điện, lò gas, phải mua những cái khác e quá tốn kém, phải dùng lại những cái cũ thì sau 100 ngày kể như mới sửa bếp và hiệu lực kể từ ngày 101 trở đi.

Phái Bát Trạch Minh Cảnh còn một bài nữa liên quan đến việc sửa chữa, dời đổi bếp:

Sanh khí giáng Ngũ Quỷ
Thiên Y chế Tuyệt Mạng
Diên Niên yểm Lục sát
Chế phục yên bài định

Trên căn bản lý luận thì sanh khí mộc không thể triệt ngũ quỷ hỏa vì mộc hỏa tương sanh, Thiên Y thổ không thể khống chế tuyệt mạng kim vì thổ kim tương sanh, diên niên kim không thể trấn áp Lục sát thủy vì kim thủy tương sanh. Nếu du niên Ngũ quỷ, Tuyệt Mạng và Lục Sát là do sự tương phối giữa hỏa môn và mạng chủ thì chỉ cần xoay hỏa môn cho hợp phe với cung mạng chủ, lập tức 3 du niên ác hại này biến ngay. Ba du niên xấu hại không còn thì cần gì phải tìm cát du niên ứng hợp để trừ? Nếu không phải Hỏa môn mà là vị trí đặt bếp phối với mạng chủ khiến có 3 hung du niên, khi chuyển vị trí xấy hại của bếp đến vị trí tốt lợi, đương nhiên 3 hung du niên cũng sẽ biến mất, hà tất du niên Sanh Khí mới giáng được Ngũ quỷ...?

Nhiều trạch chủ xác nhận đã thỉnh nhiều thầy đến coi nhà, bếp sao chưa thấy biến chuyển tốt đẹp? (lại còn nhiều nhiễu nhương, oan khốn hơn trước?). Kiểm

nghiệm lại thì thấy các thầy đó cứ ôm chặt mối tương quan giữa mạng chủ và vị trí đặt bếp, khiến đặt đến 3 bếp mà vẫn chưa trúng, vì bếp và cửa vẫn chưa phù hợp. Sự việc ấy làm trạch chủ thất vọng và chán ngán..., rồi phủ nhận giá trị của khoa Dương Cơ.

Nếu đặt bếp theo các cách đã chỉ dẫn trước đây, ứng kỳ hiệu nghiệm tất phải có:

1. **Bếp Sanh Khí và Phục vị:**

- Từ 3 đến 8 ngày, 30 đến 80 ngày, 3 đến 8 tháng, 3 đến 8 năm, 30 đến 80 năm.
- Sanh Khí ứng với sao Tham mộc, Phục vị ứng với sao Phụ Bật mộc, cả hai thuộc mộc cục của địa chi Hợi Mão Mùi. Vào mộc cục: Nhà thịnh phát,những năm tháng khác chỉ được tiểu lợi hay bình thường. Nhưng tác dụng của Phục vị chỉ vào khoảng phân nửa của Sanh khí.

2. **Bếp Ngũ quỷ:**

- Từ 2 đến 7 ngày, 20 đến 70 ngày, 2 đến 7 tháng, 2 đến 7 năm, 20 đến 70 năm.

Ngũ quỷ ứng với sao Liêm Hỏa, thuộc hỏa cục của địa chi Dần Ngọ Tuất. Vào hỏa cục, ngũ quỷ tác hại nặng nề; những năm tháng khác, tai họa lai rai hay bình thường.

3. **Bếp Diên Niên:** Từ 4 đến 9 ngày, từ 40 đến 90 ngày, 4 đến 9 tháng, 4 đến 9 năm, 40 năm đến 90 năm.

Diên Niên ứng với sao Vũ Kim, thuộc kim cục của địa chi Tỵ Dậu Sửu. Vào kim cục: Nhà thịnh phát, những năm tháng khác chỉ được tiểu lợi hoặc bình thường.

4. **Bếp Lục sát:**

- Từ 1 đến 6 ngày, 10 đến 60 ngày,1 đến 6 tháng, 1 đến 6 năm, 10 đến 60 năm.
- Lục sát ứng với sao Văn Thủy, thuộc thủy cục của địa chi, Thân Tí Thìn. Vào Thủy cục, tác dụng của lục sát nặng nề, những năm tháng khác, cường độ ác hại dễ chịu hơn, hay được bình thường.

5. **Bếp Họa Hại:**

- Từ 5 đến 10 ngày, 50 đến 100 ngày, 5 đến 10 tháng, 5 đến 10 năm, 50 đến 100 năm.
- Họa Hại ứng với sao Lộc Thổ, thuộc hành thổ của địa chi Thìn Tuất Sửu Mùi. Vào những năm tháng này, Họa Hại đến ồ ạt, những năm tháng khác, tai họa lưa thưa hay bình thường.

6. **Bếp Thiên Y:**

- Từ 5 đến 10 ngày, 50 đến 100 ngày, 5 đến 10 tháng, 5 đến 10 năm, 50 đến 100 năm.

Thiên y ứn với sao Cự thổ, thuộc hành thổ của địa chi Thìn Tuất Sửu Mùi. Vào những năm tháng này: Nhà hưng phát; những năm tháng khác: Tiểu cát hay bình thường.

7. **Bếp Tuyệt Mạng:**

Từ 4 đến 9 ngày, 40 đến 90 ngày, 4 đến 9 tháng, 4 đến 9 năm, 40 đến 90 năm.

Tuyệt mạng ứng với sao Phá kim, thuộc kim cục của địa chi Tỵ Dậu Sửu. Vào kim cục: Tai nạn nhiều và nặng, những năm tháng khác: Tiểu hung hoặc bình thường.

Bếp dù thừa cát hay hung du niên, những ứng nghiệm ban đầu cũng ít hoặc lờ mờ, vì dù phúc hay họa cũng phải ngày một ngày hai mà thành tựu. Tuy nhiên, cũng có khi tai nạn hay phúc lộc vẫn đến cấp kỳ, chẳng chờ đến quá năm sau ngày tạo tác. Những con số trên là số sinh và số thành của Hà Đồ, như 3 số là số sinh và 8 là số thành của MỘC,

chẳng thể định sai khác được. Nếu đáo ứng kỳ mà sự chẳng ứng, dù họa hay phúc, cần xem xét lại cách thức định đặt, phân cung điểm hướng..., tức cách khảo sát một ngôi nhà, sai lạc ở chỗ nào để điều chỉnh lại, nhiên hậu mới luận đoán chính xác.
Nếu những yếu tố quan trọng như cửa, bếp, phòng chủ, sơn chủ đã chuẩn xác mà ứng kỳ chẳng hiệu nghiệm, những người hưởng dụng ngôi nhà nên xem xét lại tâm hạnh của mình, chớ nên nghĩ rằng "Quyền họa, phúc Trời tranh mất cả" (Cung Oán Ngâm Khúc - Nguyễn Gia Thiều).

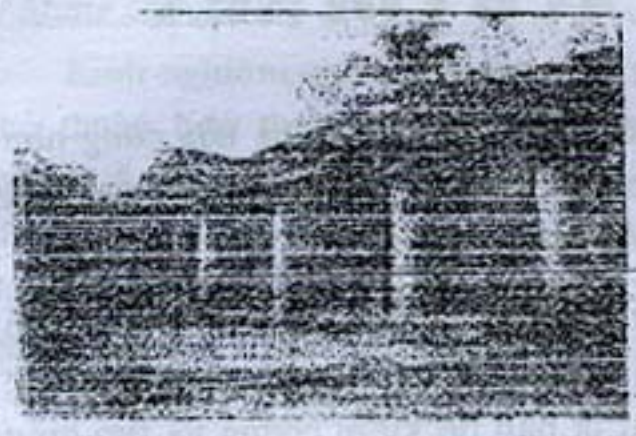

Một kiểu nhà chủ Đinh

Nhà chủ Đinh

A

Gian chánh của ngôi nhà thờ Tổ tiên

Chương V: CÁCH COI NHÀ

Cách coi nhà đối với người khảo sát nhà cửa cũng như một đông y sĩ định bịnh cho một bịnh nhân, cũng vọng, văn, vấn, thiết: nhìn, nghe, hỏi và bắt mạch.
Quan sát địa thế xung quanh, ngắm nhìn hình tướng ngôi nhà, cảm nghe không khí trong nhà, hỏi han gia chủ về những hiện tượng, cuối cùng đặt la bàn để kiểm chứng và tìm hiểu thêm những điều mà gia chủ chưa nói đến hay không tiện tỏ bày. Thông thường, gia chủ cũng như người bịnh, hay giấu giếm, hoặc không thể nói ra hoặc muốn thử thách. Nhưng với người tinh nghề, hầu hết đã hiển hiện, cho dù ngôi nhà không biết nói năng.
Vậy trước cần lượng định những yếu tố quan thiết để nhiên hậu, nếu cần, có thể luận giải cho trạch chủ am tường, bởi nhiều khi người bịnh cảm thức được rõ ràng bịnh trạng của mình còn trạch chủ không biết bịnh lý của ngôi nhà. Do đó, lắm khi người bịnh còn muốn chữa cho mau mạnh, chớ trạch chủ nhiều lúc chờ khảo sát ngôi nhà chỉ để cho biết mà thôi.

TIẾT 1
LƯỢNG ĐỊNH NHỮNG YẾU TỐ QUAN THIẾT

Mục I: TUỔI CỦA VỢ CHỒNG TRẠCH CHỦ
1/ Mạng chủ và nhà:
Kinh nghiệm cho thấy rằng tuổi tác của vợ chồng trạch chủ thuận hợp thường ở nhà đúng cách, không thuận hợp thường ở nhà sai cách; và đa số không thuận hợp cách gì thì cũng ở nhà sai theo cách ấy. Chẳng hạn tuổi vợ chồng phạm họa hại thì ở nhà họa hại, phạm lục sát thì ở nhà lục sát, phạm ngũ quỷ thì ở nhà ngũ quỷ.
Nếu hiện tại là kết quả của quá khứ và là đầu cầu của tương lai thì những cặp vợ chồng hợp tuổi tác và ở nhà đúng cách là những người đã từng trồng sâu cội cây phước đức. Những người này, nếu thuộc đông mạng thì ở đông trạch, thuộc tây mạng thì ở tây trạch. Nếu bếp cùng phe với nhà - tức cũng cùng phe với mạng chủ - và sự bố trí các ngăn bên trong đúng cách, cát tinh trấn áp được hung tinh, thì biết rằng gia chủ và quyến thuộc tiền căn đã thừa phước đức mà hiện đời cũng là người thiện lương. Nếu sự bố trí các ngăn bên trong không đúng cách kiến hung tinh thừa cơ tác quái, bếp lại ở vị trí xấu hại so với cửa, sơn chủ hay chủ phòng, thì biết rằng trạch chủ tiền căn cũng có tích chứa phước đức, song chưa đủ sung mãn mà hiện đời có tác họa cho tha nhân khiến không đủ thiện duyên để hưởng được trọn vẹn quả lành.
Tệ hại bậc nhất là vợ chồng trạch chủ có tuổi tác nghịch phe nhau tạo nên hung du niên, nay lại ở nhà đông tây hỗn loạn hay cửa cái, sơn chủ, phòng chủ nghịch phe, thừa hung du niên, rồi vị trí đặt bếp cũng thừa hung du niên thì biết rằng ác nghiệp của họ, của giòng tộc đó rất sâu nặng. Giả như những người này đang sống đời sống giàu sang phú quý thì cái rực rỡ ấy chẳng khác gì màu sắc bọt xà bông dưới ánh nắng. Đến giờ của nghiệp báo, sự thịnh đạt đó sẽ thành khói mây.

Nếu vì tương quan đặc biệt với những người này, nhà khảo sát DƯƠNG CƠ cũng nên khuyên họ sửa chữa đến 3 lần mà thôi.
Thông thường nhà đang thịnh mà đề nghị sửa chữa ít có gia chủ nào nghe theo. Đến khi suy vong, lại ít ai còn cơ hội tự tạo. Dù có sức mạnh như Hạng Võ cũng khó kê vai gánh núi. Tài trí như Tề Thiên Đại Thánh còn không cõng nổi thầy Tam Tạng huống hồ là người cõng không phải là Đại Thánh Tề Thiên và người được cõng cũng không phải là Đường Tam Tạng.
Không biết mà cứ nói là ác. Biết mà không chịu nói là hiểm. Nhà khảo sát DƯƠNG CƠ xử sự sao cho khỏi mang tiếng ác hay hiểm mà tránh được "phản ứng dội ngược" khiến phải lui sụt trong tâm nguyện giúp người được an cư.
Những điều trên đây không có gì trái với tinh thần biện chứng, bởi nhân ác không thể có quả thiện.
Có hai nơi thể hiện nghiệp lực của con người rõ ràng hơn hết: người phối ngẫu và cái nhà. Trong tương quan chồng vợ, thuận thì "đầu ấp, tay gối", nghịch thì "trợn mắt, phùng mang". Cái nhà là bối cảnh sinh hoạt của vợ chồng với hệ quả cháu con, dòng họ, thuận thì "kim ngọc mãn đường, khi chén rượu, lúc cuộc cờ", nghịch thì như tù ngục không cần lính canh. Có thể nói cái nhà là bối cảnh giúp cho thêm thành tựu sự đền ơn hay trả oán trên nhân thân kẻ khác, nơi gia cư, cũng thấy cộng nghiệp biểu hiện rõ ràng.
Trăm ngàn duyên lo, vạn ức cảnh ngộ trùng phóng khởi để tạo nên một sự, một vật, con mắt bình thường khó phăng tìm minh bạch. Sự vận hành của muôn ngàn duyên do đó là thiên cơ. Sự tương giao, tương tác trên quan hệ nhân quả là thiên lý. Nhỉ lậu sự vận hành đó, người ta cho là tiết lộ thiên cơ, gây xáo trộn thiên lý.
Có lẽ vì nhận thấy mối tương quan giữa cung mạng của vợ chồng chủ nhà và cái nhà mà Nhược Quán mới thêm vào *BÁT TRẠCH MINH CẢNH* phần coi tuổi tác của vợ chồng. Nhưng Đạo Nhơn lại không đề cập đến mối tương quan mật thiết giữa du niên của tuổi vợ chồng và du niên của cái nhà (tức tên nhà), chỉ nói lướt qua về Hoàng Tuyền, Đô Thiên, khiến các bức Hậu Bối ngày nay nghĩ rằng Tiền Hiên sợ lậu thiên cơ mà phải trầm tam kiếp (tiết lộ thiên cơ sẽ bị đọa lạc khổ sở đến ba kiếp).
Đầy đủ khả năng tiết lậu thiên cơ, chúng tôi chỉ mong được cùng mọi người nhận định rõ lý nhơn quả, để cùng hành xử trong tinh thần "Vật vị thiện tiểu nhi bất tác, vật vị ác tiểu nhi khả hành" (chớ thấy việc thiện nhỏ mà không làm, chớ thấy việc ác nhỏ mà làm).

2/ Đô Thiên:

Đô Thiên, tức Mậu Kỷ Đô Thiên, gồm có Mậu Đô và Kỷ Đô.
Mậu Kỷ thuộc Thổ, tức là cung trung ương của Thập Thiên Can. Nó như trung quân, cơ quan đầu não, của một trận pháp, cần được bảo vệ chặt chẽ. Nếu được xây dựng, tu tạo mà phạm vào trung cung Đô Thiên này thì hậu quả tai hại khó lường: bịnh đau, họa hoạn, tù rạc, chết chóc; trong nhà dự định phương chước làm ăn, dù kín nhẹm cỡ nào, đến khi thực hiện y như đã bị tiết lậu. Cho nên, nhà không thể mở cửa cái, cửa sổ, cửa ngõ, cửa hông, cửa hậu và làm đường đi xâm phạm đến cung Mậu Kỷ.

Dựa vào CAN của tuổi trạch chủ để tìm trung cung Mậu Kỷ cho mỗi người. Phải thuộc lòng bài "Ngũ Hổ Tầm Nguyệt" (tìm năm tháng Dần của mỗi con Giáp).
Giáp Kỷ chi niên Bính Dần thủ.
Ất Canh chi tuế Mậu Dần đầu.
Bính Tân thuận khởi Canh Dần vị.
Đinh Nhâm chánh nguyệt Nhâm Dần lưu.
Mậu Quý chi niên Giáp Dần cầu.
Nghĩa:
Năm Giáp, Kỷ: tháng giêng là tháng Bính Dần.
Năm Ất, Canh: tháng giêng là tháng Mậu Dần.
Năm Bính, Tân: tháng giêng là tháng Canh Dần.
Năm Đinh, Nhâm: tháng giêng là tháng Nhâm Dần.
Năm Mậu, Quý: tháng giêng là tháng Giáp Dần.
Tính ra Đô Thiên:
Tuổi Giáp,Kỷ: Đô Thiên tại Thìn, Tỵ.
Tuổi Ất, Canh: Đô Thiên tại Dần, Mão.
Tuổi Bính, Tân: Đô Thiên tại Tuất, Hợi.
Tuổi Đinh, Nhâm: Đô Thiên tại Thân, Dậu.
Tuổi Mậu, Quý: Đô Thiên tại Ngọ, Mùi.
Phải đặt la bàn ở giữa (trung tâm) nền nhà, dùng Bát Quái Đồ đặt trùng với điểm đặt của la bàn, xoay cho cung Khảm của Bát Quái Đồ trùng với mũi kim chỉ hướng Bắc của la bàn. Lấy hướng Bắc làm chuẩn chớ không phải lấy cửa cái hay cung bổn mạng của trạch chủ. Căn cứ vào CAN của tuổi mạng chủ, đối chiếu với cung Đô Thiên ở trên, để biết gia chủ xây dựng, tu tạo có phạm Mậu - Kỷ không.
Thí du người tuổi Giáp: Bấm ngón tay cái của bàn tay trái lên cung số 3 (xem lại hình 10) gọi Bính Dần, thuận chiều, số 4: Đinh Mão, số 5: Mậu Thìn, số 6: Kỷ Tỵ. Hai cung Thìn, Tỵ là Đô Thiên của người tuổi Giáp.
Thí du người tuổi Tân: Gọi cung số 3 là Canh Dần (do bài Ngũ Hổ Tầm Nguyệt nói trên), thuận chiều số 4: Tân Mão, số 5: Nhâm Thìn,... số 10: Đinh Dậu, số 11: Mậu Tuất, số 12: Kỷ Hợi: hai cung Tuất, Hợi là Đô Thiên của người tuổi Tân.
Người tuổi dương cần tránh cung dương, người tuổi âm cần tránh cung âm. Như người tuổi Giáp phạm cung Thìn thì nặng hơn cung Tỵ, người tuổi Tân phạm cung Hợi nặng hơn cung Tuất.
Ngoài Đô Thiên, Hỏa Môn cũng liên hệ trực tiếp đến tuổi trạch chủ.
3/ Hỏa Môn:
Vị trí đặt bếp liên quan đến cửa (chánh biến), liên quan đến sơn chủ hoặc phòng chủ (hỗ biến) theo phép biến cung, không liên hệ gì đến mạng chủ. Chỉ tính riêng HỎA MÔN phải thuận với mạng chủ mới không tác họa cho chủ nhà. Thuận có nghĩa là cùng phe: người đông mạng phải xoay Hỏa Môn về một trong bốn cung Chấn Tốn Khảm Ly, người tây mạng phải xoay Hỏa Môn về một trong bốn tây cung Càn Cấn Khôn Đoài.
Còn tính du niên giữa mạng chủ và Hỏa Môn là việc làm chi li, bất tất phải quan tâm; bởi thực tế lắm khi tìm được chỗ đặt bếp đã phải bị nhiều chướng ngại như cầu tiêu, nhà

tắm, hồ nước... rồi phải xoay Hỏa Môn cho thuận ứng với mạng chủ là việc khó thứ hai, huống hồ là tìm thêm cách thế sao cho du niên giữa mạng chủ và hướng Hỏa Môn phải đạt nhu cầu là Thiên y hay Sanh Khí... Rồi Thiên Y hay Sanh Khí phải đắc vị nữa thì e khó có thể nào thỏa mãn nổi lòng tham!

Vậy thấy rõ ràng cửa cái, sơn chủ hoặc phòng chủ và vị trí đặt bếp (Táo tòa) phải cùng phe, hoặc đông cung hoặc tây cung, mới tạo được sự thuần nhất, thuận hợp cho nhà. Chỉ tính riêng hướng của Hỏa Môn phải thuận với cung bổn mạng của trạch chủ. Còn Đô Thiên là trung cung của mạng chủ, thuận tiện thì chủ nhà nên tọa thủ cung này, bằng không cũng phải tránh những điều cấm kị nói trên, vì phạm Mậu - Kỷ Đô Thiên tai hại nặng nề hơn phạm Hoàng Tuyền.

❖ **Mục 2:** HOÀNG TUYỀN

Hoàng Tuyền là suối nước vàng, ý chỉ nước độc, sự hoạ hại. Hoàng Tuyền liên hệ quan yếu đến khoa phong thủy, nhưng các bậc tiền bối đặt tầm mức quan trọng của Hoàng Tuyền như nhau cho cả âm phần lẫn dương cơ (Hoàng Tuyền cát hung, âm dương nhi trạch đồng)

Cửa cái, cửa ngõ, đường đi, lạch nước quanh nhà không nên phạm Hoàng Tuyền; riêng cửa cái mà phạm Hoàng Tuyền, trạch chủ dù có mở cửa kho ra để bố thí, vẫn cứ gặp phải sự hung hại.

Hoàng Tuyền không liên hệ đến cung bổn mạng của trạch chủ, chỉ do tương quan giữa địa thế bên ngoài nhà và 24 sơn hướng mà định cát hung. Điểm đặt la bàn là trung tâm nền nhà để định phương hướng bên ngoài nhà. Muốn biết cửa cái có phạm Hoàng Tuyền không, phải đặt la bàn ở điểm dùng để phân cung điểm hướng cho cửa cái (Mục C/1 Tiết III chương III)

Nhưng các nhà phong Thủy bảo phải đặt la bàn ở mặt tiền nhà, nơi có lập cửa cái, chỗ giọt nước từ mái nhà đổ xuống, cũng như đặt la bàn trước minh đường của mộ huyệt.

Việc đầu tiên để biết có phạm hay không phạm Hoàng Tuyền là phải quan sát thuỷ khẩu, vì " Nhập địa cục, vấn thủy khẩu" (vào địa thế, cục cách của đất đai, phải tìm xem nước chảy đi phương nào). Thủy khẩu là miệng nước chảy, chảy đến: thủy lai, chảy đi: thủy khứ. Thủy là một danh từ có ý nghĩa đặt biệt và rộng rãi, đôi khi trừu tượng, vì chỗ đất thấp nước mới gọi là Thủy. Việc tìm thủy khẩu để biết thủy lai, thủy khứ là công việc nhà nghề của các Phong Thủy Sư (Thầy địa Lý)

Tuy nhiên, nhận cho ra thủy khẩu để lập hướng sao cho khỏi phạm Hoàng Tuyền không phải là việc làm giản dị, vì liên hệ đến việc định cục của thế đất; cần diễn giải những điều thiết yếu đến TỨ LỘ HOÀNG TUYỀN CA QUYẾT (Khoa phong Thủy chỉ có bốn câu : 1, 3, 5, 7 ; PHÁI BÁT TRẠCH MINH CẢNH thêm bốn câu : 2, 4, 6, 8 thành một bài tám cầu):

1. Canh, Đinh : Khôn thượng thị Hoàng Tuyền
Khốn hướng : Canh, Đinh bất khả ngôn.
3. Ất, Bính : tu phòng Tốn Thủy tiên.
Tốn hướng : Ất, Bính hoạ diệc nhiên.
5. Giáp, Quý : hướng trung ưu kiến Cấn

Cấn hướng : Giáp, Quý hung bách niên.

7. Tân, Nhâm : Thủy lộ phạ đương Kiền (Càn)

Kiền hướng : Tân, Nhâm họa mãn thiên.

❖ **Y nghĩa :**

1. Hướng Canh và hướng Đinh thì sợ thủy lai, thủy khứ ở phương Khôn ; hướng Khôn thì sợ thủy lai thủy khứ ở hai phương Canh, Đinh vì đều phạm Hoàng Tuyền.

3. Hướng Ất và Bính : nên quan phòng thủy ở phương Tốn. Hướng Tốn thì lại phải đề phòng hai thủy ở Ất, Bính. Cả hai cách đều phạm Hoàng Tuyền, hoạ hại cũng như nhau.

5. Hướng Giáp, hướng Quý : thấy nên lo ở phương Cấn. Còn hướng Cấn thì kị thủy lai, thủy khứ ở hai phương Giáp, Quý, hại đến trăm năm.

7. Hướng Tân, Nhâm : sợ thủy lai thủy khứ ở phương Càn. Ngược lại hướng Càn thì sợ thủy lai, thủy khứ ở hai phương Tân và Nhâm, vì phạm Hoàng Tuyền thì hoạ đầy trời.

Y ngiã Bài Tứ Lộ Hoàng Tuyền tuy đơn sơ nhưng tất hiểm hóc, diễn giãi đầy đủ tất chiếm 1/3 công việc của các Nhà Địa Lý vì liên hệ đến việc LẬP HƯỚNG. Ở đây chỉ giải sơ lược để có một cái nhìn tổng quát mà thôi.

Trở lại phần căn bản, Bát Quái và Can – Chi. Trên Bát Quái Đồ (thay thế la bàn xem Phong Thủy), nếu phân Can ra âm dương thì:

Giáp, Bính, Canh, Nhâm : 4 Can dương.

Ất, Đinh Tân, Quý : 4 Can âm.

- **Nếu phân tích đúng Ngũ Hành thì từ:**
- **Hợi đến Nhâm, Tí, Quý : 4 phương thuộc hành Thủy.**
- **Dần đến Giáp, Mão, Ất, Tốn : 5 phương thuộc hành Mộc.**
- **Tỵ đến Bính, Ngọ, Đinh : 4 phương thuộc hành Hỏa.**
- **Thân đến Canh, Dậu, Tân, Càn : 5 phương thuộc hành Kim.**
- **Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, Khôn, Cấn : 6 phương thuộc hành Thổ.**

Tám Can ở về bốn phương chính : Chấn (Đông – Giáp Ất), Đoài (Tây – Canh Tân), Ly (Nam – Bính Đinh), Khảm (Bắc – Nhâm Quý). Tám Can ở bốn phương chính phối với bốn phương nhưng (tứ duy): Càn (Tây Bắc), Cấn(Đông Bắc), Khôn (Tây Nam) và Tốn(Đông Nam) vẫn thành Bát Quái. Vì thổ thuộc trung cung Mậu Kỷ nên ngoài địa thế chỉ chia ra có bốn đai cục:

- Kim cục : Tỵ Dậu Sửu + Tốn Canh Quý.

- Mộc cục : Hợi Mão Mùi + Càn Giáp Đinh.

- Thủy cục : Thân Tí Thìn + Khôn Nhâm Ất.

- Hỏa cục : Dần Ngọ Tuất + Cấn Bính Tân.

Tuy không có Thổ cục, nhưng trong mỗi cục Kim, Mộc Thủy, Hỏa đều có đủ cả âm dương, ngũ hành, nhập với địa hình, địa vật mới tạo được sự cát, hanh. Nhưng hướng Thủy phải chuyển hành thế nào để nhận ra các cách, cục?

Thí dụ:

- Thủy khẩu tự phương Tốn Tỵ chảy lại, chuyển qua hướng Thân Canh Dậu, rồi phóng ra Sửu Cấn, chẳng hạn, thì đó là thuỷ hành của Kim cục.

- Nếu Thủy khẩu ở phương Đinh Mùi chuyển đến Canh Dậu chẳng hạn, thì đó là Mộc cục.

- Nếu thủy khẩu ở phương Tân Tuất chuyển đi: Hỏa cục.

- Nếu thủy khẩu từ phương Ất Thìn chuyển đến : Thủy cục.

- **Khoa Phong Thủy căn cứ trên bốn điều : Khí, Lý, Số và Hình:**

- Khí là năng lượng vũ trụ, là khí âm dương của trời đất, cũng như trong con người.

- Lý là những quy luật vận động và tạo tác của Khí.

- Số là Nghi, Tượng, Quái, Hào của Dịch lý.

- Hình là hình thể vùng đất, dòng nước và cấu trúc công trình xầy dựng. (Kiến Thức Ngày nay số 199, ngày 01. 02. 1996)

- Lý và Khí đó có thể hiện trên vòng Tràng Sinh, gồm 12 gian đoạn: Tràng Sinh, Mộc Dục, Quan Đới, Lâm Quan, Đế Vượng, Suy, Bịnh, Tử, Mộc, Tuyệt, Thai, Dưỡng. Đó là vòng sinh hoá của vạn hữu.

♦ **Cách tính vòng Tràng Sinh:**

- **Kim cục: khởi Tràng Sinh tại cung Tỵ, thuận hành.**
- **Mộc cục : khởi Tràng sinh tại cung Hợi, thuận hành.**
- **Thủy cục : khởi Tràng sinh tại cung Thân, thuận hành.**
- **Hỏa cục : khởi Tràng sinh tại cung Dần, thuận hành.**

(Hình 10)

Từ Tràng Sinh đến Dưỡng, mỗi giai đoạn 1 cung, nếu tính trên bàn tay: hai sơn hướng nếu tính trên Bát Quái Đồ. Thí dụ Kim cục: khởi Sinh (nói tắt) tại Tỵ, thuận hành, Mộc tại Ngọ, Quan Đới, tại Mùi, Lâm Quan ở Thân, . . . Dưỡng ở Thìn. Sinh và 4 cục trên Bát Quái Đồ:

SST	Vòng tràng sinh	Mộc cục	Kim cục	Thủy cục	Hỏa cục
1	Tràng sinh	Càn – Hợi	Tốn – Tỵ	Khôn -	Cấn – Dần
2	Mộc Dục	Nhâm – Tí	Bính – Ngọ	Thân	Giáp –
3	Quái Đới	Quý – Sửu	Đinh – Mùi	Canh –	Mão
4	Lâm Quan	Cấn – Dần	Khôn -	Dậu	Ất – Thìn
5	Đế Vượng	Giáp –	Thân	Tân – Tuất	Tốn – Tỵ
6	Suy	Mão	Canh –	Càn – Hợi	Bính – Ngọ
7	Bịnh	Ất – Thìn	Dậu	Nhâm – Tí	Đinh – Mùi
8	Tử	Tốn – Tỵ	Tân – Tuất	Quý – Sửu	Khôn -
9	Mộ	Bính – Ngọ	Càn – Hợi	Cấn – Dần	Thân
10	Tuyệt	Đinh – Mùi	Nhâm – Tí	Giáp –	Canh –
11	Thai	Khôn -	Quý – Sửu	Mão	Dậu

12	**Dưỡng**	**Thân Canh – Dậu Tân – Tuất**	**Cấn – Dần Giáp – Mão Ất – Thìn**	**Ất – Thìn Tốn – Tỵ Bính – Ngọ Đinh – Mùi**	**Tân – Tuất Càn – Hợi Nhâm – Tí Quý – Sửu**

Mỗi giai đoạn của vòng Tràng Sinh có 2 sơn hướng, trọn vòng đủ 24 sơn hướng Chỉ có bát Can và hướng tứ duy mới có thể phạm Hoàng Tuyền, còn Địa chi không phạm.

♦ **Theo Lý – Khí của vòng Tràng Sinh thì:**

- Giáp Canh Nhâm Bính hợp với Mão Dậu Tí Ngọ ở bốn phương chính, tạo thành bốn phương vừa VƯỢNG (số 5) vừa TƯ (số 8) cho bốn đại cục.

- Ất Tân Quý Đinh hợp với Thìn Tuất Sửu Mùi ở bốn phương bàng (tứ duy), tạo thành bốn phương vừa MỘ(số1) vừa TUYỆT

(số 10) cho bốn đại cục.

Khoa Phong Thủy cho Tràng Sinh, Quan Đới, Lâm Quan. Đế Vượng và Dưỡng có tính chất tốt đẹp. Như vậy giải:

- <u>Câu số 1:</u> Canh Đinh Khôn thượng thị Hoàng Tuyền:

Nếu lập cửa ở hướng Canh là Vượng hướng của Kim cục thì Lâm Quan ở cung Khôn Thân, và nước của cung Lâm Quan phải chảy lại (triều lai) mới đắc cát xương, nếu nước ở cung nầy chảy đi là Thủy phá Lâm Quan sẽ bị hung hại: đó là phạm Hoàng Tuyền.

Nếu như lập cửa ở Đinh hướng là Dưỡng hướng của Thủy cục, Tràng tất phải khởi tại cung Khôn Thân và thủy phải triều lai. Nếu thủy ở Khôn Thân phóng đi là thủy phá Sinh phương, sẽ lâm tai hoạ, tức phạm Hoàng Tuyền. Nếu lập cửa ở Đinh hướng là Mộ hướng của mộc cục thì nước ở cung Khôn Tuyệt (số 10) phải phóng đi, không thì bị "tuyệt thủy nhập đường" sẽ gặp hung ngay ; đó gọi là phạm Hoàng Tuyền.

Vậy với hương Canh, Khôn thủy lai thì cát, Khôn thủy – khứ thì hung ; với hướng Đinh, Khôn thủy khứ thì cát, Khôn thủy lai thì hung.

- <u>Câu số 3</u>: Ất Bính tu phòng Tốn Thủy tiên:

Nếu lập cửa ở hướng Ất là Mộc hướng của thủy cục (số 9) thì tuyệt thủy ở phương Tốn Tỵ (số 10) phải phóng đi mới tốt, nếu tuyệt ở Tốn Triều lai thi hung, tức phạm Hoàng Tuyền.

Nếu cửa lập ở hướng Bính là Vượng hướng của Hỏa cục thì nước ở Tốn Tỵ phải triều lai mới tốt. Nếu nước ở Tốn phóng đi là nước phá Lâm Quan, tất phạm Hoàng Tuyền.

- <u>Câu số 5</u> : Giáp Quý hướng trung, ưu kiến Cấn:

Cửa ở hướng Giáp là Vượng hướng của mộc cục thì nước ở Cấn phải triều lai mới tốt vì Cấn ở cung Lâm Quan, ngược lại, gọi là phạm Hoàng Tuyền. Nếu cửa ở hướng Quý là Mộ hướng của kim cục thì tuyệt thủy ở phương Cấn phải phóng đi mới tốt; ngược lại là tuyệt thủy nhập đường, gọi là phạm Hoàng Tuyền.

- <u>Câu số 7</u> : Tân Nhâm thủy lộ, phạ đương Kiền:

Nếu cửa ở Nhâm hướng là Vượng hướng của thủy cục thì nước ở Càn Lâm Quan (số 4) phải triều lai mới tốt, ngược lại là phạm Hoàng Tuyền.

Nếu cửa lập ở hướng Tân là Mộ hướng của hỏa cục (số 9) thì tuyệt thủy ở Càn phương không thể cho nhập mà phải phóng đi mới tốt, không đi phạm Hoàng Tuyền.

Các cung hướng trong các câu còn lại, cứ theo bảng kể trên mà tìm ra. Thủy tự thân không có tốt xấu, chỉ do hướng đi mà tạo nên cát hung. Hướng ở cục nào phải theo vòng Tràng Sinh ở cục đó.

Phải nắm vững phép phóng thủy, thu thủy nầy, không thì gây hoạ lớn cho người khác. Đó là việc chuyên môn của Thầy Địa Lý. Thực tế, nhận đoán địa điện, địa hình là việc làm rất khó khăn, phải có Phong Thủy Sư giỏi và tận tình chỉ dạy, đồng thời phải thực tập lâu dài mới mong tránh được sai lầm khi TẦM LONG, ĐIỂM HUYỆT và LẬP HƯỚNG.

Thầy Địa Lý đến một căn phố tọa lạc ở khu chợ búa vào lúc trời nắng tốt, người họp chật ních, hẳn là rất khó khảo sát việc nhà có phạm Hoàng Tuyền hay không. Tôi khảo sát nhà theo phái Lý – Khí của Sái Cửu Phong, không áp dụng Hoàng Tuyền, cũng thấy hiệu ứng tương đối tốt đẹp cho gia trạch. Chẳng nên thái quá hay bất cập khi sử dụng khoa Dương Cơ vì tự thân của cái nhà chưa đủ nặng lực đem lại phú quý cho người.

Phái Dương Trạch Tam Yếu không bàn gì đến 24 sơn hướng và Hoàng Tuyền, cho rằng bên ngoài nhà là những phần phụ thuộc, không quan trọng. Phái nầy chú trọng đến cách phân cung điểm hướng để an du niên và phiên tinh cho các ngăn của ngôi nhà.

♦ **Mục 3 : CUNG VÀ TINH**

Cung chỉ chỗ, nơi, hướng. Tự một chỗ thì chẳng có âm, dương, khi, trọng gì cả. Sở dĩ có phân cung tốt xấu, quan trọng hay ít quan trọng vì có sự đương đối giữa nơi nầy và một nới khác.

1/ *Cung và âm dương*:

Tám cung của Bát Quát phân ra âm dương:

- **Bốn cung thuần dương : Càn, Cấn, Khảm, Chấn.**
- **Bốn chung thuần âm: Tốn, Ly, Khôn, Đoài.**

Thuần âm, hay thuần dương, dù giao phối được các du niên, cũng không tạo được sự tốt đẹp lâu dài; vì " Cô âm bất sinh, độc dương bất hoá "

Cung lại được phân biệt bên ngoài và bên trong. Cung bên ngoài có cung cửa cái. Cung bên trong là cung sơn chủ hay phòng chủ. Cung vị trí bếp cũng là cung bên trong. Định luật "Âm nhập dương cung hay dương nhập âm cung" chỉ áp dụng cho cung cửa cái và cung sơn chủ hay phòng chủ, không áp dụng đối với cung bếp. Theo định luật nầy, nếu cung âm bên ngoài sinh nhập cung dương bên trong thì sinh con gái trước; nếu cung dương bên ngoài sinh nhập cung âm bên trong thì sinh con trai trước. Việc sinh con trai hay con gái trước còn tuỳ thuộc nhiều yếu tố khác, khi xem nhà, chẳng nên phán đoái vội vàng theo định luật nầy.

Có sách chia cửu tinh ra làm nhóm âm và dương (xem lại Mục 3 nói về cửu tinh, Tiết V, Chương II) và nhận định "Dương tinh khắc âm cung: bất lợi cho nữ; âm tinh ngoài Văn khúc, dương tinh gồm toàn Cát tinh; trừ Phụ – Bật, âm tinh gồm toàn hung tinh. Đã biết âm cung chỉ nữ giới, còn dương cung biểu thị nam nhân. Dương tinh khắc âm cung chỉ có ba sao : Vũ kim khắc Tốn mộc, Tham mộc khắc Khôn thổ và Văn thuỷ khắc Ly hỏa. Tinh khắc cung thì Tinh thất vị và giảm hiệu lực tốt của cát tinh. Cát tinhh thất vị còn gọi là vô lực, chẳng còn

sức đem lại lợi lộc cho cung, mà còn khắc nhập cho cung đương nhiên là bất lợi hơn trường hợp cung khắc xuất tinh.

Dù khắc cung hay bị cung khắc, Cát tinh vẫn thất vị. Diên Niên Vũ Khúc kim khắc Tốn mộc (trưởng nữ, trưởng phu), còn hành mộc tất nhiên sẽ khắc Khôn thổ (mẹ già, đàn bà lớn tuổi) bất kể là hành mộc của Sanh Khí Tham Lang (+) hay của Phụ Vị Phụ – Bật (-).

Âm tinh tượng trưng đám tiểu nhân gian ác, khi đắc thế (khắc cung) chắc chắn sẽ hạ độc thủ chẳng chút xót thương, bất kể là cung dương hay cung âm, chẳng luận nam, nữ. Khi nó bị cung khắc chế, đám hung đồ nây đâu dễ chịu thua, sẽ rình chờ cơ hội hãm hại. Hung tinh khắc cung hay bị cung khắc vẫn là thất vị, mà còn hiểm ác như vậy, nếu đắc vị hay nhập miếu nữa thì mực độ hung tàn khó đủ lời để nói! (Xem thêm Phần Luận ở các Tiết sau)

2/ *Cung và sư sinh khắc*

a. Sanh:

Càn, Đoài Kim sanh Khảm Thủy.

Khảm Thủy sanh Chấn, Tốn Mộc.

Ly Hỏa sanh Cấn, Khôn Thổ.

Cấn, Khôn Thổ sanh Càn, Đoài Kim.

Càn, Đoài sinh khảm vẫn xấu vì tạo hung du niên, tức hung tinh. Ly Hỏa sinh Cấn, Khôn thổ vẫn xấu vì tạo nên hung du niên.

Khảm sinh Tốn thừa du niên Sanh đắc vị nên tốt hơn Khảm sanh Chấn thừa du niên Diên niên thất cách : Khảm, Chấn, Tốn thuộc đông cung hành mộc gặp Tham lang Sanh Khí cũng hành mộc, còn Diên niên Vũ Khúc hành kim.

Chân sinh Ly tốt hơn Tốn sinh Ly vì Chấn + Ly thừa du niên Sanh khí đắc vị, còn Tốn + Ly thừa Thiên Y thất vị.

Cấn sinh Càn, đắc Thiên Y hữu lực nhưng bất toàn vì thuần dương. Khôn sinh Đoài cũng thừa Thiên Y hữu lực, nhưng vẫn bất toàn vì thuần âm. Chỉ có Cấn sinh Đoài, thừa Diên niên đắc đệ nhất cách vì đủ cả âm dương và đồng đẳng : Cấn tượng thiếu nam sách với Đoài tượng thiếu nữ. Khôn sinh Càn cũng được cách cát xương đệ nhất nầy.

Các cung đối nhau, được SANH thì đem lại thuận hợp, hanh thông, ngoài lý. Ngũ Hành, còn do thừa cát du niên. Nhưng mực độ tốt còn tuỳ thuộc lý âm dương và sự đắc hay thất vị của cát du niên, tức cát tinh.

Cần phân biệt hai trường hợp SANH khác nhau : ngoại sanh nội và nội ngoại. Ngoài sanh nội là từ ngoài sanh và trong, tức sanh nhập, như cung cửa cái sinh cung Phòng chủ hay Sơn chủ: hiệu ứng tốt đẹp sẽ đến sớm và nhanh, sự hạnh thông trong gia đình thuận lợi va dễ dàng hơn. Nội sanh ngoại là từ trong sinh ra ngoài : hiệu ứng những tốt đẹp đến trễ và chậm vì nhịp độ thưa thớt, sự hạnh thông trong gia đình do cần lao đưa đến hơn là được duyên may hỗ trợ. Dù sinh nhạp hay sinh xuất vẫn được thuận lợi, nhờ SANH ; còn hơn là bị khắc.

b. Khắc :

Càn, Đoài Kim khắc Chấn, Tốn Mộc

Chấn, Tốn Mộc khắc Cấn, Khôn Thổ.

Cấn, Khôn Thổ khắc Khảm Thủy.

Khảm Thủy khắc Ly Hỏa.

Ly Hỏa khắc Càn, Đoài Kim.

Tất cả các cách Khắc trên đều xấu vì tạo hung du niên, tức sinh hung tinh, trừ Khảm khắc Ly vẫn được tốt vì tạo cát du niên, dẫu rằng sự tốt đẹp nầy chẳng trọn vẹn, do bản chất tương khắc của nó.

♦ Nếu tượng Bát Quái chỉ người thì sự khắc hại có ý nghĩa như sau:

Càn Kim bị Hỏa khắc: **người đàn ông lớn tuổi trong nhà, cha, ông bị họa hoạn, bịnh đau, vô năng, bất lực vì không thể hành sử được tài trí của mình. Đoài kim bị Hỏa khắc hại thì khốn khổ cho con gái hoặc cháu gái nhỏ (út: Đoài). Hỏa gồm có cung Ly và sao Liêm Trinh.**

Chấn bị Kim khắc **: tổn hại cho hàng nam nhân trọng tuổi như con trai trưởng, cháu trai trưởng ; nếu là từ đường thì bất kể trưởng tử, trưởng tôn, nội, ngoại đều bị khắc. Tốn bị kim khắc : tổn hại cho con gái, cháu gái lớn, tức hạng nữ nhân lớn tuổi trong nhà. Kim gồm có Càn, Đoài và hai sao Vũ, Phá.**

Cấn bị Mộc khắc: **tổn hại cho con trai nhỏ, con trai út, thiếu nam. Khôn bị mộc khắc: tổn hại cho lão mẫu, lão bà, người mẹ trong nhà. Mộc gồm có hai cung Chấn, Tốn và hai sao Phụ – Bật và Tham Lang.**

Ly bị Thủy khắc: **tổn hại cho con gái, cháu gái giữa, trung nữ. Thủy gồm có cung Khảm và sao Văn Khúc.**

Khảm bị Thổ khắc**: tổn hại cho con trai, cháu trai giữa, trung nam. Thổ gồm hai cung Khôn, Cấn và hai sao Cự, Lộc.**

KHẮC cũng có trường hợp nội khắc ngoại, khắc xuất, và ngoại khắc nội, khắc nhập. Khắc xuất là từ trong khắc ra ngoài : bếp, sơn chủ, phòng chủ khắc cửa cái; hung nguy do trong nhà gây ra. Dù chống chế được ngoại cảnh, nhưng cuối cùng vẫn là sự hao tổn tinh thần và vật chất. Khắc xuất ít tổn hại hơn khắc nhập, nên chỉ kể là bán hung. Khắc nhập là từ ngoài khắc vào trong : nạn tai đến nhanh, bất ngờ và khó ứng phó, xoay trở. Họa hại nầy do bên ngoài đưa đến, suy ngẫm nhiều khi thấy phát xuất từ những lý do, hoàn cảnh sâu xa, mơ hồ, như là nghiệp báo. Khắc nhập được kể là toàn hung.

Có sự khắc hại giữa Cung, ngoài lý ngũ hành, còn do thừa hung du niên, vì tạo ra hung tinh. Tinh được kể là yếu tố bên ngoài, nếu khắc cung tức là ngoại khắc nội, gọi là ngoại chiến. Cung ở bên trong, nếu khắc tinh, tức bên trong khắc bên ngoài, gọi là nội chiến.

Sácg DƯƠNG TRẠCH TAM YẾU, trang 25, nói "Nội chiến giảm bớt 50%, ngoại chiến giảm bớt 30% tốt" Định luật nầy có lẽ không đúng, ít nhất là đối với cát tinh; còn đối với hung tinh, hẳn là sai lầm.

Trên phương diện luận lý, có nội chiến vì cung khắc tinh, tức cung vẫn còn được thế chủ động, vẫn còn năng lực chống trả với tinh sao lại giảm đến ½ độ số tốt? Có ngoại chiến thì tinh khắc cung, tức tinh xung phá cung và cung ở thế bị động nên thọ khắc hoàn toàn, sao lại chỉ giảm có 1/3 độ số tốt? Phải luận diễn ngược lại để có cái nhất quán giữa nội khắc ngoại (bán hung, ít xấu) và ngoại khắc nội (toàn hung, xấu nhiều) mới hợp lý chứ? Có nội chiến hay ngoại chiến thì cát tinh cũng chỉ lâm vào trạng huống thất vị mà thôi, tức là cát tinh vô năng, hoặc còn tốt ít, hoặc không còn tốt chứ chưa đến nổi hung hại như hung tinh.

Có nội chiến đối với hung tinh thì hung tinh giảm hiệu lực ác hại, do cung khắc chế được hung tinh, làm cho hung tinh phải " gờm" vì bị thất vị. Nó như bọn " đá cá lăn dưa" ở

chợ hay như bọn cướp đường mà gặp phải Trình Giảo Kim là tay to gan lớn mật dám buôn muối lậu và cướp bạc của Vua. Nhưng đám hung tinh thất vị nầy không phải trọn đời tuân phục Chúa Trại mà chờ khi thế lức của Sơn Vương suy giảm sẽ giở trò phản trắc, hại chủ tức thì. Nó như đám học trò của Tinh Tú Lão Quái Đinh Xuân Thu trong Thiên Long Bát Bộ của Kim Dung : ca ngợi hết lời khi thấy Sư Phụ hạ độc thủ và nịnh hót địch nhân khi thấy lão quái bị nguy nan. Có ngoại chiến đối với hung tinh thì hung tinh càng lừng lẫy vì nó khắc được cung. Chúng nó như kẻ tiểu nhân đắc thời, như cỏ dại gặp mưa rào, tha hồ mà hãnh tiến, nào biết kiêng nể một ai. Đây là trường hợp hung tinh đắc vị, đăng điện hay nhập miếu.

Trên thực tế, khi xem nhà cửa cho nhiều người, chúng tôi nhận thấy gặp trường hợp cát tinh thất vị, trạch chủ còn có thể tự lực phấn đấu vượt thắng những thử thách để mưu sinh. Lâm khi hung tinh thất vị, gia chủ đã có phần mệt mõi. Còn gặp hung tinh đắc vị, đăng điện và nhập miếu nữa thì trạch chủ vô kế khả thi, như người bộ hành giữa đồng hoang đường vắng gặp cơn mưa bão bất kỳ.

3/ Cung trọng – Cung khinh:

a. Cung trọng:

Trọng là nặng. Cung được đánh giá nặng vì tính chất quan yếu của nó, gồm có 3 cung:

- Cung cửa cái:

Dù không được an du niên ở cung cửa cái, nhưng thực tế cung cửa cái nó có đến hai du niên: chính biến với cung sơn chủ hoặc phòng chủ, và vơi cung bếp. Do đó, cung cửa cái có thể được coi trong vào bật nhất. Khi cung cửa cái chính biến với cung sơn chủ, phòng chủ va bếp được cát du niên lại cùng phe với cung của mạng chủ, được coi như là nhà hợp cách; nếu cát du niên hữu lực nữa thì nhà hợp cách vào bật nhất. Trường hợp mạng chủ không cùng phe với nhà thì phải áp dụng cách phân phòng : người mạng thuộc đông tứ cung phải đặt buồng ngủ ở đông tứ cung, người mạng thuộc tây tứ cung phải đặt buồn ngủ ở đông tứ cung. Đâu giường ngủ cũng phải thuận hợp với cung mạng của người sử dụng giường ngủ đó. Nên đặt giường ngủ ở ngăn có cát du niên hay cát tinh.

- Cung phòng chủ hoặc sơn chủ:

Phòng chủ (Tịnh trạch) và sơn chủ (Phức trạch) chiếm địa vị cốt trụ trong ngôi nhà. Không có hai nơi nầy, tất chưa đủ yếu tố khảo sát ngôi nhà. Hai nơi đó còn tượng trưng cha gia chủ nữa. Nên khi phòng chủ hoặc sơn chủ khắc cửa cái (nội khắc ngoại) thì trạch chủ còn thi thố được năng lực để chống đỡ với ngoạic ảnh, nhưng khó được trung thọ hay thượng thọ (từ 80 tuổi trở lên) vì phải hao tổn sức lực quá nhiều, chưa kể phải yểu vong. Cần đánh giá sự quan trọng của phòng chủ ngang hàng với sơn chủ.

- Cung bếp:

Cung phòng chủ hay sơn chủ hỗ biến với cung bếp được cát du niên là tốt, được cát du niên với cát tinh hữu lực là thượng cách. cung bếp tức vị trí đặt bếp, quan trọng không thua kém hai cung trên, vì bếp không phải chỉ là chỗ nấu ăn để nuôi mạng sống, mà nó còn có thể đem lại cát hung, họa phúc, thịnh suy, thọ yểu, an nguy, mạnh khoẻ hay đau bịnh, hỉ lạc hay bi ai, tuỳ vị trí đặt bếp đúng hay sai so với ngôi nhà, chớ nên không phải so với mạng chủ. Chỉ có Hỏa môn phải thuận với cung mạng chủ.

Trường hợp cung vợ chồng trạch chủ nghịch nhau và hành bổn mạng của chồng khắc hành bổn mạng của vợ, có thể đặt hướng Hỏa môn thuận với cung mạng của vợ để củng cố vị trí, vai trò của người vợ, tạo thế quân bình cho vợ chồng trạch chủ.

- *Cung khinh:*

Khinh là nhẹ, tức không mấy quan trọng, gồm có: hướng bếp, cửa bếp, cửa buồng và cửa ngõ.

Trên nguyên tắc, cửa cái chính biến với cung bếp phải thừa cát du niên mơi snên thọ dụng, thì cửa nhà bếp và hướng bếp cũng phải thừa cát du niên với vị trí đặt bếp. Như vậy, cửa cái cũng phải cùng phe với hướng bếp và cửa nhà bếp. Chỉ trường hợp mạng chủ nghịch phe với nhà, mới nên để hướng bếp thuận với mạng chủ, vì thông thường Hỏa môn và hướng bếp luôn được gia chủ để xoay về một hướng.

Cửa buồng của phòng chủ, vì là nơi quan yếu của tịnh trạch, nên chính biến với cửa cái (của tịnh trạch) cũng phải thừ cát du niên, tức cùng phe hoặc đông hoặc tây tứ cung. Còn cửa buồng của các phòng khi phân phòng cho mỗi người trong nhà. Phân phòng cho bà tây mạng ở tây cung trong mọt ngăn thì cửa buồng của phòng nầy cũng thuộc tây cung mới hợp cách. tuy nhiên, cửa buồng của các phòng trong phức trạch không mấy quan trọng.

Cửa cái chính biến với cung cửa ngõ, cũng phải thừa cát du niên. Nhưng cửa ngõ được Phái Dương Trạch Tam Yếu xem là một thành phần bên ngoài của ngôi nhà, không hệ trọng. Vậy cần dung hoà quan điểm của PHÁI BÁT TRẠCH MINH CẢNH nặng nề hình thái và của PHÁI DƯƠNG TRẠCH TAM YẾU nặng nề lý khí của phương vị mà lưu ý đến nguyên tắc Thanh Long, Bạch Hổ, Hoàng Tuyền và Đô Thiên đã nói trước đây.

Đã gọi là cung khinh, khi biến cung được cát du niên thì có thể thọ dụng, bất tát phải đòi hỏi cát du niên với cát tinh hữu lực. Việc ấy nên danh cho NGĂN CHÁNH của phức trạch.

4/ <u>Chọn NGĂN CHÁNH và SAO CHÚA:</u>

Trong đơn trạch, không có ngăn, chỉ có phòng chủ, đương nhiên phòng chủ phối với cửa cái phải thừa cát du niên hữu lực mới đem lại phúc thịnh cho ngôi nhà. Trong phức trạch có nhiều ngăn, nên cần chọn một ngăn làm NGĂN CHÁNH để phát huy hiệu lực vượt trội của sự tốt đẹp hầu trấn áp các ngăn xấu hại, đặc biệt trong các ngôi nhà có tên ác hại là Tuyệt Mạng, Ngũ Quỷ và Họa Hại. Nhà có tên xấu ác, được NGĂN CHÁNH tốt hơn trấn áp, gọi là YỂM SÁT TRẠCH. Ngăn chánh là ngăn thứ nhất thì không có tác dụng, vì cạn cửa cái mà xa sơn chủ. Cần củng cố sơn chủ vì sơn chủ biểu tượng cho chính trạch chủ, người lãnh đạo trong gia đình, vì sơn chủ bàng bạc số phận của tất cả những ai có liên hệ trực tiếp đến gia đình. Do đó, cần chọn ngăn chánh gần sơn chủ, hoặc trực ngộ với sơn chủ thì tác dụng càng mạnh mẽ cho sơn chủ. Một ngăn có cao lớn hơn, rộng rãi hơn, sạch sẽ hơn các ngăn khác mới đáng gọi là ngăn chánh.

Khi phiên tinh cho phức trạch, sao của ngăn chánh gọi là SAO CHÚA vì tác dụng quan trọng bậc nhât của nó. SAO CHÚA phải là cát tinh mới hữu ích. Được cát tinh hữu lực, như đắc vị, đăng điện và nhập miếu, lại sinh cho cung sơn chủ thì ngôi nhà càng hưng thịnh và lâu bền. Đối với yểm sát trạch, sao chúa bị giảm ½ hay 1/3 thời hiêu tốt đẹp; thời gian còn lại, hiệu lực rất yếu, khó chống ngăn đám hung tinh.

Sao chúa là hung tinh tất làm cho nhà suy bại. Hung tinh nầy lại đắc vị, đăng điện hay nhập miếu nữa thì thập phần nguy khốn cho sơn chủ, giống như vua Lê Chiêu Thống gặp phải phường chèo thuyền ở làng Vĩnh Lai, hay như Hán Hiến Đế có Thừa Tướng loại Tào A-Man. Soa chúa là hung tinh, đương nhiên phải tu tạo lại ngôi nhà. Bất đắc dĩ mới dùng cát tinh thất vị, vô lực, làm sao chúa.

Có hai điểm đương đối thì có cung hướng, nên toàn thể ngôi nhà cũng có cung riêng của nó. Do đó có mối tương quan giữa sao và nhà.

5/ Nhà và Sao:

Đông tứ trạch thuộc hành mộc, tây tứ trạch thuộc hành kim. Khi sao đồng hành với nhà thì gọi là VƯỢNG TRẠCH CÁCH. khi hành của sao sinh hành của nhà thì gọi là SANH TRẠCH CÁCH.

- *Vượng trạch cách.* Tây tứ trạch có sao chúa là Vũ Khúc kim, hoặc tên là DU NIÊN. Đông tứ trạch có sao chúa là Tham Lang mộc, hoặc tên nhà là SANH KHÍ. Tên nhà là tên du niên do cung cửa cái chánh biến với phòng chủ hay sơn chủ. Tên nhà còn là tên của sao chúa. Đông tứ trạch có tên là PHỤC VỊ chỉ được bán kiết, chưa đáng nằm trong vượng trạch cách nầy.

- *Sanh trạch cách :* Tây tứ trạch có sao chúa là Cự Môn thổ hoặc tên nhà là THIÊN Y.

Đắc hai cách VƯỢNG và SANH nầy, mà được cát tinh hữu lực nữa thì nhà phát càng mạnh, càng bền. Không có cách VƯỢNG hay SANH khi sao chúa là hung tinh hoặc tên nhà là Lục Sát, Họa Hại, Tuyệt Mạng, vì trong các trường hợp nầy, nhà thuộc loại đông, tây hỗn loạn.

♦ Khi lượng định những yếu tố quan thiết đến ngôi nhà, sẽ có nhận xét

- Nhà đông tây hỗn loạn, đương nhiên là bất lợi, suy bại; nếu sao chúa là hung tinh đắc vị, đăng điện hay nhập miếu nữa thì tai họa vô kể.
- Nhà và bếp phải cùng phe, hoặc đông hoặc tây tứ cung, mới tốt. Nếu cung mạng chủ nhà cùng phe nữa thì được trọn tốt. Nếu mạng chủ nghịch phe với nhà thì bớt tốt, nhưng vô hại nhờ cách phân phòng và sàng (đặt giường ngủ). Nếu không biết phân phòng và an sàng cho đúng cách thì chẳng còn hưởng được bao nhiêu sự tốt đẹp của nhà.

Nếu nhà va cung mạng chủ cùng phe, chỉ có bếp là khác phe, thì còn cố gắng phấn đấu xoay trở để mưu sinh. Nếu cung mạng chủ cùng phe với bếp, nhưng đối nghịch với nhà thì gia cảnh ban đầu còn khá, rồi suy lần, sau rốt sẽ cùng mạt.

- Nhà thuộc cách đông, tây hỗn loạn, vì cửa cái và phòng chủ hoặc sơn chủ nghịch phe nhau, phải đặt vị trí bếp cùng phe với cửa cái mưới mong đủ ăn đủ mặc. Nếu bếp và cung mạng chủ đều nghịch phe với cung cửa cái thì gia đình ngày càng nguy khốn, thê lương.

Về điểm nầy, phải chăng PHÁI BÁT TRẠCH MINH CẢNH hữu lý khi ràng buộc cung cửa cái phải thuận lợi cho cung mang chủ?

Cần xác quyết lần cuối cùng, vì đây là một sự sai lầm nghiêm trọng nhưng đã thành một định kiến thâm căn cố đế. (Sách Dương Cơ của Cụ Việt Hải cũng có nói như vậy)

Dã công nhận nguyên tắc "Chính biến quan trọng hơn hỗ biến", vì cung cửa cái là trục lộc huyết mạch của sự giao tiếp từ bên ngoài dẫn nhập vào trong nhà.

- Nếu nhà tương đối đúng cách, tức cửa cái cùng phe với sơn chủ hay với phòng chủ, chỉ có bếp là khác phe. Nay mạng chủ cùng phe với bếp, chống lại cửa cái, cũng là nội khắc ngoại, nhưng mạng chủ cùng phe với thiểu số (sai lầm), nên sự suy bại trong nhà có tính cách tiệm tiến vì tác dụng bất lợi do bếp đem lại chớ không phải mạng chủ nghịch với cửa cái. Tại sao?

Vì nhà đúng, chỉ có bếp sai; thế chân vạc : cửa cái + phòng chủ (hoặc sơn chủ) + bếp, không còn nữa. Mạng chủ hợp phe vói nhóm sai lầm thiểu số (1/3) cũng không đủ năng lực giảm thiểu thế mạnh của nhóm đa số đúng (2/3), nên nhà suy bại dần dà, thời gian lâu dài mới tàn vong. Vậy mối tương quan giữa mạng chủ

và cửa cái không phải là mối tương quan sinh tử, đáng được quan tâm, trong việc xây dựng hay tu tạo một ngôi nhà.

Nếu nhà đông tây hỗn loạn, nội hoàn toàn khắc ngọai, vì mạng chủ, sơn chủ (phòng chủ) và bếp không đồng nhất tề chống lại cửa cái, thì tuy có sự cự đương nổi áp lực bên ngoài, nhưng phải hao tổn tâm huyết, sức lực. Dù bên ngoài có bịn khuất phục, nhưng sự bất cận nhân tình cũng đem lại những căm hận, khinh ghét, hoặc xa lánh, làm cho trong nhà lâm thế cố quả. Ngày nào thế lực trong nhà suy vị, ngày ấy đánh dấu sự nguy khốn đến với gia nội. Sự hung hại ở đây không phải do mạng chủ khắc cửa cái mà do phòng chủ, sơn chủ bà bếp đồng khắc cửa cái. Mạng chủ đồng phe ở đây chỉ là sự trùng hợp.

Bởi đặt trường hợp ngược lại: nếu mạng chủ cùng phe vơi scửa cái và khắc nhập sơn chủ, phòng chủ, cùng với bếp, ắt phải giảm bớt tai nguy mới đúng theo quan điểm của Phái Bát Trạch Minh Cảnh, vì phái nầy không đề cấp đến phòng chủ hoặc sơn chủ. Cớ sao những ngôi nhà nầy tai họa liên miên mà chủ nhà vô phương chống đỡ, chẳng lẽ mạng chủ cùng phe với cửa cái lại như kẻ rước vào nhà hay sao?

Sự thật cửa cái khắc phòng chủ, chưa nói đến khắc bếp, cũng chính là khắc gia chủ, vì hai nơi nầy tượng trưng cho gia chủ, chẳng cần kể đến cung mạng của chủ nhà làm chi cho thừa lai thêm rối. Giải như vậy mới không mâu thuẫn trong luận lý mà hợp với thực tế.

Bởi lẽ đó mới phải đặt bếp cho thuận với cửa cái để giảm bớt sự đối nghịch trong nhà vì được hai thuận, chỉ có một nghịch, sẽ sinh được một chính biến với cát du niên, hoà với một chính biến với hung du niên (cửa cái nghịch phe với sơn chủ, phòng chủ), còn một chỗ biến với hung du niên thì không quan trọng. Nếu cửa cái nghịch phe với bếp và cả phòng chủ, sơn chủ thì sẽ có đến hai chính biến với hung du niên, họa hại nặng hơn.

Nếu nhà đông tây hỗn loạn ma ngoại khắc nội, tức ngôi nhà hung hiểm bại vong, cũng như đám người đang đang đấm đá nhau loạn đả, nay mạng chủ khắc cửa cái, tức tự đứng về phe yếu trong nhà (hỗ biến) mà chống với cường cừu đại địch bên ngoài (chính biến), tất không chết cũng u đầu, dập xương. Do đó, người ta tưởng rằng mạng chủ bị cửa cái khắc nên nhà phải nguy khốn. Sự thật là do cửa cái khắc nhập sơn chủ hoặc phòng chủ.

Lượng định những yếu tố quan thiết mà biết được sự thịnh suy của ngôi nhà, còn biết luôn cả bịnh hoạn của những người liên hệ.

TIẾT II

NHÀ VÀ BỊNH

Nhà khảo sát DƯƠNG CƠ không trực tiếp chẩn trị người bịnh, nhưng cần biết khái lược bịnh trạng, bịnh lý để:

- Xát định cung hướng của những thành phần quan yếu như cửa cái, bếp, sơn chủ, phòng chủ.
- Sửa chửa ngôi nhà cho hợp cách khi trạch chủ yêu cầu.

Nhà ở sanh bịnh do khí lực của các cung hướng không hoà hợp. Nay điều chỉnh cho thuận hợp giữa các khí lực, nhà khảo sát DƯƠNG CƠ cũng là thầy thuốc gián tiếp trị bịnh.

Bịnh có rất nhiều nguyên nhân.

Lời thế tục nói "bịnh tùng khẩu nhập" (bịnh do đường miệng mà vào, tức do sự ăn uống). Sách Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh, tập I. Trang 258, viết: "Trăm bịnh đều phát sinh ở tâm và đều bắt rễ ở thận" Y Tổ Hữu Trác giải thích: "tâm là chủ của toàn thân, là vật thể của thần minh, tác dụng của sự sáng suốt, tiếp ứng với sự vật, manh mối đều do tâm gợi ra. Cho nên nội thương, thất tình đều do tâm chịu đựng trước. Nhưng ngũ tạng bị thương, cuối cùng cũng về đến thận cả, vì thận là cơ sở của chân âm, chân dương, là căn cứ của khí huyết, là nguồn gốc của sinh mệnh, thận là yếu tính của tất cả các bịnh".

Chân âm, chân dương thuộc tiên thiên. Vậy cần có khái niệm về sự cấu tạo nơi thân thể, tiên nhiên hậu thiên, sau đố suy diễn mối tương quan giữa bịnh và nhà.

Khi kết thai, hình tượng của cái thai ở giữa rỗng, có một mầm thẳng như nhị sen. Cái mầm thẳng đó là cuống rún, nhị sen tức hai quả thận, có một điểm nguyên dương dóng ở giữa làm nên mạng người. Điểm nguyên dương đó là mệnh môn, ở giữa hai thủy, thành một hào dương ở giữa hai hào âm, tượng của quẻ khám ở phương Bắc ... sự cấu tạo nên thận thủy như trên diễn đạt ý câu: "Thiên nhất sinh thủy" của số sinh và số thành trong Hà Đồ. Thủy sinh mộc : Can, mộc sinh hỏa" Tâm, hỏa sinh thổ: Tỳ, thổ sinh kim: Phế, Ngũ tạng: Thận, Tâm, Can, Tỳ, phế đã thành thì tiếp theo là Lục Phủ: Bàng Quang, Đởm, Tiểu Trường, Tam Tiêu, Vị, Đại Trường. Từ Ngũ Tạng đến Lục Phủ thuộc cấu tạo hậu thiên, chỉ có MỆNH MÔN có trước, thuộc tiên thiên, nằm giữa hai quả thận.

Bên trái Mệnh Môn có một huyệt gọi là chân thủy, chân âm. Bên phải Mệnh Môn có một huyệt gọi là chân hỏa, chân dương, còn gọi là tướng hỏa, vị Mệnh Môn là quân hỏa. Quân hỏa như ông Vua, tướng hỏa như tôi thân. Vua không trực tiếp hành sự, chi ra lịnh, còn tôi thần có bổn phận thực thi. Gọi là Mệnh Môn, cửa của sinh mệnh, vì khi mở khi đóng như cái cửa, là khí chân dương,

nguyên dương, nằm giữa hai khí âm. Mệnh Môn khi yên tĩnh thì đóng kín, nên đủ sức nuôi ngầm nhất âm chân thủy bên trái; khi chuyển động thì mở toang nên đủ sức tác động đến nhất dương chân hỏa bên phải. Tác dụng sinh hoá không bao giờ ngừng nghỉ của hai quả thận là do tác động của một khí chân âm dương, vì chân thủy theo chân hỏa châu lưu ngày đêm, khặp Lục Phủ, Ngũ Tạng; hễ nghẽn trệ thị sinh bịnh, tắt ngưng thì chết. (1)

Chân âm, chân dương nầy là thủy hoả vô hình của tiên thiên, là thứ khí huyền diệu nguyên sơ, chớ không phải thận thuộc thủy vì do Phế kim sinh ra, Tâm thuộc hỏa vì do Can mộc chuyển thành. Chân thủy, chân hỏa không phải là thứ hỏa, thủy hữu tình của hậu thiên mà khác nhau. Hỏa hậu thiên làhoả của quẻ Ly, ứng với Tâm, bị thủy hậu thiên dập tắt của quẻ Càn như Thoán Truyện viết "Đại tai Càn nguyên, vạn vật, tư thỉ, nãi thống thiên" (Lớn thay đức NGUYÊN của Càn, bao nhiêu sinh vật trong vũ trụ đều nhờ đức NGUYÊN ấy mà bắt đầu nảy nở ra, đức nguyên mới là thống quát hết thiên đạo)

Càn theo tiên thiên Bát Quái ở hướng Nam, là hướng của Ly hậu thiên. Khảm theo tiên thiên Bát Quái ở hướng Tây. Khảm hướng Bắc là Khảm hậu thiên. Nhà cất theo trục Khảm Ly, hướng Bắc Nam và ngược lại, đắc cách DIÊN NIÊN trên nguyên tắc, sẽ thịnh đạt từ 40 – 90 năm. Trong thời gian này, sức khỏe của những người cư ngụ ra sao?

➢ (1): Các chứng trang và bịnh lý trong Tiết II nầy được tham cứu nơi sách Hải Thượng Y Tâm Lĩnh, tập I và II, Y Học Dân Tộc TP. HCM tái bản năm 1984

1/ <u>Nhà có cách Hỏa bị Thủy khắc:</u>

Chẳng có ai suốt mấy mươi năm dài mà không bịnh. Nhưng bịnh mà thành "hoạn" thành "tật" là điều cần phải lưu ý quan phòng.

Cách Diên Niên của Khảm Ly là cách diên niên của hậu thiên, giá trị của nó hẳn là tương đối, bởi hai thứ thủy của Khảm và hỏa của Ly xung khắc nhau. Thủy của loại nhà nầy là thủy của Khảm và của Văn Khúc Tinh.

Không phái chỉ có Tâm hỏa mà cả năm Tạng đều có "tướng hỏa", là hỏa hữu hình, đều nhận khí ở Tam Tiêu; Tỳ, Vị, Can, Đởm, Thận đều có một hệ gắn liền với bên Tâm Bào để thông với Tâm, hỏa suy thì sanh bịnh.

Nay có bịnh ở tim và các Kinh, Tạng Phủ liên hệ thì dễ sinh các chứng mất ngủ, đau nhói ở tim, bụng và sườn đầy tức, bả vai đau, cổ viêm đau, miệng khát khô, hạ sườn và eo lưng cùng đau ran, hồi hộp, vai và cổ cứng, nhức đầu, đau mắt, bị nhãn tật, mục tật, miệng đắng (tâm nhiệt), nói lảm nhảm, cười vô cớ, . . . cùng các chứng về áp huyết.

Diên Niên Trạch với đại môn Ly (sơn chủ, phòng chủ Khảm) : nội khắc ngoại, Thận mệt hơn Tâm vì Khảm nội bận lo đối phó với Ly ngoại. Với nhà loại nầy, tốt hơn là chuyển chính môn Ly thành tả thiên môn Tốn, đắc nhân cách Sanh Khí. Diên Niên Trạch với đại môn Khảm (sơn chủ, phòng chủ Ly), ở lâu năm thấy có những chứng trạng trên, không thay đổi nhà được thì phải làm sao?

Diên Niên là thọ trường miễn viễn với thời gian, là đạt tới mức "Trăm năm trong cõi người ta" (Nguyễn Du). Để đạt được ý nghĩa ấy, có lẽ chỉ còn cách "Thiểu dục, tri túc" để bảo vệ chân hỏa và chân thủy tiên thiên.

Tiết dục, thiểu dục nhằm giảm bớt những ham muốn, ước vọng. Chủ trương quả dục (ít dục) không chấp nhận đa dục (nhiều dục). Chủ trương nầy trái với thực tế vì lòng ham muốn của con người không có bến bờ (nhân dục vô nhai). Tri túc (biết đủ) nhằm giảm thiểu nhu cầu vì mức cầu thì nhiều mà tài hóa, phương tiện thoã mãn lại có hạn. Thiểu dục, tri túc tạo nên sự "thường lạc" vì cầu bất đắc (muốn mà không được) thì dễ khở tâm tranh, tâm tranh giành là mầm loạn, loạn thì cùng khốn. Được thường, lạc cũng là được PHƯỚC ĐỨC, một tên khác của DIÊN NIÊN.

Chân hỏa sung mãn nhờ khéo tàng dưỡng vì ít phát động, nhờ thiểu dục tri túc. Chân thủy cũng sung túc, vì âm theo dương mà tăng trưởng. Nguyên khí dồi dào thì phần VINH, phần VỆ của cơ thể đầy đủ. Ít bịnh, ít não là nhớ đó, Diên Niên cũng nhờ đó. Ở nhà diên niên mà lòng dục được dung túng rộng rở, tham lam bất nhân bất nghĩa, hành động vô đạo thì hoặc thân sớm ra nơi đồng nội, hoặc nhà sớm về tay người khác có phước đức hơn.

2/ <u>Nhà có mộc bị kim khắc:</u>

mộc ứng với hai cung Chấn, Tốn. Đởm phủ dương thuộc Chấn. Can tạng âm thuộc Tốn. Hai cung Càn, Đoài thuộc Kim và hai sao Vũ Khúc, Phá Quân cũng thuộc Kim. Kim khắc mộc, tức hai cung Càn, Đoài và hai sao Vũ, Phá khắc Can, Đởm (1).

➢ (1): Y Tổ, trong Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh, tập II, trang 14, nói Can thuộc Cấn. Dược Sĩ Đỗ Đình Tuân, trong Y Dịch, trang 131, nói Can tượng cho quẻ Tốn vì Gan và Tốn cùng thuộc mộc, Gan hóa phong mà Tốn là gió. Ở đây căn cứ vào can nguyên Phủ thuộc dương, Tạng thuộc âm mà xếp vào các cung tương hợp.

Nhà có sơn chủ, phòng chủ Tốn mộc bị cửa Càn, Đoài kim khắc mà tạng Can bị hại. Bịnh ở tạng Can thì đau ở hai bên hạ sườn, đau ran đến bụng dưới. Can hư thì loá mắt nhìn không rõ, tai không nghe được gì, hay sợ, tưởng như có người sắp đến bắt mình, hay nói nhiều. Vì Can khí thực nên dễ sinh giận dữ. Gân rút

đau nhức do Can không chỗ nương tựa, bởi thủy kém nên mộc ráo. Khi giận dữ, hỏa khí ở Can thúc đấy long hỏa trong thận ra đốt cháy cả Tam Tiêu, bốc ra ngoài da thịt làm hao tổn khí huyết bất kể chỗ nào. Can hư không tàng được huyết, sinh mờ choáng. Can khí bí ráo quay lại lấn bức TỲ, VỊ khiến nằm không yên. Can nhiệt thì nghe miệng chua. Ngoài ra còn có chứng sơ gan cổ trướng, phong ngứa, ghẻ lở, đau ở phần sinh dục, đàn bà kinh nguyệt không đều, tử cung trệ, bị bạch đái, bón, yếu liệt cân cơ, liệt dương.

Nhà có sơn chủ, phòng chủ Chấn mộc bị cửa Càn, Đoài hoặc hai sao Vũ, Phá khắc thì dễ sinh bịnh về mất (Đởm). Đởm chủ quyết đoán, dễ sinh nóng nảy, tức giận.

Đởm bị bịnh làm đầu, ngực và sườn căng đau, miệng đắng nôn mữa. Giận quá mà không phát tiết được thì bị uất kết, dễ sinh bịnh sỏi mật. Phát phẩn xung thiên sinh cuồng tâm loạn trí. Đởm có bịnh thì hay thở dài. Ngoài ra còn các chứng miệng méo, lệch mắt, chân gối đâu te, phong thấp, bán thân bất toại, viêm mật, bứt rứt, đứng ngồi không yên, mất ngủ, xuất tinh, huyết trắng, ớn lạnh.

3/ <u>Nhà có thổ bị mộc khắc:</u>

Thổ tương ứng với hai cung Chấn, Khôn. Vị phủ dương thuộc Cấn. Tỳ tạng âm thuộc Khôn. Cấn, Khôn bị mộc khắc tức bị hai cung Chân, Tốn và hai sao Tham Lang, Phụ Bật mộc khắc. Y Tổ nói"Tỳ, Vị là cha mẹ của khí huyết".

Nhà có bếp, sơn chủ, phòng chủ tại cung Cấn mà cửa cái tại Chấn, Tốn thì Vị (bao bử) bị tổn thương. Vị bị hại, gây ra các bịnh: tiêu hoá yếu, ăn không tiêu, ói mữa, dạ dày viem và đau quặn, lở loét hoặc xuất huyết ở bao tử.

Vị là bể chứa thủy cốc, nguồn lớn của Lục Phủ. Vị nhiệt nghe miệng lạt. Vị hư hàn thì ợ chua. Vị mạnh thì thận đầy đủ, tinh khí sung mãn. Vị bại làm tinh khí kém, sự giao hợp yếu. Vị lạnh quá tì sinh nôn oẹ. Trái lại nếu Vị nóng quá làm tổn hại thận, vì hỏa mạnh làm thổ vượng trấn áp thận thủy. Thận bị rổn sinh tính hay sợ sệt.

Nhà có bếp, sơn chủ, phòng chủ Khôn, cửa cái tại Chấn, Tốn: hại Tỳ. Tỳ (tỳ tạng, lá lách) là then chốt của nguồn sinh hóa, gốc của phân VINH, thông suất phân huyết.

Tỳ nhiệt nghe miệng ngọt. Tỳ khí hư tổn nghe ngực trướng đầy. Tỳ không vận hóa được sinh nhiều đờm, hay mữa đờm về sáng, chân tay tê, miệng lỡ. Tỳ suy kém làm ăn uống không ngon, bắp thịt teo dần. Tỳ hư sinh ăn nhiều, hay đói, hay nuôt (khơi khơi), sôi bụng, suy dinh dưỡng. Tỳ sinh huyết, huyết hư thì bị mờ choáng. Tỳ hư hại nặng nề thì bụng trướng sau khi thổ tả.

4/ Nhà có kim bị hỏa khắc

Càn dương kim ứng với Đại trường (ruột già). Đoài âm kim ứng với phế (phổi). Kim kỵ hỏa, tức bị Ly và sao Liêm Trinh hỏa khắc.

Nhà có sơn chủ, phòng chủ Càn bị Ly hỏa hay Liêm Trinh hỏa của bếp hay của cửa cái khắc thì đại trường bị tổn hại. Đại trường bị bịnh khiến sự bài tiết các chất cặn bả do tiểu trường đưa xuống gặp chướng ngại như táo bón, chảy lỏng, đau bụng, sôi bụng, kiết lỵ, ung thư trực tràng và những bịnh có thể xảy ra trên đường kinh Thủ Dương Minh Đại Trường đi qua: đau răng hàm, vai và tay tê mỏi, nghẹt mũi, chảy nước mắt nước mũi, cổ sưng, bán thân bất toại.

Nhà có sơn chủ, phòng chủ Đoài bị Ly hỏa hay sao Liêm hỏa của bếp hoặc của cửa cái khắc: trong nhà có người bị tổn hại về Phế. Phế kim chủ khí, khai khiếu ở mũi, bị, bị hỏa khắc thì phế khí tổn thương nên mũi hay nghẹt. Phế chủ bì mao. Khi bì mao bị phong hàn xâm nhập làm phế khí bị tổn thương ở trong khiến mũi nghẹt đột ngột. Phế nhiệt nghe miệng cay. Còn có các chứng khác liên quan đến phế: não cụt, viêm họng , sưng khí quản, ho suyễn, ho lao, thũng nữa người bên phải, tức trướng ở ngực.

Dược Sĩ Đỗ Đình Tuân, trong sách đã dẫn, nói Càn thuộc Phế, Đoài ứng với Đại Trường. Thực tế, có thấy nhà sơn chủ, phòng chủ Đoài đều có người đau ruột già, có người đau phổi. Ấy là do quan hệ biểu lý giữa phổi và ruột già chăng? Hoặc giả ruột già và phổi đều ứng với hành kim cả chăng? Lại nữa, không cứ gì sơn chủ, phòng chủ Càn, Đoài mới có người đau phổi; đại môn Càn, sơn chủ Tốn, bếp Chấn cũng là ông chủ nhà ấy đau phổi trầm trọng và triền miên. Cửa Càn ứng vơi sơn chủ nhà, bị bếp Chấn, Ngũ quỷ Liêm hỏa khắc chăng?

5/ Nhà có Thủy bị thổ khắc:

Thổ có hai cung Cấn, Khôn, ứng với hai sao đồng hành là Cự Môn và Lộc Tồn. Nhà có sơn chủ, phòng chủ Khảm bị khắc bởi cửa cái Khôn, bếp Cân, hoặc hai sao Cự, Lộc thì thận thủy bị tổn hại.

Thận là tổ của khí tiên thiên, là nguồn sinh hóa của ngũ tạng. Thận thủy suy làm Can mất chỗ tư dưỡng nên sinh ra huyết táo. Thận hư thì thủy không trở về nguồn được, sinh ra đờm ở Tỳ. Thận thủy thiếu khiến Tâm. Thận bất giao làm thần sắc suy bại, lại rút hao Phế khí nên làm ho hen. Thận hư, khí không về được khiến hay ngáp, hay rên. Không nói được là do bịnh ở Phế và Thận, vì phế đưa khí ra, thận nạp khí vào, khí yếu nên không thể nói. Thận hư làm tân dịch kiệt, sinh ra đại tiện táo. Thận nhiệt nghe miệng mặn. Thận hư bại còn sinh các chứng: hay quên, tiểu nhiều về đêm, lạnh chân, xuất tinh, huyết trắng, tinh loãng, phù thủng.

Chứng trạng của bịnh rất nhiều, Không sao kể hết, vì bịnh bến chứng nếu không thầy, không thuốc hay cơ thể không còn đủ sức chống cự, bịnh truyền lan qua hai cách: thuận (theo vòng sinh của ngũ hành: Can mộc qua Tâm hỏa . . . .) và nghịch (theo vòng khắc của ngũ hành (Can mộc qua Tỳ, Vị thổ . . . .). các chứng trạng nêu trên chỉ tượng trưng mà thôi.

Nhìn chung, nhà đem lại bịnh hoạn cho người, hầu hết do thừa hung du niên giữa ba thành phần quan yếu: sơn chủ, (phòng chủ), cửa cái và bếp. Cần luận giải thêm về các loại nhà hung hại nầy.

TIẾT III

LUẬN VỀ HUNG TRẠCH

Đã nói về bệp, ở đây chỉ luận tới nhà, gồm cả đơn trạch (tịnh trạch) và phức trạch.

Có bốn loại hung trạch: lục sát, hoạ hại, ngũ quỷ và tuyệt mạng. Tên gọi như vậy, do cũng cửa cái phối hợp với cung phòng chủ hoăc sơn chủ.

❖ Mục I: **LỤC SÁT TRẠCH**

Có 8 cách Lục sát:

- Cửa cái Khảm + Sơn chủ (phòng chủ) Càn.
- Cửa cái Càn + Sơn chủ (phòng chủ) Khảm.
- Cửa cái Chấn + Sơn chủ (phòng chủ) Cấn.
- Cửa cái Khôn + Sơn chủ (phòng chủ) Ly.
- Cửa cái Ly + Sơn chủ (phòng chủ) Khôn.
- Cửa cái Tốn + Sơn chủ (phòng chủ) Đoài.
- Cửa cái Đoài + Sơn chủ (phòng chủ) Tốn.

♦ Nhận định từng trường hợp

1/ Cách thứ nhất Khảm + Càn: cách nầy gọi là "Thủy tiết Càn khí: dâm, hại, tuyệt" (Khảm thủy làm tổn hại khí lực của Càn Kim khiến nên dâm dật, bại vong). Nhà nầy giúp thịnh được lúc đầu, khoảng 10 năm từ ngày xây dựng. Nhưng về lâu sau đó, trong nhà sinh ra nạn sanh sứa điều nầy điều khác, cờ bạc, rược chè, đàng điếm. Ban sơ thịnh đạt được là nhờ hai cung tướng sanh, nhưng nội Càn sinh ngoại Khảm khiến chủ nhà phải hao tổn sinh lực. Bịnh về phế và đại trường cùng các chứng liên hệ ắt khó tránh.

2/ Cách thứ hai Càn + Khảm : cách nầy gọi là "Thiên môn lạc thủy xuất dâm cuồng" (cửa nhà trời lại rơi xuống nước khiến cuồng dâm). Càn: trời (Càn vi thiên); thủy: Khảm (Khảm vi thủy). Càn + Khảm: thừa du niên Lục Sát ứng với sao Văn Khúc cũng thủy. Tương của Khảm là hiểm. Do đó, sức sanh sứa, mực độ dâm dật, phóng đảng đến chỗ điên rồ, cuồng dại. Nhưng nhờ ngoại Càn sinh nội

Khảm nên sự thịnh đạt so với cách thứ nhất có lâu dài hơn đôi chút và trạch chủ có phần thoải mái hơn.

Cả hai cách 1 và 2 nầy, cuối cùng cũng đưa tới chỗ khắc vợ hại con, gia cơ tán bại vì những việc làm dâm tà truỵ lạc.

3/ cách thứ ba Cấn + Chấn : cách nầy gọi là "Lôi sơn tương kiến: tiểu nhi ương" (Sấm sét gặp núi non làm hàng trẻ nhỏ chịu tai ách). Lôi: Chấn (Chấn vi lôi); Sơn: Cấn (Cân vi sơn). Nhờ thế nội khắc ngoại : cách Lục sát nầy nhẹ hơn cách thứ ba. Tuy nhiên, sự hình khắc ấy là cho trẻ nhỏ bị thương tổn thì hàng trưởng thượng cũng chẳng lợi ích gì, còn hao mòn tâm huyết.

♦ Cách 1 và 2 : nhà thịnh được lúc đầu, không khí tưng bừng vì nhậu nhẹt, rần rật vì nạn dâm bôn, trác táng và cờ bạc. Nhưng sự tranh chiến không gây go vì tiếng nói của đám nữ nhân trong nhà sớm bị gạt bỏ. Sinh hoạt trong nhà giống như cảch mọt bọn nam nhân cùng phe, từ già đến trẻ, say mê "hái mận, bẻ đào", rộn ràng nơi ca lầu tửu quán....

♦ Hai cách sau: sự tranh chiến ồn ào và ác liệt hơn, giống như cảnh một gia đình có huynh đệ tương tàn, mà một khi huynh đệ tương tàn thì sự sát hại có lúc quá độ cừu thù.

Cả bốn các dẫn đến nạn tán gia bại sản, vô nhơn kế tự, tộc họ điêu tàn.

***5/ Cách thứ năm Khôn + Ly* : cách nầy gọi là "Nhân môn kiến hỏa: đa quả mẫu" (Cửa nhà người gặp lửa: nhiều đàn bà goá). Sở dĩ đa quả mẫu và thuần âm: âm thịnh tất dương suy, đàn ông bị tổn hại. Rốt cục, nhà chỉ còn toàn đàn bà goá, tìm ra kẻ kế thừa cũng không phải dễ. Sơn chủ (phòng chủ) Ly hỏa sinh xuất cửa cái Không. Trạch chủ cố gắng bảo tồn gia nghiệp đến kiệt lực rồi chết.**

***6/ cách thứ sáu Ly + Khôn*: cách nầy gọi là "Hỏa đáo nhân môn, quả phụ, tuyệt" (Lửa tới cửa nhà người : nữ nhân góa bụa, tuyệt tự).**

Cách nầy hơn cách số 5 nhờ cửa cái sinh chủ, nên nhất thời cũng có khá giả. Về sau đàn bà chưởng quản gia cơ vì phải chịu cảnh góa bụa do nam nhân đoản thọ. Rốt cục, nhân đinh không còn, kẻ ngoại tộc thừa kế.

***7/ cách thứ bảy Tốn + Đoài* : cách nầy gọi là "Phong sinh hiện tổ: thương trưởng phụ" (Gió sanh hiện cọp, làm hại đàn bà khá tuổi). Tốn là gió (Tốn vi Phong), bạch hổ âm kim (hữu bạch hổ) sánh với cung Đoài cũng âm kim. Đàn bà trọng tuổi bị hại vì Tốn mộc bị Đoài kim khắc. Tuy nhiên, nội Đoài khắc ngoại Tốn: trạch chủ còn tự túc tự cường đem sức phấn đâu duy trì gia nghiệp, khá hơn cách thứ 8.**

***8/ Cách thứ tàm Đoài + Tốn* : Cách nầy gọi là " Hổ phùng hạn dia diệc âm thương" (cọp gặp thế đất trỏ ngại, cũng là âm cả, gây tổn hại). Cửa Đoài, chủ Tốn ngoại khắc nội, gia chủ lâm cảnh con cọp gặp thế đất trở ngại, không thi triển được năng lực, dần dà phải thọ khổn. Loại nhà nầy khắc đàn ông (chồng và con trai)**

bốn cách sau nầy, từ thứ 5 đến thứ 8, đầu thuần âm, âm thịnh sẽ tổn hại cho nam nhân, rồi đàn bà cũng phải đơn độc, góa bụa.

♦ Cách 1, 2, 5, và 6 tưởng chừng như tương sanh mà chẳng phải sanh, chỉ là "giả sanh". Các cung tương phối tạo ra hung du niên mà giả sanh; đó chỉ là sự "âm thầm đồng loã" (Càn + Khảm) hoặc " làm ngơ để thủ lợi", để rút rỉa công sức của người khác (Khôn + Ly). Cách Lục sát của Khôn Ly tượng trưng sự giả trá với hệ quả tương hại của nó. Cách này còn biểu thị sự điêu ngoa, ngoắc ngéo, vì Ly đã (giả) sinh Khôn mà tạo ra du niên Lục sát, rồi sao Văn thủy của Lục Sát quay lại khống chế Ly hỏa. Vì là hung du niên, Ly sinh Khôn mà Ly cũng đốt diệt Khôn: sự thuận tùng giữa đôi bên chỉ có ở ngoại biểu, bên trong chứa những bực bội, buồn rầu. Nhưng Ly chẳng dám chống Khôn vì Ly ở thể yếu, sự đối kháng nếu có, cũng chỉ ngấm ngầm do cảm thấy chịu không nổi sự bất công. Loại loại Lục Sát thuần âm ít gây ồn ào, vang động.

Tốn – Đoài cũng thuần âm mà tương khắc. Cách nầy chẳng khác chi cảnh "nhị cữ đồng cư" (hai người đàn bà ở chung): Chị (Tốn) ỷ lớn khôn, Em (Đoài) cậy trẻ đẹp, lời qua tiếng lại, đanh mắng nhau hoặc hảm hại nhau. Cách Khôn + Ly: kẻ nhỏ thiệt thòi. Cách Tốn + Đoài: người lớn tuổi bại vì bị khắc chế hoàn toàn.

Du niên Lục Sát vừa hung vừa sát. Với ý nghĩa nầy, Lục Sát gây tai hại cho sự trưởng dưỡng từ con người đến súc vật trong nhà. Xe cộ cũng biểu tượng gia súc (Sao Thiên mã – Khoa tử vi), nhà phạm thì dễ bị tai nạn lưu thông, xe cộ bị mất mát hư hao, tứ chi thương tật. Lục Sát ứng với sao Văn Khúc thủy là dâm tinh, tác dụng với 8 cung như sau:

- Gặp hai cung Chấn, Tốn mộc, noi như loại gai "nhất kiến khả hỉ" (mới thấy chịu liền), sẵn sàng ôm gối vượt tường đông như Thúy Kiều trốn theo sở Khanh.

- Gặp hai cung Càn, Đoài kim, nó như thứ gái tối ngày trâu chuốt bóng sắc, trông chờ kẻ "tích lục, tham hồng" để thoã lòng lẳng lơ, trăng gió.

- Gặp hai cung Cấn, Khôn thổ, nó bị khắc trở, lâm cảnh trái ngang như cặp uyên ương lỡ thời, nhắm mắt làm bừa điều sằn bậy khiến phải mua cười nơi miệng thế.

- Gặp cung Khảm thủy, nó tâm đắc vì được khách tri âm, tha hồ bày trò "trên sông Bộc, dưới ruộng dâu" của con trai, con gái nước Trịnh bên Tàu ngày xưa.

- Gặp cung Ly hỏa, nó như chị đan bà cả ghen lại ở chung nhà với tình địch, suốt ngày vang rân vì những vụ lời qua tiếng lại, chửi rửa đanh đập.

Nhà phạm Lục Sát, thuần dương gây ồn náo hơn thuần âm, sự tranh chấp thường xảy ra ở các chừng mực: hậm hực trong lòng, lườm nguýt, lời lẽ đanh đá chua ngoa, mắng chửi, đấm đá, đâm chém, cuối cùng là dùng đòn âm độc để hạ đối thủ.

❖ **<u>Một nhà tiêu biểu thế Lục Sát:</u>**

1/ Nhà Chú Bùi:

Chú Bùi tuổi Đinh Dậu (1957), cung Đoài, một thanh niên khôi ngô và tài tuấn. Nhà dù nhỏ hẹp, nhưng ở trung tâm một thành phố lớn. Chủ gia tuấn tú, đa tài mà nhà lắm khi không đủ gạo nấu. Chú chỉ có 1 vợ và ba con.

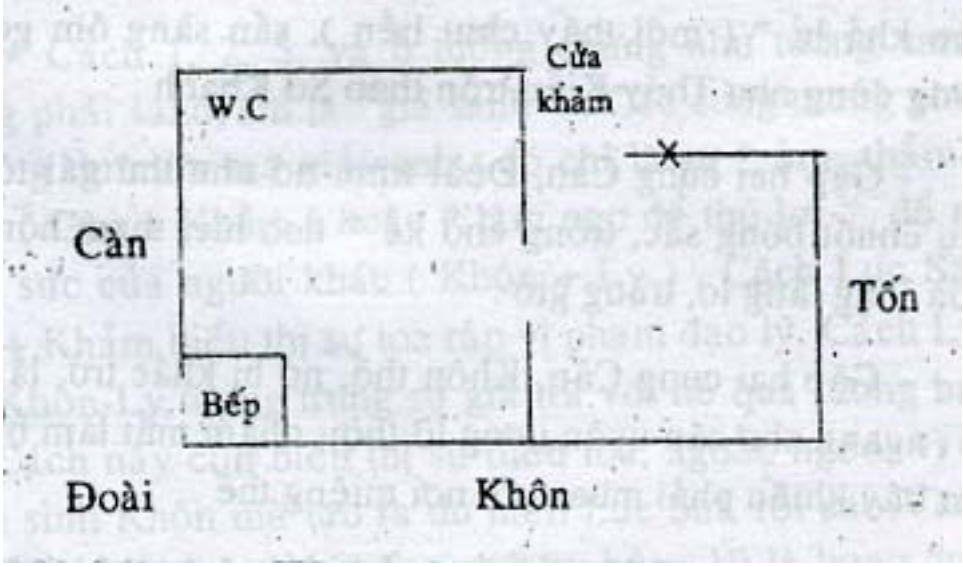

Nhà nầy theo hướng đặc biệt, chủ Càn nhưng không theo trục Tốn – Càn, mà mở cửa cái tại cung Khảm. Nhớ rằng cửa cái ở đâu thì mặt tiền ở đó và mặt tiền ở đâu thì hướng cũng ở đó. Vậy nhà nầy xoay về hướng Cấn. Danh hiệu nhà: cửa cái Khảm + sơn chủ Càn: Lục Sát trạch. Phiên tinh:

- Ngăn 1: cửa Khảm +hướng Cấn: ngũ quỷ sao Liêm Hỏa.
- Ngăn 2: ngăn 1 hỏa sinh ngăm 2 thổ với sao Cự môn Thiên Y thổ đắc vị nhập miếu : Chú Bùi là thầy thuốc giỏi. Khá thông tam giáo.
- Bếp cung Đoài, hướng bếp quay về Cấn (ở ngăn 2). Góc Khảm của ngăn 2 nầy có đặt cầu tiêu, nhà tắm: nạn đào non, bồ trẻ của chú không phải chỉ có 1.

Nhà phạm Lục Sát dương, bếp phạm cách Càn – Đoài, hướng bếp trông nơi ô uế: các loại xấu hại của những cách nầy(có nói quá nhiều ở trước đây) đã xảy ra đầy đủ.

Chỉ cần dời cửa cái từ cung Khảm qua cung Cấn (có x) làm chính môn: Lục sát trạch sẽ biến thành Thiên Y trạch. Bấy giờ ngăn 2 (là ngăn chánh) có sao chúa Vũ kim đặng điện nhập miếu, tốt hơn Cự đắc vị nhập miếu. Dời bếp qua cung Khôn (ở ngăn 2) cho hướng bếp xoay về Cấn. Một thời gian sau, có cơ hội sẽ đưa bếp qua cung Càn, xoay hướng bếp về cung Khôn. Sở dĩ phải dời bếp qua lại như vậy vì cả hai vị trí nầy đều không phải tốt đẹp hoàn toàn. (xem lại luận giải trước đây về bếp). Mơi dịch cửa Khảm sang Cấn, chuyển bếp Đoài thành Khôn, 4 ngày sau chú Bùi có việc làm, 9 tháng nữa được thăng chức đốc công làm ở quốc lộ 51.

Nhà chú Bùi nghèo khổ nhưng không buồn thảm như nhà ông Trương.

2/ Nhà Ông Trương : (chẳng cần vẽ thêm sơ đồ)
nhà Ông Trương có thể xếp vào loại thế gia vọng tộc ở một Tỉnh cở nhất nhì miền Đông Nam Kỳ.
Ban đâu nhà cất 3 cửa: tả môn Chấn, chính môn Tốn hữu môn Ly, hai ngăn, sơn chủ Càn. Ông Trương giữ chức Đốc Học, có tiệm bán vàng là, có gần trăm con trâu cổ để kéo gỗ trong rừng thuộc vùng Hàm Tân. Con đã đông: một trai + 8 gái, lại giàu có, Ông Trương mới cất thêm một toà lầu phía sau, cao lớn và rộng rãi hơn, liền với ngăn thứ hai, thành ra nhà có 3 ngăn. Chỉ trong năm sau khi cất ngăn thứ 3, ngót trăm con trâu kéo be của Ông bị Pháp bắn chết sạch. Tiếp theo đó, Ông giao chức Đốc Học lại cho người khác.
Bà Trương sống như chiếc bóng trong nhà. Sau năm 1975, người con gái lớn của Ông Trương chết vì đau phổi. Bà Trương giả từ cuộc đời như chiếc lá rụng. Một số con gái thì chồng con lôi thôi. Con trai say sưa mềm nhũ, vợ xuất nhập bất cáo, làm bại hoại gia phong. Nạn tửu sắc, dâm cuồng, đanh chém, kiện thưa diễn tiến đầy đủ.
Nhà thuộc loại đông tây hỗn loạn. Nếu phiên tinh với cả ba cửa thì ngăn thứ ba có 1 lần Sanh Khí thất vị, 2 lần Lục sát đắc vị nhập miếu. Ngăn nầy quá đổi cao lớn nên Lục Sát hoành hành cực kỳ hung hãn.
Nhà rộng rãi bao la mà nay chẳng có người quét dọn, vì con cái đã tứ tán. Mỗi người lo phần riêng của mình, chẳng ai muốn sửa chửa ngôi nhà mình được sinh trưởng và cũng là nơi thờ cúng tổ tiên.
Nhà Ông Trương có 3 danh hiệu. Ngũ quỷ, Họa hại, và Tuyệt mạng với sao Văn Khúc – Lục Sát – đắc vị nhập miếu.

❖ Mục II : **HOẠ HẠI TRẠCH**.

Có 8 cách họa hại:
- Cửa cái Khảm + Sơn chủ (phòng chủ) Đoài.
- Cửa cái Đoài + Sơn chủ (phòng chủ) Khảm.
- Cửa cái Khôn + Sơn chủ (phòng chủ) Chấn.
- Cửa cái Chấn + Sơn chủ (phòng chủ) Khôn
- Cửa cái Tốn + Sơn chủ (phòng chủ) Càn.
- Cửa cái Càn + Sơn chủ (phòng chủ) Tốn.
- Cửa cái Cấn + Sơn chủ (phòng chủ) Ly.
- Cửa cái Ly + Sơn chủ (phòng chủ) Cấn.

(Phòng chủ, sơn chủ gọi tắt bằng 1 tiếng Chủ)
Du niên Hoạ Hại ứng với sao Lộc Tồn hành thổ và 8 cách họa hại nói trên luôn ở thế đông tây hỗn loạn.

♦ Nhận định từng trường hợp:

1/ Cách thứ nhất Khảm + Đoài: gọi là "Trạch ngộ thủy tiết: thiếu nữ vong" (Đầm gặp nước, cách tiết bao nầy làm thiếu nữ bại vong) Trạch (Đoài) gặp thủy (Khảm): Đoài sinh xuất Khảm. Chủ đoài ở đây là trạch chủ, mà tượng của Đoài là thiếu nữ, nên sự tổn hại xảy đến cho cả chủ nhà và con gái út (nhỏ) trong nhà. Nhà hoạ hại nầy khiến tán tài, nhiều tai biến xảy đến, dẫn tới nạn phá gia nghiệp; hành phụ nữ trẻ phải chết non, chủ nhà lao tổn quá độ sinh bịnh ở phổi và những cơ quan liên hệ.

2/ Cách thứ hai Đoài + Khảm : gọi là "bạch hổ đầu giang: lục súc thương" (cọp trắng gieo đầu xuống sông: lục súc thương tổn). Cửa Đoài gặp chủ Khảm, đông tây tương địch, nhưng Đoài thua vì thiếu nữ không đồng vai vế với trung nam (Khảm) lại vì Đoài sinh xuất Khảm. Nhưng cửa cái sanh mà tạo ra hung du niên tức đem lại những việc xấu hại cho chủ nhà, không những làm tổn thương lục súc (trâu bò heo dê gà chó), mà còn ăn mòn phúc lộc, khuyết gia nghiệp, cuối cùng phá hoại.

3/ Cách thứ bà Khôn+ Chấn : gọi là " Nhân tâm long vị mẫu sản vong" (Người vào ngôi của rồng: mẹ chết vì sản nạn). Không (mẹ) bịn con trai trưởng (Chấn) khắc hại. Hoạ hại của nhà nầy về nhân sự, bốn điều có thể xảy ra:

- Khi người mẹ sinh con trai thì sản nạn mà chết.
- Mẹ con bất hoà trầm trọng.
- Trước tổn hao tiền của, sau thoái bại nhơn khẩu.
- Giữ được tiền của thì nhân số giảm dần, nếu giữ được nhân số thì tiền của suy hao, tán tuyệt.

Cách chủ khắc cửa cái nầy sinh tai họa mà còn nhẹ hơn cách sau.

4/ Cách thứ tư Chân + Khôn: gọi là cách " long nhập nhơn môn: thương lão mẫu" (Rồng vào cửa nhà người: tổn thương lão mẫu). Cửa cái Chấn khắc nhập chủ Khôn: con trai trưởng khắc mẹ, làm mẹ già khốn khổ, sinh bịnh bao tử và bộ máy tiêu hoá. Sự xung đột giữa mẹ con, đến cao độ, sẽ không còn nhìn mặt nhau và lão mẫu phải thoát ra khỏi nhà mới mong tồn tại. Nhưng sao Lộc thổ gặp chủ Khôn thổ, tỉ hoà, nên ban đầu cũng rộn rịp nhơn đinh, rủng rỉnh tiền bạc; về sau phải mất một trong hai điều đó.

5/ Cách thứ 5 Tốn + Càn: gọi là cách " Phong thiên đông thống sát trưởng phụ" (Gió trời làm đau nhức, giết hại người đàn bà lớn). Chủ Càn khắc cửa Tốn, người trong nhà mạnh thế, kẻ bên ngoài có ghét cũng chẳng làm gì được. Ngay trong nôi bộ gia đình, hoặc chồng khắc vợ (lúc trung niên), hoặc cha giả khắc trưởng

nữ. Khắc thì ngoài mặt chẳng ưa, hoặc chửi rủa, hoặc đánh đập: có khi chỉ khắc trong thần khí làm loại đàn bà nầy bịnh đau triền miên rồi chết yểu.

Cách họa hại nầy thuận với sơn chủ. Vì vậy ý thức về họa hại nhiều khi chỉ đưa tới sự chập nhận sửa đổi ngoài mặt, kỳ thực hung hại được sơn chủ (người đàn ông lớn tuổi trong nhà – Càn) bao dung, nên thỉnh thoảng tai họa cứ theo 1 hình thái mà nổi lên. (Như cứ uống rượu say, đánh vợ con rồi đập phá đồ đạc.)

Đàng khác, cửa Tốn (Trưởng phụ) lại chống chế nổi cách họa hại nầy. Theo thời gian, sức chịu đựng, sự nhẫn nhục được chấp nhận như là thứ định mạng. Hơn nữa, sự chịu đựng lại được giúp sức bằng những đợt tài lộc thỉnh thoảng đáo lai, vì Càn khắc Tốn mà cũng làm Tốn thành vật hữu dụng. Nhà nầy chỉ thành đạt trong đoản kỷ.

6/ Cách thứ sau Càn + Tốn : gọi là cách " Càn Tốn sản vong, tâm thối thống" (Thế Càn Tốn nầy làm chết người vì sinh đẻ, tim, mông đau nhức). Cửa cái khắc nhập chủ Tốn: nhà bị hoạ tai liên miên, thưa kiện rối rắm, người bịnh của tan, đàn bà bị sán nạn, yêu vong, đạo tặc xâm hại.

Nêu đổi chính môn Càn thành hữu thiên môn Khảm, thiết kế theo động trạch với hai ngăn: nhà hoạ hại thành nhà sinh khí với sao Tham mộc ở ngăn 2 đăng điện nhập miếu. Còn nhà họa hại ở cách thứ 5 thì nên biến thành tịnh trạch với cửa Tốn, Chủ Khảm chẳng hạn.

7/ Cách thứ bảy Cấn + Ly :gọi là cách "sơn phùng hỏa huỷ: phu nữ cương" (Núi gặp lửa đốt: hàng phụ nữ tính tình cứng cỏi). Cấn thuộc dương thổ là đất khô ráo, lại thêm bị lửa đốt, nên thàh vô dụng. Thiếu nam tương chiến với trung nữ, thế tất thua: nhà bị mất hết ảnh hưởng tốt đẹp ngoài xã hội. Hàng phụ nhân trong nhà rất cương cường, khắc nam nhân, tạo thế nghịch thường khiến gia đạo bất hòa, gây nhiều điều điên đảo, rối loạn. Họa hại thổ xu mị Cấn thổ, kiểu chồn cáo nịnh hót gà trống trong chuyện ngụ ngôn của La Fontaine nên cuối cùng Cấn thổ đại bại Ly hỏa cũng rã rời vì sinh xuất. Họa hại ở đây do âm nhân hoành hành (như lũ chuột đục khoét nền XÃ) làm cơ nghiệp sụp đỗ.

8/ Cách thứ tám Ly + Cấn : gọi là cách "Hỏa sơn phu cương, kinh bất điều" (cách núi gặp lửa : đàn bà cứng cỏi kinh nguyệt không đều). Trong loại nhà nầy, đàn bà đoạt quyền, làm nhiểu loạn khiến bại hoại gia phong, lễ giáo. Người đàn bà bên ngoài (cửa Ly) vào nhà, tàn hại thiếu nam (chủ Cần). Khốn nổi du niên Họa hại thổ thuận hợp cả Cấn lẫn Ly: cung cách hành xử trong nhà như nuôi cọp làm vui. Không ai thuyết giáo được rằng đó là hung hiểm. Tai ách của nhà nầy chỉ có phước đức sâu dày mói cứu nổi.

Sao Lộc Tồn của du niên họa hại là hung tinh, cũng là cô độc tinh làm cho nhơn đinh thưa thớt, tàn tạ và có thể đi đến chỗ tuyệt tự. Cả 8 trường hợp, Lộc Tồn bao giờ cũng có 1 cung đồng đảng mai phục làm nội ứng. Cung đó như thứ môi trường thuận lợi để chứa chấp và phát triển 1 loại vi trùng độc hại. Tai ách như cứ được bao che, dung túng bởi người trong cuộc, làm tác dụng của nó có tính cách dai dẳng. Nó như bịnh tà, chứng quỷ, cứ lẫn khuất, trốn tránh làm lương y cũng khó bề tìm phương được. Nó là thứ ác nghiệp như cục bướu trên lưng, như một trái khoản được con nợ nhìn nhận, bằng lòng miệt mài trả cho kỳ hết.

Nếu tính theo hành của 8 cung, tác dụng của nó như sau:

- Gặp Chấn, Tốn mộc khắc chế, Lộc tồn như bọn gia nhân gian ác: ngoài mặt làm bộ tuân phục, trong lòng chứa sẵn mưu gian chờ ngày phản chủ.
- Gặp Cấn, Khôn đồng loại, Lộc tồn như được đồng minh tăng viện, khiến tai họa sinh ra do sự kết bề kết lũ của một đám người, chớ không phải do từng cá nhân.
- Gặp Càn, Đoài kim, Lộc tồn như tay thợ chuyên môn đang cơn thất nghiệp nay được chủ xí nghiệp tin dùng; ban đầu còn trổ hết tài năng giúp chủ, sau rồi manh tâm phản phúc.
- Gặp Khảm thủy, Lộc tôn như kẻ tiểu nhân đắc thời, tha hồ tác oai tác phúc.
- Gặp Ly hỏa được thuận ý vừa lòng, Lộc tồn như kẻ ngu si, không phân biện được họa phúc, coi quân thù là thân hữu, đến khi thân nát của mất cũng chẳng hay.

Nói về tính chất ngoắt ngóe của du niên Họa hại, tam mượn những hình ảnh trên để diễn tả sự nguy trá của sao Lộc Tồn, chớ lời lẽ không thể nói hết cái "gian ác" cửa nghiệp chướng nầy. Nó dễ dàng tạo nên cảnh trớ trêu: " cho chết đuối trên cạn" mà người ta khó lòng thoát khỏi móng vuốt của nó". (1)

So với các loại hung du niên khác, bối cảnh HỌA HẠI rất khó chuyển đổi, dù trên nhân thân hay trên nhà cửa. Chẳng hạn nhà của Bà Dương, tuổi Nhâm Ngọ (1942), cung

(1) "Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán"
"Chết đuối người trên cạn mà chơi"
(Cung oán ngâm khúc – On Như Hầu)

Khôn. Nhà nầy có cửa cái ở cung Chấn, hướng Cấn, sơn chủ Khôn 3 ngăn (ngăn thứ 3 cao lớn hơn hết)

Chỉ có một việc đem hữu thiên môn Chấn đưa vào hướng Cấn để làm chính môn, sẽ phá được thế hoạ tại của nhà và chuyển sao chúa Liêm Trinh hỏa thành Cự thổ đăng điện nhập miếu. Cửa cái rất dễ dời, không hư hại và tốn kém. Nhà có dư tiền. Trạch chủ thừa tin tưởng ở các khoa Tử Vi, Bát Tự, Bát Trạch, nhưng "

thấy không cần thiết" phải sửa đổi, dù để nguyên trạng mà chịu mẫu tử chia lìa, phu thê tan rả, quan tụng, thị phi, đầy tớ phản chủ, vầy đàn kết lũ, ly gián, chia cắt.

Nhà Kỷ sư Tăng cũng vậy.

Chú Tăng tuổi Mậu Tuất (1958), cung Càn, cùng Ông thân sinh tuổi Bính Thìn (1916) nhận thấy có nhiều điều tai hại trong ngôi nhà chính môn Ly, sơn chủ Khảm, 4 ngăn, bếp Cấn, nhờ "đồng môn" chúng tôi đến xem xét và chỉ dẫn cách sửu chửa:

- Lấy cây mè 3 phân vuông đóng bít cửa thông giữa ngăn 3 và ngăn 4: vì ngăn nầy quá đổi cao lớn nhưng chỉ dùng làm nhà kho, không cho thông xuống để giữ nhà còn 3 ngăn. Nếu có ngăn 4: sao chúa Liêm, phạm ngũ quỷ hỏa, sinh đạo tặc, quan tụng, thị phi, bịnh đau . .. .
- Dọn dẹp lại cung Chấn ở ngăn 3, đưa bếp ở cung Cấn đến toạ vị tại Chấn : tránh nạn thê thiếp của chú Tăng làm bại hoại gia phong . . .(như đã)

Tất cả các việc đó làm chỉ trong 30 phút, nhà lại sẵn phương tiện từ vật tới người, nhưng mãn một năm cũng chẳng ai thực hiện, để phải chịu thêm nhiều tai ách khác làm tổn của và mất mạng người.

Nghiệp lực quả thật là dũng mãnh! Khi chưa hội đủ điều kiện (túc duyên để chuyển hoá thì không sao thay đổi được). Người chẳng chịu tự độ thì không ai độ giúp nổi.

Nhà Chú Tăng chỉ có bếp phạm họa hại. Nhà Bà Dương là nhà hoạ hại. Cả hai nhà đều phạm sao chúa ngũ quỷ ở ngăn chót.

❖ Mục III: **NGŨ QUỶ TRẠCH**

Có 8 cách Ngũ quỷ:

- Cửa cái Càn + Sơn chủ (phòng chủ) Chấn.
- Cửa cái Chấn + Sơn chủ (phòng chủ) Càn.
- Cửa cái Khôn + Sơn chủ (phòng chủ) Tốn.
- Cửa cái Tốn + Sơn chủ (phòng chủ) Khôn
- Cửa cái Cấn + Sơn chủ (phòng chủ) Khảm.
- Cửa cái Khảm + Sơn chủ (phòng chủ) Cấn.
- Cửa cái Đoài + Sơn chủ (phòng chủ) Ly.
- Cửa cái Ly + Sơn chủ (phòng chủ) Đoài.

♦ Nhân định từng trường hợp:

1/ Cách thứ nhất Càn + Chấn : gọi là cách " Quỷ nhật lôi môn: thương trưởng tư" (Quỷ vào cửa nhà sấm: tồn tại con trai trưởng).

Cửa cái Càn khắc nhập chủ Chấn (khắc ngã vi quan quỷ): gọi Càn là Quỷ. Lôi môn : Chấn (Chấn vi lôi). Trưởng tử chỉ con trai, cháu trai lớn (cả nội lẫn ngoại), không phải thứ nam (Khảm).

Nhà nầy tai hoạ đến cấp kỳ: nào khẩu thiệt; quan phi, đạo tặc, có bót, công môn, nào cha con bất hoà, gia súc ngã chết, hiện tượng quái dị như ma trêu quỷ trọc, nào tim bụng đau nhức, con cái chưa nên gia thất đã mạng vong, khiến tình kế trở ngại, điền sản tiên tan.

2/ Cách thứ hai Chấn + Càn: gọi là cách "Long phi thiên thượng: lão công nương" (Rồng bay trên trời: Ông già bị khốn). Rồng chỉ cung Chấn, dương mộc (Khoa Tử Vi Thanh Long thuộc thủy).

Cách thứ hai nầy: chủ khắc cửa cái, chủ có nỗ lực chống ngoại cảnh, nhưng lại thêm sự tương chiến giữa Liêm hỏa với chủ Càn, khiến chủ Càn bất toại kỳ chí vì lực bất tòng tâm. Cảnh "tứ phương tương vũ (mưa gió bốn bề)" đó làm chủ Càn bất mãn sa vào sự truỵ lạc, trác táng. Chủ Càn cũng là trạch chủ.

Ngoài những việc xảy ra nói ở cách trên, nhà nầy còn sinh án mạng, hoặc trong nhà có người bị chết hung dữ, tai nạn, lửa đốt, nước sôi, khắc hại vợ con phải cưới thê thiếp nhiều lần, lại thêm mục tật, sản nạn, ung nhọt độc hại. Nạn tai vào trong nhà cũng làm trạch chủ thọ khốn.

3/ Cách thứ ba Khôn + Tốn : gọi là cách " Nhâm mai địa hộ: lão mẫu vong" (Người chôn ở cửa đất: lão mẫu chết). Nhân chỉ cung Khôn, mẹ già. Địa mộ tức cung Tốn (Càn vi thiên môn, Tốn vi địa hộ).

Theo tính lý của âm dương: dương thì minh, thanh, ... âm thì ám, trọc ... nhà nầy thuần âm lại phạm ngũ quỷ: âm khí nặng nề như có tinh ma, trong nhà nhiều điều lầm lỗi, tửu sắc, dâm bôn, điên khùng. Con gái lớn khắc mẹ già. Người trong nhà bịnh tì, vị, bộ máy tiêu hóa yếu. Lại thêm nạn vạ miệng vạ mồm, quan tụng, nam nhân đoản mạng, phụ nữ góa bụa, vài thế hệ sau thì tuyệt tự.

4/ Cách thứ tư Tốn + Khốn : gọi là cách " Phong đao nhân môn mẫu tiên vong" (Gió đến cửa nhà người: mẹ chết trước). Cửa Tốn mộc khắc vào chủ Khôn thổ: bao nhiêu tai ách bên ngoài rót vào, mẹ lãnh hết, nên chết sớm.

Nhà như có ma quỷ quấy phá, tai nạn đến bất kỳ. Trưởng nữ lộng hành, mẹ con hay bà cháu gái tương khắc, nhiều điều đâu buồn làm phải lo rầu sinh bịnh ở tì, vị, dạ vàng, phù thũng. Người trong nhà yểu vong. Nạn đạo tặc, quan tung, phóng đãng, truỵ lạc làm tán gia bại sản. Một vai thế hệ sau thì tuyệt tự.

5/ Cách thứ năm Cấn + Khảm: gọi là cách " Quỷ ngộ uông dương: lạc thủy thương" (Quỷ Cấn mà gặp thế nước Khảm tuông mạnh, rớt xuống ắt chết)

lời tượng nói núi cao rơi xuống nước, ám chỉ những vụ gieo đầu xuống sông, giếng tự vận, những vụ nạn thủy tai. Trong nhà, anh em tương chiến tưng bừng. Con cái bất hiếu, ngỗ nghịch. Đây là cái nhà khắc hại vợ con, ào ào những tai vạ, sản nghiệp tiều tan.

6/ Cách thứ sau Khảm + Cấn : gọi là cách "Thủy ngộ sơn khắc: tu phạp tự" (Nước bị Núi khắc: e thiếu con kế thừa).

Nhà ngũ quỷ, chủ Cấn bị Liêm, hỏa thiêu đố, nhưng thế nội khắc ngoại: trạch chủ còn gắng gượng chống đỡ được 1 thời. Cuối cùng thì gia cơ cũng tán bại, đâu còn thừa lửa cho tổ tiên, vì nhà nầy rất khó nuôi con nít: còn nhỏ thì bị "sát chụp", lớn lên được nếu chẳng thắt cổ, nhảy sông, uống thuốc rầy, cũng tương tranh, tương tàn làm gia đạo cực kỳ hỗn loạn. Chung cục là vong gia thất thổ.

7/ Cách thứ bảy Đoài + Ly : gọi là cách "Hổ hỏa viêm chưng, nữ thiếu vong" (cọp bị lửa nung, con gái trẻ chết). Chủ Ly khắc cửa Đoài. Đoài là thiếu nữ, Ly là trung nữ, cũng đều con gái còn trẻ. Ly mãn mê khắc Đoài thì Ly cũng phải tắt.

Nếu đám đàn ông con trai tranh chiến ác liệt ở cách thứ 5 và thứ 6 thì ở cách nầy và cách thứ tám, đám phụ nhân cũng giở những đòn "sát thủ giản" đầy hung hiểm. Nhà nầy âm nhân lộng hành, đoạt quyền chồng, gây nhiều điều tệ hại. Nhà như có âm ám, quỷ rình. Người bệnh phổi, ho lao sống âm thầm như bóng ma. Không khí ngột ngạt nặng nề như nắng tháng ba, làm bùng ra những vụ hung tử, bạo tử bất cứ lúc nào. Gia cơ tán bại chỉ là ngày tháng.

8/ Cách thứ tám Ly + Đoài : gọi là cách " Ly – Đoài hỏa quang: thương thiếu nữ" (ánh sáng của lửa cách Ly – Đoài nầy làm tổn thương thiếu nữ). Hỏa quang ám chỉ những hỏa nạn như phỏng lửa, tự thiêu...

cửa Ly khắc chủ Đoài: ngoài đời khinh rẽ trong nhà mà người nhà khó nổi chống chế. Cách ngũ quỷ thuần âm nầy nói lên nạn đàn bà làm loạn, gia nội chẳng còn kỷ cương. Trạch chủ chỉ còn có một cách là đưa lưng gánh nạn, chịu đựng những u uất, buồn phiền, lo rầu ăn chẳng ngủ, sinh lao tổn rồi chết.

Tai hoạ chung của cách ngũ quỷ là : lừa gạt, bội phản, đạo tặc, đầy tớ phản chủ, cải vã, đôi chối, miệng tiếng, quan tụng, ác bịnh, trọng bịnh, hung tử, bạo tử, án mạng.

Ngũ quỷ cũng có cách thuần dương hoặc thuần âm. Với cách thuần dương, nó ồn ào, vang rền như giặc dậy. Nó như bầy ong mặt quỷ đối với chú tiều phu vô tình đụng phải. Biến cố hay tai họa có tính cách ác liệt như những trận còn khoẻ hăng. Ở cách thuần âm, nó như bịnh đã nhập lý, bịnh mãn tính trầm kha, như mưa phùn gió bấc của tiết trọng đông đối với kẻ cơ hàn, như những ngón đòn cực

kỳ hiểm độc mà nhẹ nhàng của Lý Thu Thủy và Đồng Mẫu tặng cho nhau lúc cả hai đều thọ trọng thương (Thiên Long Bát Bộ – Kim Dung)

Tính theo hành của cung, Ngũ quỷ hỏa:

- Gặp Càn, Đoài kim, nó như những kẻ có tiền cừu hậu hận, nhứt quyết diệt địch thủ cho thoã mãn mối căm hờn.
- Gặp Chấn, Tốn mộc, nó như hùm thêm vậy, lửa thêm dầu, càng tăng thập bội thói hung ác.
- Gặp Cân, Khôn thổ, nó như bọn cường quan bạo ngược, tha hồ hút máu rút tuỷ dân đen.
-Gặp Ly hỏa, nó như bọn giặc cướp trở về sào huyệt, mặc tình cao ngạo thụ hưởng.
- Gặp Khảm thủy, nó như chó dữ bị dồn sát chân tường, một mực cắn bừa cần gì biết chết sống.

Cái hung dữ của Ngũ quỷ làm con người phải điên đảo, nên tiền nhân có truyền lại một bài đặt biệt nói về du niên ác hại nầy:

Liêm quỷ nhập Đoài, Càn.
Tiểu khẩu định tai ương.
Trùng phùng tổn ngũ khẩu.
Gia trung bất an khương.

Nghĩa: Liêm quỷ gặp Đoài, Càn.
Trẻ nhỏ chịu tai ương.
Liêm miên hại năm mạng.

Liêm quỷ nhập thủy hương.
Khiến tử hao tai ương.
Trưởng tử, tiểu nhân: tử.
Luỵ luỵ bịnh đa thương.

Nghĩa: Liêm quỷ vào Khảm hương.
Con ít, lại tai ương.
Con lớn, con nhỏ: chết.
Khổ luỵ, bịnh, đau thương.

Liêm quỷ Chấn, Tốn gian.
Mỗi tuế đạo tặc liên.
Gia trung tài thất tán.
Nam nữ thọ ngao tiên.

Nghĩa: Quỷ đến Chấn, Tốn viên.
Đạo tặc đáo mỗi niên.
Trong nhà tiền bạc sạch.
Con cái bị đốt chiên.

Liêm quỷ đáo bổn cung.
Sợ niên nhị phòng vinh.
Trưởng nam chuyên quyền bính.
Tài tán, họa sự sinh.
Nghĩa: Liêm quỷ về nhà mình.
Lúc đầu hai phòng vinh.
Trưởng nam nắm quyền bính.
Tiền hết, tai họa sinh.

Liêm quỷ nhập Cấn Khôn.
Lúc súc tịnh nan tồn.
Tây Nam: tổn ngũ khẩu.
Đông Bắc thương tam nhân.
Nghĩa: Liêm quỷ vào Khôn, Cấn.
Lục súc dễ còn đâu.
Tây Nam: hại năm mạng (Tây Nam: cung Khôn).
Đông Bắc: ba người râu (Đông Bắc: Cân.

Bài sau này ứng với nhà Bà Dương: Ngũ quỷ hỏa gặp Khôn. Trước nhà có năm người, nay chỉ còn một trong cảnh cơm hàng cháo chợ vì bếp không ai nấu. Cuối cùng, 5 người đều ly tán và nhà chuyển cho các bàng hệ ở nhờ. Bài thứ nhất ứng với nhà cháu Thái.

Vợ chồng cháu Thái cùng tuổi Kỷ Dậu (1969). Vợ cung Khôn, chồng cung Tốn, tương phối thành ngũ quỷ. Nhà ở cũng phạm ngũ quỷ: động trạch hai ngăn, chủ Càn, cửa cái Chấn, tức tả thiên môn. Như vậy, ngăn 2 phạm Lục Sát với sao chúa đắc vị nhập miếu. Lại thêm bếp ở cung Đoài.

Nhà cháu Thái cất xong hai tháng, vợ trở bịnh tim nặng, 7 tháng thì vợ va con trong bụng đều chết. Trong khi tang ma cãi vã như giặc chòm. Tang ma xong, tình suôi nghĩa sứt mẻ, những trận đánh nhau huỳnh huỵt không tự nhà nầy nổi lên thì ở chỗ khác cũng kéo tới. Quan phu còn trẻ măng, nay chịu thêm nạn thị phi, khẩu thiệt. Mãn tang vợ, cháu Thái phải bán rẻ nhà lại cho mẹ vợ để tháo thân.

Nhà phạm ngũ quỷ vẫn có cái hại chết người, chớ chẳng phải như quan niệm thông thường xưa nay, chỉ có nhà tuyệt mạng mới đáng sợ vào bật nhất.

❖ Mục IV: **TUYỆT MẠNG TRẠCH**

Có tám cách tuyệt mạng:

- Cửa cái Càn + Sơn chủ (phòng chủ) Ly.
- Cửa cái Ly + Sơn chủ (phòng chủ) Càn.
- Cửa cái Cấn + Sơn chủ (phòng chủ) Tốn.
- Cửa cái Tốn + Sơn chủ (phòng chủ) Cấn
- Cửa cái Khảm + Sơn chủ (phòng chủ) Khôn.
- Cửa cái Khôn + Sơn chủ (phòng chủ) Khảm.
- Cửa cái Đoài + Sơn chủ (phòng chủ) Chấn.
- Cửa cái Chấn + Sơn chủ (phòng chủ) Đoài.

♦ Nhận định từng trường hợp:

1/ Cách thứ nhất: Càn + Ly: gọi là cách "Càn – Ly: quả cư, sinh nhãn tật" (Càn – Ly: ở cô độc, lại sinh nhãn tật)

Du niên tuyệt mạng ứng với sao Phá quân kim. Chủ Ly hỏa khắc cửa cũng khắc luôn du niên. Thế của nó chỉ biết có chống báng.

Phàm một vật có hai lực: một lực sanh và một lực khắc. Sanh thì có được sinh (nhập) hoặc phải sinh (xuất). Khắc thì hoặc bị khắc (nhập) hoặc phải khắc (xuất). Ở đây, chủ Ly chẳng bị khắc, chỉ chuyên khắc đội vật, đối nhơn. Thế của nó hung hãn, "nghênh ngang nào biết trên đầu có ai" (Kiều – Nguyễn Du). Ai còn dam thân cận, gần gũi? Sống cô độc là hệ quả tất nhiên.

Đàng khác, Ly khắc Càn: trung tâm sung sức khắc lão dương yếu đuối, trẻ nhỏ chế phục già nua; những kẻ lớn tuổi suy nhược ắt bại vong lại còn chết lãng, chết vô duyên, chưa đáng chết mà chết. Thế mới biết cách tuyệt mạng nầy cường bạo đến cở nào. Một khi tiểu nhân, âm tặc đắc thời thắng thế thì người quân tử, bậc trưởng thượng phải chịu trăm ngàn khổ nhục, vạn ức tai ương, mong gì sống sót.

Về tật binh, Ly hỏa cứ phừng phực bốc lên, làm nhức đầu, mờ mắt, áp huyết tăng quá có thể mổ mắt mà sinh mục tật.

`*2/ Cách thứ hai Ly + Càn:* gọi là cách "Lão công chủ bất cửu" (cách Ly – Càn chủ việc cha già chẳng lâu dài).

Cha già chẳng lâu dài, đương nhiên là như vậy, vì một khi đám âm tặc thắng thời, chúng nó vốn đâu có tinh thần quảng đại bao dung, như Vương Thuý Kiều đang ở thanh lâu nhảy vọt lên ghế Chánh Án, thưởng phạt mặc tình. Lão dương như Càn, đâu thể khuất thân van nài cầu sống, thà cam "ngọc nát còn hơn ngói

lành" (Lời của Quan Vân Trường thi thọ khổn). Huống chi ở đây Ly ngoại khắc Càn nội, Càn đâu có đường nào khác để chọn?

Kiểu nhà nầy: tán tài, tuyệt tự, nữ nhân vào chiếm đoạt quyền bính, âm thịnh dương suy, nhà đàn bà nhiều đàn ông ít mắt đau nhức, ho hen do hỏa khí thịnh, viêm khí quản, phổi, lao phổi.

Nhà hoạ tai đến bất kỳ, vô phương chống đỡ, những bất hạnh như cứ rót vào nhà làm người chết, của tiêu.

3/ Cách thứ ba Cấn + Tốn: gọi là cách "Sơn ngộ phong môn: quả mẫu, tuyệt" (Núi gặp cửa nhà gió: mẹ goá, tuyệt tự). Tốn mộc khắc Cấn thổ: bị chị lớn khắc hại, em nhỏ làm sao sống nổi?

Tuyệt mạng ở đây có hai cách:

- Cấn vì bị Tốn khắc: trẻ nhỏ khó nuôi, một duyên do đưa tới tuyệt tự. Âm trấn áp dương khiến dương bị tuyệt, hậu quả là cô âm bất sinh hóa.
- Du niên tuyệt mạng kim khắc cả Tốn: Tốn khắc Cấn, rồi Tốn cũng khổn luỵ, đàn bà chụi cảnh góa bụa, lại thêm đau ở tì, vị, bộ máy tiêu hoá suy nhược làm ăn không ngon, mắc bịnh vàng da, phù thũng. Âm cũng phải vong khi dương tuyệt.

Thường thấy ở cách nầy cảnh Chị và anh rễ chiến lãnh cơ ngơi của cha mẹ, ông bà, em trai bị khống chế và cho ra rìa.

4/ Cách thứ tư Tốn + Cấn: gọi là cách "Phong sơn: quả mẫu đa phạp tự" (Gió núi: mẹ góa, rất hiếm con cái).

Ngoại Tốn khắc nội Cấn, tai họa từ ngoài đưa vào, có tính cách bất ngờ, như sét đánh chẳng kịp bưng tai, như đất sụp không kịp chạy trốn. Cách nầy, trẻ nhỏ lại càng khó nuôi hơn cách trên, nam nữ gì trong nhà cũng chịu tai ương, khổn ách.

Trạch chủ sống cô độc, âm thầm chịu đựng một cách vô vọng, bao nhiêu tai khiên hoạn nạn dày vò, xâu xé thân tâm. Áp lực cuộc đời vừa nặng nề vừa cay nghiệt trùm phủ trong nhà chẳng khác gì gió nghiệp lộng thổi làm tan rã hồn ma phách quý cỏi âm ti.

Nhà nhiều bà góa.

Cách nầy cũng thường thấy: em trai trưởng gia nghiệp phụng thờ tổ tiên, bất kỳ có những bà chị đã xuất giá ở đâu hiện về hỏi đòi vật nầy, chiếm đoạt vật kia còn mắng chửi, đe doạ . . .

5/ Cách thứ năm Khảm + Khôn : gọi là cách "Thủy thổ tương khắc: trung nam tử" (Nước và đất khắc nhau: con trai thứ chết).

Tuyệt mạng vì Khôn thổ khắc Khảm thủy, làm trung nam phải chết. Nhưng cách nầy chó thể chậm chết, hoặc chỉ èo uột, hoặc không chết bất ngờ, vì Phá quân

kim sinh Khảm thủy, giúp thêm sức chịu đựng cho Khảm. Đồng thờ Phá kim làm Khôn thổ phải hao tán khí lực.

Đa thủy thì Khôn thổ không còn khắc nổi, mà phải thọ khổn. Bấy giờ, kẻ chống báng, phá hoại thiên hạ như tự cầm dao đâm mình.

Có thể nói cách tuyệt mạng nầy làm tiêu hao sinh lực của tất cả người trong nhà, suy yếu dần rồi mới tuyệt diệt.

6/ Cách thứ sáu Khôn + Khảm : gọi là cách "Khôn Khảm: trung nam mang bất tồn" (Cách Khôn – Khảm: mạng của trung nam không thể tồn tại).

Người đàn bà lớn tuổi bên ngoài khắc trung nam bên trong, ngoại khắc nội dễ sinh nạn trộm cắp. Sự xâm phá, tàn hại từ bên ngoài vào mà gia chủ bất lực không thể chống ngăn khiến cơ nghiệp lụn bại, thân thể hao mòn vì các chứng phù thũng, uất kết, tích khối nơi tạng phủ như sỏi, sạn, thịt dư khí huyết ngưng trệ.

Dù chịu đựng giỏi nhưng khi ngoại cảnh suy yếu, áp lực không còn triu nặng, nhà cũng đã tã tan.

7/ Cách thứ bày Đoài + Chấn : gọi là cách "Hổ nhập long oai: lao cổ phế" (Cọp vô hang rồng: phổi bị lao cổ). Lao, cổ là hai của bốn chứng bịnh hiểm nghèo thời xưa. Có chứng lao do thể chất mệt nhọc, tinh thần lo lắng buồn phiền. Cổ là một chứng đầy, nghe như cứ căng trướng lên.

Lo ngại phổi bị lao cổ, chớ chứng bịnh nầy cũng chưa quan trọng hơn sự kiện cửa Đoài khắc chủ Chấn: trưởng nam không chết cũng cùng khốn, suốt đời chẳng nên tích sự gì, nay bịnh mai đau, bị khống chế, áp bức chẳng được yên thân. Nói đến trưởng nam, cũng là nói trạch chủ và gia cảnh của nhà tuyệt mạng nầy: khắc chồng, hại con, tuyệt tự, bất hoà, phá tán.

8/ Cách thứ tám Chấn + Đoài : gọi là cách "Long tranh hổ đấu ưu thương trưởng" (Rồng cọp đánh chống nhau hang cả tổn hại, lo phiền)

cách tuyệt mạng của Cấn + Tốn, hàng âm lơn bức hiếp hàng dương nhỏ, âm bức dương nhưng dương ở ngôi nhỏ. Cách Chấn + Đoài: hàng âm nhỏ bức hại hàng dương lớn. Âm bức dương, sự thế nghịch thường, huống hồ âm nhỏ mà bức hại cả dương lớn thì trật tự, tôn ti điên đảo, sự nhiểu loạn tới mức phi thường.

Nếu lấy vị trí nội, ngoại mà phân ngôi chủ khách. Cách thứ bày : dương lớn đã ở ngôi chủ, bị âm nhỏ bên ngoài bức bách, nhưng dương đã toạ chủ vị. Cách thứ tám: âm chiếm địa vị chủ lại còn truy diệt dương ở ngôi khách bên ngoài. Âm đã lộng hành, soán nghịch lại muốn tận diệt bực trưởng thương để được trọn hưởng yên lành. Âm ở đây quả là hung ác: đã cướp của lại thêm giết người. Cho nên hoàn cảnh của dương ở trường hợp thứ tám nầy cực kỳ bi đát.

Nếu xét theo mực độ, cách Cấn – Tốn: dương mới bị âm lấn bức, cách Chân – Đoài: dương bị tán bại; riêng cách cửa Chấn Chủ Đoài thì dương bị tàn diệt đến tận tuyệt.

Nhà thuộc cách thứ tám nầy sinh nhiều vụ giết chông, chết vợ, chết con trưởng, cháu trai trưởng khiến hoạ diệt tộc lúc nào cũng rình rập. Còn nói chi đến những việc ác hại bình thường khác: bịnh đau, tranh chấp, kích bác, quan tụng, tù đày, loạn đả, trôi nổi linh đình, cô khổ cùng khốn.

Dương tượng trưng những gì sáng sủa, hạnh thông, phấn phát, hưng thịnh . . . Dương thắng, tức những sự tốt lành nầy sụp đỗ . .. Âm thắng, tức là những ác hại nầy nổi lên như cát bụi bị gió cuốn. Âm Đoài ở cách thứ tám nầy thắng thì dương Chấn bị diệt tức hàng con trai, cháu trai trưởng bị diệt.

Phép truyền thừa xưa nay ở Á Đông, ở Việt Nam đều lấy dòng chính với con trai trưởng làm trọng. Dòng chánh không có con trai trưởng, cháu trai trưởng (đích tôn), mói chọn đến thứ nam. Dòng chánh không có con trai, cháu trai mới chọn đến con trai trưởng của dòng thứ. Nếu dòng thứ không có con trai, cháu trai trưởng mới chọn đến thứ nam của dòng nầy. Cả hai dòng đều không có con trai mới phải chọn đến con gái. Một dòng họ nếu dương Chấn cứ bị diệt tất ảnh hưởng tai hại đến sự truyền thừa.

Với tám cách tuyệt mạng, cách thứ tám nầy ác hiểm và trầm trọng vào bật nhất. Đó là trường hợp của nhà Bà Quý Mùi nói ở Mục 4 Tiết II Chương IV. Nay muốn chuyển cách độc ác nầy thì phải dùng tả thiên môn Cấn làm chính môn, hướng Chấn, sơn chủ Đoài: tuyệt mạng trạch chuyển, thành diên niên trạch. Đã 4 năm nhà được sửa chữa như vậy, trưởng nam của bà Quý mùi trở nên hiếu mục như chưa từng có: Tình cảm của nhà bà cũng rất đổi đầm ấm.

Cách tuyệt mạng ác độc thứ nhì là cách Ly – Càn. Không cứ gì Càn phái là ông cu già, mà nói chung là người đàn ông lớn tuổi, bậc trưởng thượng, rường cột của gia đình. Ly diệt Càn, tức Ly triệt hạ tay lao động chịnh, dù lao tâm hay lao lực, đốn ngã cột trụ chống đỡ gia đình, làm cho nhà phải sụp đỗ. Chủ tâm của Ly là cắt đứt rễ cái, rễ đuôi chuột cây không chết thì gió thổi cũng phải trốc gốc.

Nếu nhà cửa Ly, hướng Tốn, sơn chủ Càn thì nên sửa thành đơn trạch, vì nếu giữ dưới dạng phức trạch hai ngăn, chính môn Tốn, thì vẫn là hung trạch với thế yếu sát. Cát trạch còn không phải lúc nào cũng đem lại thanh mậu, huống chi là hung trạch, dù với thế yểm sát. Dùng cách yểm sát là để trấn hung, nhưng hung không phải lúc nào cũng trấn được vì sự trấn áp cũng biến đổi cường độ tuỳ theo hệ số xung lực hay trợ lực. Mặt khác, hiệu lực của cách yểm sát cũng bị giới hạn về thời gian. Chẳng hạn hiệu lực sao Vũ cực tốt trong cách đăng điện nhập miếu là

50 năm, nhưng bị sự xấu hại của hung trạch chiết giảm, thời hiệu của sao Vũ còn khoảng 20 – 30 năm là cùng. Vậy bất đắc dĩ mới phải dùng thế yểm sát.

Có lẽ thế tuyệt mạng Khảm – Khôn ít hung ác hơn hết vì bản chất của Khôn là nhu thuận. Dẫu Khôn có khắc Khảm nhưng du niên tuyệt mạng đã điều tiết bớt sự khắc hại nầy.

Nhìn chung, cả tám cách tuyệt mạng, bao giờ âm cũng khắc dương, đẩy dương vào thế thọ khổn rồi tiêu diệt. Thời của tuyệt mạng là thời của âm nhân, của hôn ám, bạo tàn, ti tiện, vô luân . . . ., thời của tiểu nhân ngu dốt lộng hành. Nhưng vì nặng nghiệp vô minh, âm không ý thức được rằng diệt dương thì âm cũng tự tổn hại mình.

Người đời sợ nhất thế tuyệt mạng, nghĩ cũng có lý chăng?

Tuy nhiên ba loại hung trạch kia chẳng phải không tàn hại trạch chủ. Chắc gì cách họa ương nào hơn hay kém hoạ ương nào. Cường độ tai kiếp cũng sai biệt tuỳ từng hạng người. "Nhà giàu đứt tay bằng ăn mày đổ ruột". Đối với người quen đời sống nề nếp, nay con cái học thói bất lương trộm cướp, nam tửu nữ dâm thì họ khổ sở hơn những gia đình " cha biên đề, mẹ cho tiền góp". Hơn nữa, cũng khó ước định mực độ của sự khổ ải: một xe chở khách bị tai nạn lưu thông, có người bị gãy chân, có người bị cưa tay, một bà phụp con mắt, một cô con gái bể xương hàm làm gương mặt trái soan phải sếu qua một bên, làm sao biết được tường tận từng nổi khổ?

Nếu chỉ riêng nhìn trên đặc tính của tai kiếp thì:

Lục Sát là cách gian ác, tạo thời cơ cho những ai không biết tự kiềm chế, tham lam, vị kỷ, thích hưởng thụ, nhất thời thoã mãn nhu cầu mà rước lấy hậu quả đau thương. Thời hiệu của nó từ 1 đến 60 năm.

Họa hại là cách hiểm ác, giúp người ta bằng lòng với số kiếp hoạn nạn, đoạ đày cho tới ngày thân vọng, nghiệp dứt. Nhà cất 5 năm trở đi, nó có hiệu lực mạnh dần, tới 100 năm thì dứt, lâu nhất trong loại hung trạch.

- Ngũ quỷ là cách hung ác, nạn ách của nó đầy vẻ dữ dội, tàn bại khiến người bị nạn như bị thiêu đốt, bị trấn nước:

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn"

"Vùi con đỏ dưới hầm tai vạ"

(Bình ngô đạic cáo – Nguyễn Trãi)

Hiệu lực của nó trở mạnh, bắt đầu từ 2 năm, chấm dứt lúc 70 chục năm.

Tuyệt mạng là cách độc ác, làm cho người điêu linh, thống khổ lụn bại rồi tuyệt diệt: bạch phước gặp phải nó, như người bị sấu bắt, chuột bị mèo vồ, qua trăm

ngàn đau đớn mới được xé thịt nhai xương. Nhà cất 1 năm nó đã hoành hành 90 năm nó hết hiệu lực.

Với con mắt cảm thông mọi nỗi thống khổ, tai ách nào cũng đáng thương, vì nạn kiếp nào cũng đến những đau đớn, xót xa. Rất may, không hề có sự trừng phạt vĩnh viễn (Eternal Gamntion). Nạn khổ nào rồi cũng hết, cũng qua. Tiền khiên, nghiệp chướng nào trả mãi, hết thế hệ nầy đến thế hệ khác, rồi cũng mòn, cũng sạch. Không phải thụ động khoanh tay ngồi nhìn chờ ngày cáo chung của sự hung ác, vì vạn pháp tuỳ tâm sinh. Phải sáng suốt và can đảm tự nhận rằng những khổ nhục khốn cùng bản thân mình. Gia đình mình, tộc họ mình đang còng lưng ra gánh không phải do người khác tự dưng đem tới, nếu bản thân mình không lầm, gia đình mình không lỗi, tộc họ mình không điều sai trái. Cứ hành động theo những nguyên tắc hằng cữu mà loài người đã tôn sùng, thiện lương, công bình, chính trực, bỉ xả. Tâm thức chan hòa ánh bình minh, mặt trời trong cuộc sống đời bắt buộc phải mọc. Nghiệp cao như núi, cũng phải ngóc đầu len, nhờ biết chuyển tâm u ám thành quang minh.

Chỉ trừ những người không biết rằng môi trường sống có tác dụng lớn lao đến sự sinh hoạt hằng ngày, chỉ trừ những người bị nợ áo cơm làm cho tối tâm mặt mũi không còn suy nghĩ được điều gì khác, còn có một số người muốn chuyển hóa trạch thành sát trạch để nạn ách chóng qua, hành thông chóng đến.

TIẾT IV

LUẬN VỀ CÁT TRẠCH

Có bốn loại cát trạch: Phục vị, Sanh khí, Thiên y và Diên niên.

❖ Mục I: PHỤC VỊ TRẠCH

Chỉ có loại nhà Phục vị dưới dạng đơn trạch (tinh trạch), không hề có loại nhà nầy dưới dạng phức trạch. Ngay cả dưới dạng đơn trạch cũng ít khi có loại nhà Phục vị. Phục vị ứng với hai sao Phụ – Bật, thuộc hành mộc.

Có tám cách Phục vị:

- Cửa cái Càn + Phòng chủ Càn (Bốn cách thuần dương)
- Cửa cái Khảm + Phòng chủ Khảm.
- Cửa cái Càn + Phòng chủ Cấn
- Cửa cái Càn + Phòng chủ Chấn
- Cửa cái Càn + Phòng chủ Tốn (Bốn cách thuần âm)
- Cửa cái Càn + Phòng chủ Ly
- Cửa cái Càn + Phòng chủ Khôn
- Cửa cái Càn + Phòng chủ Đoài

Vì nhà nầy ít thông dụng, nên ở đây chỉ luận sơ lược:

- **Bốn cách thuần dương:**

Thính phát được lúc đầu, nhưng về sau bất lợi cho đàn bà, liên tiếp nhiều thế hệ thê tử lâm hại, kém thưa nhơn khẩu, nhà lâm cảnh lẻ loi, cô độc, góa bụa và không có con nối dòng.

- Bốn cách thuần âm:

Ban đầu cũng khá phát đạt, phụ nữ chưởng quản cơ nghiệp vì thế lực của đàn ông suy dần, rồi cơ hồ như chỉ là chiếc bóng vô quyền. Nam nhân đoản thọ thì nữ phải chịu cảnh chết chồng sớm.

Quạnh hiu, cô độc lạnh lùng, góa bụa, vô nhơn kế tư, phải nuôi dưỡng tử để kế thừa là đặc tính chung của loại nhà Phục vị nầy, thuần dương hay thuần âm cũng vậy.

Nếu phân chia ra đông tây trạch thì Phục vị thuận hợp bốn cung Chấn, Tốn Khảm, Ly; hoàn toàn bất lợi đối với bốn tây cung Càn, Cấn, Khôn, Đoài. Đến khi suy bại, nhà Phục vị thuộc tây cung thì như cảnh chợ chiều.

Dù hưng thịnh được ở giai đoạn đầu, nhưng mực độ và phạm vi cũng không lớn rộng, vì Phục vị chỉ là bán cát (1/2) so với du niên sanh khí.

❖ Mục II: **SANH KHÍ TRẠCH**

Có tám cách sanh khí:

- Cửa cái Khảm + Sơn chủ (phòng chủ) Tốn
- Cửa cái Tốn + Sơn chủ (phòng chủ) Khảm.
- Cửa cái Khôn + Sơn chủ (phòng chủ) Cấn.
- Cửa cái Cấn + Sơn chủ (phòng chủ) Khôn
- Cửa cái Chấn + Sơn chủ (phòng chủ) Ly.
- Cửa cái Ly + Sơn chủ (phòng chủ) Chấn.
- Cửa cái Càn + Sơn chủ (phòng chủ) Đoài.
- Cửa cái Đoài + Sơn chủ (phòng chủ) Càn.

♦ Nhận định từng trường hợp:

1/ Cách thứ nhất Khảm + Tốn : gọi là cách "Thủy mộc vinh hoa: phát nữ tú" (Nước cây tươi tốt làm phấn phát, phụ nữ được tuấn tú). Phụ nữ Tốn, trưởng nữ.

Ai có cung hướng biểu thị tư cách, sẽ có ảnh hưởng ngay khi nhà được xây dựng có hiệu lực. Nếu nhà có tác dụng thì ngay khi còn nhỏ, Tốn ở đây đã mỹ mạo thông minh, lớn lên thì đoan trang hiền thục, hiếu để, đem lại danh giá cho gia đình.

Nếu một cặp vợ chồng trẻ ở nhà này, người đàn bà không những tú lệ mà còn vượng phu ích tử, một tay đắc lực giúp chồng xây dựng và củng cố gia nghiệp.

Đây là ngôi nhà tốt đệ nhất của loại đông tử trạch, lại thêm cửa cái bên ngoài sinh chủ bên trong, sự phát đạt đến cấp kỳ, đắc cả phú lẫn quý, vừa giàu sang vừa danh giá nhờ con hiếu cháu hiền, nam thanh nữ tú, của cải ngày một phát đạt và duy trì cơ nghiệp đến 80 năm.

Thời hiệu nầy còn gia tăng, nếu mạng của trạch chủ thuộc đông tứ cung và cùng con cháu sống hiền lương đạo đức, nhà sẽ sản sinh ra bực cái thế anh hùng, giúp nước, giúp dân, làm nên đại nghiệp. (Sống hiền lương đạo đức, không có nghĩa là ngu si, ngờ nghệt hay nhắm mắt đâm đầu vào tội ác).

Nếu nhà cửa Khảm, chủ Tốn, hướng Càn thì nên xây dựng hai ngăn để cho ngăn thứ hai cao rộng: sao chúa Tham mộc đăng điện nhập miếu phát triển năng lực tối đa, giúp nhà đắc phú quý cùng tột. Giả như thế hệ cha mẹ nghèo khổ, dốt nát, cũng nhờ nãn chí, kiên trì dạy con cháu, nhà sẽ phát ngay ở thế hệ con cháu nầy. Nhưng nếu gia đình nào đang khá giả nhờ hưởng cách nầy, cũng chớ lung lăng, ỷ quyền cậy thế, âm mưu gian ác, ngày suy đổ hản là thảm khốc, không tránh khỏi.

2/ Cách thứ hai Tốn + Khảm :gọi là cách "Ngũ tử đăng khoa thị phong thủy" (Năm con thi đỗ, chính là Gió Nước).

Nhà có 5 con đỗ đạt. Năm là số tượng trựng cho sự tối đa của cách Sanh khí mộc nầy, không nhất thiết phải đúng là 5 nếu con cái có nhiều hơn nữa. Vì nhà thuộc cách thứ nhất và thứ hai nầy con cháu ngày càng đông đảo và tài trí hơn người. Tính chất khoa hoạn và quý hiển của nhà nầy nối tiếp nhiều thế hệ, vì trong nhà không có ai thuộc hạng dân giả tầm thường.

Nhà cửa Tốn, chủ Khảm, hướng Ly: nếu làm hai ngăn thì ngăn cuối nên cao rộng hơn để sao Vũ kim đắc vị nhập miếu (tinh sinh cung), nếu làm bốn ngăn thì ngăn thứ tư phải cao rộng hơn hết để sao Tham mộc đắc vị nhập miếu (cung sinh tinh)

Chớ làm ba ngăn: Lục Sát đăng điện nhập miếu, gia cơ sẽ tán bại, danh giá bị vùi xuống bùn nhơ.

3/ Cách thứ bà Khôn + Cấn : gọi là cách " Địa sơn thổ trùng: điền sản túc" (Cách Địa sơn đều thuộc thổ gặp nhau, làm điền sản đầy đủ)

Nhà nầy có nhiều ruộng vườn, nhiều gia súc nhờ cách lưỡng thổ gặp nhau, lại được cả âm dương phối khiến gia đạo hào thuận, con hiếu cháu hiền, ai cũng sống lâu nên nhà đông đảo cả nam lẫn nữ.

Chỉ nên xây dựng nhà ba ngăn, để cho ngăn thứ ba rộng lớn có sao chúa Cự thổ đăng điện nhập miếu: hoặc làm 4 ngăn để cho ngăn thứ tư lớn sao Vũ kim đắc vị nhập miếu.

4/ Cách thứ tư Cấn + Khôn: gọi là cách " Sơn Địa: điền san da tấn ích" Cách núi và đất gặp nhau: điền sản nhiều đem lại nhiều ích lợi)

Ngoài những đặc tính nói ở cách thứ ba, nhà còn có triệu hỉ lạc, vì tượng quẻ là Mẹ (Khôn) gặp con (Cấn). Nhà được cả giàu sang, phú quý lại thêm thọ mạng.

5/ Cách thứ năm Chân + Ly : gọi là cách " Lôi Hỏa quang minh : phú quý xương" (Ánh sáng của Sấm và lửa làm nên sự giàu có, sang cả và tốt đẹp)

Cửa Chấn dương mộc sinh vào chủ Ly âm hỏa, ngoại sinh nội lại đủ cả âm dương: phu phụ tương thân tương kính, con cái hiển đạt, gia đình vẻ vang, sự hưng phát của nhà nầy đầy khí thế nhờ Chấn mộc và Sanh khí mộc đều lâm Ly hỏa. Điền sản đã phong thịnh, người đã hiển đạt danh giá, trai tuấn tú, gái mỹ lệ, lại người nào cũng thuần hậu, hiền lương, thật là xứng người xứng của, vật chất và tinh thân tương ứng tương đắc.

6/ Cách thứ sáu Ly + Chấn : gọi là cách " Hỏa lôi phát phúc: phụ nữ lương" (Lửa gặp sấm, nhà phát phúc đức và đàn bà hiền thục). Chấn mộc gặp Ly hỏa, gọi là cách "mộc hỏa thông minh". Nhà sinh khí mộc lâm Chấn mộc: Sanh khí đăng điện, được đại thạnh vượng, đại cát xương. Trong nhà đầy trai thanh, gái lịch, đã thông minh lại lương thiện, công danh rỡ ràng hiển hách. Nhà nầy còn có một cách nữa là "Bình địa nhất thanh lôi" (Đang đất bằng có nổi lên tiếng sấm): hiển đạt bất ngờ, từ bần hàn thành phú quý rất đổi nhanh chóng.

7/ Cách thứ bảy Càn + Đoài : gọi là cách "Thiên trạch tài vượng đa dâm loạn" (Cách Thiên trạch: tiền của nhiều dâm dật lung). Cách sinh khí nầy, sinh tài lộc vượng, nhưng chỉ được lúc đàu, về sau nhà không còn vang danh vì quý hiển, chỉ lắm lời ông tiếng ve về cảnh vợ trẻ chồng già.

Gái còn tơ măng (Đoài) mà ưng giao phối cùng Ông già, dù có thật vì tình nghĩa cũng khiến khách bàng quan dễ sinh nghi ngờ gái tơ vì mục đích riêng tư, không thuận hợp cho sự ổn cố của gia đình. Chồng già vợ trẻ, bất tương xứng, khiến già ngày càng suy nhược, có thể chết bỏ vợ trẻ chấp chưởng gia cơ.

Vợ trẻ nầy cũng thương tranh chấp quyền hành với con chồng, đôi khi còn lớn tuổi hơn nhiều. Sự xa cách, chống báng giữa đôi bên có lúc xảy ra ngay từ khi Ông chồng già còn sống. Người đời cũng thường thấy tính "thủ căn thủ bổn", hoặc lang chạ khi chồng già còn tại thế, hoặc gặp rút tái giá để lánh thân của người vợ trẻ.

8/ Cách thứ tám Đoài + Càn : gọi là cách "Trạch thiên: quả mẫu chưởng tài nguyên" (Cách trạch thiên: mẹ góa nắm nguồn tài chính trong nhà)

mặc dù cách Đoài Càn, lưỡng kim, đủ cả âm dương, phu thê tương đắc, điền sản có thừa, nhân đinh đông đảo, nhưng vì bất lương xứng giữa Đoài Càn dễ sinh

việc sũng ái, làm lão ông sớm quy tiên, để lại vợ trẻ chấp chưởng tiền bạc, điền sản.

Cách sinh khí của lương kim Đoài Càn đã có đem lại sự huê dạng bên ngoài, nhưng sự thật loại nhà đó đang chứa họa ách. Vợ chồng giao phối, lấy sự vững bền làm trọng, để xây dựng gia đình, tạo sự nghiệp cho bản thân vợ chồng và con cái, góp phần hưng thịnh đất nước. Sự chấp vá có tính cách đoản kỳ, bất tất phải bàn. Vì vậy, cách sinh khí ở trường hợp thứ 7 và thứ 8 chưa thể gọi là tốt đẹp.

Cách sinh khí của Cấn Khôn hay Khôn Cấn tàng phục tai ương do bịnh đau ở tì, vị, hệ thống tiêu hóa. Tây trạch kim chống sinh khí mộc nhưng sinh khí mộc lại khắc hại cách Cấn Khôn thổ nầy. Đây là sự khắc chế lẫn nhau, làm tai họa trong nhà tự dấy động lên: trong lâu dài, nhà sẽ suy bại.

Du niên sinhkhí, ứng với sao Tham Lang mộc, chỉ thích hợp cho Đông tứ trạch Chấn Tốn Khảm Ly, không thích hợp với Tây tứ trạch Càn Khôn Cấn Đoài. Sanh khí giúp cho đông trạch hưng vượng, nhưng tây trạch kim chống lại sinh khí mộc, khiến nhà dù có được giàu sang đi nữa cũng không bền, hay chỉ có tiếng tăm mà không có thực chất.

Cách sinh khí của đông trạch ở trường hợp thứ 5 và thứ 6 được coi như tối hảo, nhưng lại ít khi được thấy, vì sơn chủ và hướng nhà không đồng trục, nếu là tịnh trạch cũng ít có ai vô lọt nhà nầy.

Thành ra chỉ có một cách sinh khí, nhưng diễn hiện có nhiều hình thái và mực độ tốt lợi khác nhau. Những ai may mắn hưởng được sự thuận lợi và tốt lành, chắc hẳn họ đã tích chứa nhiều phúc đức.

❖ Mục III : **THIÊN Y TRẠCH**

Có tám cách Thiên Y:

- Cửa cái Càn + Sơn chủ (phòng chủ) Cấn.
- Cửa cái Cấn + Sơn chủ (phòng chủ) Càn.
- Cửa cái Khảm + Sơn chủ (phòng chủ) Chấn.
- Cửa cái Chấn + Sơn chủ (phòng chủ) Khảm
- Cửa cái Khôn + Sơn chủ (phòng chủ) Đoài.
- Cửa cái Đoài + Sơn chủ (phòng chủ) Khôn.
- Cửa cái Tốn + Sơn chủ (phòng chủ) Ly.
- Cửa cái Ly + Sơn chủ (phòng chủ) Tốn

♦ Nhận định từng trường hợp:

1/ Cách thứ nhất Càn + Cấn : gọi là cách "Thiên lâm sơn thượng gia phú quý" (Cách trời gặp núi: nhà phứ quý). Phú chỉ sự giàu tiền bạc, của cải, ruộng đất . . . Quý chỉ sự sang trong như chức vị lớn trong xã hội, người đời trọng vọng.

Du niên Thiên Y, ứng với sao Cự thổ, là phúc tinh, rất hợp với Tây trạch, huống hồ nay Cự thổ lâm Cấn thổ, tì hoà đăng điện, thì cách Thiên Y nầy đem lại sự hưng vượng cho nhà ở mực độ sâu rộng, con cái đông, điền sản nhiều, danh giá lớn. Danh giá ở đây không phải chỉ do gia tư phong thịnh mà còn do tính trung hậu, nhơn từ của con trai, sự đoan chính, tiết hạnh của con gái trong nhà, vì nhà hầu hết là người hiếu hạnh, hiền lương.

Nhưng sự tốt đẹp đó không được bền lâu, khoảng 20 –30 năm, vì cách Thiên Y nầy thuần dương, khắc chế vợ con. Duy trì thế nhà nầy lâu dài e tuyệt tự.

2/ Cách thứ hai Cấn + Càn : gọi là cách " Sơn khởi thên trung tử quý hiền" (Núi khởi trong trời: con sang, hiền)

Nhà nầy cửa sanh chủ, sự hanh thông và hưng vượng có phần còn dễ dàng và mau chóng hơn nhà ở cách thứ nhật. Thiên Y thổ lâm Càn kim đắc vị: nhà được cả danh vọng lẫn tiền bạch, của cải, lại thêm người trong nhà nhân từ, hay làm việc phước thiện. Đàn ông sống lâu, đàn bà chết sớm vì nhà thuần dương. Chẳng nên giữ nhà nầy quá 30 năm, cần sanh cải để việc kế thừa không bị trở ngại.

3/ Cách thứ ba Khảm + Chấn : gọi là cách "Thủy lôi phát phúc, cữu: tuyệt tự" (cách Thủy lôi: phát phúc, nhưng về lâu dài sẽ bị tuyệt tự)

Thiên Y có năng lực giải ách, vì là thiện thân: có năng lức cứu bần, vì là phúc tinh. Trong vài ba mươi năm đầu, nó giúp cho nhà nầy nhơn đinh (con trai) đông đảo, công danh hiển đạt, một nhà đầy hỉ lạc vì nhiều con người hiền lương, trung nghĩa. Chỉ tiếc cách Thiên Y nầy thuần dương, ở lâu năm bất lợi cho việc sinh hóa, không những điền tai suy giảm mà việc hậu tự cũng khó khăn.

4/ Cách thứ tư Chấn + Khảm : gọi là cách " Lôi Thủy: phạp tự, đa hành thiện" (Cách Sấm gặp nước: hiếm con cái, nhưng hay làm nhiều việc thiện".

Dù cửa vàc hủ tương sinh, nhưng ở cách nầy thì nội sinh ngoại: người trong nhà cực nhọc hơn, sinh hoạt rộn ràng hơn những người sống trong nhà thuộc cách thứ ba. Cả hai loại nhà đều giúp thịnh phát ở giai đoạn đầu, về sau thì gia cảnh suy lún, mặc dầu cách Thiên Y thứ ba làm nhà phát dễ dàng hơn.

Cả hai cách đều khắc chế vợ con làm số nhơn đinh chỉ đông đảo lúc đau, sau thì thưa dần, hiếm hoi lúc lâu xa.

5/ Cách thứ năm Khôn – Đoài : gọi là cách" Địa trạch tấn tài, tuyệt hậu tự" (Cách đất gặp Nước của ao đầm: tăng tiến tiền của, nhưng tuyệt hậu tự)

Phúc thần ở đây đắc vị, lại thêm ngoại sinh nội: điền sản, gia tư sớm được phong thịnh. Của cải nhiều mà người trong nhà ham làm điều nhơn đức cũng nhiều. Nhưng về lâu bền thì nhà nầy âm thịnh sẽ bất lợi cho đàn ông, con trai. Âm khí nặng nề sẽ tổn hại sự thanh khiết. Mẹ già góa bụa, chiều chuộng chàng rễ quá mức (vì yêu thương con gái) khiến gia pháp chẳng nghiêm người ngoài vào kế vị.

6/ Cách thứ sau Đoài + Khôn : gọi là cách "Trạch Địa tài long, dị tánh cư" (Cách Trạch Địa: tiền bạc được hưng long, nhưng người khác họ sẽ vào ở chung trong nhà). Người khác họ ở chung một nhà thì nhà nào lại chẳng có. Nhưng người khác họ ở đây ám chỉ loại người dưng rặt, loại người khác họ nhưng có liên hệ do hôn phối của chồng hay của vợ tạo ra. Những người ngầy đến ở chung nhà, có thể ban đầu chỉ có tính cách tạm thời, dân dà chiếm được lòng tin yêu, hoặc do sự cần thiết của gia đình, họ trở thành những nhơn vật quan trọng, rồi tìm cách chiếm quyền bính, cuối cùng có thể đi tới chổ đoạt cơ nghiệp.

Cách Thiên Y thứ sáu nầy, phúc thàn đăng điện (Cự thổ gặp Khôn thổ): tiền bạc điền sản dồi dao, gia đạo hoan lạc, vì cả nhà ưa làm điều lành sống theo đạo lý. Chỉ hiềm vì nhà thuần âm khiến âm thịnh dương suy, nam nhân lần hồi thưa vắng, đàn bà phải chưởng quản gia đình và quyền quản lý sau nầy có thể về tay người khác.

7/ Cách thứ bảy Tốn + Ly : gọi là cách " phú quý, pháp tự: Phong hỏa đương" (Cách gió lửa gặp nhau: giàu sang nhưng mếm hỏi con cái)

Tốn mọc gặp Ly hỏa, đắc cách "mộc hỏa thông minh": nhà nầy đàn bà con gái tuấn mỹ, đã đẹp lại có tài trí, tạo được sự giàu có và sang trọng cho gia đình. Người trong nhà giàu lòng nhơn ái, xử thế tiếp vật khéo léo, giúp ích được nhiều người.

Nhà thuần âm, nam nhân đoản thọ làm đàn bà chịu góa bụa, chẳng con kế thừa.

8/ Cách thứ tám Ly + Tốn : gọi là cách "Hỏa phong: đinh hi, gia hảo thiện" (Cách lửa gặp gió: con trai trưởng trong nhà hiếm hoi tuy là nhà lương hảo).

Với cách Thiên Y nầy, nhà đắc cả phú lẫn quý, trong nhà toàn người hiền lương, trung hậu. Nhà đàn bà cầm quyền, nam nhơn ít oi, có thể phải nhận con nuôi để có hậu tự.

Du niên Thiên Y với sao Cự thổ bị hành mộc của đông trạch Chấn, Tốn, Khảm, Ly khắc chống làm Thiên Y không thi triển được hết năng lực cứu khổn phò nguy để đem tài lộc, y thực, an lạc đến cho nhà. Khi Thiên Y không phát tiết được trọn vẹn, sự tốt đẹp sẽ giảm sút nhiều mặt: tài vật như của cải, tiền bạc,

tinh thần như tri thức và tính lương hảo của người trong nhà, thời kỳ hưng thịnh cũng ngắn bớt.

Ngược lại, Thiên Y rất thuận hợp với Tây trạch Càn. Cấn, Khôn, Đoài, nó làm vượng Tây trạch: thời gian thịnh phát kéo dài hơn, tri thức cùng sự lương hảo của người nhà được khai triển mạnh mẽ hơn, tài lộc phong phú hơn, danh vọng rõ ràng hơn.

Tác dụng của Thiên Y dù có sai khác đối với Đông trạch và Tây trạch, vẫn có đặc tính chung là:

- Tiền vận thịnh hơn hậu vận.
- Người sống trong Thiên Y trạch trung hậu, hiền lương, chuộng nghĩa, thường làm điều thiện.

- Việc hậu tự gặp khó khăn vì không người thừa kế.

Người trung hậu, trọng nghĩa khinh tài, ưa làm điều thiện mà phải tuyệt tự. Vậy mấy ai còn việc kiên trì thực hiện những điều cao đẹp?

Xưa nay thiện ác, chính tà, trung nịnh . .. ít khí ưa nhau nhưng cùng đứng chung trong trời đất. Nếu bất kỳ lúc nào kẻ gian ác, bạo ngược cũng được trừng trị thích đáng, đừngn ói chi đến tuyệt tự, xã hội ắt hẳn đã thái bình thịnh trị tự muôn đời. Không phải lúc nào cũng thấy được sự mật thiết và đột biến trong mối tương quan nhân quả. Có sự việc đem lại kết quả tốt đẹp tức thì, có sự việc lâu xa mới thấy hậu quả tai ương. Nhưng thông thường, nguyên nhân tốt lành dẫn tới thành tựu tốt đẹp. Như vậy, việc hậu tự khó khăn trong thiên y trạch tất phải bắt nguồn từ lý do khác hơn là từ TRUNG HIẾU LIÊM TIẾT. Đó là sự quân bình âm dương. Tính chất quân bình nầy rất hệ trọng vì nó đem lại sự thăng bằng giúp cho sự vật tồn tại. Ác là điều xấu hại, ghét ác đến độ không dám, không muốn phạt ác thì vô tình bao dung cho ác. Thiện là điều tốt lành, nhưng mê thiện, đắm thiện, nhắm mắc xông pha trong rừng thiện thì đó không phải là cung cách của người đạt quan lịch lãm, không pảhi là phương châm hành sự của bậc trưởng giả sáng suốt, có trí tuệ.

Một việc nảy sinh, trong khoảnh khắc nào đó, sẽ có một việc khác tiếp hiện. Việc mới tiếp hiện nầy hoặc (may mắn) được thuận, thường là nghịch với việc trước, gọi là ĐỐI PHÁP, nhằm điều tiết một pháp đã có trước đó. Bọn Vu Hồn, Bí Trọng của Trụ Vương phải gặp Tỉ Can và Cơ Tử. Còn Địch Thanh và Dương già tướng của nhà Tống phải đương đầu với đám Tôn Tú, Bàng Hồng.

Đã đành thịnh, suy là việc thường của thế sự. Nhưng tại sao nhà thiên y tiền vận thịnh hơn hậu vận? Vậy những ai sống trong nhà thuộc cách nầy cũng nên cân phân hai điều TỔN và ÍCH để tìm ra con đường thích nghi – TRUNG ĐẠO

nhằm điều hoà ÁC và THIỆN, ÂM và DƯƠNG, không thì ĐỐI PHÁP có lúc sẽ làm tê tái gan ruột.

Cách dễ dàng để ứng phó với nhà thiên y là khi trạch chủ thấy có dư tiền bạc, nên sửa sang nhà cửa thành cách sanh khí hay cách diên niên.

❖ Mục IV: **DIÊN NIÊN TRẠCH**

Có tám cách diên niên:

- Cửa cái Càn + Sơn chủ (phòng chủ) Khôn.
- Cửa cái Khôn + Sơn chủ (phòng chủ) Càn.
- Cửa cái Cấn + Sơn chủ (phòng chủ) Đoài.
- Cửa cái Đoài + Sơn chủ (phòng chủ) Cấn
- Cửa cái Chấn + Sơn chủ (phòng chủ) Tốn
- Cửa cái Tổn + Sơn chủ (phòng chủ) Chấn
- Cửa cái Khảm + Sơn chủ (phòng chủ) Ly.
- Cửa cái Ly + Sơn chủ (phòng chủ) Khảm

Diên là dài, làm dài, kéo dài thêm ra. Diên niên là thêm năm thêm tuổi. Diên niên ích thọ, làm cho sự sống kéo thêm thời gian để được tăng thêm tuổi thọ. (Có sách khác gọi Diên niên là Phước đức, Phục vị: Quy hồn, Lục sát: Du hồn, Hoạ hại, Tuyệt thể)

♦ Nhận định từng trường hợp của Diên niên cách:

1/ Cách thứ nhất Càn + Không : gọi là cách "Thiên môn đáo địa, chủ vinh hoa" (cửa nhà trời mà gặp đất, đó là chủ cho việc vinh hoa phú quý)

Du niên Diên niên ứng với sao Vũ kim, gặp chủ Khôn thổ đắc vị, đem lại rất nhiều phước lợi cho nhà: con hiếu cháu hiền, vừa giàu có về mặt vật chất tiền của, vừa hiển đạt về công danh sự nghiệp đem lại danh thơm tiếng tốt, vừa được ban thưởng phong tặng.

Vợ chồng tương xứng lứa tuổi vừa đôi, vì đồng đẳng ai đủ cả âm dương, chung sống hạnh phúc, hài hoà, lại thêm thọ mạng. Kiếm ra một cái nhà như cách nầy đã hiếm, huống chi chủ nhân cũng cùng Tây mạng nữa thì thật tuyệt với.

2/ Cách thứ hai Khôn + Càn : gọi là cách "Địa khởi thiên môn: phú quý xương" (Đất dựng ở cửa nhà trời: giàu, sang, đẹp tốt)

Tiếp theo cách thứ nhất, cách nầy càng thêm thuận lợi nhờ cửa sinh chủ, sự thịnh đạt vừa mau chóng, vừa dễ dàng. Càn ở ngôi vị chủ gặp du niên Vũ, đồng kim, thật là tương hòa, tương mỹ.

Ở đây có đến ba điều thuận lợi, cửa sinh chủ, du niên Vũ kim tỉ hòa với chủ Càn, du niên tạo vượng cách cho nhà. Thật như chúa thánh gặp tôi hiền. Nếu chủ gia

thuộc Tấy mạng thì quả thật khách anh hùng gặp gái thuyền quyên, không đủ lời nói hết sự tốt đẹp. Vì vậy lời tương mới thêm chữ XƯỚNG, so với cách thứ nhất.

3/ Cách thứ ba Cấn + Đoài : gọi là cách " Sơn trạch nhơn vượng, gia phú quý" (Cách sơn Trạch: người đông và nhà được phú quý)

đây cũng là một trong những nhà thuộc đệ nhất cách cửa tây trạch. Nếu những người đã trưởng thành, hoặc đứng tuổi, làm nên sự nghiệp ở cách thứ hai, thì ở cách thứ ba nầy thiếu niên đã thành danh phận vì Đoài và Cấn đều chỉ những người trẻ tuổi. Sự thuận lợi và những điều tốt lành mang đến cho nhà nầy cũng luận tương tự như hai cách trên.

Ít thấy cách Diên niên Càn + Khôn hay Khôn + Càn, vì CHỦ và HƯỚNG không nằm trên một trục. Kiểu kiến trúc thứ ba nầy dễ gặp hơn.

4/ Cách thứ tư Đoài + Cấn: gọi là cách "Trạch Sơn tăng phúc, tiểu phòng vi tình" (Với cách Trạch sơn nầy thì nhà thêm phúc, phòng nhỏ được vẻ vang)

Tiểu phòng là phòng nhỏ, ám chỉ thứ thê, hay thiếp trẻ, cùng là con cái của những người nầy, hoặc chỉ chung con cái thuộc hàng thứ mà còn nhỏ tuổi (Không phải loại trưởng). Lời tượng nói "Tiểu phòng được vinh hiển", mà ở đây chủ sinh cửa, ắt hẳn trạch chủ phải cực nhọc vì những hạng người nói trên.

Nhà vẫn được hưởng cách vợ chồng chính phối, tương thân tương ái con cái vẫn thuận hòa, hiếu thảo, hiền lương, đỗ đạt liên miên công danh rỡ rạng, cửa cái và sự nghiệp vẫn thịnh đạt, nhưng người nhà kém chững chạc vững vàng hơn cách thứ nhất và cách thứ hai, kém "hiển hách" hơn cách thứ ba.

5/ Cách thứ năm Chấn + Tốn : gọi là cách "Lôi phong tương phối: tốc phát phúc" (Lôi Phong phối hợp: phát phúc nhanh chóng)

Chấn, Tốn cùng hàng trưởng, đủ cả âm dương, vợ chồng chính phối đồng đẳng xứng đôi, Chấn Tốn cùng hành mộc khiến mộc khí cường thịnh thành ra một loại danh mộc, thần mộc. Nay Vũ Kim biến chế mộc (sống) nầy thành đồ dùng quý giá, tức mộc được đại dụng. Tương tự hình ảnh đó, nhà nầy đang từ hạng thường dân, chỉ một bước biến chuyển mà công danh hiển hách bất ngờ; đang bần cùng khốn khổ, chỉ trong sớm tối đã nên phú đại quý.

Vì chỉ có một bước biển chuyển mà đường mây thênh thang rộng mở, nên cần xử sự hợp đạo và cân nhân tình. Thoán tử của quẻ Lôi Phong Hằng Kinh Dịch khuyên "Hằng: Hanh, vô cữu, lợi trinh, lợi hữu du vãng" (Lâu dài thì hanh thông, không có lỗi; giữ được chính đạo thì có lợi, tiến hành việc gì cũng thành công). Hằng là lâu dài, bền bĩ. Từ bạch đinh mà đắc thời, cần hành sự theo đao " sâu rễ, bền gốc" chớ không phải "ăn xổi ở thì" hay như đất sét khô lâu ngày gặp được nước.

6/ Cách thứ sau Tốn + Chấn : gọi là cách "Phong Lôi: công danh như hỏa thôi" (Cách phong Lôi: công danh đến nhanh và mạnh như lửa táp). Gió ở trên, sấm ở dưới: gió thổi mạnh thì sấm đi càng xa.

Cách thứ năm và thứ sáu nầy còn gọi là "Bình địa nhất thanh lôi" (Đang đất bằng, nghe nổi lên tiếng sấm nổi). Công danh thịnh đạt nhanh như trở bàn tay. Mới ngày nào còn lầm than, khoảnh khắc thành phú ông. Mới ngày nào còn là bạch thủ thư sinh, nháy mắt đã đắc đại đăng khoa, thành Sĩ Đại Phu rường cột của đất nước.

Đắc thời chóng vánh, đã đạt địa vị của kẻ bề trên (Phong), dám chấp nhận nguy hiểm để làm lợi ích cho những người dưới thấp (Chấn) thì danh tiếng càng vang dội (Lợi thiệp đại xuyên – Thoán Tử quẻ Ích). Chớ ngông cuồng tự thị, hay hãnh tiến hung hăng, để mang tiếng tiểu nhân đắc thời. Tuỳ tình thế mà hành sự, sao cho có lợi đối với người khác. (Ích chi đạo, dữ thời gian hành). Gặp việc thiện phải cố làm điều thiện, thấy mình có lỗi phải biết sữa. (Kiến thiện tác thiện, hữu tắc cải). Cần xử sự khéo léo và tinh tế là những hạn chế của hai cách năm và sáu khi du niên Vũ kim lâm Đông trạch.

7/ Cách thứ bảy Khảm + Ly : gọi là cách "Thủy Hỏa kỳ tế: đại cát xương: (Cách Khảm Ly, theo quẻ Thủy Hỏa ký tế của Kinh Dịch, đem lại những tốt lành lớn lao)

Trung Nam sách với Trung Nữ: vợ chồng chính phối đồng đẳng, xứng đôi. Gia đình hài hòa, hạnh phúc, người đông, của nhiều: đã giàu có lại thêm danh vọng.

Cần hiểu thêm về quẻ Ký tế. Tế là qua sông. Ký tế là đã qua được sông. Sông suối, khe lạch làm cản trở. Nay đã qua sông, không còn trở ngại, có thể tấn phát để đạt sở cầu sở nguyện, chẳng phải là điều tốt lành lớn hay sao? Dù đắc đại tế, hành tiểu, nếu chịu làm hết các việc nhỏ còn lại và cũng cố những việc đã thành tựu thì mới được lợi. Mới đầu được tốt nhưng cuối cùng sẽ loạn.

8/ Cách thứ tám Ly + Khảm : gọi là cách "Âm dương chính phối: phú quý cục" (Âm dương chính phối, tạo nên cục cách phú quý)

Cách nầy đắc cả tam đa: phước, lộc, thọ: gia tư phong thịnh, giàu sang, quý hiển.

Cả hai cách thứ bảy và thứ tám, nhà ở trục Nam Bắc ảnh hưởng của hai cực dương đối của trái đất, tính của thủy hỏa là tương khắc: nhà ở lâu sinh bịnh đau mắt, hại tim, bụng đau nhức, khắc vợ, người trong nhà hay khắc khẩu.

Muốn tránh điều tai hại đó, nên đặt bếp tai cung Chấn hoặc cung Tốn để chiết bớt khắc lực của Khảm: Khảm thủy bận lo sinh Chấn (hoặc Tốn) mộc, không còn khắc chế Ly hỏa mạnh mẽ nữa. Ngoài ra, hóa giải sự khắc hại nầy còn có hai điều lợi:

- Khảm thủy sinh Chấn (Tốn) mộc: được cách thủy mộc tương sanh, tạo ra sự hanh thông, thịnh cát.
- Chấn (Tốn) mộc lại sinh Ly hỏa: đắc cách mộc hỏa thông minh, giúp cho người trong nhà được mỹ lệ và tài trí.

Nhà Diên niên đủ cả âm dương, khác với Thiên Y trạch hoặc thuần âm hoặc thuần dương. Cho nên nhà Thiên Y không bằng nhà có sao chúa là Cự Môn thổ đắc vị hay đăng điện nhập miếu, vì nhà có ngăn chánh với sao chúa Cự thổ đắc cách phá giải được nạn cố âm, độc dương mà vẫn đạt được sự tốt đẹp của Cự Môn.

Vũ kim của Diên Niên cách đem lại phúc lợi cho nhà, đã giàu có quý hiển đạt thêm thọ mạng tăng cao. Trong tám cách diên niên, cách nào cửa và chủ cũng tương sinh hay tỉ hòa, chỉ trừ cách Khảm – Ly tương khắc. Nghịch nhau như nước với lửa, sao gọi là diên niên?

Có thế lấy tượng quẻ để giải ách thứ bảy: nước ở trên có tính đi xuống, lửa ở dưới có tính bốc lên, nhờ đó nước mới được đun sôi hoặc để uống nước hoặc để dùng vào kỹ nghệ như chế tác máy chạy bằng hơi nước. Thật quả là đại ích, đại lợi.

Đến cách thứ tám, lửa ở trên, nước ở dưới thì không thể dùng tượng quẻ để giải thích. Đây là quẻ Vị Tế, nghĩa là chưa qua sông được, chưa thể gọi là tốt lành; sao lời đoán của cách này là "Phú quý cục"?

Khoa Dương Cơ xây dựng nền tảng DỊCH LÝ. Nhưng 64 loại nhà không nhất thiết phải theo hình tượng vị trí của quẻ để thống đạt sự cát hung. Cửa và Chủ giao phối mà sắp thành tượng hàm ý rằng có sự tiếp cận, tương giao giữa hai sự vật, bất tất phải quá quan tâm đến vị trí của tượng quái. Cho nên, cách Càn + Khôn hay Khôn + Càn, sự sai biệt chỉ là tiểu tiệt. Nếu theo sát Dịch tượng, Càn + Khôn là quẻ Thiên địa Bỉ, rất xấu, khác hẳng sự tốt đẹp, hanh thông của cách Khôn + Càn: Địa Thiên Thái. Ai đọc Dịch cũng thấy không phải trong mọi trường hợp đều có thể giải thích thuận lý tất cả các Tượng Quái.

DỊCH là biến đổi không phải lúc nào cũng nên ôm chăm lấy các nguyên tắc bất biến. Đạo của DỊCH là "đạo TUỲ", tức thời mà hành sử sao cho đắc chính, đắc trung thì không có lỗi. Trời đất (âm dương) có giao nhau mà vạn vật sinh hóa. Thủy hỏa có tiếp cận nhau mà tạo nên điều lợi ích. Khoa Dương Cơ dựa vào LÝ âm dương, nhưng đặt trọng tâm vào cái DUNG của âm dương, chẳng chú mục vào THỜI của Càn trên Khôn hay Khôn trên Càn. Thủy trên Hỏa hay Hỏa trên Thủy.

Khoa Dương Cơ không khai thác trình tự chuyển biến của sự vật như DỊCH đã khảo sát, mô tả và hướng dẫn cách ứng đối. Rõ ràng, Khoa Dương Cơ khảo sát sự phối hợp giữa các cung hướng, tức trong không gian, chẳng phải trên thời gian, hay theo hình thức, vị thế của các quái hào. Vậy khi nào thấy cần thết để được phong phú hơn, tường tận hơn, Khoa Dương Cơ sử dụng thêm lý giải của 64 quẻ DỊCH. Khi không cần thiết hay thấy không thuận lý, không thích hợp, Khoa Dương Cơ sẽ lý giải căn cứ trên sự giao phối giữa các cung hướng. Cũng ứng dụng Triết học Trung Hoa, nhưng Khoa Dương Cơ xa "Pháp Tượng Luận" mà gần gũi với phái "Lý Khí Luận" hơn. Do đó, Khoa Dương Cơ ít chú tâm đến Bỉ hay Thái, Vị Tế hay Ký Tế, chỉ luận xét đến tương quan giữa hai cung hướng Càn – Khôn, Ly – Khảm . .. mà thôi.

Nhắm vào cái DUNG của DỊCH LÝ, của âm dương, Khoa Đông Y đâu sai lầm khi nói "Thận thủy dâng lên, Tâm hỏa đạt xuống là KÝ TẾ. Cho nên, vận dụng lên trên là Thận,truyền đạt xuống dưới là Tâm" (Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh, Tập 2, trang 11). Tâm và Thận giao nhau thì khoẻ mạnh, tâm – thận bất giao: bịnh hoạn phát sinh. Mặc dầu chia Tâm ở Thượng Tiêu, Thận ở Hạ Tiêu, nhưng đâu có kể Tâm hỏa ở trên Thận thủy mà thành VI TẾ?

Căn cốt của bịnh là do tâm, thận bất giao, thủy – hỏa bất truyền đạt. Việc gốc của trị bịnh là điều hoà thủy – hỏa, là cho tâm thận giao nhau: giao lưu được với nhau gọi là KÝ TẾ. Tức được diên niên trường mạng. Y học là môn học nhằm phòng bịnh và chửa bịnh. Muốn không bịnh, người phải biết tự phòng. Cách hay nhất để phòng bịnh là tự tiết chế từ sự ăn uống cho tới lục dục, thất tinh. Biết phòng bịnh hoạn, tất cũng phải biết phòng hoa hoan.

Đai phàm, các vật thể đều có từ tính và đối tính, tự lực và đối lực. Điều tiết được THA và NGẢ thì tồn tại DIÊN NIÊN. Biết làm và làm được điều đó là PHƯỚC ĐỨC, làm không được thì sinh thất vọng, bất mãn, tức giận, gây gổi, thù hận, chém giết. . .. . Thoán Tử quẻ KÝ TẾ nói "CHUNG, LOẠN". Loạn chẳng phải nói riêng gì ở một quẻ KÝ TẾ, ở thời kỳ đã vượt được các chướng ngại, gian nguy để tới thời kỳ an hưởng. Loạn chẳng phải chỉ vì Thủy Hỏa của Ký Tế tương khắc.

Vạn vật, vật nào cũng khắc và cũng bị khắc: vật nào cũng phải sinh và cũng được sinh. Chắc gì Càn – Khôn không tương khắc, Chấn – Tốn . .. không tương khắc? Đâu phải một minh Khổng Minh khắc Châu Do. Cái thật thà của Lổ Túc. Vẻ diễm lệ nhất nhì ở đất Giang Đông của nàng Tiểu Kiều, vợ Châu Do, cũng khắc Công Cẩn đấy chứ? Không phải chỉ có Thoán Tử quẻ Ký Tế mới nói "CHUNG, LOẠN". Không điều hoà được THA và NGÃ, SINH và KHẮC,

THUẬN và NGHỊCH, TỰ TÍNH và ĐỐI TÍNH .... Đều dễ dẫn tới LOẠN. Điều hoà được những mẫu thuẫn, những xung đối đó là việc rất khó khăn vì TRUNG DUNG, TRUNG HÒA, TRUNG ĐẠO không phải ai cũng có thể và trong trường hợp nào cũng có thể làm được. Nó đòi hỏi sự nhận định sáng suốt, tinh tường và một sức TỰ THẮNG mãnh liệt. Khốn nổi "Tri giả, quá đã, ngu giả, bất cập dã" (Người trí hay làm quá trớn, kẻ ngu thì lại bất cập)

Đạt tới mức TRUNG là vận dụng được sự mâu thuẫn của LÝ âm dương, của lẽ họa phúc, nên hư, thuận nghịch .. . Nên cần hiểu câu nói của Lão Tử "Vạn vật phu âm nhi bão đường, xung khi di vĩ hòa, với ý nghĩa tiêu cực". Vạn vật, vật nào cũng bồng âm mà cõng dương, phải lấy cái khí xung khắc đó mà làm cho hoà hợp.

Đó là hành vi tích cực "vô vi nhi vô bất vi" (không làm, những chẳng phải chẳng làm) của các triết nhân, của những người đạt quan trong cách xử thế, của các đạo gia trong công phu hành trì. DIÊN NIÊN ở chỗ đó, được PHÚC ĐỨC ở chỗ đó chăng? Thấy rõ bản dịch Đạo Đức Kinh của Giáo sư Nghiêm Toản có khác với bản dịch của Thu Giang Nguyễn Duy Cần và của Nguyễn Hiền Lê. Chỉ có bản dịch của Nghiêm Toản mới nói thêm ý nghĩa hành trì Tiên Đạo của Đạo Đức Kinh.

Thực tế, biên cương giữa tốt – xấu, lợi – hại, họa – Phúc . . . . rất mong manh. Khu trái độn giữa thuận – nghịch, cát – hung rất ngắn ngủi. Phân biệt những điều trái ngịch kể trên để thoát ra khỏi sự mâu thuẫn để vận dụng đựơc những mâu thuẫn đó, là việc làm rất đổi khó khăn. Nhưng bắt buộc phải suy tư và phân biện để trách những sai lầm, vấp váp, để thăng tiến tinh thần và cải thiện đời sống vật chất con người. Người đạt tới nghệ thuật sống cao điệu là người dung hợp được những xung đối và vượt thoát khỏi những trái ngang của cuộc đời. Người xưa nói "Làm người khó, làm người khó lắm" (vi nhơn nan, vi nhơn nan) là ở chỗ đó chăng?

Ranh giớ giữa các PHÁP (sự, vật) thường khi chẳng được phân minh còn ranh giới giữa TÂM và VẬT, khi chia cách, lúc hỗn đông, lại càng thêm vi tế. Khảo sát nhiều nhà cửa thấy:

- Có người ở nhà xấu hại, con cái bất hiếu ngỗ nghịch. Khí sửa nhà đúng cách, không những họa tai giảm nhiều mà con cái cũng ngoan hiền, cần cù làm lụng. Gọi đó là "Chánh PHÁP chuyển tà TÂM"
- Có người bần hàn tơi tả, những vẫn một mực trung chính, hiền từ dù không biết ở nhà sai cách. Bất chợt, tự mình sửa nhà, dời bếp đúng cách, dù chẳng biết gì

về Khoa Dương Cơ. Đáo ứng kỳ hiệu nghiệm, gia tư lần hồi phong thịnh. Gọi đó như là "Chánh TÂM chuyển tà PHÁP"

- Có người ở nhà xấu hại, nạn tai liên miên, nay sửa nhà đúng cách, nhưng thói hư tật xấu không chừa, họa hoạn vẫn tới tấp. Họ phải bán nhà nầy để dọn đi nơi khác. Hoặc họ không tin Khoa Dương Cơ có hiệu quả, tức giận bèn làm lại nhà, sửa lại bếp sai như cũ. Những người nầy nghiệp chướng sâu dày. PHÁP lực không thắng nổi NGHIỆP lực.

Vậy khi duyên do đủ cường độ thì VẬT mới chuyển đổi TÂM và TÂM mới cảm ứng nổi VẬT – TÂM – VẬT tương ứng mới tạo được sự vững bền, nên người xưa mới xác quyết "Vô nghĩa chi nhơn bất khả cầu" Kẻ vô nghĩa dù thấy biết, hay không thấy biết điều đúng những vẫn không chịu làm điều đúng đó. Chẳng có tâm đúng VẬT đúng sao tới?

Để cho tâm luôn đúng. Thoán Tử quẻ Ký Tế nói "Chung, loạn" là nhằm khuyến cáo con người ta ở trong cảnh an nhàn, đắc thời đắc thế, hay sinh tự mãn và cao ngạo, quên nước mắt làm chết người nhiều hơn lửa nóng. Chưa chắc thời kỳ của Phục Vị, Thiên Y, Sanh Khí và Diên niên chỉ có lợi mà vô hại. Bậc thức giác biết rõ phúc hoạ liên nhau, nên xử sự theo phương châm "Cẩn tắc vô ưu" cẩn thận thì khỏi lo rầu.

Chưa chắc cách Lục sát, Họa hại, Ngũ quỷ và Tuyệt mạng chỉ đem lại toàn tai ương. Vì trong họa có phước, nếu biết suy xét, học hỏi ngay từ những khốn khổ, đau thương đó. Nếu biết biến khổ ải thành phân bón, cây tương lưi ắt là tươi tốt, không thì tự thân những người trong cuộc sẽ làm phân bón cho người khác. " Cảnh khổ là nấc thang của bậc anh tài, kho tàng của người khôn khéo, vực thẳm của kẻ yếu đuối".

CHƯƠNG KẾT

"Văn di tái đạo" (dùng văn chương để chuyên chở, phô diễn đạo lý) là phương châm của các nhà nho chân chính từ xưa, bởi dù đắc thời hay thất thế thì "phù thế giáo" (lấy ngôn từ để giáo hoà, phù trợ cho đời), bao giờ cũng là nhiêm vụ của Sĩ Phu.

Nay dùng chữ nghĩa có được do cơm cha, áo mẹ. Công thầy . .. để viết về phong thuỷ, nếu có đúng mười mười thì cũng chẳng được ngơi khen vì kẻ viết về loại sách nầy từ lâu đã được liệt kê vào nhóm văn sĩ hạng ba, hay thuộc những kẻ học hành chẳng đỗ đạt, muốn kiếm cơm bằng đường lối bất thiện. Huống chi sách viết ra không thể đúng trăm phần:

- Do bản chất của môn nầy, không giống như khoa học thực nghiệm, mà là một khoa thuộc nhân văn, đối tượng của nó vừa mênh mang vừa phức tạp, vừa hữu hình vừa siêu thực.

- Do kiến văn thiếu quãng bác của người viết, và
- Do người tư liệu hạn hẹp.

Một rừng sách liên quan đến môn địa lý nầy, gồm 2797 loại cổ thư được liệt kê trong "Trung Quốc Tùng Thư Tổn Lục". Vậy mà ngay trên đất Tàu, lại được nhà cầm quyền giúp đỡ để khảo cứu về Khoa Phong Thủy, Ông Vương Ngọc Đức cũng chỉ "thu thập từ trong dân được mấy quyển, những sách nầy không thấy trong mục lục" (Bí Ẩn Của Phong Thủy, trang 193, NXB Văn Hóa Thông Tin, năm 1996). Ở Việt Nam chắc hẳn tôi không sao hơn được Ông Vương về nhiều phương diện. Sách viết về phong thủy lưu truyền ở Việt Nam, nói riêng về DƯƠNG TRẠCH, tạm liệt vào hai phái: Phái Bát Trạch Minh Cảnh và Phái Dương Trạch Tam Yếu.

Ông Dương Ngọc Đức cũng nói, trong sách đã dẫn, Bát Trạch Minh Cảnh do Nhược Quán Đạo nhân viết vào thời nhà Thanh (1614 – 1911). Nhưng bản lưu truyền tại Việt Nam có cho biết sách nầy chính do Dương Quân Tùng đời nhà Đường (618 – 907) truyền lại. Chúng tôi chưa có tài liệu về tiểu sử của Nhược Quán Đạo nhân, chỉ biết Dương Quân Tùng làm quan đến chức Kim Tử Quang Lộc Đại Phu, được vua Đường Hi Tôn phong là Quốc Sư, coi toà Khâm Thiên Giám. Dương được coi là tổ sư của phái Hình Thể, đặt trọng tâm khảo sát vào hình sắc của sông núi, thể trạng của đất đai. Tôi được đọc hai bản Bát Trạch Minh Cảnh: một của Nhược Quán do Cụ Việt Hải dịch, một của Thái Kim Oanh soạn, có nội dung và bố cục chẳng khác bản dịch của Cụ Việt Hải bao nhiêu. Những bản khác bằng Việt Ngữ, nói về dương trạch có nội dung kém phong phú hơn. Cứ đọc hai bản Bát Trạch Minh Cảnh trên, chắc người có trình độ không khỏi rối rắm và người dễ tính không khỏi buồn bực. Nếu là sách của Dương Đại Phu, lẽ đâu tổ sư của một phái mà sách truyền thiếu mạch lạc, chương cú không rõ ràng, nhiều chỗ ý nghĩa không chịu giải thích tường tận. Không hiểu lỗi do tác giả, do người soạn, hay do người sao chép?

Thời nhà Đường, nhà Tống (960 – 1279), người viết sách về phong thủy ít ai chịu đề tiên thật. Học vấn thời ấy hướng vào khoa hoạn, thuật số bị người đời coi rẻ. Các bực sĩ phu có am tường khoa phong thủy cũng ít ai chịu viết loại sách nầy vì coi đó là việc làm hạ cấp, đáng xấu hổ. Nhưng người đời sau lại hay mượn tên tuổi của các bực tiền bối đã nổi tiếng để cho tác phẩm của mình.

Sách Bát Trạch Minh Cảnh được khắc bản in vào năm Canh Tuất, năm thứ 55 đời vua Càn Long nhà Thanh (1790). Không biết sách nầy được đưa qua Việt Nam hồi nào, nhưng ảnh hưởng của nó cũng đủ sâu rộng khi hầu hết ai xây nhà cũng đối chiếu cung bổn mạng với cửa cái, đặt bếp thường chỉ biết hướng của hỏa môn. Ở Việt Nam, nhất là vùng quê, hầu hết nhà cửa chỉ xây hai ngăn, ngăn trước rộng rãi dành để tiếp khách khứa, lễ lạc, ngăn thứ hai dùng làm buồng ngủ, nhiều khi chật hẹp đến độ chỉ để được cái giường. Đó là điểm sai lầm về phương diện lý khí, vệ sinh và thẩm mỹ. Cần thoát khỏi quan niệm "ăn nhiều, ở chẳng bao nhiêu" mà xây dựng ngăn sau cùng, hay ngăn chính cho rộng rãi, thoải mát. Khách khứa đến trong chốt lát lại hưởng sự rộng rãi, thoải mái ngay tại ngăn thứ nhất, chủ nhân và gia đình ở cả đời sao chịu phần chật chội, mất tiện nghi? Gặp kỳ giỗ chạp, cưới xin, tang sự hay thù tạc, là những việc lâu lâu mới có một lần, ngăn thứ hai vốn đã chật hẹp, lúc ấy, người trong nhà đông như nêm! Nếu vì thể diện, chủ gia cũng nên xét lại sự hợp lý hay chính đáng chứ.

Nếu quả như Phái Hình Thể cho rằng chỉ có nhà Đức Khổng Phu Tử ở Khúc Phụ Tỉnh Sơn Đông và nhà của Trương Đạo Lăng ở Long Hổ Sơn Tỉnh Giang Tây được ở vào vị trí đẹp nhất, thì một người có điều kiện sinh sống và trí hóa bình thường rất khó theo đuổi khoa phong thủy. Như vậy lãnh vực áp dụng của phái nầy không thể phổ cập trong đại chúng. Ở miền Nam Việt Nam từ mấy chục năm nay, hầu hết trong giới Thầy Bói và Thầy Coi ngày đều có nhận xét chung:

Sách của Sư Viên Tài Hà Tấn Phát có phần hơi giản lược.

- Sách của cụ Lê Văn Nhân "dễ dùng" hơn
- Sách của Thầy Thái Kim Oanh khó áp dụng hơn vì "cao thâm" hơn

Vị nào thâm nho thì dùng ngày bản Bát Trạch Minh Cảnh bằng Hán Văn. Số người dùng bản dịch của Cụ Việt Hải, hẳn là ít hơn, huống hồ là bản Dương Trạch Tam Yếu do Ông Nguyễn Minh Triết biên soạn từ lý thuyết của Triệu Cửu Phong.

Thư mục Tống Triều có tên Sái Nguyên Định, con của Sái Mục Đường, hai cha con viết " Pháp Vi Luận" bàn về phong thuỷ. "Do cả hai cha con đều là người có học, nên câu chữ thông đạt, nghĩa lý rõ ràng, hơn hẳn các sách tướng địa khác" (Vương Ngọc Đức, sđd, trang 252). Trong Đại Cương Triết Học sử Trung Quốc, hai ông Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê nói Sái Nguyên Định sinh ra Sái Trầm (1167 – 1230). Sái Trầm tự là Trọng Mặc, học trò của Chu Hi (1130 – 1200), nhưng là danh thủ của Phái Tượng Số, sau Thiệu Khang Tiết. Chu Hi, 18 tuổi đã đỗ Tiến Sĩ, nhưng hoạn lộc lắm trắc trở; thời bấy giờ Ông còn bị chỉ trích là nguỵ học. Chu Hi muốn Sái Trầm viết sách lưu truyền đạo lý của Ông, xiển dương

chân nghĩa Tiên Nho. Sái Nguyễ Định cũng muốn con trai ghi chép lại những sở đắc của mình. Trọng Mặc mất 10 năm ròng để thực hiện ý nguyện của cha và của thầy. Không hiểu vì lý do gì, Trọng Mặc bị đày ở Đạo Châu, sau đó ông ẩn cư ở Cửu Phong và thời bấy giờ gọi Ông là Cửu Phong Tiên Sinh. Sách Ông truyền có Kinh Thế Chỉ Yếu Thư Kinh Tập Truyện và Hồng Phạm Hoàng Cực Không biết Dương Trạch Tam Yếu được rút ra từ Pháp Vi Luận hay từ sách nào của ông. Và tên Triệu Cửu Phong hẳn là do người đời ghép ngoại hiệu Cửu Phong và quốc tính Triệu để tỏ lòng trung thành với con cháu của Triệu Khuông Dẫn. Tống Thái Tổ, chăng?)

Phái Dương Trạch Tam Yếu cũng có chú ý đến địa thế xây cất nhưng chỉ với địa cục quanh nhà, không phá quan tâm đến đại cảnh như "bình nguyên đắc thủy, rồng chầu hổ phục, tàng phong tụ khí . . ." như Phái Hình Thể đã gia tâm khảo sát. Cái đặc sắc nhất của Phe Dương Trạch Tam Yếu là an du niên và phiên tinh để biết tường tận đặc tính của nhà, đặc tính của từng ngăn, phá giải được sự trói buộc của mạng chủ và hướng nhà, hướng cửa cái, đem lại cát xương và sự hài hòa tương đối giữa mạng chủ và nhà khi gặp tình thế đông tây hỗn loạn, giúp sự xây dựng thích nghi với ngoại cảnh.

Sự thật, sách Bát Trạch Minh Cảnh cũng có đề cập đến cung hướng, phương vị, nhưng cách thức đề cập chưa thể tạo được một tác dụng cần ích.

Nếu có đầy đủ tác phẩm của trăm nhà nghiên cứu về phong thủy, ắt hẳn cũng thêm phần minh bạch và tiến gần đến sự chân xác hơn. Dẫu có nạn "đa thư loạn tâm", tôi cũng chẳng thể buông bỏ cái nhiều và bảo chủ cái ít. Tuy nhiên, đã nhiều năm áp dụng Dương Trạch Tam Yếu do ông Nguyễ Minh Triết biên soạn, cũng thấy đáp ứng được sự cầu mong an bình và thịnh cát của trạch chủ. Giả như có nhân tài phối hợp được toàn bích lý thuyết của hai phái Hình Thể và Lý Khí để xây dựng loại nhà như của Khổng Tử, Bá Lý Hề, Phạm Lãi, Cam La, Hán Quang Võ, Trương Đạo Lăng . . . thì có lẽ thế gian xuất hiện thêm những bực thánh hiền, anh hùng nghĩa sĩ, bởi "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài"

Lẽ tất nhiên trạch chủ phải luôn hiểu rằng nhà đúng cách chưa thể là nguyên tố tất yếu và duy nhất đưa đến tịnh cát như sở cầu của chủ gia; cũng không phải sự tốt đẹp lúc nào cũng kéo đến tấp nập trong thời gian trường kỳ.

Chỉnh đốn lề lối sinh hoạ, sửa sang nơi ăn chốn ở cho thuận hợp với luận lý của vũ trụ, đó là tự cứu mình. Thiếu đức tự lập, tự cường, khó cầu mong ngoại lực nào khác, dầu có ông trời cũng phải bó tay.

Sự vận hành của trời đất, của vũ trụ, không phải lúc nào cũng "mắt thấy tai nghe" được, vì thường là âm thầm đến độ tịch lặng, sâu kín đến như mầu nhiệm

làm cho người bình thường khó tin, khó cảm. Đợi cho mắt thấy tai nghe mới tin, mới nhận e rằng quá muộn và chỉ biểu lộ sự bướng bỉnh đáng thương. Ngũ quan chưa cảm nhận một trạng thái, một hiện tượng mà đã tin vào sự hiện hữu đó, ấy là do tin tưởng bằng nhận thức, bằng suy niệm từ kinh nghiệm của mình hoặc của người, chớ không phải là nhắm mắt tin quàng xiêng vào những điều thiếu luận lý biện chứng.

Với quá trình nghiên cứu qua nhiều đời, nhiều người trong suốt mấy ngàn năm, khoa Dương Cơ không thể bị vùi dập vào chỗ dị đoan mê tín, bởi không phải người khảo sát hay ứng dụng nào cũng dốt nát, thời đại nghiên cứu nào cũng toàn những kẻ u mê chỉ biết tin vào những điều không thiết thực.

Một sự, một vật diễn bày, người có đức tính chân thật chỉ lo mình không đủ trí lực để tìm hiểu cho căn nguyên, chỉ sợ mình không đủ tâm lực để kiên trì phăng tìm đến thực tướng của sự vật đó, vì đa phần con người ai cũng chìm ngập trong cảnh "tuý sinh, mông tử" (sống như say, chết trong mộng tưởng)

Tôi chẳng ngại phơi bày sở kiến mà phạm vào tội tiết lộ thiên cơ, chỉ tiếc vì trí ngu không lãnh hội hết thiên cơ để phụ diễn cho ai ai cũng thấy, chỉ tiếc vì sức yếu không thể cổ xuý được mọi người sống đúng thiên cơ để hưởng lợi ích tối đa nhờ an cư lạc nghiệp, bởi thiên cơ chỉ là sự vận chuyển, lưu hành theo những luận lý của vạn hữu trong trời đất, thuận theo dòng của thiên cơ thì tồn tại, hưng phát, nghịch với luận lý của vạn hữu thì bại vong suy sụp. Các bực tiền nhân quân tử có phát kiến gì mới mẻ, hay có sở đắc hữu ích, cũng nên vì lợi lạc cho đời mà xây dựng khoa nầy thêm hoàn bị.

Viết được sách chưa phải là hay, không viết chưa chắc đã dở; nhiều khi viết sách chỉ tổ chìa ra sự dốt nát củ mình. Do đó, tôi không có ý quảng bá sách nầy, chỉ cốt làm di vật cho con cháu trong nhà. Giả như sách được ra khỏi ngưỡng cửa, cũng chỉ do cơ duyên mà thôi. Cũng chẳng phải tôi không muốn lưu truyền sách nầy, vì chưa chắc được gọi là "đã thông hiểu", giấu giếm rõ là che đậy cái ngu của mình, hoặc vì sợ có kẻ lạm dụng khoa nầy gây thiệt hại cho người khác. Thực tình, tôi còn mong có nhiều người tận dụng, hay lạm dụng "khoa nầy một cách bền bĩ". Khi ứng dụng đúng đắn, trạch chủ được hưởng phần phước lợi, đương nhiên người khảo sát cũng phải chia xẻ những chướng ngại, những nặng nề nơi trạch chủ. Nếu ứng dụng cẩu thả hay sai lầm, người khảo sát còn mang thêm tội trá khi, đã dốt mà còn lừa dối người; trước sau gì thực tế cũng sẽ đào thải những thành phần đó. Giúp người cũng phải đủ cả ĐỨC lẫn TRÍ. Đâu phải lời đúng nói ai cũng nghe, của quý cho ai cũng nhận: thằng bờm chỉ khoái nắm xôi của phú ông.

Đâu ai đủ quảng đại để mãi ban vui cho người khác? Đâu ai đủ lòng trắc ẩn và gan góc để gánh vác mãi nổi khổi đau của người khác. Đã chẳng được DANH vì thầy bói, thầy địa lý thì danh vọng được mấy nơi, còn LỢI nếu có, thì cũng bất cập hại vì những phản ứng dội ngược từ bản thân và thê từ của trạch chủ, từ nghiệp chướng sâu nặng của cả dòng tộc trạch chủ cũng nên. Bởi các lẽ đó, tính ra số người ứng dụng lâu bền Khoa nầy cũng không có là bao.

Người để suy tâm tự về sự vật, có thể mức – ngộ rằng chẳng phải tự dưng mà ngôi nhà được xây dựng theo những kiểu cách tàng phục sẵn họa phúc – TÂM sắp bàyVẬT và VẬT thể hiện tỏ rõ tâm. Mối tương quan đó mật thiết và tác dụng hỗ tương cũng mật thiết. Với bất cứ ai, và trong mọi trạng huống, nếu qua thực còn có chỗ nào để quy trach thì chỗ ấy là CHÍNH MÌNH, không phải người khác, lại càng không phải vật. Xuyên qua diễn biến của sự vật, con người có dịp quán sát tâm mình.

Nếu được duyên may thân chứng rằng diễn biến của sự vật không do mình, cũng chẳng do người, bấy giờ lòng nhân át, sự cảm thông và đức bao dung chan hòa khắp mọi sự vật, vì thấy mọi sự vật là nhất như, đồng đẳng. Đó là phần thưởng quý báu, và chỉ dành cho những ai đã "ở đầu sao trăm trượng mà vẫn còn dám bước thêm một bước nữa". Chỉ có hạng người ấy mới hành sự vì lợi ích cho người khác mà không biết mệt mỏi.

Kiến giải trong sách nầy không phải do một mình tôi, cũng không phải do một sự một vật mà nên, do cơ duyên của cả PHÁP GIỚI mới thành tựu. Nếu sách tạo được lợi ích chi cho đời, tôi trân trọng hồi hướng phước ấy về với PHÁP GIỚI mười phương.

Mùa Phật Đản 2540
Tây lịch 1996
Lộc Dã Phu

PHỤ LỤC

Sau một thời sách này được các nhà thầu xây dựng, kiến trúc sư, nhà nghiên cứu khoa dương cơ ... đọc qua hoặc áp dụng, có lời trách cứ về khí văn hằn học trong sách đối với Phái Bát Trạch Minh Cảnh (BTMC)

Nghe xong lời phê bình và đọc qua bao nhiêu tài liệu về dương trạch của vị bằng hữu dày công nghiên cứu này – đủ cả Việt, Hoa, Anh và Pháp Ngữ – tôi hỏi Ông có kiểm nghiệcm lý thuyết của các phái để biết hiệu ứng chưa thì được Ông thẳng thắn trả lời : "Đem bản thân ra thí nghiệm là dại dột".

Sau sự chỉ trích ấy, tôi đọc lại sách này nhiều lần nữa. Lẽ ra tôi phải điều chỉnh lại văn phong cho vừa ý bạn đọc, nhưng vẫn giữ nguyên vì các lý do:

1/ Nhà nghiên cứu Bát Trạch nói trên có tặng tôi một quyển Dương Cơ do chính Ông biên soạn. Qua sách này, tôi biết Ông thiên về phái BTMC vì lý thuyết của phái Hình Thể (BTMC) được ông tập đại thành rất dồi dào, phong phú, nhưng rất tiếc một điều là Ông không hề chịu kiểm nghiệm, ngay cả ngôi nhà của chính mình. Điểm quan yếu của phái này liên hệ đến bếp là "Táo toà phải đặt tại hung phương", một điều mà Phái Dương Trạch Tam Yếu (thiên về Lý – Khí) cho là sai lầm hoàn toàn và bản thân tôi đã kiểm chứng qua hàng trăm nhà, xác quyết rằng điều sai lầm đó của Phái BTMC đã đem đến nhiều tai ách cho trạch chủ.

2/ Nhiều thầy đã dạy tín chủ, chỉ dẫn dân chúng sửa nhà, đổi bếp theo phái BTMC đã phải nói thực rằng Quý Thầy hướng dẫn sửa chữa, có theo dõi, nhưng nhiều trường hợp không thấy kết quả như mong đợi, nhiều khi lại có thêm ứng trái ngược. Khi tìm hiểu luận giải của Phái Dương Trạch Tam Yếu (DTTY), Quý Thầy đó cho biết việc sửa chữa nhà cửa có tính cách tinh tế và phức tạp, (vượt ngoài khả năng) chớ chẳng như họ đã nghĩ và làm trước đây.

3/ Bối cảnh lịch sử khi vua Càn Long nhà Thanh ban chỉ dụ tập trung sách vở, kinh điển của Trung Hoa để soạn bộ Tứ Khố Toàn Thư. Nhà Vua chỉ cho lưu truyền ngoài Triều Đình những công trình nghiên cứu nào không nguy hại đến sự vững bền của quyền lực thống trị Mãn Thanh. Thuyết lý nào bất lợi cho Tứ Di – trong đó có "Nam Man", hay cho chính Hán Tộc đều có giá trị củng cố quyền lực: Nhà Thanh thống trị thên hạ càng lâu càng lợi cho Mãn Tộc.

Bộ luật Gia Long của triều Nguyễn có nhiều điều đã chép nguyên bản luật Mãn Thanh (ai học hay có nghiên cứu luật pháp Việt Nam cận đại tất biết rõ), thì việc sách BTMC lưu hành rộng rãi (hay độc hành?) trên đất nước nầy là điều có thể hiểu được. Những sách tường địa (phong thủy) của các trều đại trước (Minh, Tống, Đường, Hán) nếu có vắng bóng, hay lẫn khuất, thì lý do cũng khá rõ ràng. Sự hiện hữu gần như độc quyền của sách BTMC, hằng trăm năm nay, đã gây được ảnh hưởng vô cùng sâu rộng trong dân gian, đến nổi những ai tin tưởng khao Bát Trạch khi cần xây dựng nhà cửa cũng chú tâm đến mối tương quan giữa hướng nhà và mạng chủ. (Họ thường chỉ hỏi: Tuổi của tôi hạp nhà ở hướng nào?)

Phái BTMC đã quy nhất cửa cái, hướng nhà và mạng chủ, cửa cái của Phái này là chính môn, và quan niệm tả, hữu thiên môn cũng chính là chính môn, cũng là hướng nhà. Nếu không kể đến địa hình, địa diện xung quanh, khi khảo sát một hai nhà. Phái BTMC chỉ chú trọng đến Hướng Nhà – vì cửa cái và mạng chủ

phải đồng nhất hay tương hợp với hướng nhà – và thành phần quan yếu thứ hai của nhà là BẾP, nhưng phải đặt tại hương phương.

Những thiếu sót và sai lầm của phái BTMC đã gây ra nhiều rối rắm và tai hại nghiêm trọng trong dân gian. Nên gốc "trong văn hóa quần chúng? Nếu muốn chấn chỉnh, cần có thái độ mạnh dạn, muốn ngă chặn, cần sự can đảm. Chỉ muốn đem lại lợi ích tiên khởi cho trăm họ, Vua Thần Nông đã nhiều lần bất kể đến thân mạng vì chính Ông phải tự nếm các loài cây cỏ để biết đặc tính của dược thảo. Giảm thiểu hay chấn chỉnh những sai hại đã ăn sâu vào tâm thức của nhân gian, tự thân phải đón nhận những nguy khốn thường trực, còn nói chi đến những lời bình phẩm.

Tôi không thể nói khác đi những điều trên đây và phải sửa chữa lại văn khí trong sách DƯƠNG CƠ CHỨNG GIẢI nầy, vì có bao giờ tôi dám quy trách những sai hại đó cho tách giả sách BTMC đâu? Làm sao tìm được bản nào là chính bản BTMC của Nhược Quán Đạo Nhân? Chắc gì nhà Thanh không sửa đổi sách BTMC trước khi cho lưu truyền trong thiên hạ? Chắc gì nguyên tác của Nhược Quán có hình thức và nội dung như bản BTMC đang lưu hành – kể cả bản Hán Văn? Muốn biết hiệu ứng đúng hay sai, lợi ích hay tai họa của BTMC (đang lưu hành), điều cần là ứng dụng trong nhiều trường hợp để kiểm chứng. Không làm điều nầy mà phê phán chỉ là cách biểu hiện tình cảm.

Phái DTTY (Lý Khí) và phái BTMC (Hình Thể), mỗi trường phái đều có những cái bất toàn, bất túc. Tôi đã cầu mong Hải Nội Chư Quân dung hợp được ưu điểm của cả hai Phái và lược bỏ những thiếu sót hay sai lầm của mỗi Phái để tạo được phần lợi lạc cho đời.

Gần đây có rất nhiều sách, hầy hết thuộc Phái Hình Thể, được phát hành chính thức. Nếu đủ cơ duyên, tôi sẽ viết tập thứ hai, sau quyển Dương Cơ Chứng Giải nầy, để tập hợp và xiển dương những tinh hoa của Phần Hình Thể Khoa Dương Trạch.

Tự thấy chưa đủ năng lực viết thêm về phần hình thể đó, vì cẩn phải thân chứng mới nghiệm giải, để trạch cảnh bi hài "Sư khoe Sư phải, Sãi nói Sãi hay", và có thể phạm vào tội ác vì khuyến hành một điều mà mình chưa hay không biết rõ.

Cố Đô
Tiết Mạnh Đông năm Mậu Dần
Dương lịch 1998
Lộc Mã Phu

HẾT